

TUẦN 19

Ngày soạn: /01/2021

Ngày dạy: /01/2021

CHỦ ĐỀ TÍCH HỢP 02 - NGŨ VĂN 8 (HỌC KỲ II)
THƠ HIỆN ĐẠI
(Thời lượng: 6 tiết, Từ tiết 73 đến tiết 78)

I. CƠ SỞ LỰA CHỌN CHỦ ĐỀ .

- Căn cứ khung phân phối chương trình cấp THCS của Bộ Giáo dục và Đào tạo .
- Căn cứ vào “Công văn 3280/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học cấp THCS, THPT, ngày 27 tháng 8 năm 2020 để xây dựng chủ đề tích hợp văn bản - làm văn trong học kì II.
- Căn cứ thông tư Số: 26/2020/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 8 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Căn cứ sách giáo khoa và sách giáo viên theo nội dung chương trình hiện hành.

II. THỜI GIAN DỰ KIẾN:**Tổng số tiết của chủ đề: 06 tiết****Số bài: 04 bài.**

Tiết	Bài dạy	Ghi chú
73	Những vấn đề chung về chủ đề	
74	Nhớ rừng	
75	Ông đồ	
76	Câu nghi vấn	
77	Câu nghi vấn (tiếp)	
78	Luyện tập - đánh giá chủ đề	

III. MỤC TIÊU CHUNG CỦA CHỦ ĐỀ:**A. MỤC TIÊU CHUNG**

- Dạy học theo vấn đề hay chủ đề tích hợp là khai thác sự liên quan, gắn gũi ở *nội dung* kiến thức và khả năng bổ sung cho nhau giữa các bài học cho mục tiêu giáo dục chung. Các tiết học chủ đề Gv không tổ chức thiết kế kiến thức, thông tin đơn lẻ, mà phải hình thành ở học sinh năng lực tìm kiếm, quản lý, tổ chức sử dụng kiến thức để giải quyết vấn đề trong tình huống có ý nghĩa.
- Thông qua dạy học tích hợp, học sinh có thể vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập hàng ngày, đặt cơ sở nền móng cho quá trình học tập tiếp theo; cao hơn là có thể vận dụng để giải quyết những tình huống có ý nghĩa trong cuộc sống hàng ngày;
- Thông qua việc hiểu biết về thế giới tự nhiên bằng việc vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu giúp các em ý thức được hoạt động của bản thân, có trách nhiệm với chính mình, với gia đình, nhà trường và xã hội ngay trong cuộc sống hiện tại cũng như tương lai sau này của các em;

- Đem lại niềm vui, tạo hứng thú học tập cho học sinh. Phát triển ở các em tính tích cực, tự lập, sáng tạo để vượt qua khó khăn, tạo hứng thú trong học tập.
- Thiết lập các mối quan hệ theo một logic nhất định những kiến thức, kỹ năng khác nhau để thực hiện một hoạt động phức hợp.
- Lựa chọn những thông tin, kiến thức, kỹ năng cần cho học sinh thực hiện được các hoạt động thiết thực trong các tình huống học tập, đời sống hàng ngày, làm cho học sinh hòa nhập vào thế giới cuộc sống.

B. MỤC TIÊU CỤ THỂ CHỦ ĐỀ

1. Kiến thức/ kỹ năng/ thái độ

1.1. Đọc- hiểu

1.1.1. *Đọc hiểu nội dung*: Qua chủ đề, học sinh hiểu, cảm nhận được những nét chính về Thế Lữ và Vũ Đình Liên (cuộc đời và sự nghiệp thơ văn). Hiểu được giá trị nội dung của hai tác phẩm thơ mới tiêu biểu là **Nhớ rừng** của Thế Lữ và **Ông đồ** của Vũ Đình Liên.

1.1.2. *Đọc hiểu hình thức*: Hiểu được một số đặc điểm nổi bật của thơ mới: thể loại thơ tự do, thơ không vần, thơ cấu trúc theo bậc thang,...Số lượng câu thường không bị giới hạn như các bài thơ truyền thống.Ngôn ngữ bình thường trong đời sống hàng ngày được nâng lên thành ngôn từ nghệ thuật trong thơ, không còn câu thúc bởi việc sử dụng điển cố văn học. Nội dung đa diện, phức tạp, không bị gò ép trong những đề tài phong hoa tuyết nguyệt kinh điển.

1.1.3. *Liên hệ, so sánh, kết nối*: tiếp cận một số tác phẩm thơ mới của một số nhà thơ khác như Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Huy Cận...

- Tìm hiểu sự ảnh hưởng của *thơ mới* tới văn học dân tộc.

1.1.4. *Đọc mở rộng*: Tự tìm hiểu một số bài thơ mới khác. Đặc biệt tiếp cận với các tác phẩm chuyển thể sang ngâm thơ, phổ nhạc...

1.2. Viết:

-**Thực hành viết**: Viết được bài văn, đoạn văn nghị luận theo chủ đề có sử dụng câu nghi vấn một cách hiệu quả, sinh động.

- Viết bài văn, đoạn văn cảm nhận về một đoạn ngữ liệu đã học có sử dụng câu nghi vấn làm luận điểm.

1.3. Nghe - Nói

- **Nói**: Nhập vai hình tượng nhân vật kể chuyện có sử dụng miêu tả và biểu cảm.Trình bày ý kiến về một vấn đề trong bài học bằng một đoạn văn nói.

-**Nghe**:Tóm tắt được nội dung trình bày của thầy và bạn. Nghe các tác phẩm văn học được chuyển thể sang ngâm thơ, phổ nhạc...

-**Nói nghe tương tác**: Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ hoặc chia sẻ trước lớp về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết đặt câu hỏi và trả lời, biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận hay tìm hiểu bài học.

2. Phát triển phẩm chất, năng lực

2.1. Phẩm chất chủ yếu:

- **Nhân ái**:Bồi dưỡng tình cảm tự hào và tôn vinh giá trị văn học dân tộc. Biết quan tâm đến số phận con người trong quá khứ đau thương và trân quý cuộc sống hạnh phúc hiện nay.

- *Chăm học, chăm làm*: HS có ý thức tìm hiểu, vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống. Chủ động trong mọi hoàn cảnh, biến thách thức thành cơ hội để vươn lên. Luôn có ý thức học hỏi không ngừng để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

- *Trách nhiệm*: hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, quan tâm đến các vấn đề nóng trong cộng đồng. Biết suy nghĩ và hành động đúng với đạo lý dân tộc và qui định của pháp luật.

2.2. Năng lực

2.2.1. Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học*: sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống, khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

2.2.2. Năng lực đặc thù:

- *Năng lực đọc hiểu văn bản*: Hiểu được các nội dung và ý nghĩa văn bản. Từ đó hiểu giá trị và sự ảnh hưởng của tác phẩm tới cuộc sống.

- *Năng lực tạo lập văn bản*: Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân để hiểu văn bản; Trình bày dễ hiểu các ý tưởng; có thái độ tự tin khi nói; biết chia sẻ ý tưởng khi thảo luận ý kiến về bài học.

Viết được các đoạn văn, bài văn với những phương thức biểu đạt khác nhau.

- *Năng lực thẩm mỹ*: Trình bày được cảm nhận và tác động của tác phẩm đối với bản thân. Vận dụng suy nghĩ và hành động hướng thiện. Biết sống tốt đẹp hơn.

IV. BẢNG MÔ TẢ CÁC MỨC ĐỘ NHẬN THỨC VÀ HỆ THỐNG CÂU HỎI, BÀI TẬP.

NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	VẬN DỤNG	
		<i>Vận dụng thấp</i>	<i>Vận dụng cao</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm thơ mới. - Sơ giản về cuộc đời và sự nghiệp của Thế Lữ và Vũ Đình Liên. - Tìm hiểu bố cục văn bản và mạch cảm xúc của bài thơ. - Nắm được được những nét chính về nội dung và nghệ thuật hai bài thơ. - Học thuộc lòng các đoạn thơ hay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra sự khác biệt giữa thơ mới và thơ Đường. Thấy được đặc điểm của các bài thơ được học. - Hiểu, cảm nhận được giá trị hai tác phẩm được học. - Hiểu được bút pháp tương phản, đối lập giữa các hình ảnh thơ trong « Nhớ rừng » và « Ông đồ ». - Hiểu ý nghĩa một số 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức, kĩ năng viết đoạn văn bám nhận về ngữ liệu từ văn bản có sử dụng câu nghi vấn. - Xây dựng đoạn hội thoại tuyên truyền phòng chống Covid-19 có sử dụng câu nghi vấn. - Việc mượn “lời con hổ trong vườn bách thú” có tác dụng như thế nào trong việc thể 	<ul style="list-style-type: none"> - Đóng vai con hổ trong bài thơ nhớ rừng và thuật lại tâm trạng tiếc nuối quá khứ. - Hiện nay, tình trạng săn bắt thú rừng quý hiếm (trong đó có loài hổ) đang ở mức báo động... Nêu được giải pháp hạn chế tình trạng đó. - Từ tình cảnh và

<ul style="list-style-type: none"> - HS nhận biết được đặc điểm hình thức và chức năng của câu nghi vấn. - Phát hiện được câu nghi vấn dùng với chức năng chính và chức năng khác. -Đọc lại bài thơ Nhớ rừng và chỉ ra những câu nghi vấn trong bài thơ. Dấu hiệu nào về mặt hình thức cho biết đó là câu nghi vấn? 	<p>hình ảnh đặc sắc và có ý nghĩa sâu sắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được chức năng của câu hỏi tu từ trong các tác phẩm văn học. -Hiểu được tư tưởng, tình cảm của các tác giả gửi gắm trong tác phẩm. -Qua cảnh tượng vườn bách thú và cảnh núi rừng đại ngàn , chỉ ra những tâm sự của con hổ ở vườn bách thú...? 	<p>hiện niềm khao khát tự do mãnh liệt và lòng yêu nước kín đáo của nhà thơ?</p> <ul style="list-style-type: none"> -Sự đối lập trên gọi cho người đọc cảm xúc gì về nhân vật ông đồ và tâm sự của nhà thơ? - Viết đoạn văn có sử dụng câu nghi vấn về chủ đề cho trước. -Nghe các tác phẩm thơ mới được ngâm và được phổ nhạc. 	<p>tâm trạng của con hổ trong bài thơ cũng như của người dân Việt Nam đầu thế kỉ XX, em có suy nghĩ gì về cuộc sống hòa bình tự do ngày nay ...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu thêm về một số tác giả tác phẩm trong phong trào thơ mới (1930-1945).
--	---	--	--

- *Câu hỏi định tính và định lượng*: Câu tự luận trả lời ngắn, Phiếu làm việc nhóm.

- *Các bài tập thực hành*: Hồ sơ (tập hợp các sản phẩm thực hành).

Bài trình bày (thuyết trình, đóng vai, chuyển thể, đọc diễn cảm, ...)

V. PHƯƠNG TIỆN /HỌC LIỆU

- Giáo viên:Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học .

+ Thiết kế bài giảng điện tử.

+ Chuẩn bị phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập.

+Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+Học liệu:Video , tranh ảnh, bài thơ, câu nói nổi tiếng liên quan đến chủ đề.

- Học sinh : Đọc trước và chuẩn bị các văn bản SGK.

+ Sưu tầm tài liệu liên quan đến chủ đề.

+ Thực hiện hướng dẫn chuẩn bị học tập chủ đề của GV.

VI. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

-Kỹ thuật động não, thảo luận

- Kỹ thuật trình bày một phút

- Kỹ thuật viết tích cực: Hs viết các đoạn văn, bài văn.

- Gọi mở

- Nêu và giải quyết vấn đề

- Thảo luận nhóm

- Giảng bình, thuyết trình.

VII. NỘI DUNG CHỦ ĐỀ:

Tiết

Ngày soạn: /01/2021

Ngày dạy: /01/2021

Văn bản: NHỚ RỪNG (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU:**1. Kiến thức:**

- Cảm nhận được niềm khao khát tự do mãnh liệt, nỗi chán ghét sâu sắc cái thực tại tù túng, tầm thường giả dối được thể hiện trong bài thơ qua lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú.
- Thấy được bút pháp lãng mạn đầy truyền cảm của nhà thơ.

2. Năng lực:**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, cảm thụ văn học

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sgk, vở ghi, nghiên cứu bài.**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (3P)****a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b. Nội dung: kiểm tra sự hiểu biết của HS về bài thơ thông qua việc chuẩn bị bài.

- Hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm:

- Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu:

? Dựa vào sự chuẩn bị bài ở nhà, cho biết bài thơ tác giả mượn lời của ai? Việc mượn lời như vậy có tác dụng gì?

- Học sinh tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ
- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết
- * Dự kiến sản phẩm: Trong bài thơ tác giả mượn lời con hổ ở vườn bách thú => bộc lộ cảm xúc của mình...

*Báo cáo kết quả

- Gv: gọi hs trả lời
- Hs: trả lời

*Đánh giá kết quả

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Các em ạ, những năm đầu thế kỷ XX, đặc biệt giai đoạn (1932 – 1942) xuất hiện 1 phong trào thơ với sự cách tân về nội dung và nghệ thuật, làm say lòng người - đó là phong trào thơ mới. Nó như 1 luồng gió thổi mát cả 1 nền văn học. Và nói đến phong trào thơ mới ta không thể không kể đến tên tuổi của nhà thơ Thế Lữ - người đã góp phần làm nên chiến thắng vẻ vang cho thơ mới. Bài thơ tiêu biểu của ông mà chúng ta học hôm nay là bài thơ Nhớ rừng, tác giả đã mượn lời của con hổ ở vườn bách thú để bộc lộ rõ tâm trạng của mình và tâm trạng đó như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.
- > Giáo viên nêu mục tiêu bài học

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (35P)

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động 1 : I. Giới thiệu chung</p> <p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được tiểu sử của tác giả Thế Lữ - Nắm được hoàn cảnh sáng tác, thể loại của bài thơ - Rèn cho hs kỹ năng làm việc cá nhân, cách đọc diễn cảm thơ <p>b. Nội dung: kiến thức tác giả, tác phẩm</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu ? Nêu những nét hiểu biết của mình về tác giả? ? Nêu vị trí của bài thơ “Nhớ rừng” trong sự nghiệp của Thế Lữ ? ? Em có hiểu biết gì về bài thơ? ? Khi mượn lời con hổ ở vườn bách thú, nhà thơ muốn ta 	<p>I. Giới thiệu chung:</p>

liên tưởng đến điều gì về con người?

? Nêu bố cục của bài thơ?

- Học sinh tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời, đọc.

- Giáo viên: hướng dẫn đọc, đọc mẫu.

*** Dự kiến sản phẩm:**

- Tên thật: Nguyễn Thứ Lễ

- Bút danh: Thế Lữ

- Quê: Bắc Ninh (Gia Lâm- Hà Nội)

- Thế Lữ là một trong những nhà thơ mới đầu tiên góp phần làm nên chiến thắng cho phong trào Thơ mới.

- Ngoài sáng tác thơ, còn viết truyện trinh thám, kinh dị...

- Trước cách mạng ông viết báo, sáng tác thơ, văn, biểu diễn kịch. Sau cách mạng ông chuyển sang hoạt động sân khấu và trở thành một trong những người xây dựng nền kịch nói hiện đại Việt Nam.

- Được nhà nước tặng giải thưởng HCM về VHNT: 2003.

- Tác phẩm chính : Mấy vần thơ (1935) Vàng và máu (1934)...

Gv: Sử dụng ảnh chân dung để giới thiệu về tác giả

“ Độ ấy Thơ mới vừa xuất hiện. Thế Lữ như vàng sao đột hiện ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam. Dẫu sau này danh vọng Thế Lữ có mờ đi ít nhiều nhưng người ta không thể không nhìn nhận cái công Thế Lữ đã dựng thành nền thơ mới ở xứ này. Trong “ TNVN” Hoài Thanh viết: Thế Lữ không bàn về thơ mới, không bênh vực thơ mới, không bút chiến, không diễn thuyết. Thế Lữ chỉ điềm nhiên bước những bước vững vàng mà trong khoảng khắc hàng ngũ thơ xưa phải tan vỡ. Bởi vì không có gì khiến người ta tin ở thơ mới hơn là đọc những bài thơ mới hay.

- “Thơ mới” lúc đầu dùng để gọi tên một thể thơ: thơ tự do. Khoảng sau năm 1930 một loạt thi sĩ trẻ xuất thân “Tây học” lên án “thơ cũ” (chủ yếu là thơ Đường Luật)

1. Tác giả:

- Thế Lữ (1907–1989), tên thật là Nguyễn Thứ Lễ.

- Quê: Bắc Ninh.

- Ông là nhà thơ tiêu biểu cho phong trào Thơ mới chặng đầu (1932 – 1935).

là khuôn sáo, trói buộc. Họ đòi đổi mới thơ ca và đã sáng tác những bài thơ khá tự do, số câu số chữ trong bài không có hạn định gọi đó là “Thơ mới”. Nhưng rồi “Thơ mới” không chỉ để gọi thể thơ tự do mà chủ yếu dùng để gọi một phong trào thơ có tính chất lãng mạn tiểu tư sản bột phát năm 1932 và kết thúc vào năm 1945 gắn liền với tên tuổi của Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Huy Cận.... Phong trào Thơ mới ra đời và phát triển mạnh mẽ rồi đi vào bế tắc trong vòng 15 năm. Trong Thơ mới số thơ tự do không nhiều mà chủ yếu là thơ bảy chữ, lục bát, tám chữ không còn bị ràng buộc bởi những quy tắc nghiệt ngã của thi pháp cổ điển.

- Bài thơ “Nhớ rừng” in trong tập “Mấy vần thơ”, năm 1935. Đó là thời kì đất nước ta đang trong cảnh bị thực dân Pháp đô hộ, nhân dân chịu cảnh lầm than, khi tình hình cách mạng Việt Nam sau Xô Viết Nghệ Tĩnh đang tạm thời thoái trào.

- “Nhớ rừng” là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Thế Lữ, in trong tập “Mấy vần thơ” và được đánh giá là tác phẩm mở đường cho sự chiến thắng của thơ mới

“Nhớ rừng” là “lời con hổ trong vườn bách thú”. Tác giả mượn lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú để tiện nói lên một cách đầy đủ, sâu sắc tâm sự u uất của một lớp người lúc bấy giờ. Đó là tâm sự của “Thế hệ 1930”, những thanh niên trí thức “Tây học” vừa thức tỉnh ý thức cá nhân, cảm thấy bất hòa sâu sắc với thực tại xã hội tù túng, ngột ngạt đương thời. Đây cũng là tâm sự chung của mọi người dân Việt Nam trong cảnh mất nước bấy giờ.

- “Nhớ rừng” đã có sự đồng cảm đặc biệt rộng rãi, có tiếng vang lớn. Về mặt nào đó có thể coi đây là một áng thơ yêu nước, tiếp nối mạch thơ trữ tình yêu nước trong văn thơ hợp pháp đầu thế kỉ XX. Tuy nhiên cảm hứng chủ yếu của bài thơ vẫn là cảm hứng lãng mạn.

- Thể thơ: Tự do

Gv: giới thiệu thể thơ tự do.

+ Mỗi dòng thường có 8 tiếng.

+ Nhịp ngắt tự do.

+ Vần không cố định.

+ Giọng thơ ào ạt, phóng khoáng.

- Bố cục của bài thơ:

+ Đoạn 1+4: con hổ ở trong cũi sắt.

+ Đoạn 2+3: con hổ trong chốn giang sơn hùng vĩ.

+ Đoạn 5: Khao khát giấc mộng ngàn.

***Báo cáo kết quả:** trình bày cá nhân.

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.

Hoạt động 2: Đọc-hiểu văn bản:

a. Mục tiêu: Hiểu được tâm trạng chán ghét thực tại và niềm khát khao tự do cháy bỏng của hổ

b. Nội dung: cảm nhận về bài thơ

c. Sản phẩm: học sinh trả lời ra giấy nháp

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1:

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên: Yêu cầu

GV: treo bảng phụ Đ1

? Gọi h/s đọc đoạn 1?

Hs đọc đoạn 1.

? Hãy tìm những từ ngữ diễn tả hoàn cảnh và tâm trạng của con hổ ?

? Em hiểu ntn về từ “gậm” và từ “khối” (nghĩa và loại từ)? Có thể thay thế chúng bằng những từ ngữ khác được không ?

? Tư thế “nằm dài trông ngày tháng dần qua” nói lên tình thế gì của con hổ?

? Như vậy ở đây tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Âm điệu của hai câu thơ mở đầu ntn?

? Từ đó ta thấy hoàn cảnh và tâm trạng của con hổ như thế nào?

? Khi bị nhốt trong cũi sắt ở vườn bách thú, con hổ tỏ

2. Văn bản:

a, Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại:

- Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ: sáng tác năm 1934, in trong tập “Mấy vần thơ”

- Thể thơ: Tự do

b, Đọc, chú thích, bố cục:

II. Đọc-hiểu văn bản:

1. Con hổ ở vườn bách thú.

thái độ ntn với con người và những con vật khác xung quanh? Thái độ đó thể hiện qua những từ ngữ nào?

? Tại sao con hổ lại có tâm trạng như vậy?

***Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh*: trả lời

- *Giáo viên*: nhận xét

*** Dự kiến sản phẩm:**

Hs đọc đoạn 1.

? Hãy tìm những từ ngữ diễn tả hoàn cảnh và tâm trạng của con hổ ?

- Hoàn cảnh: trong cũi sắt, nằm dài trông ngày tháng dần qua.

- Tâm trạng: gậm, khối căm hờn.

? Em hiểu ntn về từ “gậm” và từ “khối” (nghĩa và loại từ)? Có thể thay thế chúng bằng những từ ngữ khác được không ?

- Gậm: động từ, dùng răng, miệng mà ăn dần, cắn dần từng chút một cách chậm chạp.

=> Sự gặm nhấm đầy uất ức và bất lực của con hổ khi bị mất tự do.

- “Khối căm hờn” gợi cho ta có cảm giác như trông thấy sự căm hờn có hình khối rõ ràng. Căm hờn, uất ức vì bị mất tự do đã kết tụ lại thành khối, thành tảng, cứng như những chấn song sắt lạnh lùng kia.

- Gậm: ĐT, Khối: danh từ

- Gậm= ngậm:

Khối= mối-> mức độ biểu cảm kém đi

? Từ thế “nằm dài trông ngày tháng dần qua” nói lên tình thế gì của con hổ?

- Tình thế buông xuôi bất lực, ngày đêm gậm nhấm nỗi căm hờn.

? Như vậy ở đây tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Âm điệu của hai câu thơ mở đầu ntn?

? Từ đó ta thấy hoàn cảnh và tâm trạng của con hổ ntn?

Tác giả đã sử dụng thủ pháp đối lập, câu thơ đầu 8 tiếng thì 5 tiếng là thanh trắc, câu thơ thứ hai 8 tiếng thì 7 tiếng là thanh bằng, giọng điệu chán trường, u uất, một

loạt từ ngữ liệt kê liên tiếp cách ngắt nhịp dồn dập, lúc kéo dài như một tiếng thở dài ngao ngán. Đặc biệt là việc sử dụng từ ngữ rất gợi cảm : “gậm”... giúp ta cảm nhận được nỗi căm uất, tuyệt vọng cứ gặm nhấm dần để huỷ hoại tư tưởng của con hổ.

? Khi bị nhốt trong cũi sắt ở vườn bách thú, con hổ tỏ thái độ ntn với con người và những con vật khác xung quanh? Thái độ đó thể hiện qua những từ ngữ nào?

- Khinh ghét con người gọi họ là lũ “ngạo mạn, ngẩn ngơ”.

- Nỗi nhục bị biến thành trò chơi lạ mắt tầm thường (Giương mắt bé giễu...)

- Bất bình vì bị ở chung cùng “bọn gấu dở hơi, cặp báo vô tư lự”

? Tại sao con hổ lại có tâm trạng như vậy?

- Vì hổ là chúa sơn lâm, chúa tể của muôn loài, giờ bị xem thường như những kẻ thấp kém địa vị, song quan trọng hơn nó đau xót cho lũ gấu, báo không biết được nỗi nhục nhằn tù hãm.

=> Nó khinh lũ người nhỏ bé bên ngoài, nó cảm thấy nhục nhã phải hạ mình ngang hàng với bọn gấu, báo. Lúc này hổ thâm thía thân phận “Hùm thiêng khi đã sa cơ cùng hèn”.

**Báo cáo kết quả: trình bày.*

**Đánh giá kết quả*

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.

Nhiệm vụ 2:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên:

Yêu cầu h/s đọc tiếp đoạn 4.

? Dưới con mắt của con hổ cảnh vườn bách thú hiện ra qua những chi tiết nào? Đó là cảnh ntn?

? Cảnh tượng ấy đã gây nên phản ứng nào trong tình cảm của con hổ? Qua đó em hiểu “niềm uất hận ngàn thâu” ntn?

- NT: đối lập giọng điệu chán chường, sử dụng ĐT mạnh, danh từ hóa tính từ

=>

- Hoàn cảnh: bị giam cầm trong cũi sắt.

- Tâm trạng: uất ức, sự buông xuôi, bất lực.

Thấy khinh ghét, nhục nhã, đau xót.

? Em có nhận xét gì về giọng điệu đoạn thơ, cách sử dụng từ ngữ? Cho ta thấy tâm trạng con hổ như thế nào?

? Qua việc phân tích hai đoạn thơ giúp em hiểu gì về tâm trạng của con hổ ở vườn bách thú?

? Nếu ta đặt bài thơ trong hoàn cảnh sáng tác của nó thì tâm trạng ấy còn là của ai?

- *Học sinh tiếp nhận.*

* *Thực hiện nhiệm vụ*

- *Học sinh:* trả lời cá nhân, cặp đôi.

- *Giáo viên:* nhận xét.

* **Dự kiến sản phẩm:**

Hs đọc

? Dưới con mắt của con hổ cảnh vườn bách thú hiện ra qua những chi tiết nào? Đó là cảnh ntn?

- Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng.

Dải nước đen giả suối, chẳng thông dòng.

Len dưới nách những mô gò thấp kém.

Dăm vùng lá không bí hiểm.

-> Tất cả chỉ là đơn điệu, nhàm tẻ, chỉ là nhân tạo do bàn tay sửa sang, tĩa tót của con người nên rất “tầm thường”, giả dối chứ không phải là thế giới tự nhiên to lớn mạnh mẽ, bí hiểm.

? Cảnh tượng ấy đã gây nên phản ứng nào trong tình cảm của con hổ? Qua đó em hiểu “niềm uất hận ngàn thâu” ntn?

- Gây nên phản ứng đó là niềm uất hận. Đó là trạng thái bức bối, u uất kéo dài vì phải sống chung với mọi sự tầm thường giả dối.

? Em có nhận xét gì về giọng điệu đoạn thơ, cách sử dụng từ ngữ? Cho ta thấy tâm trạng con hổ như thế nào?

- Giọng giễu nhại, cách ngắt nhịp ngắn, dồn dập, từ ngữ liệt kê liên tiếp.

-> Tâm trạng bức bối, chán chường, khinh ghét với thực tại, phủ nhận thực tại, khao khát sự cao cả, phi thường.

? Qua việc phân tích hai đoạn thơ giúp em hiểu gì về tâm trạng của con hổ ở vườn bách thú?

- Đó là tâm trạng chán ghét cuộc sống thực tại tù túng,

- Giọng giễu nhại, cách ngắt nhịp ngắn, dồn dập, từ ngữ liệt kê liên tiếp.

=> + Cảnh vườn bách thú: đơn điệu, nhàm tẻ, tầm thường, giả dối, tù túng.

+ Sự khinh ghét, chán chường thực tại đến mức cao độ.

tâm thường, giả dối.

- Khao khát được sống tự do, chân thực.

THẢO LUẬN CẶP ĐÔI (2P)

? Nếu ta đặt bài thơ trong hoàn cảnh sáng tác của nó thì tâm trạng ấy còn là của ai?

- Thái độ ngao ngán, chán ghét cuộc sống thực tại tầm thường, tù túng. Đó chính là tiếng lòng, là nỗi ngao ngán của người dân nô lệ trong cảnh đời tối tăm, u buồn.

Gv: Điều đó giúp cho bài thơ có tiếng vang rộng rãi và ít nhiều có tác dụng khơi dậy tình cảm yêu nước, khát khao độc lập tự do của người dân VN khi đó.

***Báo cáo kết quả:** HS trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (3P)

a. Mục tiêu: hs biết cách đọc diễn cảm bài thơ

b. Nội dung: hs đọc diễn cảm bài thơ trước lớp

c. Sản phẩm: hs đọc đúng ngữ điệu bài thơ

d. Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên cho hs đọc diễn cảm toàn bộ bài thơ

- Học sinh tiếp nhận: đọc lại bài thơ

***Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh:đọc thầm

Giáo viên: quan sát hs làm việc

*** Dự kiến sản phẩm:** Đọc diễn cảm thể hiện đúng tâm trạng của hổ

***Báo cáo kết quả:** Hs:đọc to trước lớp

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (3P)

a. Mục tiêu:

-Hiểu sâu sắc về đặc điểm của thơ mới

-Hiểu được con người của Thế Lữ, cũng như cảm hứng sáng tác

-Giáo dục ý thức tự giác trong quá trình học

b. Nội dung: hiểu biết về tác giả qua các tài liệu sách báo

c. Sản phẩm : Hs: ghi chép lại ra sổ tay học tập

d. Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv: giao nhiệm vụ

? Tìm hiểu thêm đặc điểm của thơ mới những năm đầu thế kỷ XX, tìm hiểu thêm về thân thế nhà thơ Thế Lữ

***Thực hiện nhiệm vụ**

Hs:về nhà thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà: (1P)**

- Về nhà tìm hiểu thêm đặc điểm của thơ mới những năm đầu thế kỷ XX, tìm hiểu thêm về thân thế nhà thơ Thế Lữ.

- Học thuộc bài thơ.

- Soạn phần còn lại.

.....

Tiết 74

Ngày soạn: /01/2021

Ngày dạy: /01/2021

Văn bản: NHỚ RỪNG (Tiếp)

Thế Lữ

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được niềm khao khát tự do mãnh liệt, nỗi chán ghét sâu sắc cái thực tại tù túng, tầm thường giả dối được thể hiện trong bài thơ qua lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú.

-Thấy được bút pháp lãng mạn đầy truyền cảm của nhà thơ.

2. Năng lực:

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, cảm thụ văn học

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- HS biết yêu cuộc sống tốt đẹp hiện nay và có ý thức phấn đấu học tập tốt để trở thành người chủ tương lai của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sgk, vở ghi, nghiên cứu bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (4P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b. Nội dung: kiểm tra sự hiểu biết của HS về đoạn thơ đã học từ tiết trước.

c. Sản phẩm:

- Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện

*Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu:
? Cảm nhận của em về hình ảnh con hổ ở vườn bách thú?
- Học sinh tiếp nhận

*Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ
- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

*Báo cáo kết quả

- Gv: gọi hs trả lời

*Đánh giá kết quả

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV giới thiệu bài: Tiết trước, các em đã được biết con hổ trong vườn bách thú sống trong cũi chật hẹp, ngột ngạt nhưng đành bất lực “nằm ...”. Nó khinh thường, chán ghét đến mức cao độ thực tại tầm thường, giả dối, cảm thấy uất hận vô cùng vì đang là chúa tể muôn loài bị sa cơ phải sống gò ép, ngang hàng với những kẻ dỏm, vô tư lự. Trong hoàn cảnh và tâm trạng ấy, con hổ nhớ tới điều gì?

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (25P)

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
	I. Giới thiệu chung: II. Đọc hiểu văn bản: 1. Con hổ ở vườn bách thú.

Hoạt động 1: *Nỗi nhớ thời oanh liệt*

a. Mục tiêu:

-Thấy được sự oai linh, dũng mãnh đầy uy quyền của hổ trong quá khứ

- Hiểu tâm trạng nhớ tiếc quá khứ tốt đẹp của hồ hay cũng chính là tâm trạng của người dân mất nước

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, nhóm để tìm hiểu đoạn thơ

c. Sản phẩm: học sinh trả lời ra giấy nháp

d. Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1:

* Chuyển giao nhiệm vụ

Goi HS đọc đoạn 2

? Trong hoàn cảnh bị nhốt ở vườn bách thú, con hổ nhớ tới điều gì?

? Cảnh sơn lâm được gợi tả qua những chi tiết nào?

? Em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ và nghệ thuật của tác giả? Tác dụng của nghệ thuật (Cảnh thiên nhiên hiện lên ntn)?

? Giữa không gian hoang vu, hùng vĩ ấy hình ảnh chúa tể của muôn loài hiện lên ntn?

? Em hiểu từ “quốc” như thế nào? (từ loại, tác dụng)

? Em có nhận xét gì về nghệ thuật và cách sử dụng từ ngữ, giọng điệu của khổ thơ?

- Học sinh tiếp nhận.

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh*: trả lời cá nhân, nhóm cặp đôi- nhân xét.

- *Giáo viên*: nhân xét.

*** Dự kiến sản phẩm:**

Đọc- nghe

? Trong hoàn cảnh bị nhốt ở vườn bách thú, con hổ nhớ tới điều gì?

- Hồ nhớ tới những ngày oanh liệt trong chốn giang sơn hùng vĩ của nó.

? Cảnh sơn lâm được gợi tả qua những chi tiết nào?

- Bóng cả, cây già, tiếng gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi,
khúc trường ca dữ dội...

? Em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ và nghệ thuật của tác giả? Tác dụng của nghệ thuật (Cảnh thiên nhiên hiện lên ntn)?

2. Nỗi nhớ tiếc quá khứ của hồ.

a. Nhớ giang sơn hùng vĩ.

<p>- Điệp từ “với”, các động từ chỉ đặc điểm của hành động “gào, thét”, những DT, TT phong phú => Cảnh đại ngàn xưa kia lớn lao, phi thường, mạnh mẽ và hoang vu, bí ẩn.</p> <p>? Giữa không gian hoang vu, hùng vĩ ấy hình ảnh chúa tể của muôn loài hiện lên ntn?</p> <p>- Bước chân đông dặc, đường hoàng.</p> <p>Lượn tấm thân như sóng cuộn.</p> <p>mắt thần đã quắc, mọi vật im lìm.</p> <p>Ta biết ta chúa tể cả muôn loài.</p> <p>=> Tư thế đông dặc, đường hoàng, oai phong, lẫm liệt với tâm trạng hài lòng.</p> <p>? Em hiểu từ “quắc” như thế nào? (từ loại, tác dụng)</p> <p>- ĐT: cực tả ánh mắt dữ dội đủ sức chế ngự muôn loài của chúa sơn lâm.</p> <p>? Em có nhận xét gì về nghệ thuật và cách sử dụng từ ngữ, giọng điệu của khổ thơ?</p> <p>- Nghệ thuật so sánh: tấm thân của chúa sơn lâm với sóng biển (liên tưởng độc đáo và rất đẹp) làm nổi bật vẻ đẹp và sức mạnh của con hổ</p> <p>- Sử dụng các từ ngữ gợi tả hình dáng.</p> <p>- Nhịp thơ ngắn, uyển chuyển, giọng điệu hùng tráng, dữ dội.</p> <p>=> Những câu thơ sống động, giàu chất tạo hình, diễn tả chính xác vẻ đẹp uy nghi, dũng mãnh mềm mại, uyển chuyển của chúa tể sơn lâm.</p> <p>Gv bổ sung: Trên cái phong nền núi rừng hùng vĩ đó, hình ảnh con hổ hiện ra nổi bật với một vẻ đẹp oai phong lẫm liệt, với tư thế đồng ...</p> <p>Trái ngược hẳn với cảnh giả tạo, tầm thường nơi vườn bách thú, thiên nhiên trong trí nhớ của chúa sơn lâm thật lớn lao, mạnh mẽ, phi thường. Và trong cái phong nền ấy, chúa sơn lâm từ từ xuất hiện đúng vào lúc thiên nhiên đang ở đỉnh cao dữ dội. Đầu tiên là bàn chân “đông...”. Câu thơ như đoạn phim cận cảnh quay chi tiết, thu hút sự chú ý của khán giả. Sau bàn chân là “tấm thân” xuất hiện. Chiều dài của tấm thân to lớn trải ra theo chiều dài câu thơ, một sự mềm mại tích chứa sức mạnh: “Lượn...”.</p> <p>Đoạn thơ dựng lên chân dung của chúa sơn lâm chỉ với ba</p>	<p>- Sử dụng: động từ, tính từ, danh từ, điệp ngữ “với”</p> <p>=> Cảnh đại ngàn xưa kia lớn lao, phi thường, mạnh mẽ và hoang vu, bí ẩn.</p> <p>- NT: so sánh, từ ngữ gợi tả, nhịp thơ..., động từ mạnh.</p> <p>-> Chúa sơn lâm oai phong, lẫm liệt.</p>
--	--

chi tiết: bàn chân, tấm thân và ánh mắt nhưng đã làm rõ cái oai hùng chế ngự cả cảnh vật của chúa sơn lâm khi đi qua “Khiến ...”. Hồ nhận thức đầy kiêu hãnh về sức mạnh của mình; “Ta... /... tuổi”?

***Báo cáo kết quả**

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Nhiệm vụ 2:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

Gọi HS đọc đoạn 2

Yêu cầu h/s theo dõi khổ 3.

? Ở đoạn thơ này con hồ nhớ lại những kỉ niệm gì về chốn rừng xưa ?

THẢO LUẬN NHÓM (5P)

? Có ý kiến cho rằng đoạn thơ như “bộ tranh tứ bình độc đáo” về chúa sơn lâm? Ý kiến của em ntn?

? Tìm và phân tích tác dụng của các biện pháp nghệ thuật sử dụng trong khổ thơ?

? Các biện pháp nghệ thuật đó góp phần diễn tả tâm trạng của con hồ ntn?

- Học sinh tiếp nhận.

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời - nhận xét.

- Giáo viên: nhận xét.

*** Dự kiến sản phẩm:**

? Ở đoạn thơ này con hồ nhớ lại những kỉ niệm gì về chốn rừng xưa ?

Những đêm vàng bên bờ

Ngày mưa chuyển bốn ...

Bình minh cây xanh nắng

Những chiều lênh láng máu...

? Có ý kiến cho rằng đoạn thơ như “bộ tranh tứ bình độc đáo” về chúa sơn lâm? Ý kiến của em ntn?

- Đoạn 3: có thể coi như một bộ tranh tứ bình đẹp lộng lẫy. Bối cảnh là cảnh núi rừng hùng vĩ, tráng lệ với con hồ uy nghi làm

b.Nhớ những khoảnh khắc đẹp:

chúa tể.

+ Đó là cảnh “đêm vàng bên bờ suối” hết sức diễm ảo với hình ảnh con hổ “say mồi đứng tan” đầy lãng mạn, diễm ảo.

+ Đó là cảnh “ngày mưa chuyển...” với hình ảnh con hổ mang dáng dấp đế vương đang yên lặng ngắm giang sơn của mình.

+ Đó là cảnh “bình minh cây xanh nắng gội” tung bừng, chan hòa ánh sáng, rộn rã tiếng chim đang ca hát cho chúa sơn lâm ngủ.

+ Đó là hình ảnh chúa sơn lâm đang khao khát chờ đợi bóng đêm để mặc sức tung hoành nơi vương quốc rộng lớn, đầy bí ẩn của mình.

? Em có nhận xét gì về những cảnh trên?

- Cảnh nào núi rừng cũng mang vẻ đẹp hùng vĩ thơ mộng và con hổ nổi bật lên với tư thế lẫm liệt, kiêu hùng của một chúa sơn lâm đầy uy lực.

Gv bổ sung: Ở cảnh nào núi rừng cũng mang vẻ đẹp hùng vĩ thơ mộng và con hổ nổi bật lên với tư thế lẫm liệt, kiêu hùng, đúng là một chúa sơn lâm đầy uy lực. Các màu vàng, xanh, đỏ hòa quện với nhau tạo cho bộ tứ bình thêm lộng lẫy, mạnh mẽ, đầy ấn tượng. Ta biết Thế Lữ từng học trường Cao đẳng Mỹ Thuật Đông Dương cho nên ông đã vận dụng kiến thức hội họa để tăng cường hiệu lực diễn tả của văn chương.

Cảnh thiên nhiên có những chi tiết, những nét đậm rõ, có màu sắc, có âm thanh, khi tung bừng tươi sáng, khi trầm lặng bí ẩn- sự im lặng thiêng liêng nhưng có phần ghê rợn, kì ảo, quyến rũ. Tác giả nâng uy quyền của chúa sơn lâm bằng cách để nó đối diện với thiên nhiên tạo hóa... Cả 4 cảnh con hổ đều ở tư thế chế ngự: say mồi, đứng uống, lặng ngắm giang sơn, đợi chết mãnh..., để chiếm lấy.

Trong đó, đẹp nhất, dữ dội nhất, bí tráng nhất là cảnh hoàng hôn. Bức tranh rực rỡ gam đỏ: đỏ của màu máu lênh láng, đỏ của mặt trời gay gắt. Tác giả dùng từ “mãnh” để gọi mặt trời, tưởng như mặt trời cũng bé đi trong mắt nhìn loài hổ. Không khí chết chóc bao trùm... chỉ chút nữa thôi vũ trụ sẽ chìm trong bóng tối, chỉ còn oai linh loài hổ. Đây là điểm cao trào

+ Đêm vàng: Một chàng trai, một thi sĩ mơ màng.

+ Ngày mưa chuyển bốn phương ngàn: Một đế vương oai phong đang lặng ngắm giang sơn.

+ Bình minh : Một chúa rừng đang ru mình trong giấc ngủ.

+ Hoàng hôn : Một vị chúa khao khát chờ đợi bóng đêm để tung hoành.

nhất của quyền lực gần như bất tử. Nhưng từ đỉnh cao huy hoàng của sự hồi tưởng hồ đã sức tỉnh thân tù: “Than ôi...”

? Tìm và phân tích tác dụng của các biện pháp nghệ thuật sử dụng trong khổ thơ?

- Điệp từ “ta” thể hiện khí phách ngang tàng làm chủ.
- Điệp từ “nào đâu, đâu những” câu cảm thán, câu hỏi tu từ cuối bài diễn tả nỗi nhớ tiếc quá khứ khôn nguôi.
- Hình ảnh ẩn dụ “đêm vàng”: đêm trăng sáng mọi vật như được nhuộm màu vàng, ánh trăng như tan chảy trong không gian.

? Các biện pháp nghệ thuật đó góp phần diễn tả tâm trạng của con hồ ntn?

- Tiếc nỗi cuộc sống thơ mộng, tự do giữa chốn sơn lâm.

***Báo cáo kết quả:** HS trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Hoạt động 3: Niềm khao khát giấc mộng ngàn của hồ (

a. Mục tiêu:

-Hiểu được niềm khao khát tự do cháy bỏng của hồ

b. Nội dung: Tìm hiểu khổ 5

c. Sản phẩm: học sinh trả lời ra giấy nháp

d. Tổ chức thực hiện

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên: Yêu cầu hs đọc đoạn 4, 5

Theo dõi đoạn 4:

? Tìm chi tiết miêu tả tâm trạng con hồ ? Vì sao hồ lại có tâm trạng như vậy

? Đoạn cuối con hồ nhắn gửi tới ai

? Qua lời nhắn gửi em hiểu được điều gì về mảnh hồ

- Học sinh tiếp nhận

* Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh: làm việc cá nhân, sau đó thảo luận nhóm

Giáo viên: quan sát các nhóm làm việc

* Dự kiến sản phẩm

- Giọng điệu hùng tráng, tha thiết, dồn dập. Điệp ngữ: “Đâu”, “nào đâu”, “ta”; ẩn dụ, câu hỏi tu từ

=> Diễn tả thắm thía nỗi nhớ tiếc quá khứ vàng son.

3. Niềm khao khát giấc mộng ngàn của hồ.

<p>+ Tâm trạng uất hận, ghét</p> <p>- Vì có sự đối lập giữa cảnh hiện tại và cảnh trong quá khứ -</p> <p>+ Hoa chăm cỏ chen lối phẳng cây trồng >< bóng cả cây già</p> <p>+ Dải nước đen giả suối >< giọng nguồn hét núi....</p> <p>=> Thái độ ngao ngán, chán trường ở con hổ cũng chính là thái độ của người dân đối với xã hội</p> <p>* Báo cáo kết quả: HS trình bày</p> <p>* Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>Hoạt động 4: Tổng kết</p> <p>a. Mục tiêu:</p> <p>- Nắm được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản</p> <p>b. Nội dung: Giá trị tác phẩm</p> <p>c. Sản phẩm: hs trả lời ra giấy nháp</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>? Khái quát nghệ thuật đặc sắc</p> <p>? Nội dung tư tưởng bài thơ</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Học sinh: suy nghĩ trả lời</p> <p>Giáo viên: quan sát, gợi ý hs trả lời</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>- Cảm hứng lãng mạn phong phú, mãnh liệt.</p> <p>- Sử dụng hệ thống hình ảnh thơ giàu chất tạo hình: mang đường nét, hình khối, màu sắc rõ ràng.</p> <p>- Ngôn ngữ, nhạc điệu, tiết tấu cực kì phong phú, rõ ràng, gợi cảm.</p> <p>(Ghi nhớ sgk)</p> <p>* Báo cáo kết quả: HS trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p>	<p>- Mở đầu và kết thúc bằng hai câu cảm thán, bắt đầu bằng từ “hỡi”.</p> <p>-> Bộc lộ trực tiếp nỗi tiếc nhớ cuộc sống chân thật, tự do. Đó là một bi kịch lớn.</p> <p>=> Thể hiện khát vọng được sống chân thật cuộc sống của mình, trong xứ sở của mình. Đó là khát vọng giải phóng, khát vọng tự do.</p> <p>III. Tổng kết.</p> <p>1. Nghệ thuật:</p>
--	--

- Cảm hứng lãng mạn phong phú, mãnh liệt.
 - Sử dụng hệ thống hình ảnh thơ giàu chất tạo hình: mang đường nét, hình khối, màu sắc rõ ràng.
 - Ngôn ngữ, nhạc điệu, tiết tấu cực kì phong phú, rõ ràng, gợi cảm.
- 2. Nội dung:**
* Ghi nhớ: (SGK/7).

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(7P)

a. Mục tiêu:

-Vận dụng các kiến thức vừa học vào trả lời câu hỏi

b. Nội dung: So sánh được cảnh con hổ ở vườn bách thú với cảnh con hổ chốn rừng xanh

c. Sản phẩm: trình bày ra giấy nháp

d. Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

? Để khắc họa chân dung của con hổ, tác giả đã sử dụng thành công thủ pháp tương phản?
Hãy chỉ ra các thủ pháp tương phản đối lập ấy

***Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh:làm việc cá nhân, trao đổi trong nhóm

Giáo viên:quan sát các nhóm làm việc

*** Dự kiến sản phẩm:**

- Có hai cảnh tượng đối lập chính chi phối cấu trúc bài thơ

Hiện tại (Đoạn 1-4)	Quá khứ (Đoạn 2-3)
<ul style="list-style-type: none"> - Vườn bách thú : bị giam cầm - Thực tại tầm thường,nhân tạo <p>=>Thái độ căm ghét</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Núi non hùng vĩ, tự do vẫy vùng - Gắn với mộng tưởng về thế giới đẹp đẽ của thiên tạo <p>=>Khao khát ước mơ</p>

***Báo cáo kết quả**

-Hs: trình bày lên bảng phụ

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (6P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HĐ cặp đôi cảm nhận về tác giả và các tác giả cùng thời đại.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

? Qua việc tìm hiểu văn bản em thấy tác giả là con người như thế nào ?Tìm những văn bản của các tác giả khác cũng bộc lộ tâm trạng yêu nước thâm kín giống như nhà thơ Thế Lữ

*** Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh: làm việc cá nhân, trao đổi với bạn

Giáo viên: quan sát các nhóm làm việc

*** Dự kiến sản phẩm:**

-Tác giả là con người có lòng yêu nước thâm kín và niềm khao khát tự do cháy bỏng

*** Báo cáo kết quả:** Hs: trình bày

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà(1P)**

? Chọn một đoạn thơ trong bài mà em cho là hay nhất ? Viết một đoạn văn từ 5-7 câu trình bày cảm nghĩ của em về đoạn thơ đó

- Học bài

- Chuẩn bị bài: Câu nghi vấn.

Tiết

Ngày soạn: /01/2021

Ngày dạy: /01/2021

Văn bản: ÔNG ĐỒ

Vũ Đình Liên

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

1. Kiến thức

- Sự đổi thay trong đời sống xã hội và sự tiếc nuối của nhà thơ đối với những giá trị văn hoá cổ truyền của dân tộc đang dần bị mai một.

- Lối viết bình dị mà gợi cảm của nhà thơ trong bài thơ.

- Cảm nhận được tình cảnh tàn tạ của nv ông đồ, qua đó thấy được niềm cảm thương và nỗi nhớ tiếc ngậm ngùi của tác giả đối với lớp người tài hoa nay vắng bóng gắn liền với một nét đẹp văn hoá cổ truyền.

- Thấy được sức truyền cảm NT đặc sắc của bài thơ.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, cảm thụ văn học

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- Nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học

- Học liệu: máy chiếu, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề.

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b. Nội dung hoạt động:

- HS Chơi trò chơi ô chữ

c. Sản phẩm: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

d. Tổ chức hoạt động:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS xem video một số hình ảnh đặc trưng của ngày tết cổ truyền của dân tộc

- Nêu y/câu: *Đoạn video gợi cho em liên tưởng đến ai và phong tục gì của dân tộc?*

* Thực hiện nhiệm vụ học tập:

Dự kiến câu trả lời :

- Em liên tưởng đến ông đồ và tết cổ truyền của dân tộc

* Báo cáo kết quả:

- HS trình bày kết quả

*** Đánh giá nhận xét, dẫn vào :** Mỗi dịp tết đến xuân về, khi nhìn thấy những câu đối đỏ và những bức tranh thư pháp, lòng ta lại băng khuâng nhớ về hình ảnh ông đồ xưa – hình ảnh vô cùng thân thuộc trong ngày tết cổ truyền. Để giúp các em hiểu và thêm trân trọng những con người đã từng tạo nên những giá trị tinh thần rất đổi thiêng liêng của nền văn hóa dân tộc, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay- văn bản *Ông đồ* của nhà thơ Vũ Đình Liên.

Hướng dẫn HS đọc hiểu bài thơ: Ông đồ

a) Mục tiêu:

- Biết được những thông tin chính và tác giả, hoàn cảnh lịch sử đất nước ta đầu thế kỉ XX.

- Chỉ ra và phân tích được các chi tiết, hình ảnh *Cụ thể là biện pháp nghệ thuật tu từ: Điệp ngữ, nhân hóa, ẩn dụ, liệt kê. Câu cảm thán, câu nghi vấn*qua đó thấy được niềm cảm thương và nỗi nhớ tiếc ngậm ngùi của tác giả đối với lớp người tài hoa nay vắng bóng gắn liền với một nét đẹp văn hoá cổ truyền.

- Biết được đặc điểm của thể thơ tự do, phương thức biểu đạt biểu cảm.

- Hiểu được giá trị nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ

- Có kĩ năng vận dụng phương pháp học tập vào Đọc - Hiểu những tác phẩm thơ khác

b) Nội dung hoạt động:

- Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản

- Đọc và tìm hiểu khái quát về văn bản

- Đọc và phân tích giá trị nghệ thuật và nội dung của bài thơ.

- Tổng kết về văn bản

c) Sản phẩm học tập:

- Những nét khái quát về tác giả và văn bản.

- Những giá trị nghệ thuật và nội dung của bài thơ.

d) Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.

- HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.

- GV quan sát, hỗ trợ HS.

*** Báo cáo kết quả:**

- HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).

*** Đánh giá nhận xét:**

- HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.

- GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung ghi bảng												
<p>Hoạt động 1: I. Giới thiệu chung</p> <p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nắm được tiểu sử của tác giả Vũ Đình Liên -Nắm được hoàn cảnh sáng tác, thể loại của bài thơ -Rèn cho hs kỹ năng làm việc cá nhân, cách đọc diễn cảm thơ <p>b. Nội dung: kiến thức tác giả, tác phẩm</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên gọi HS đọc chú thích (Sgk/tr5 (tập 2) <p>GV chiếu chân dung nhà thơ</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát chân dung tác giả, hình ảnh sách... - HS đọc thông tin về tác giả, văn bản. - GV phát phiếu bài tập số 1, yêu cầu HS làm việc nhóm để điền thông tin vào phiếu bài tập. <p>* Dự kiến sản phẩm: Đọc diễn cảm thể hiện đúng tâm trạng của hồ</p> <p>*Báo cáo kết quả: Hs đọc to trước lớp</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá <p>->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p style="text-align: center;">Phiếu bài tập số 1:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Văn bản : Ông đồ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tác giả</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Hoàn cảnh ra đời:</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Thể loại</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Phương thức biểu đạt chính</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Những thông tin về tác giả và văn bản giúp cho em như thế nào về việc</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Văn bản : Ông đồ		Tác giả		Hoàn cảnh ra đời:		Thể loại		Phương thức biểu đạt chính		Những thông tin về tác giả và văn bản giúp cho em như thế nào về việc		<p>I. Giới thiệu chung</p> <p>1. Tác giả: Vũ Đình Liên (1913-1996)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào Thơ mới. - Thơ ông thường mang nặng <u>lòng thương người và niềm hoài cổ.</u> <p>2. Văn bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được sáng tác năm 1936, đăng trên tạp chí <i>Tinh Hoa</i>. - Phương thức biểu đạt : biểu cảm kết hợp với miêu tả và tự sự.
Văn bản : Ông đồ													
Tác giả													
Hoàn cảnh ra đời:													
Thể loại													
Phương thức biểu đạt chính													
Những thông tin về tác giả và văn bản giúp cho em như thế nào về việc													

đọc văn bản?											
<p>- HĐ chung: Đọc văn bản:</p> <p>Cần đọc bài thơ với giọng điệu như thế nào?</p> <p>+ Giáo viên đọc mẫu</p> <p>+ HS nghe và đọc văn bản</p> <p>Tìm hiểu chú thích:</p> <p>+ Giáo viên hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích SGK.</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS trao đổi với bạn bên cạnh về những từ ngữ mình không hiểu hoặc hiểu chưa rõ ràng bằng cách dự đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh</p> <p>- Dựa vào các ý hãy chia bố cục cho bài thơ?</p>											
<p>a. Mục tiêu: Hiểu được ông Đồ trong quá khứ.</p> <p>b. Nội dung: cảm nhận về 2 khổ thơ đầu</p> <p>c. Sản phẩm: học sinh hoàn thiện phiếu học tập</p> <p>d. Tổ chức thực hiện</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV chiếu 2 khổ thơ đầu và câu hỏi thảo luận nhóm:</p> <p>Phương pháp thảo luận nhóm, kĩ thuật công đoạn (lần 1: 3', lần 2: 2 phút)</p> <p>Nhóm 1,2: hoàn thành phiếu bài tập:</p> <table><tr><td>Yếu tố nghệ thuật</td><td>Tác dụng</td></tr><tr><td><ul style="list-style-type: none">- Từ ngữ- Hình ảnh- Cách ngắt nhịp</td><td></td></tr><tr><td colspan="2">=> Sự xuất hiện của ông đồ mỗi dịp Tết đến xuân về?</td></tr></table> <p>Nhóm 3,4: hoàn thành phiếu bài tập:</p> <table><tr><td>Yếu tố nghệ thuật</td><td>Tác dụng</td></tr><tr><td><ul style="list-style-type: none">- Từ ngữ- Hình ảnh</td><td></td></tr></table>		Yếu tố nghệ thuật	Tác dụng	<ul style="list-style-type: none">- Từ ngữ- Hình ảnh- Cách ngắt nhịp		=> Sự xuất hiện của ông đồ mỗi dịp Tết đến xuân về?		Yếu tố nghệ thuật	Tác dụng	<ul style="list-style-type: none">- Từ ngữ- Hình ảnh	
Yếu tố nghệ thuật	Tác dụng										
<ul style="list-style-type: none">- Từ ngữ- Hình ảnh- Cách ngắt nhịp											
=> Sự xuất hiện của ông đồ mỗi dịp Tết đến xuân về?											
Yếu tố nghệ thuật	Tác dụng										
<ul style="list-style-type: none">- Từ ngữ- Hình ảnh											
<p>* Đọc và tìm hiểu chú thích</p> <p>* Bố cục văn bản</p> <p>- Bố cục: 3 phần:</p> <p>+ Phần 1: Ông đồ thời vàng son (Hai khổ thơ đầu)</p> <p>+ Phần 2: Ông đồ thời thất thế (Hai khổ thơ tiếp theo)</p> <p>+ Phần 3: Ông đồ vắng bóng và nỗi lòng của nhà thơ (Khổ thơ cuối)</p>											
<p>II. Tìm hiểu chi tiết.</p> <p><u>a. Ông đồ thời vàng son.</u></p>											

- Cách ngắt nhịp
- Biện pháp nghệ thuật

=> Hình ảnh của ông đồ?

Sau thời gian 5' thảo luận nhóm lần 1, các nhóm thảo luận lần 2 bằng cách đổi chéo kết quả để bổ sung(3')

- Học sinh tiếp nhận

*Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận nhóm, gv quan sát giúp đỡ hs thảo luận

***Báo cáo kết quả:** Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét.

*Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

* Dự kiến trả lời:

Nhóm 1,2:

Yếu tố nghệ thuật	Tác dụng
<ul style="list-style-type: none"> - Từ ngữ : cặp từ hô ứng « mỗi năm... lại thấy » - Cách ngắt nhịp : 2/3 ở hai câu đầu - Hình ảnh : hoa đào nở, mực tàu, giấy đỏ, phố đông. 	<p>-> Cách ngắt nhịp 2/3 ở 2 câu thơ đầu kết hợp với cặp từ: mỗi... lại thể hiện sự xuất hiện đều đặn của ông đồ.</p> <p>-> Tạo ấn tượng cảnh sắc rực rỡ, tươi tắn, không khí đông vui, nhộn nhịp.</p>
<p>=> Sự xuất hiện của ông đồ : ông đồ trở nên thân quen, không thể thiếu trong mỗi dịp tết đến xuân về.</p>	

GV chốt kiến thức lên bảng

Gv liên hệ, khắc sâu :

? Em hiểu gì về tục treo câu đối ngày Tết trong nhà ?

- Tục treo câu đối trong nhà vào dịp tết cổ truyền là một nét văn hóa của người dân VN. Câu đối được viết bằng mực tàu đen nhánh trên nền giấy đỏ tươi thường được treo

- **Thời gian:** hoa đào nở -> báo hiệu Tết đến, xuân về

- **Không gian:** bên hè phố, đông người qua lại.

-> **Ông có mặt vào giữa mùa đẹp, vui nhất, hạnh phúc nhất của con người, trong khung cảnh tấp nập, đông vui khi Tết đến, xuân về.**

***Ông đồ :** Bày mực tàu, giấy đỏ...->viết câu đối.

* Phong tục chơi câu đối trong ngày Tết ở nước ta xưa kia:

trong nhà, dán lên cột hai bên bàn thờ gia tiên vừa để trang trí, vừa thể hiện niềm mong ước những điều tốt lành của nhân dân ta khi năm mới đến.

GV : Đó là lí do mà ông đồ xuất hiện bên phố phường nhộn nhịp. Ông đồ xuất hiện vào thời điểm “hoa đào nở”- khi tết đến xuân về. Hình ảnh hoa đào và ông đồ sóng đôi nhau đồng hiện như một lễ tất yếu của mùa xuân.

Bình : *Những câu thơ bằng ngôn ngữ kể, tả, xinh xắn, gọn gàng mà gợi lên cả một bức tranh mùa xuân nơi góc phố đông vui nhiều người lại qua. Ông đồ với mực tàu giấy đỏ như góp vào cái đông vui, rực rỡ của phố phường ngày tết một nét đẹp văn hóa, làm nên một mùa xuân thiêng liêng và ấm cúng.*

NHóm 3,4 :

Yếu tố nghệ thuật	Tác dụng
<ul style="list-style-type: none"> - Từ ngữ : từ láy « tâm tấc », lượng từ « bao nhiêu », nhiều từ âm « t », « b » - Cách ngắt nhịp : linh hoạt (2/3, 3/2) - Hình ảnh : hoa hoa tay, phượng múa rồng bay. - Biện pháp nghệ thuật : hoán dụ « hoa tay », so sánh 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện thái độ, tình cảm ngưỡng mộ của mọi người dành cho ông đồ. - Các từ có phụ âm « t », « b » khi đọc lên tạo những âm thanh ròn rã nghe như tiếng pháo râm ran càng làm tăng thêm không khí đông vui ngày tết. -> giọng điệu vui tươi, sôi nổi. -> Nói đến chất tài hoa của người nghệ sĩ. Đồng thời cho thấy nét chữ đẹp, phóng khoáng, cao quý.
=> Hình ảnh ông đồ : Ông đồ như một nghệ sĩ trở tài trước công chúng.	

Gv nhận xét, chốt :

=> Sự tồn tại của ông đồ trong xã hội là không thể thiếu, rất quen thuộc với mọi người và góp phần làm nên nét đẹp văn hoá truyền thống dân tộc.

*** Tài năng của ông đồ:**

Bao nhiêu ... rồng bay.

- > Nghệ thuật: Hoán dụ, so sánh, thành ngữ.

=> làm nổi bật vẻ đẹp trong nét chữ của ông: Nét chữ rất đẹp, bay bướm, uốn lượn, vừa phóng khoáng, bay bổng, song lại cao quý, oai phong, sống động, có hồn.

-> Hình ảnh ông đồ trở nên thân quen, không thể thiếu trong mỗi dịp tết đến xuân về.

GV giảng: Chữ “ hoa tay” đi liền với chữ “ thảo” cho chúng ta một hình dung: dường như ẩn trong từng nét chữ, người viết như muốn thổi hồn vào trong đó. Bàn tay của ông đồ đưa đến đâu mà như gấm như hoa nở ra đến đó. Ở mỗi con chữ, mỗi câu đối hiện ra dưới nét bút của ông đồ đều thể hiện khát khao hoàn thiện của kẻ trao người nhận. Vì vậy mà mỗi nét chữ là kết tinh của tài hoa, trí tuệ và tâm hồn của người viết, rất mực thướt song cũng rất phóng khoáng.

(Thảo luận theo nhóm bàn(2’))

Câu hỏi : Ông đồ có vị trí như thế nào trong bức tranh xuân ở hai khổ thơ đầu? Vì sao có thể nói đây là thời kì vàng son của ông đồ?

*** Dự kiến trả lời:**

- Ông đồ là trung tâm của sự chú ý, là đối tượng ngưỡng mộ của mọi người.

Vì ông đồ xuất hiện giữa mùa đẹp nhất, là trung tâm của bức tranh, được mọi người yêu quý, ngưỡng mộ.

GV: Ông đồ là trung tâm của sự chú ý, là đối tượng ngưỡng mộ của mọi người. Ở đây, ta thấy sự **hòa hợp** giữa **hoa đào - ông đồ - công chúng** cũng chính là sự **hòa hợp** giữa **thiên nhiên - con người - thời thế**. Ở đây ta thấy có sự gặp gỡ giao cảm đồng điệu giữa người thuê viết và người viết thuê. Họ cùng tự nguyện tham gia một trò chơi văn hóa. Người viết thuê thỏa thuê trong cái thú chơi chữ, viết như một cuộc chơi, như một nhu cầu giao cảm với con người và trời đất mỗi độ xuân về. Cả người viết và người thuê viết đều biết coi trọng cõi tinh thần, biết hướng đời sống vào những vẻ đẹp thanh cao

? Em cảm nhận như thế nào về tình cảm của tác giả dành cho ông đồ ở thời điểm này?

- Tác giả quý trọng ông đồ, quý trọng những tài năng và nét đẹp văn hóa của dân tộc.

GV: Những câu thơ mang tính chất ghi chép đơn thuần mà làm sống dậy cái thời nghệ thuật thư pháp đang ở

đỉnh cao. Ông đồ chính là hiện thân cho nền văn hóa truyền thống lâu đời của dân tộc khi nền Nho học đang thịnh hành.

GV chuyển: Tuy nhiên câu chuyện về ông đồ chưa dừng lại ở đó. Hình ảnh ông đồ có còn được trọng dụng nữa hay không, chúng ta cùng sang phần 2

a. Mục tiêu: Hiểu được ông Đồ trong hiện tại.

b. Nội dung: cảm nhận về 2 khổ thơ tiếp

c. Sản phẩm: học sinh hoàn thiện phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv chiếu khổ 3, 4

? Theo dõi khổ 3,4, cho biết hoàn cảnh xuất hiện của ông đồ có gì giống với mùa xuân năm trước?

- Xuất hiện vào mùa xuân, bên phố với công việc quen thuộc.

Có điều gì thay đổi trong lần xuất hiện này của ông đồ?

Để thấy được điều đó, các em hãy cùng thảo luận theo nhóm bàn và điền vào phiếu học tập theo những yêu cầu sau:

GV giao nhiệm vụ

GV cho HS thảo luận nhóm nhỏ:

? Em hãy chỉ ra yếu tố nghệ thuật(cách ngắt nhịp, cách sử dụng từ ngữ và biện pháp tu từ) và nêu tác dụng ở 2 khổ thơ 3,4?

Yếu tố nghệ thuật	Tác dụng
.....	
.....	

***Thực hiện nhiệm vụ**

Hs suy nghĩ làm việc cá nhân, HS thảo luận nhóm, gv quan sát giúp đỡ hs thảo luận

***Báo cáo kết quả:** Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

2. Ông đồ thời thất thế.

Dự kiến sản phẩm

Yếu tố nghệ thuật	Tác dụng
<ul style="list-style-type: none"> - Nhịp: + Nhịp câu 1: 1/2/2 + Câu 2: 3/2 + Câu 3 đến câu 8: 2/3 - Từ ngữ: Từ chỉ sự đối lập “<i>nhưng</i>”, cặp từ hô ứng “<i>mỗi...mỗi</i>” 	<ul style="list-style-type: none"> -> Câu 1: Nhịp 1/2/2 (như nhịp đếm thời gian tạo âm điệu trầm buồn cho dòng thơ). - 6 câu tiếp đều có nhịp 2/3 (tạo cho âm điệu của cả đoạn thơ đều đều, thể hiện nỗi buồn dai dẳng, mênh mang). -> Từ “<i>nhưng</i>” thể hiện sự tương phản, đối lập giữa quá khứ và hiện tại. Cấu trúc “<i>mỗi năm...mỗi vắng</i>” lại cho thấy sự thừa thớt dần của người thuê viết. - Nhịp thơ 3/2 kết hợp với câu hỏi tu từ ở câu thứ 2 thể hiện tâm trạng bất ngờ, sửng sốt đầy xót xa. -> Gọi lên sự tương phản giữa quá khứ và hiện tại. - Cho thấy tâm trạng buồn, cô đơn, lạc lõng của ông đồ. - Tâm trạng buồn thương, xót xa của tác giả.
<ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp tu từ: + Điệp từ: <i>mỗi</i>: điểm nhịp bước đi của thời gian. + Nhân hóa + Câu hỏi tu từ, nghệ thuật tương phản, tả cảnh ngụ tình. + Tương phản 	

*GV nhận xét, và hỏi:

? Qua sự phân tích, em thấy tình cảnh của ông đồ lúc này

- Ông đồ cô đơn, lạc lõng, bị mọi người lãng quên.

như thế nào?

- Ông đồ cô đơn, lạc lõng, bị gạt ra bên lề cuộc sống.

GV: *Lúc này ông đồ rơi vào tình cảnh một nghệ sĩ hết công chúng, một cô gái hết duyên. Nỗi buồn của ông không chỉ thấm vào nghiên mực, giấy đỏ mà còn cộng hưởng, lan tỏa khắp không gian và thời gian, khiến bức tranh xuân năm ấy mang gam màu xám lạnh, u buồn. Ông đồ từ chỗ là trung tâm của bức tranh cuộc sống được mọi người ngưỡng mộ đã bị gạt ra bên lề của cuộc đời rồi dần chìm vào quên lãng.*

GV nêu câu hỏi thảo luận nhóm: Nêu lên sự tương phản của phần một và phần hai. Qua sự tương phản đó thấy được điều gì?

Phần 1: Ông đồ thời đắc ý	Phần 2: Ông đồ thời tàn
- Cảnh vật: tươi tắn, rực rỡ.	- Cảnh vật: tàn úa, ảm đạm.
- Không khí tươi vui, nhộn nhịp.	- Không khí: ảm đạm, thê lương.
- Ông đồ là trung tâm, được mọi người ngưỡng mộ.	- Ông đồ bị gạt ra bên lề của cuộc sống, không ai để ý đến ông.
<p>⇒ Sự tương phản làm nổi bật thăng trầm của số phận, sự tàn lụi của ông đồ, sự tàn phai của những nét đẹp văn hóa.</p> <p>- Thể hiện cảm hứng thương người và tình hoài cổ của Vũ Đình Liên.</p>	

GV bổ sung thêm: Nghệ thuật tương phản là một trong những thủ pháp nghệ thuật tiêu biểu của Thơ mới. Sự tương phản góp phần bộc lộ nỗi buồn, nỗi sầu của cái Tôi Thơ mới.

GV chuyển: Rồi thời gian trôi qua, một mùa xuân nữa lại về. Liệu ông đồ có còn ngồi bên hè phố, và nỗi lòng của nhà thơ thể hiện như thế nào, mời các em cùng tìm hiểu khổ thơ cuối.

a. Mục tiêu: Hiểu được ông Đồ trong hiện tại.

b. Nội dung: cảm nhận về khổ thơ cuối

c. Sản phẩm: học sinh hoàn thiện phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv chiếu khổ thơ cuối

? Đọc diễn cảm khổ cuối(giọng chậm, buồn bâng khuâng, thảng thốt)

GV giao nhiệm vụ

Thảo luận nhóm bàn(5')

1. Nhận xét về nét độc đáo trong kết cấu của khổ đầu và khổ cuối của bài thơ. Kết cấu đó thể hiện điều gì?

2. Sự thay đổi trong cách gọi ông đồ: *Ông đồ già* → *Ông đồ xưa* cho em cảm nhận gì?

3. Theo dõi 2 câu cuối, cho biết “những người muôn năm cũ” là ai? Em hiểu “hồn” là gì?

4. Tình cảm của tác giả?

***Thực hiện nhiệm vụ**

Hs suy nghĩ làm việc cá nhân, HS thảo luận nhóm, gv quan sát giúp đỡ hs thảo luận

Dự kiến trả lời:

1.

+ Khổ đầu và khổ cuối đều nhắc đến hoa đào và ông đồ(kết cấu đầu cuối tương ứng).

+ Hoa đào vẫn nở, mùa xuân lại đến > < ông đồ không còn nữa(tương phản).

→ TN vẫn tuần hoàn nhưng con người thì có thể trở thành xưa cũ và biến mất theo thời gian.

2.

- *Ông đồ xưa* không phải là cụm từ thay thế *ông đồ già*.

Già là khái niệm về tuổi tác, *xưa* là khái niệm về thời gian.

Giữa hai tên gọi đó là cả một khoảng cách về thời đại.

3. Là những ông đồ, một lớp nhà nho đã lùi vào dĩ vãng.

Hồn: linh hồn, tinh hoa văn hóa dân tộc.

4. Tác giả ngậm ngùi, nuối tiếc, xót xa.

3. Ông đồ vắng bóng và nỗi lòng của nhà thơ.

- Thiên nhiên vẫn tuần hoàn nhưng con người thì vắng bóng.

- Tác giả ngậm ngùi, nuối tiếc, xót xa.

<p>*Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét.</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng <p>GV giảng, bình:</p> <p><i>Nếu như ở 2 khổ thơ đầu ta thấy niềm vui, hào hứng của tác giả được bộc lộ gián tiếp khi chứng kiến cảnh ông đồ trong vòng vây của mọi người, buồn tủi khi ông đồ bị lãng quên ở khổ 3,4, thì đến đây là tâm trạng ngậm ngùi, tiếc nhớ đối với những lớp người xưa cũ, đối với nét văn hóa truyền thống đang dần bị mai một, lãng quên.</i></p> <p><i>Câu thơ kết vang lên chứa đầy cảm xúc: Nuôi tiếc, xót xa, tìm kiếm...đó cũng là khát khao gọi về những giá trị tinh thần đã bị bỏ quên. Đó cũng chính là tinh thần dân tộc và tấm lòng yêu nước kín đáo</i></p>	
<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nắm được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản <p>b. Nội dung: Giá trị tác phẩm</p> <p>c. Sản phẩm: hs trả lời miệng</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> ? Khái quát nghệ thuật đặc sắc ? Nội dung tư tưởng bài thơ <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> Học sinh:đọc thầm Giáo viên: quan sát hs làm việc <p>* Dự kiến sản phẩm: Đọc diễn cảm thể hiện đúng tâm trạng của hồ</p> <p>*Báo cáo kết quả: HS trả lời miệng.</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá 	<p>III. Tổng kết</p> <p><u>1. Nghệ thuật</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ ngũ ngôn - Kết cấu giản dị mà chặt chẽ, có nghệ thuật. - Ngôn ngữ thơ rất trong sáng, bình dị, được chắt lọc và tinh luyện nên hàm súc, dư ba. - Nghệ thuật: nhân hóa, tương phản... <p><u>2. Nội dung</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Niềm cảm thương chân thành với một lớp người đang tàn tạ (thương người). - Tiếc thương những giá trị tinh thần đẹp dễ bị lãng quên (hoài cổ). <p>⇒ Giá trị nhân văn, tấm lòng</p>

- Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng	yêu nước và tinh thần dân tộc. * Ghi nhớ (sgk)
--	--

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

<p>a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào giải bài tập</p> <p>b. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản “Ông đồ” và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản. - HS tập làm viết đoạn văn nghị luận và cảm thụ văn học. <p>c. Sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập. - Các đoạn văn đã viết. <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV phát phiếu bài tập. <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>HS thảo luận cặp đôi bài tập</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông đồ có niềm vui: được sáng tạo, có ích với đời, được mọi người ngưỡng mộ. - Thế nhưng vị trí của ông đồ là ở trường học, dạy học. Nay ông phải ra đường để bán chữ là một việc bất đắc dĩ. Mặc dù ông chưa bị thờ ơ ghẻ lạnh nhưng đã rất cô đơn. Chữ đã thành hàng hoá để bán mua bán, vì nghề dạy chữ nho đã lụi tàn "Mười người theo học chín người thôi" (Tú Xương). <p><i>Gợi ý :</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - "Những người muôn năm cũ" là những ông đồ, những nhà nho, những trí thức dân tộc đã làm nên nền văn hoá phong kiến lụi tàn. - Từ <i>hồn</i> làm cho câu thơ trở nên trang trọng, thiêng liêng, gợi tâm hồn, nhân cách, tài hoa và những giá 	<p>IV. Luyện tập</p> <p>1, Đọc hai khổ thơ đầu bài thơ <i>Ông đồ</i> của Vũ Đình Liên, có người bảo đây là những ngày huy hoàng của ông đồ. Có người bảo ngay từ đầu bài thơ ta đã thấy những ngày tàn của nho học và thân phận buồn của ông đồ. Em nghiêng về ý kiến nào ? Vì sao ?</p> <p>2, Em hiểu hai câu thơ cuối bài thơ <i>Ông đồ</i> như thế nào ?</p>
--	--

trị tinh thần mà các nhà nho xưa sáng tạo.

- Lòng xót xa, thương cảm cho ông đồ, cho các nhà nho - một lớp người tài hoa danh giá một thời nay đã bị lỗi thời, bị quên lãng do cuộc đời thay đổi; thương xót cho những gì đã từng là giá trị nay trở nên tàn tạ; thương xót nét đẹp văn hoá truyền thống của dân tộc bị mai một, lãng quên.

*** Báo cáo kết quả:**

- GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

*** Kết luận đánh giá:**

- HS, GV đánh giá, nhận xét.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (3P)

a. Mục tiêu:

- Mục tiêu: Giúp HS hiểu thêm cảm xúc của bài thơ. Giúp HS biết vận dụng kiến thức có trong bài học để giải quyết những vấn đề trong thực tế cuộc sống.

b. Nội dung:

- HS vận dụng kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ trữ tình để đọc một số đoạn trích/văn bản khác có cùng phương thức và chủ đề với văn bản “ ông đồ”

- HS vận dụng kĩ năng làm văn nghị luận văn học.

c. Sản phẩm: Kịch bản.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Giao nhiệm vụ học tập:** GV chiếu bài tập

- Gv chiếu lại hai khổ thơ đầu,

- Dựa vào hai khổ thơ đầu của bài thơ, hãy đóng vai ông đồ kể lại thời kì vàng son của mình?

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập...

- HS chọn bạn lên ý tưởng đóng vai đóng vai

*** Báo cáo kết quả:**

- GV gọi hs lên đóng vai.

*** Kết luận đánh giá:**

Hs nhận xét cử chỉ, điệu bộ và nội dung

Gv nhận xét, tuyên dương

Dự kiến sản phẩm: Tôi là ông đồ trong văn bản Ông đồ của tác giả VDL. Cứ mỗi độ tết đến xuân về, tôi lại mang mực tàu, giấy đỏ bày trên hè phố để viết câu đối. Hầu như ai đi qua cũng đều ghé vào chỗ tôi, người thì thuê viết, người thì xem, người thì bình phẩm cười

nói xôn xao. Đạo đó, có rất nhiều người thuê tôi viết câu đối để về bày biện cho nhà cửa thêm đẹp, thêm ý nghĩa vào dịp tết cổ truyền dân tộc. Vì đông quá mà có người phải chờ tôi cả nửa ngày mới đến lượt. Họ tấm tắc ngợi khen tài năng của tôi, “hoa tay thảo những nét như phượng múa rồng bay”. Tôi cảm thấy rất vui mừng vì đây là một nét đẹp văn hóa của dân tộc vẫn được mọi người giữ gìn và trân trọng. Thưa các bạn, có thể nói đây chính là thời kì vàng son nhất trong cuộc đời làm ông đồ của tôi.

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài:

Tiết

Ngày soạn: /01/2021

Ngày dạy: /01/2021

Tiếng Việt: CÂU NGHI VẤN

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hiểu rõ đặc điểm của câu nghi vấn. Phân biệt câu nghi vấn và các kiểu câu khác. Nắm vững chức năng của câu nghi vấn là dùng để hỏi.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, kỹ năng dùng câu nghi vấn trong tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh: học bài cũ, Sgk, vở ghi, nghiên cứu bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (3P)

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b. Nội dung: HS xác định đúng mục đích của câu văn cho trước.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv : Ghi ví dụ lên bảng

Ví dụ: Con đã ăn cơm chưa

? Câu trên thực hiện mục đích gì? Nó thuộc kiểu câu gì?

*** Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

*** Dự kiến sản phẩm:** Thực hiện mục đích hỏi

*** Báo cáo kết quả**

- Gv: gọi hs trả lời

- Hs: trả lời

*** Đánh giá kết quả**

- Hs: nhận xét

- Gv: nhận xét hs

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>a. Mục tiêu: Nắm được đặc điểm hình thức và chức năng chính của câu nghi vấn</p> <p>b. Nội dung: Tìm hiểu VD để rút ra kiến thức.</p> <p>c. Sản phẩm: Trình bày miệng</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên:</p> <p>Yêu cầu hs đọc ví dụ phần I.</p> <p>? Trong đoạn trích trên câu nào là câu nghi vấn.</p> <p>? Những đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu nghi vấn</p> <p>? Các câu nghi vấn đó dùng để làm gì.</p> <p>? Những câu vừa xét là câu nghi vấn. Vậy em cho biết đặc điểm và chức năng của câu nghi vấn là gì.</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>I. Đặc điểm hình thức và chức năng chính:</p> <p>1. Ví dụ:</p>

<p>Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Giáo viên: quan sát hs làm việc</p> <p>* Dự kiến sản phẩm</p> <p>- Các câu nghi vấn:</p> <p>+ Sáng ngày người ta đâm u có đau lắm không?</p> <p>+ Thế làm sao u cứ khóc mãi mà không ăn khoai?</p> <p>+ Hay là u thương chúng con đói quá?</p> <p>- Đặc điểm hình thức:</p> <p>+ Có chứa từ ngữ dùng để hỏi: “Không”, “làm sao”, “hay”...</p> <p>+ Cuối câu có dấu (?)</p> <p>- Chức năng: dùng để hỏi.</p> <p>* Báo cáo kết quả</p> <p>Gv: gọi hs trả lời</p> <p>- Hs: trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá, yêu cầu hs đọc ghi nhớ (SGK)</p>	<p>2. Nhận xét:</p> <p>- Hình thức: có những từ nghi vấn và dấu chấm hỏi cuối câu.</p> <p>- Chức năng chính: dùng để hỏi.</p> <p>3. Ghi nhớ: sgk/ 11</p>
---	--

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

<p>a. Mục tiêu:</p> <p>- Vận dụng kiến thức vừa học vào làm các bài tập</p> <p>b. Nội dung: làm bài tập SGK</p> <p>c. Sản phẩm: Làm vào vở bài tập</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ : yêu cầu hs mở vở bài tập ra để làm các bài tập</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bài tập 1: Hoạt động cá nhân</p> <p>Học sinh: làm việc cá nhân</p>	<p>II. Luyện tập:</p>
--	------------------------------

<p>Giáo viên: quan sát hs làm</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>Các câu nghi vấn:</p> <p>a. Chị khát tiền suu đến mai phải không?</p> <p>b. Tại sao con người lại phải khiếm tốn như thế?</p> <p>c. Văn là gì? Chương là gì?</p> <p>d. Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không?</p> <p>- Đùa trò gì?</p> <p>- Hừ...Hừ...Cái gì thế?</p> <p>- Chị Cốc béo xù đứng trước nhà ta đấy hả?</p> <p>Bài tập 2: Hoạt động cặp đôi</p> <p>Học sinh: làm việc cá nhân, trao đổi với bạn bên cạnh</p> <p>Giáo viên: quan sát hs làm</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>- Căn cứ vào đặc điểm hình thức. Chứa từ “hay” chỉ quan hệ lựa chọn. Cuối câu có dấu (?)</p> <p>- Căn cứ vào chứng năng: dùng để hỏi.</p> <p>- Không thể thay từ “hay” bằng từ “hoặc” bởi từ “hoặc” chỉ quan hệ lựa chọn nhưng không mang rõ chức năng hỏi.</p> <p>Bài tập 3: : Hoạt động cá nhân</p> <p>Học sinh: làm việc cá nhân</p> <p>Giáo viên: quan sát hs làm</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>- Không thể</p> <p>- Vì đó không phải là câu nghi vấn.</p> <p>Bài tập 4: Hoạt động nhóm theo bàn</p>	<p>Bài 1 / 11</p> <p>a. Chị khát tiền suu đến mai phải không?</p> <p>b. Tại sao con người lại phải khiếm tốn như thế?</p> <p>c. Văn là gì? Chương là gì?</p> <p>d. Chú mình muốn cùng tớ đùa vui không?</p> <p>- Đùa trò gì?</p> <p>- Hừ...Hừ...Cái gì thế?</p> <p>- Chị Cốc béo xù đứng trước nhà ta đấy hả?</p> <p><u>2. Bài 2 / 12</u></p> <p>- Căn cứ vào đặc điểm hình thức. Chứa từ “hay” chỉ quan hệ lựa chọn. Cuối câu có dấu (?)</p> <p>- Căn cứ vào chứng năng: dùng để hỏi.</p> <p>- Không thể thay từ “hay” bằng từ “hoặc” bởi từ “hoặc” chỉ quan hệ lựa chọn nhưng không mang rõ chức năng hỏi.</p> <p>3. Bài 3 / 13.</p> <p>- Không thể</p> <p>- Vì đó không phải là câu nghi vấn.</p> <p>4. Bài 4 / 13</p>
---	--

<p>Học sinh: làm việc cá nhân, trao đổi trong nhóm</p> <p>Giáo viên: quan sát hs làm</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>- Hình thức</p> <p>+ giống: cùng sử dụng dấu ? cuối câu</p> <p>+ khác nhau: cặp từ nghi vấn dùng để hỏi đã chưa không.</p> <p>- ý nghĩa:</p> <p>a. hỏi thăm sức khỏe của thời hiện tại, không biết trước đó tình trạng sức khỏe của người được hỏi như thế nào.</p> <p>b. hỏi thăm sức khỏe hiện tại nhưng người hỏi biết rõ trước đó người được hỏi có tình trạng sức khỏe không tốt</p>	<p>- Hình thức</p> <p>+ giống: cùng sử dụng dấu ? cuối câu</p> <p>+ khác nhau: cặp từ nghi vấn dùng để hỏi đã chưa không.</p> <p>- ý nghĩa:</p> <p>a. hỏi thăm sức khỏe của thời hiện tại, không biết trước đó tình trạng sức khỏe của người được hỏi như thế nào.</p> <p>b. hỏi thăm sức khỏe hiện tại nhưng người hỏi biết rõ trước đó người được hỏi có tình trạng sức khỏe không tốt</p> <p>5. Bài 5 / 13</p> <p>a. <i>Bao giờ anh đi Hà Nội?</i></p> <p><i>Bao giờ</i> đứng ở đầu câu: hỏi về thời điểm sẽ thực hiện hành động đi.</p> <p>b. <i>Anh đi Hà Nội bao giờ?</i></p> <p><i>Bao giờ</i> đứng ở cuối câu: hỏi về thời gian đã diễn ra hành động đi.</p> <p>6. Bài 6 / 13</p>
<p>Bài tập 5,6: Hoạt động cá nhân</p> <p>Học sinh: làm việc cá nhân</p> <p>Giáo viên: quan sát hs làm</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>Bài 5:</p> <p>a. <i>Bao giờ anh đi Hà Nội?</i></p> <p><i>Bao giờ</i> đứng ở đầu câu: hỏi về thời điểm sẽ thực hiện hành động đi.</p> <p>b. <i>Anh đi Hà Nội bao giờ?</i></p> <p><i>Bao giờ</i> đứng ở cuối câu: hỏi về thời gian đã diễn ra hành động đi.</p> <p>Bài 6:</p> <p>a. <i>Chiếc xe này bao nhiêu ki-lô-gam mà nặng thế?</i></p>	<p>a. <i>Chiếc xe này bao nhiêu ki-lô-gam mà nặng thế?</i></p> <p>Câu nghi vấn này đúng và người hỏi đã tiếp xúc với sự vật, hỏi để biết trọng lượng chính xác của sự vật đó.</p> <p>b. <i>Chiếc xe này giá bao nhiêu mà rẻ thế?</i></p> <p>Câu nghi vấn này sai vì người hỏi chưa biết giá chính xác của chiếc xe thì sẽ không phân biệt được mắc hay rẻ được.</p>

Câu nghi vấn này đúng và người hỏi đã tiếp xúc với sự vật, hỏi để biết trọng lượng chính xác của sự vật đó.

b. Chiếc xe này giá bao nhiêu mà rẻ thế?

Câu nghi vấn này sai vì người hỏi chưa biết giá chính xác của chiếc xe thì sẽ không phân biệt được mắc hay rẻ được.

***Báo cáo kết quả**

-Hs: trình bày trên bảng

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(6P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào viết đoạn văn có sử dụng câu nghi vấn.

b. Nội dung: HS viết đoạn văn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv: giao nhiệm vụ

?Viết 1 đoạn văn ngắn về chủ đề quê hương, trong đó có sử dụng 1 câu nghi vấn

***Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh:tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

Giáo viên: quan sát hs làm việc

***Báo cáo kết quả**

Gv: gọi hs lên bảng thực hiện

-Hs:làm lên bảng

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà(1P)**

- Học bài, làm hoàn thiện các bài tập.

- Chuẩn bị tiết sau: **Câu nghi vấn.**

Tiết 76

Ngày soạn: /01/2021

Ngày dạy: /01/2021

Tiếng Việt: CÂU NGHI VẤN (Tiếp theo)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hiểu rõ đặc điểm của câu nghi vấn. Phân biệt câu nghi vấn và các kiểu câu khác. Nắm vững chức năng của câu nghi vấn là dùng để hỏi.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Học bài “Câu nghi vấn”.
- Chuẩn bị bài: trả lời câu hỏi trong sgk.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về các chức năng khác của câu nghi vấn.

b. Nội dung: Hs chỉ ra được chức năng của câu nghi vấn cho trước.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện

***Chuyển giao nhiệm vụ**

-> **Xuất phát từ tình huống có vấn đề**

- *Giáo viên yêu cầu:*

? Đặt 2 câu nghi vấn, chỉ ra đặc điểm hình thức và chức năng của nó?

- *Học sinh tiếp nhận...*

***Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh: làm bài*

- *Giáo viên: gọi dẫn*

*** Dự kiến sản phẩm:**

***Báo cáo kết quả**

***Đánh giá kết quả**

- *Giáo viên nhận xét.*

-> *Giáo viên dẫn vào bài:* Dẫn dắt từ việc chữa bài làm của HS-> Ngoài chức năng chính là để hỏi, câu nghi vấn còn có nhiều chức năng khác như cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ tình cảm.... Chúng ta cùng tìm hiểu bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (16P)

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>III. Những chức năng khác (</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp HS nắm những chức năng khác của câu nghi vấn.</p> <p>b. Nội dung: tìm hiểu các chức năng khác của câu nghi vấn</p> <p>c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- <i>Giáo viên yêu cầu:</i></p> <p>THẢO LUẬN NHÓM (3P)</p> <p>? Xác định câu nghi vấn trong những VD trên ?</p> <p>? Các câu nghi vấn trên có dùng để hỏi không?</p> <p>? Nếu không dùng để hỏi thì để làm gì?</p> <p>? Nhận xét về dấu kết thúc những câu nghi vấn trên?</p> <p>? Vậy ngoài chức năng dùng để hỏi câu nghi vấn còn dùng để làm gì?</p> <p>- <i>Học sinh tiếp nhận.</i></p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- <i>Học sinh:</i> Đại diện nhóm trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét.</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> nhận xét</p>	<p>III. Những chức năng khác:</p> <p>1. Ví dụ:</p> <p>2. Nhận xét:</p>

<p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>? Xác định câu nghi vấn trong những VD trên ?</p> <p>a) Những người.... Hồn ở đâu bây giờ?</p> <p>b) Mày định nói....đấy à?</p> <p>c) Có biết không? Lính đâu? Sao bay...vậy ? Không còn...à?</p> <p>d) Cả câu.</p> <p>e) Con gái...ư? Chả lẽ đúng là nó...ấy?</p> <p>? Các câu nghi vấn trên có dùng để hỏi không?</p> <p>? Nếu không dùng để hỏi thì để làm gì?</p> <p>a) Bộc lộ tình cảm, cảm xúc (sự hoài niệm, tâm trạng nuối tiếc).</p> <p>b) Đe dọa</p> <p>c) Đe dọa</p> <p>d) Khẳng định</p> <p>e) Bộc lộ cảm xúc (sự ngạc nhiên)</p> <p>Treo bảng phụ VD</p> <p>? Chỉ ra chức năng của các câu nghi vấn sau?</p> <p>- Anh có thể lấy giúp em quyển sách được không?</p> <p>-> Cầu khiến</p> <p>- Ngôi nhà kia mà cao ư?</p> <p>-> Phủ định</p> <p>- Học như thế thì lấy gì mà đi thi?</p> <p>-> Mỉa mai.</p> <p>? Nhận xét về dấu kết thúc những câu nghi vấn trên ?</p> <p>- Không phải tất cả các câu nghi vấn đều kết thúc bằng dấu chấm hỏi. Câu nghi vấn thứ hai ở VD e kết thúc bằng dấu chấm than để bộc lộ cảm xúc.</p> <p>*Báo cáo kết quả: trình bày theo nhóm.</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</p> <p>? Gọi h/s đọc ghi nhớ?</p> <p>- HS đọc</p>	<p>- Không dùng để hỏi.</p> <p>- Dùng để:</p> <p>+ Bộc lộ tình cảm, cảm xúc.</p> <p>+ Đe dọa.</p> <p>+ Khẳng định.</p> <p>+ Cầu khiến.</p> <p>+ Phủ định...</p> <p>- Không phải tất cả các câu nghi vấn đều kết thúc bằng dấu hỏi chấm. Có trường hợp câu nghi vấn kết thúc bằng dấu chấm than...</p> <p>3. Ghi nhớ: sgk</p>
--	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(20P)

Mục	Nhiệm	Phương	Yêu	IV. Luyện tập:
-----	-------	--------	-----	----------------

tiêu	vụ	thức thực hiện	cầu sản phẩm
Giúp Hs vận dụng kiến thức về câu nghi vấn giải quyết các bài tập.	HS tìm hiểu bài tập/sgk	hoạt động cá nhân, hỗ trợ chung, hoạt động nhóm.	Vở bài tập.

? Xác định câu nghi vấn? Các câu nghi vấn đó dùng để làm gì?
Ghi ra bảng phụ. Xác định câu nghi vấn?
Đặc điểm hình thức và chức năng của nó?
H suy nghĩ cá nhân -> Làm bài tập trên ra bảng phụ.
G nhận xét, sửa chữa

Như bài tập 1.
H làm cá nhân.
G nhận xét, sửa chữa

1. Bài tập 1:

a. Con người đáng.... để nó ăn ư?
-> Bộc lộ tình cảm, cảm xúc (sự ngạc nhiên).

b. Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
.....
Thời oanh liệt nay còn đâu?
-> Phủ định, bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

c. Sao ta không ngắm sự biệt li theo tâm
hồn... rơi?
-> Câu khiến, bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

d. Ôi, nếu thế.... bóng bay?
-> Phủ định, bộc lộ tình cảm, cảm xúc

2. Bài tập 2:

a) Sao cụ... thế? Tội gì bây giờ... lại? Ăn
mãi... lo liệu?
Đặc điểm hình thức: Sao, gì, gì.
-> Phủ định.

b) Cả đàn bò.... chần dốt làm sao?
Đặc điểm hình thức: làm sao.
=> Bộc lộ sự băn khoăn, ngần ngại.

c) Ai dám bảo... tình mẫu tử?
Đặc điểm hình thức: Ai.
=> Khẳng định.

d) Thằng bé.... việc gì? Sao lại ... mà khóc?

H thảo luận nhóm
G nhận xét, sửa chữa

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(5P)

a. Mục tiêu: học sinh biết vận dụng hiểu biết của mình về văn bản vào việc giải quyết tình huống thực tế.

b. Nội dung: Viết đoạn văn có sử dụng câu nghi vấn.

c. Sản phẩm: bài viết của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên:*

? Viết một đoạn hội thoại theo chủ đề tự chọn có sử dụng câu nghi vấn? Chỉ ra chức năng của câu nghi vấn đó

- Học sinh tiếp nhận.

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh*: trả lời cá nhân- nhận xét.

- *Giáo viên*: nhận xét.

*** Dự kiến sản phẩm:**

Yêu cầu:

- + Đúng hình thức, nội dung đoạn văn.
- + Sử dụng câu nghi vấn và chỉ ra chức năng của nó.

***Báo cáo kết quả**

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà(1P)**

- Tìm các văn bản đã học có chứa câu nghi vấn được sử dụng với chức năng khác chức năng chính, phân tích tác dụng.
- Chuẩn bị bài tiếp theo: Viết đoạn văn trong văn bản thuyết minh.

Tiết

LUYỆN TẬP- TỔNG KẾT CHỦ ĐỀ

I. MỤC TIÊU

1.Kiến thức: Luyện tập củng cố, nâng cao kiến thức về chủ đề. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: máy chiếu, vi tính, ...hình ảnh, tư liệu

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn tập toàn bộ nội dung chủ đề

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

*** Kiểm tra bài cũ:** Trong quá trình luyện tập

2.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI: (15P)

CHUYÊN MỤC: KHÁN GIẢ THÔNG MINH

-Hãy làm khán giả của chương trình “ VĂN HỌC VÀ ĐỜI SỐNG”. Chia sẻ cảm nhận của em sau khi thưởng thức chương trình ?

(1) Nghe ngâm hai bài thơ “Nhớ rừng” và “Ông đồ”.

(2) Nghe hai bài hát “ Áo trắng”- thơ Huy Cận và “ Chân quê”- thơ Nguyễn Bính.

(3) Giới thiệu phần ngâm thơ các tác phẩm của Xuân Diệu. Nghe một bài “ Gửi hương cho gió”?

- Đề tài của thơ mới:.....

-Cảm nhận về nội dung các tác phẩm thơ mới được trình bày qua giọng ngâm và giọng ca.....

-Tur tưởng, tình cảm của các tác giả gửi gắm qua thi phẩm được biểu diễn



3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (15P)

KIỂM TRA 15 PHÚT

I. TRẮC NGHIỆM (4đ)

1.Văn bản Nhớ rừng, Quê hương thuộc phong trào thơ nào?

- A.Văn học hiện thực Việt Nam 1930-1945
- B.Văn học phong trào Thơ Mới
- C.Văn học trung đại
- D.Văn học hiện đại

2.Nhân vật trữ tình trong tác phẩm “Nhớ rừng”?

- A.Con hổ.
- B. Ông Đồ
- C. Nhân vật tôi
- D. Nhân vật người con xa quê

3. Dòng nào dưới đây thể hiện cảm hứng chủ đạo trong bài thơ “Ông đồ” (Vũ Đình Liên) ?

- A. Niềm hoài cổ sâu sắc
- B. Nỗi nhớ cảnh cũ người xưa
- C. Lòng thương người
- D. Lòng thương người và nỗi niềm hoài cổ.

4. Bài thơ “Nhớ rừng” (Thế Lữ) đã khơi gợi tình cảm gì ở người dân Việt Nam đương thời ?

- A. Sự chán ghét thực tại tù túng
- B. Lòng yêu nước thầm kín

- C. Lòng căm thù giặc
- D. Mong muốn được thoát li cuộc sống thực tại

II. Tự luận (6 điểm)

Câu 1. Từ tình cảnh và tâm trạng của con hổ trong bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ cũng như của người dân Việt Nam đầu thế kỉ XX, em có suy nghĩ gì về cuộc sống hòa bình tự do ngày nay (trình bày khoảng một trang, trong đó có sử dụng một câu nghị vấn với chức năng khác).

* Đáp án

I. TRẮC NGHIỆM (Mỗi ý trả lời đúng được 1 điểm)

- 1-B
- 2-A
- 3-D
- 4-B

II. TỰ LUẬN

- Gv nêu yêu cầu:

- Hình thức: (1 điểm)
- + Sử dụng phương thức nghị luận. Có sử dụng câu nghị vấn.
- + Trình bày, diễn đạt : Bố cục hợp lý, ngôn ngữ truyền cảm, hấp dẫn.
- Nội dung: (5 điểm)
- + Nêu vấn đề.
- + Khái quát tình cảnh và tâm trạng của con hổ trong bài thơ cũng như của người dân Việt Nam đầu thế kỉ XX: Cuộc sống nô lệ, tù túng, tẻ nhạt, uất hận...
- + Trân trọng cuộc sống tự do ngày nay: Người người sống trong hoà bình, ấm no, hạnh phúc.
- + Biết ơn những người đã hy sinh xương máu để giành lại độc tự do cho dân tộc.
- + Sống có trách nhiệm với bản thân và đất nước. Xây dựng cuộc sống ngày một tốt đẹp.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (4P)

- (1). Tìm hiểu thêm về phong trào thơ mới.
- (2). Vận dụng tìm hiểu một số bài thơ mới:

- *Nắng mới*- Lưu Trọng Lư
- *Chợ tết* - Đoàn Văn Cừ
- *Mùa xuân chín*- Hàn Mặc Tử

5. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO (5P)

- Chuẩn bị soạn văn bản tiếp theo: Quê hương
- Sưu tầm thông tin về tác giả, tác phẩm để báo cáo (vẽ trên giấy khổ rộng hoặc thiết kế trình chiếu trên máy tính -máy chiếu).
- Đọc tài liệu tham khảo
- Trả lời các câu hỏi SGK.

Tiết:

Ngày soạn: /01/2021

Ngày giảng: /01/2021

Tập làm văn: VIẾT ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Kiến thức về đoạn văn, bài văn thuyết minh
- Yêu cầu viết đoạn văn thuyết minh

2. Năng lực

a. Các năng lực chung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: đọc hiểu một văn bản nghị luận.
- Tự chủ và tự học.
- Giao tiếp và hợp tác.

b. Các năng lực chuyên biệt.

- **Năng lực ngôn ngữ:** giao tiếp tiếng Việt, sử dụng ngôn ngữ: trình bày một vấn đề trước tập thể, nâng cao khả năng giao tiếp... Xác định được chủ đề, sắp xếp và phát triển ý khi viết đoạn văn thuyết minh. Diễn đạt rõ ràng, chính xác. Viết một đoạn văn thuyết minh có độ dài 90 chữ
- **Năng lực thẩm mĩ:** thưởng thức, cảm thụ văn học.

3. Phẩm chất

- Yêu nước
- Chăm chỉ: có trách nhiệm trong học tập.
- Nhân ái: Yêu bạn bè, thầy cô, cha mẹ thông qua việc đọc sách.
- Trách nhiệm, trung thực: Thấy được sự cần thiết của văn bản thuyết minh đời sống của con người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, máy chiếu

2. Chuẩn bị của học sinh:- Soạn bài.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (5P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu thấy được ý nghĩa của việc đọc sách.

b. Nội dung: HS theo dõi, thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS suy nghĩ trả lời.

d. Tổ chức thực hiện:

* GV chuyển giao nhiệm vụ:

Để viết được bài văn, đoạn văn TM, chúng ta cần phải làm gì?

*** HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

- HS nghe câu hỏi suy nghĩ câu trả lời miệng.

*** Báo cáo kết quả:** HS trả lời

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá dẫn vào bài.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30P)

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động 1: 1. Nhận diện các đoạn văn thuyết minh</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp HS Nhận diện các đoạn văn thuyết minh</p> <p>b. Nội dung: HS tìm hiểu ở nhà.</p> <p>c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm, phiếu học tập, câu trả lời của HS.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* GV chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>1. Thế nào là đoạn văn? Nếu viết được các đoạn văn tốt thì sẽ có hiệu quả gì ?</p> <p>=>Viết tốt các đoạn văn là ĐK để làm tốt bài văn</p> <p>Cho HS đọc 2 đoạn văn trong SGK. Hỏi:</p> <p>- Nội dung của mỗi đoạn là gì</p> <p>- Mỗi đoạn được trình bày theo cách nào? Hãy tìm câu chủ đề, từ ngữ chủ đề của 2 đoạn văn đó?</p> <p>- Các câu còn lại có vai trò, tác dụng ntn đối với câu chủ đề hoặc từ ngữ chủ đề? (giải thích, bổ sung gì ?)</p> <p>- Mỗi đoạn văn đã sử dụng phương pháp thuyết minh nào ?Tác dụng?</p>	<p>1. Nhận diện các đoạn văn thuyết minh</p>
<p>Dự kiến sản phẩm:</p> <p>a. Nội dung: Nguy cơ thiếu nước sạch trên TG.</p> <p>- Trình bày theo cách diễn dịch. Câu chủ đề: câu 1. Các câu sau bổ sung thông tin làm rõ câu chủ đề:</p> <p>+ Câu 2: Cung cấp TT về lượng nước ngọt ít ỏi</p> <p>+ Câu 3: Cho biết lượng nước ngọt ấy bị ô nhiễm.</p> <p>+ Câu 4: Nêu sự thiếu nước ở các nước trên TG.</p> <p>+ Câu 5: Dự báo đến năm 2025, 2/3 dân thiếu nước</p>	<p>*Đoạn văn: sgk/14</p>

<p>- Phương pháp thuyết minh: dùng số liệu (3%, 2025, 2/3) kết hợp phân tích.</p> <p>b.Nội dung: Giới thiệu về Phạm Văn Đồng</p> <p>- Trình bày theo cách song hành:</p> <p>+ Không có câu chủ đề, chỉ có từ ngữ chủ đề: Phạm Văn Đồng.</p> <p>+ Các câu đều làm nhiệm vụ cung cấp thông tin về các hoạt động đã làm của PVD</p> <p>- Phương pháp TM: Vừa giải thích vừa liệt kê.</p>	
<p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS: trao đổi lại, thống nhất sản phẩm,</p> <p>- GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất.</p> <p>* Báo cáo kết quả: HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.</p> <p>* Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p>	
<p>Qua 2 đoạn văn trên, em rút ra kết luận gì về cách trình bày nội dung một đoạn văn?</p> <p>- Mỗi đoạn văn thường trình bày 1 ý, ý đó thường thể hiện ở câu chủ đề hoặc từ ngữ chủ đề.</p> <p>- Các câu trong đoạn hướng về chủ đề, làm rõ chủ đề</p>	<p>- Mỗi đoạn văn thường trình bày 1 ý, ý đó thường thể hiện ở câu chủ đề hoặc từ ngữ chủ đề.</p> <p>- Các câu trong đoạn hướng về chủ đề, làm rõ chủ đề</p>
<p>Hoạt động 2: HS nhận xét và sửa lại đoạn văn TM chưa chuẩn</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp HS sửa lại đoạn văn TM chưa chuẩn</p> <p>b. Nội dung: HS sửa đoạn văn</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập, câu trả lời của HS.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* GV chuyển giao nhiệm vụ:</p>	

<p>Gọi HS đọc 2 đoạn văn mục 2. Chia nhóm cho HS thảo luận theo yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi đoạn văn thuyết minh về đối tượng nào? - Cách thuyết minh của đoạn như vậy đã hợp lí chưa? Vì sao? Hãy chỉ ra nhược điểm của mỗi đoạn và nêu cách sửa? <p>(Nếu giới thiệu cây bút bi thì nên giới thiệu ntn?)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn văn trên nên tách đoạn và mỗi đoạn viết lại như thế nào ? - Nên giới thiệu về đèn bàn bằng phương pháp nào? Có thể tách làm mấy đoạn? Mỗi đoạn nên viết như thế nào?) 	<p>2.Sửa lại đoạn văn TM chưa chuẩn</p>
<p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS: trao đổi lại, thống nhất sản phẩm, trình bày các thông tin về tác giả Chu Quang Tiềm, hoàn cảnh ra đời của truyện ngắn, có tranh minh họa - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất. - Dự kiến sản phẩm: <p>*Đoạn văn a: Thuyết minh về cây bút bi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách thuyết minh chưa hợp lí vì đoạn văn không diễn đạt một ý mà có nhiều ý lẫn vào (câu 1 là đặc điểm, câu 2,3,4 là cấu tạo, câu 5 là cách sử dụng)- <p>>Sửa: tách thành 3 đoạn, mỗi đoạn viết về một ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đặc điểm của cây bút bi. + Cấu tạo của bút bi. + Cách sử dụng và bảo quản bút bi. <p>* Đoạn văn b: Thuyết minh về chiếc đèn bàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách thuyết minh còn lộn xộn, không tuân theo thứ tự nhận thức sự vật và thứ tự cấu tạo sự vật. <p>->Sửa: Sắp xếp lại cho phù hợp với nhận thức và thứ tự cấu tạo sự vật.: Cấu tạo đèn bàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phần chao đèn: làm bằng vải lụa có khung sắt ở trong và vòng thép gắn với thân đèn + Phần thân đèn: là một ống thép rỗng, không gỉ để luôn dây điện phía trong, đầu dưới gắn với đế, đầu trên gắn với đui đèn để lắp bóng đèn + Phần đế đèn: Là một hộp nhựa cứng vững chắc, 	

đỡ thân đèn, có công tắc để bật tắt	
Hãy sửa lại 2 đoạn văn trên? GV chiếu đoạn văn của HS, cho HS nhận xét.	
* Báo cáo kết quả: HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe. 4. Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng	
Qua các BT trên hãy cho biết khi làm bài văn TM cần phải làm gì? Khi viết đoạn văn cần phải làm gì? Các ý trong đoạn văn cần được sắp xếp như thế nào? *GV chốt lại.Gọi HS đọc	- Khi làm bài văn TM - Khi viết đoạn - Các ý trong đoạn * Ghi nhớ (SGK/15)

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(5P)

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về phần 1 của vb để làm bài tập.

b. Nội dung: HS viết đv

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS; vở ghi.

d. Tổ chức thực hiện:

* **GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**

Bài 1: Viết phần mở bài và kết bài

Hãy viết phần mở bài và kết bài cho đề văn: “Giới thiệu trường em”

HS viết theo 2 nhóm: Nhóm 1: viết phần MB

Nhóm 2: viết phần KB

Bài 2: Viết đoạn văn TM theo chủ đề : Hãy viết thành 1 đoạn văn TM theo chủ đề: *Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của nhân dân VN.*

VD. *Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của nhân dân VN.* Người đã bôn ba khắp năm châu bốn biển tìm con đường đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách lầm than, nô lệ. Người đã sáng lập ra Đảng cộng sản Việt Nam và lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công, đem lại độc lập tự do cho dân tộc. Người đã cống hiến cả cuộc đời mình cho dân, cho nước.

Bài 3: Viết đoạn văn giới thiệu bố cục sách Ngữ văn 8 tập 1.

HS viết cá nhân. 2-3 HS trình bày, HS khác n/ xét.

Tham khảo: SGK Ngữ văn 8, tập một có bố cục hợp lí, khoa học. Sách gồm 17 bài. Mỗi bài có nội dung tích hợp 3 phân môn: Đọc -hiểu văn bản - Tiếng Việt -Tập làm văn. Ba phần này có quan hệ gắn bó, bổ sung cho nhau. Phần văn bản chủ yếu là các tác phẩm truyện kí hiện đại của Việt Nam và một số nước trên thế giới nhằm giúp HS thấy được vẻ

đẹp của các tác phẩm, các hình tượng văn học, các nhân vật điển hình.... đồng thời cung cấp những ngữ liệu giúp HS tìm hiểu về các kiến thức trong phân môn Tiếng Việt và Tập làm văn. Phần Tiếng Việt hướng vào tìm hiểu các đơn vị kiến thức về các lớp từ, nghĩa của từ, các biện pháp tu từ từ vựng, các kiểu câu, dấu câu để từ đó giúp HS vận dụng linh hoạt trong tìm hiểu văn bản và trong giao tiếp. Phần Tập làm văn tập trung vào các kiểu văn bản tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm, thuyết minh để giúp HS có kỹ năng tạo lập các loại văn bản này.

***HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

- Nghe và làm bt
- GV hướng dẫn HS về nhà làm.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học về văn bản để trả lời câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Gv chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**

- Chỉ ra các PPTM và cách trình bày nội dung trong đoạn văn em vừa viết

*** HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.**

+ Nghe yêu cầu.

***Báo cáo kết quả:** -Gv yêu cầu HS trình bày câu trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận .

Tiết

Ngày soạn: /01/2021

Ngày giảng: /01/2021

Văn bản: QUÊ HƯƠNG (Tế Hanh)

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- HS nhận biết được nguồn cảm hứng trong thơ Tế Hanh nói chung và tình yêu quê hương đậm thấm; hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của con người và sinh hoạt lao động, lời thơ bình dị, gợi cảm xúc trong sáng tha thiết.
- HS bước đầu hiểu được nguồn cảm hứng trong thơ Tế Hanh nói chung và tình yêu quê hương đậm thấm; hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của con người và sinh hoạt lao động, lời thơ bình dị, gợi cảm xúc trong sáng tha thiết.

- HS cảm nhận được nguồn cảm hứng trong thơ Tế Hanh nói chung và tình yêu quê hương đậm thắm; hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của con người và sinh hoạt lao động, lời thơ bình dị, gợi cảm xúc trong sáng tha thiết.

2. Năng lực

a. Các năng lực chung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo
- Tự chủ và tự học.
- Giao tiếp và hợp tác.

b. Các năng lực chuyên biệt.

- **Năng lực ngôn ngữ:** giao tiếp tiếng Việt, sử dụng ngôn ngữ: trình bày một vấn đề trước tập thể, nâng cao khả năng giao tiếp... Đọc, hiểu, phân tích tác phẩm thơ hiện đại.
- **Năng lực thẩm mỹ:** thưởng thức, cảm thụ văn học.

3. Phẩm chất

- Yêu nước.
- Chăm chỉ: có trách nhiệm trong học tập.
- Nhân ái: Yêu bạn bè, thầy cô, cha mẹ
- Trách nhiệm, trung thực: HS biết yêu quê hương, bồi dưỡng tình cảm yêu quê hương, đất nước cho HS.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, máy chiếu, tranh minh họa.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Soạn bài.
- Tìm đọc những thông tin về tác giả, văn bản.
- Sưu tầm thông tin về văn bản liên quan đến nội dung bài.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (5P)

a. Mục tiêu:

- *Tạo tâm thế hứng thú cho HS.*
- *Kích thích HS tìm hiểu về tình yêu quê hương của mỗi người khi xa quê.*

b. Nội dung: HS nghe ca khúc

c. Sản phẩm : Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

*Chuyển giao nhiệm vụ

-> Xuất phát từ tình huống có vấn đề

- Giáo viên yêu cầu:

GV: Các em lắng nghe ca khúc sau. Trong khi nghe các em chú ý cho cô một số câu hỏi sau:

? Tên bài hát ? Tác giả? Cảm nhận của em về bài hát.

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: Trả lời theo suy nghĩ của bản thân

- Giáo viên: gợi dẫn

- Dự kiến sản phẩm:

- HS1: Bài hát rất hay, em rất thích, lời bài hát gần gũi, tha thiết.

- HS2: Ca khúc **quê tôi** là hoài niệm của tác giả về quê hương nơi mình sinh ra lớn lên với những kỉ niệm đẹp đẽ trong sáng về tuổi thơ với lũy tre làng, với cánh đồng hương lúa với cánh diều, mái tranh nghèo và tiếng gà gọi cha vác cuốc ra đồng.

***Báo cáo kết quả:** HS trả lời.

***Đánh giá kết quả**

- Giáo viên nhận xét.

->Giáo viên dẫn vào bài: Ca khúc **Quê tôi** là tình yêu của tác giả với nơi mình sinh ra và lớn lên với những kỉ niệm gần gũi giản dị thân thương.

Các em ạ, trong cuộc sống, nhiều khi những tình cảm rộng lớn như tình yêu quê hương, đất nước lại được bắt nguồn từ những điều gần gũi, bình dị và thân thuộc nhất đúng như nhà văn nổi tiếng người Nga I-li-a Ê-ren-bua đã viết : *Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dải Trường giang Vôn ga, con sông Vôn ga đi ra bể. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.* Cùng chung cảm xúc đó, nhà thơ Tế Hanh đã tìm được cách nói của riêng qua bài thơ Quê hương. Và trong buổi học hôm nay cô cùng các em sẽ đi tìm hiểu văn bản.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (32P)

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>HD 1: I. Giới thiệu chung</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Tế Hanh và văn bản “Quê hương”.</p> <p>b. Nội dung: Những hiểu biết về tác giả, tác phẩm</p> <p>c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên yêu cầu: Trình bày dự án tác giả Tế Hanh</p> <p>- Học sinh tiếp nhận.</p>	<p>I. Giới thiệu chung:</p> <p>1. Tác giả:</p>

<p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Học sinh</i>: Đại diện nhóm trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét. - <i>Giáo viên</i>: nhận xét <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tế Hanh tên khai sinh là Trần Tế Hanh (1921-2009). - Tình yêu quê hương tha thiết là điểm nổi bật trong thơ Tế Hanh. - Ông được nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật VN 1996. - Các tác phẩm chính : <ul style="list-style-type: none"> + Tập thơ : “ Hoa niên” - 1945; “Gửi miền Bắc” - 1955; “Tiếng sóng” - 1960; “Hai nửa yêu thương” - 1963 “ Câu chuyện Quê Hương” 1973... <p>*Báo cáo kết quả: trình bày theo nhóm.</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</i> - <i>Giáo viên nhận xét, đánh giá</i> <p>-> <i>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.</i></p> <p><i>GV nhấn mạnh(chiếu hình ảnh nhà thơ Tế Hanh và tác phẩm của ông):</i></p> <p>Hình ảnh mà các em đang theo dõi là chân dung của nhà thơ Tế Hanh. Ông sinh ra và lớn lên ở miền quê thuộc vùng biển Quảng Ngãi. Thân phụ Tế Hanh là một người yêu thích và thường xuyên sáng tác thơ ca. Lớn lên trong hoàn cảnh đó, lại có năng khiếu từ nhỏ và sớm được tiếp xúc với dòng thơ lãng mạn nên Tế Hanh đến với phong trào thơ Mới như một lẽ tự nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông đến với phong trào thơ Mới ở chặng cuối, không ồn ào choáng ngợp, thơ Tế Hanh thấm vào lòng người tự nhiên như một làn gió nhẹ, một ngụm nước trong. - Tình yêu quê hương tha thiết là điểm nổi bật trong thơ Tế Hanh. - Cũng như bài thơ Nhớ rừng, bài Quê hương viết theo thể 8 chữ. Thể thơ này khá linh hoạt, độ dài ngắn không hạn định, gieo vần liền. Thể thơ này rất phù hợp trong việc diễn tả những cung bậc cảm xúc về quê hương yêu dấu của tác giả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tế Hanh (1921- 2009) quê ở Quảng Ngãi. - Ông đến với phong trào Thơ mới khi phong trào này đã có rất nhiều thành tựu. - Tình yêu quê hương tha thiết là đặc điểm nổi bật của thơ Tế Hanh. <p>2. Văn bản:</p> <p>a, Xuất xứ, thể loại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất xứ: rút từ tập “Nghẹn ngào”(1939) (Hoa niên), xuất bản năm 1943 - Thể loại: ... <p>b, Đọc, chú thích, bố cục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc: - Chú thích: - Bố cục:
---	---

? Nêu những hiểu biết về văn bản? (Xuất xứ, thể loại)

- 1 HS trả lời.

*** Dự kiến TL:**

- Bài thơ sáng tác năm 1939, lúc tác giả 18 tuổi đang là học trò sống xa quê hương (từ Quảng Ngãi ra Huế học). Bài thơ được viết trong cảm xúc nhớ nhà, nhớ quê với một tâm hồn trong trẻo.

- Thể thơ 8 chữ.

- Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả.

- Đọc văn bản:

G/v hướng dẫn đọc - đọc mẫu

3 h/s đọc - g/v nhận xét

HS: - Đọc bài thơ.

- Nhận xét.

- Chú thích: ? Kiểm tra việc nhớ từ khó h/s bằng một số ghi nhớ.

? Nêu bố cục của bài thơ?

2 câu đầu: giới thiệu về quê hương.

6 câu tiếp: Cảnh thuyền ra khơi đánh cá.

8 câu tiếp: Cảnh thuyền đánh cá trở về.

4 câu tiếp: Cảm xúc đối với quê hương.

HD 2: II. Đọc- hiểu văn bản:

1. Giới thiệu về làng quê:

a. Mục tiêu: Giúp học sinh biết về vị trí, nghề nghiệp của làng quê của tác giả.

b. Nội dung: Trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên:

? Gọi h/s đọc 2 câu đầu?

Thảo luận nhóm bàn (3')

1. Tác giả đã giới thiệu về quê hương của mình qua những chi tiết nào?

2. Nhận xét về cách giới thiệu của tác giả về quê hương?

II. Đọc- hiểu văn bản:

1. Giới thiệu về làng quê:

3. Qua cách giới thiệu đó em cảm nhận được điều gì về quê hương của tác giả?

- Học sinh tiếp nhận.

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét.

- Giáo viên: nhận xét.

- Dự kiến sản phẩm:

1. Giới thiệu:

- Nghề của làng: chài lưới (đánh cá)

- Vị trí của làng: Cửa sông, ven biển, bốn bề là nước (Đi xuôi sông nửa ngày thì ra tới biển)

2. Cách giới thiệu:

- 2 câu thơ đầu sử dụng nhịp 3/5 tạo nên giọng điệu nhịp nhàng, đều đặn như tâm tình, thủ thi.

- Cách đo khoảng cách ở đây rất đặc biệt: đo bằng thời gian(nửa ngày sông) chứ không phải bằng km. Câu thơ vừa giới thiệu về nghề nghiệp, vị trí của làng, vừa giới thiệu được cách cảm, cách nghĩ rất riêng của người dân nơi đây.

-> Giới thiệu ngắn gọn, mộc mạc về làng chài ven sông cửa biển.

3. Đây là một làng quê miền biển, sống chủ yếu bằng nghề đánh cá.

***Báo cáo kết quả:** HS trả lời

***Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

GV: Như vậy, qua hai câu thơ cho ta thấy được làng quê của tác giả không chỉ có nước bao vây mà khoảng cách cũng được đo bằng nước- một cách tính mang đặc trưng rất riêng của người dân vùng sông nước. Sông được nói đến là con sông Trà Bồng- dòng sông đã tắm mát cả tuổi thơ tác giả. Tế Hanh kể:

-> Bằng lời thơ bình dị, tự nhiên, tác giả giới thiệu chung về làng quê mình đó là một làng chài ven biển.

trước khi đổ ra biển, dòng sông lượn vòng ôm trọn làng biển quê tôi. Cách giới thiệu về quê hương của Tế Hanh thật bình dị, chân thật như bản chất người dân làng chài quê ông vậy.

GV chuyển ý: Sau lời giới thiệu ấy, hình ảnh làng chài quê hương được vẽ ra cụ thể qua những khung cảnh nào ?

2. Cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi đánh cá:

a. Mục tiêu: giúp học sinh cảm nhận cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi đánh cá.

b. Nội dung: Trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ

- *Giáo viên:*

? Đọc câu đầu tiên?

? Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi được miêu tả vào thời điểm, không gian nào?

- Buổi sớm mai hồng.

? Cảnh trời, cảnh biển khi đoàn thuyền ra khơi được miêu tả qua những chi tiết nào?

- Bầu trời cao rộng, trong trẻo, nhuộm ráng hồng bình minh.

? Từ đó ta thấy điều kiện thời tiết như thế nào?

- Thời tiết thuận lợi hứa hẹn buổi ra khơi tốt đẹp.

GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS

THẢO LUẬN NHÓM BẰNG KỸ THUẬT KHẶN PHỦ BÀN (5 phút)

Đọc 5 câu thơ tiếp theo

? Chỉ ra những biện pháp nghệ thuật và cách sử dụng từ ngữ trong đoạn thơ?

? Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật và cách diễn đạt ấy?

- *Học sinh tiếp nhận.*

* Thực hiện nhiệm vụ

- *Học sinh:* thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời - nhận xét.

- *Giáo viên:* nhận xét.

* Dự kiến sản phẩm:

2. Cảnh dân chài bơi thuyền ra khơi đánh cá:

- Thời gian, không gian thuận lợi.

<p>- Hình ảnh “Dân trai tráng...”</p> <p>-> Người lao động mang vẻ đẹp khoẻ khoắn, vạm vỡ.</p> <p>- Nghệ thuật so sánh, sử dụng các động từ mạnh: phăng, vượt; tính từ : hăng, mạnh mẽ.</p> <p>-> Con “tuần mã”ngựa đẹp, khoẻ và phi thường. Hình ảnh so sánh kết hợp với các động từ mạnh diễn tả thật ấn tượng khí thế băng tới dũng mãnh của con thuyền ra khơi toát lên sức sống mạnh mẽ, một vẻ đẹp hùng tráng đầy hấp dẫn.</p> <p>- NT so sánh, ẩn dụ: Cánh buồm giương...</p> <p>-> Con thuyền chính là linh hồn, sự sống của làng chài. Nhà thơ vừa vẽ ra chính xác cái hình, vừa cảm nhận được cái hồn của sự vật -> mang vẻ đẹp lãng mạn, bay bổng.</p> <p>Gv: bổ sung:</p> <p>- So sánh cái cụ thể, hữu hình với cái trừu tượng, vô hình.</p> <p>- Hình ảnh cánh buồm mang vẻ đẹp lãng mạn, nó gợi những chuyến đi xa, những ước khát vọng, bay bổng của tuổi trẻ đầy hoài bão. Hình ảnh cánh buồm trở nên lớn lao, thiêng liêng và thơ mộng. Đó chính là biểu tượng của làng quê, hồn người.</p> <p>? Đoạn thơ vẽ lên bức tranh thiên nhiên và lao động ntn?</p> <p>=> Bức tranh thiên nhiên tươi sáng, hùng vĩ, cuộc sống lao động của con người vui vẻ, hào hứng, rộn ràng. Một vẻ đẹp vừa thân quen, gần gũi, hoành tráng và thơ mộng biết bao.</p> <p>*Báo cáo kết quả: HS trả lời.</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>GV bình chốt: Cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá trong buổi bình minh trong sáng hiện lên dưới ngòi bút của Tế Hanh đầy trẻ trung mà không kém phần mới mẻ. Linh hồn làng biển đã được cụ thể hóa bằng cánh buồm trắng no gió căng phồng cứ rướn cao, cao mãi đưa thuyền ra biển lớn. Cánh buồm gợi những chuyến đi xa, những ước mơ khát vọng bay bổng của tuổi trẻ đầy hoài bão. Họ ra khơi mang theo cả linh hồn của quê hương mình.</p>	<p>- Người lao động mang vẻ đẹp khoẻ khoắn, vạm vỡ.</p> <p>- Hình ảnh so sánh kết hợp với các động từ mạnh, tính từ.</p> <p>-> Con thuyền mang khí thế dũng mãnh khi ra khơi => vẻ đẹp hùng tráng.</p> <p>- NT so sánh, ẩn dụ</p> <p>-> Cánh buồm trở nên lớn lao, thiêng liêng và thơ mộng. Đó chính là biểu tượng của làng quê, hồn người.</p> <p>- Bức tranh thiên nhiên tươi sáng, hùng vĩ, cuộc sống lao động của con người vui vẻ, hào hứng, rộn ràng. Một vẻ đẹp vừa thân quen, gần gũi, hoành tráng và thơ mộng</p>
--	--

<p>Qua đó làm nổi bật tình yêu tha thiết mặn nồng của tác giả dành cho quê hương.</p>	<p>biết bao.</p> <p>=> Cảnh dân chài bơi thuyền đi đánh cá là một cảnh tượng đẹp: cả thiên nhiên và con người đều hiện ra với vẻ đẹp đầy sức sống, đầy hứa hẹn.</p>
<p><i>3. Cảnh đoàn thuyền trở về bến:</i></p> <p>a. Mục tiêu: Giúp học cảm nhận được không khí vui vẻ, rộn ràng, cảm giác mãn nguyện của người dân làng chài sau một chuyến ra khơi trở về, cái đẹp của hình ảnh người dân chài và con thuyền.</p> <p>b. Nội dung: Trả lời câu hỏi của Gv</p> <p>c. Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm cặp đôi, câu trả lời của học sinh.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> THẢO LUẬN CẶP ĐÔI ? Gọi h/s đọc 8 câu tiếp? ? Đoạn thơ trên tác giả đặc tả những gì?</p> <p>- <i>Học sinh tiếp nhận.</i></p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- <i>Học sinh:</i> trả lời cá nhân, nhóm cặp đôi- nhận xét. - <i>Giáo viên:</i> nhận xét.</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>+ Không khí bên cá khi thuyền cá trở về. + Lời cảm tạ chân thành của người dân làng chài với trời đất vì đã sóng yên, biển lặng để thuyền ra khơi bội thu. + Hình ảnh của người ngư dân. + Hình ảnh con thuyền sau chuyến ra khơi trở về. ? Không khí đón đoàn thuyền đánh cá trở về được tái hiện qua hình ảnh nào? - Bến ồn ào. - Dân làng chài tập nập đón ghe về những chiếc ghe đầy cá.</p>	<p>3. Cảnh đoàn thuyền trở về bến:</p> <p>- Cảnh đón thuyền về: ồn ào, tấp nập -> Không khí vui vẻ, rộn ràng, mãn nguyện.</p>

<p>? Đó là không khí như thế nào?</p> <p>-> Không khí vui vẻ, rộn ràng, náo nhiệt.</p> <p>Gv: Chắc hẳn phải là con em của làng chài tác giả mới lột tả hết niềm vui, phấn khởi khi đón ghe cá. Tác giả không tả một ai cụ thể mà gọi không khí chung cả làng, âm thanh “ồn ào”, trạng thái “tấp nập” một không khí vui vẻ, rộn ràng và náo nhiệt.</p> <p>? Vì sao có không khí đó?</p> <p>- Vì người dân chài vui sướng khi thu hoạch bội thu, trở về an toàn.</p> <p>? Dựa vào chi tiết nào em biết điều đó?</p> <p>- Thể hiện qua chi tiết: những chiếc ghe đầy cá, những con cá tươi ngon thân bạc trắng trông thật thích mắt.</p> <p>? Vì sao câu 3 tác giả lại để trong ngoặc kép?</p> <p>- Trích nguyên văn lời cảm tạ chân thành của người dân chài. “Nhờ ơn trời” như 1 tiếng reo vui, lời cảm tạ chân thành trời đất đã sóng yên “biển lặng” để người dân chài trở về an toàn.</p> <p>? Hình ảnh người dân chài được miêu tả ntn?</p> <p>- Làn da ngăm rạm nắng.</p> <p>- Thân hình nồng thở vị xa xăm.</p> <p>? Cảm nhận của em về hình ảnh người dân chài qua hai câu thơ?</p> <p>- Dân chài... rạm nắng -> miêu tả chân thật : Người dân chài khoẻ mạnh, nước da nhuộm nắng, nhuộm gió.</p> <p>- Cả thân... xa xăm: Hình ảnh người dân chài vừa được miêu tả chân thực, vừa lãng mạn, mang vẻ đẹp và sức sống nồng nhiệt của biển cả : Thân hình vạm vỡ thêm đậm vị mặn mòi nồng toả “vị xa xăm” của biển khơi-> vẻ đẹp lãng mạn. Là sáng tạo độc đáo, gợi cảm, thú vị.</p> <p>Gv: Hình ảnh người dân chài được miêu tả vừa chân thực vừa lãng mạn và có tâm vóc phi thường. Người đi biển lâu ngày tắm nắng gió ở những vùng đại dương xa xôi khiến cơ thể khoẻ mạnh, rắn rỏi, họ như còn nóng hổi vị mặn mòi của biển lúc trở về -> Mang vẻ đẹp và sự sống nồng nhiệt của biển cả.</p> <p>? Hình ảnh con thuyền được đặc tả ntn? Hãy so sánh với hình ảnh con thuyền ở khổ thơ 2?</p> <p>- Hình ảnh chiếc thuyền nằm im...thơ vò</p>	<p>- Hình ảnh người dân chài: khoẻ mạnh, rắn rỏi, vẻ đẹp lãng mạn phi thường.</p>
--	---

- NT nhân hóa -> Hình ảnh con thuyền nằm im mệt mỏi, nghỉ ngơi và lắng nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ của nó.

-> Con thuyền vô tri, vô giác trở nên hồn, một tâm hồn tinh tế. Cũng như người dân chài con thuyền ấy thấm đậm vị muối mặn của biển khơi.

GV: AD chuyển đổi cảm giác: nghe....

Nếu không có một tâm hồn tinh tế, tài hoa và có tấm lòng gắn bó sâu nặng với con người, cuộc sống lao động làng chài quê hương thì không thể có những câu thơ xuất thần có hồn như vậy.

***Báo cáo kết quả:** HS trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Gv hỏi thêm để khắc sâu:

? Em hiểu hình ảnh “ làn da ngăm dăm nắng, thân hình nông thờ vị xa xăm” như thế nào?

- Gọi dáng vẻ vạm vỡ khỏe mạnh

- Vị xa xăm là sóng ,gió, nắng nước biển, mồ hôi, mùi cá tanh in dấu lên làn da trên thân thể

Gv: Vị xa xăm không chỉ là vị mặn mòi của biển. của nắng của gió từng in dấu trên bất kì người dân chài nào, mang nét đặc trưng riêng của biển, mà còn mang ý vị tượng trưng gợi cảm, đây hình ảnh người àng chia mang một sắc thái huyền thoại, cô tích gợi hơi thở của biển cả của những chân trời xa tít tắp

? Em thấy hình ảnh người dân chài ở đây có gì khác với hình ảnh người dân chài ở đầu bài thơ?

- ở phần đầu người dân chài được nhắc đến trong cái tên chung nhất “dân trai tráng” với sức mạnh tuổi trẻ phăng mái chèo thì ở đây họ được nhắc đến chi tiết hơn, cụ thể hơn: làn da ngăm dăm nắng, thân hình nông thờ vị xa xăm.

? Đặc biệt hình ảnh con thuyền trở về có gì khác với hình ảnh con thuyền lúc ra khơi?

- Con thuyền trước đây hăng như con tuấn mã, phăng mái chèo mạnh mẽ ra khơi. Bây giờ mỗi mệt trở về bến nghỉ. Con thuyền lại được nhân hóa, nó nằm im, mỗi mệt. thư giãn và

- NT nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.

-> Hình ảnh con thuyền là một phần sự sống làng chài

lắng nghe chất muối thấm sâu. Lặn dần vào cơ thể như thấm vào da thịt con người.

Gv bình chôt: Với tình yêu quê hương sâu nặng, Tế Hanh đã thổi hồn cho con thuyền để nó mang hơi thở cuộc sống người làng chài ven biển. Con thuyền cũng nghỉ ngơi sau một ngày lao động nhưng phía sau cái im, bên mỗi là cả một sự chuyển động “ Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”. Câu thơ có sự chuyển đổi cảm giác thú vị, sự vật bỗng trở nên có tâm hồn. Và ngày nay sóng gió thời gian đã bào mòn, đã làm hư hại rất nhiều con thuyền thơ được cấu tạo bởi chất liệu không bền vững, không đủ sức đương đầu với những chuyến đi xa như vậy. Nhưng với con thuyền thơ của Tế hanh đã vượt cả trường giang để trở đi những giai điệu quặn xiết của nỗi nhớ quê hương với những hình ảnh lấp lánh khơi gợi hơn trong lòng người đọc

? Thông qua hình ảnh con thuyền và người dân làng chài, em cảm nhận được gì về tình cảm của Tế Hanh đối với quê hương mình?

- Tự hào, tin yêu, chân thành và nồng hậu

Gv chuyển ý: Và chính cuộc sống bình dị mà đầm ấm, hạnh phúc ấy đã tạo nên trong lòng người dân làng chài nói chung và Tế Hanh nói riêng một tình yêu quê tha thiết, mà mỗi lần xa quê họ luôn còn cào nỗi nhớ. Vậy nỗi nhớ ấy như thế nào?

4. Tình cảm của tác giả với quê hương:

a. Mục tiêu: giúp học cảm nhận được tình cảm của tác giả với quê hương.

b. Nội dung: trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên:

? Gọi h/s đọc khổ thơ câu cuối?

Thảo luận cặp đôi (2’):

1. Ở khổ cuối, tình cảm của tác giả dành cho quê hương được bộc lộ trực tiếp hay gián tiếp? Biểu lộ qua những từ ngữ nào? Phương thức biểu đạt chủ yếu của khổ thơ?

4. Tình cảm của tác giả với quê hương:

2. Trong xa cách nhà thơ nhớ tới những điều gì nơi quê nhà? Nhận xét về những điều mà Tế Hanh nhớ? Giải thích “mùi nồng mặn”?
3. Biện pháp nghệ thuật và tác dụng?

- Học sinh tiếp nhận.

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét.

- Giáo viên: nhận xét.

- Dự kiến sản phẩm:

1. Trực tiếp: “luôn tưởng nhớ”, “thấy nhớ...quá”.

Phương thức biểu đạt chủ yếu: biểu cảm.

2. Màu nước xanh, cá bạc, buồm vôi, mùi nồng mặn.

-> Những sự vật gần gũi, thân thuộc của quê hương.

- Mùi nồng mặn: Vừa nồng nàn, nồng hậu lại mặn mà, đậm thắm(Đó có thể là mùi vị của nắng, của gió, mùi của rong rêu, của cá và cả mùi vị mặn mòi biển khơi, của những giọt mồ hôi người lao động.)

3. Biện pháp điệp ngữ kết hợp với phép liệt kê-> diễn tả nỗi nhớ quê da diết

***Báo cáo kết quả:** HS thực hiện cá nhân

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Gv bình: Quả đúng là người con của biển cả, sinh ra nơi biển cả, gắn bó sâu nặng với biển bởi đó là những gì quen thuộc nhất thấm đượm màu sắc, mùi vị của quê hương- mùi riêng biệt của làng chài, trong đó có mùi của rong rêu, mùi của cá, mùi của lưới, của thuyền và của cả mồ hôi người lao động nữa. Chính cái mùi nồng mặn ấy lại mang phong vị quê hương vô cùng thân thiết với nhà thơ.

Nói như nhà phê bình văn học Lê Quang Hưng, tưởng nhớ quê hương trong xa cách đã trở thành một dòng cảm xúc chảy dọc đời thơ Tế Hanh. Suốt cuộc đời ông, mong mỏi được trở về với quê hương yêu dấu trở thành một khao khát cháy bỏng trong những năm tháng xa nhà. Tình cảm ấy luôn nồng nhiệt,

- Câu cảm thán, phép liệt kê.

-> - Nỗi nhớ da diết chân thành, sâu nặng(về con người, cảnh vật và mùi vị quê hương)

mới mẻ như thửa ban đầu. Gần 20 năm sau, người đọc lại được gặp gỡ tâm hồn tha thiết, sâu nặng mà ông dành cho quê hương khi nhà thơ viết “Nhớ con sông quê hương”(1956):

“Tôi sẽ lại nơi tôi hằng mong ước
 Tôi sẽ về sông nước của quê hương
 Tôi sẽ về sông nước của tình thương.”

Tế Hanh đã nói hộ chúng ta những tình cảm thiết tha mà khó giải bày, dù gần một thế kỉ trôi qua vẫn rung động trái tim bạn đọc. Quê hương- vì thế không những là tình cảm ăn sâu vào trái tim mỗi người mà còn là cảm hứng của văn chương muôn đời.

III. Tổng kết:

a. Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.

b. Nội dung: Giá trị nội dung và nghệ thuật bài thơ

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên:*

? Khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?

- *Học sinh tiếp nhận.*

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* trả lời cá nhân- nhận xét.

- *Giáo viên:* nhận xét.

- Dự kiến sản phẩm:

+ NT:

- Sáng tạo nên những hình ảnh của cuộc sống lao động thơ mộng.

- Tạo liên tưởng, so sánh độc đáo, lời thơ bay bổng, đầy cảm xúc.

- Sử dụng thể thơ 8 chữ hiện đại có những sáng tạo mới mẻ, phóng khoáng.

+ ND: Bài thơ là bày tỏ của tác giả về một tình yêu tha thiết đối với quê hương làng biển.

Gọi HS đọc ghi nhớ

HS: đọc

***Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

III. Tổng kết:

1. Nghệ thuật:

- Sáng tạo ...
- Tạo liên tưởng,

<p>*Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá 	<p>- Sử dụng...</p> <p>2. Nội dung:</p> <p>Bài thơ là bày tỏ của tác giả về một tình yêu tha thiết đối với quê hương làng biển.</p> <p>* Ghi nhớ: sgk/18</p>
--	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(3P)

a. Mục tiêu: Giúp học sinh vận dụng những kiến thức đã học về văn bản để làm bài tập.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên:

? Qua bài thơ giúp em hiểu thêm gì về nhà thơ Tế Hanh?

- Học sinh tiếp nhận.

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét.

- Giáo viên: nhận xét.

*** Dự kiến sản phẩm:**

- Tình tế trong cảm thụ cuộc sống quê.

- Nồng hậu thủy chung với quê hương.

HS: đọc

***Báo cáo kết quả**

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức .

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (5P)

a. Mục tiêu: học sinh biết vận dụng hiểu biết của mình về văn bản vào việc giải quyết tình huống thực tế.

b. Nội dung: HS vận dụng kiến thức đã học về văn bản để trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh, vở ghi

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên:*

Viết đoạn văn diễn dịch, nêu cảm nhận của em về hai câu thơ đầu, trong đó có sử dụng một câu cảm thán, gạch chân câu cảm thán đó?

- *Học sinh tiếp nhận.*

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* trả lời cá nhân- nhận xét.

- *Giáo viên:* nhận xét.

- Dự kiến sản phẩm:

*** Mở đoạn(Câu chủ đề):** Hai câu thơ trên trích trong văn bản “ Quê hương” của tác giả Tế Hanh đã rất thành công trong việc giới thiệu về làng quê của mình.

*** Thân đoạn:**

- Chỉ qua hai câu thơ ngắn gọn, Tế Hanh đã cho người đọc biết đến một vùng quê ven biển, với nghề chài lưới”.

- Cách gọi” làng tôi” thật dân dã, thân mật, khiến câu thơ không giấu nổi niềm cảm xúc tự hào. Nhà thơ đã đặc tả cụ thể vị trí của làng “Nước bao vây cách biển nửa ngày sông”. Ngôi làng hiện ra như một hòn ngọc giữa màu xanh trong của nước biển. Tài liệu của Thu Nguyễn

- Cách đo bằng không gian “ nửa ngày sông”, không gian của sông nước thật độc đáo tạo cho người đọc ấn tượng mạnh mẽ về vùng quê chài lưới thanh bình tươi đẹp.

- Như vậy, qua hai câu thơ cho ta thấy được làng quê của tác giả không chỉ có nước bao vây mà khoảng cách cũng được đo bằng nước- một cách tính mang đặc trưng rất riêng của người dân vùng sông nước. Sông được nói đến là con sông Trà Bồng- dòng sông đã tắm mát cả tuổi thơ tác giả. Tế Hanh kể: trước khi đổ ra biển, dòng sông lượn vòng ôm trọn làng biển quê tôi. Cách giới thiệu về quê hương của Tế Hanh thật bình dị, chân thật như bản chất người dân làng chài quê ông vậy. Qua đó ta thấy tình yêu làng của ông thật trong sáng và thiết tha biết bao !

***Báo cáo kết quả:** HS đọc đoạn văn đã viết

***Đánh giá kết quả**

- *Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá*

->*Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*

.....

Tiết :

Ngày soạn: /01/2021

Ngày giảng: /01/2021

Văn bản: KHI CON TU HÚ

- Tố Hữu-

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được lòng yêu sự sống, niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ đang bị giam cầm trong tù ngục được thể hiện bằng những hình ảnh gợi cảm và thể thơ lục bát giản dị thiết tha.
- Thấy được những đặc sắc nghệ thuật của nhà thơ.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, phân tích thơ, cảm thụ văn học

3. Phẩm chất:

- HS biết yêu sự sống, bồi dưỡng tình cảm yêu quê hương, đất nước cho HS.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Bảng phụ, tranh ảnh, tư liệu về Tố Hữu và bài thơ “Khi con tu hú”.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Học bài “Quê hương”.
- Chuẩn bị bài: trả lời câu hỏi phần đọc hiểu văn bản sgk.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về tâm tư, tình cảm của người chiến sĩ trẻ đang hoạt động cách mạng sôi nổi bị bắt giam..

b. Nội dung: Hiểu biết về tác giả Tố Hữu và bài thơ đã học của ông trong chương trình

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

**Chuyển giao nhiệm vụ*

-> Xuất phát từ tình huống có vấn đề

- *Giáo viên yêu cầu:*

? Kể tên một bài thơ em đã được học trong chương trình Ngữ văn THCS của tác giả Tố Hữu?

? Nêu ngắn gọn cảm nhận của em về hoàn cảnh sáng tác, nội dung và nghệ thuật của bài thơ ấy?

- *Học sinh tiếp nhận...*

***Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh: Trả lời theo suy nghĩ của bản thân*

- *Giáo viên: gợi dẫn*

- *Dự kiến sản phẩm:*

+ Bài thơ “Lượm” trong Ngữ văn 6

+ Bài thơ được sáng tác năm 1949 khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt.

Bằng sự kết hợp giữa tự sự và biểu cảm, tác giả đã khắc họa hình ảnh chú bé Lượm hồn nhiên, vui tươi...

***Báo cáo kết quả:** HS thực hiện cá nhân

***Đánh giá kết quả**

- *Giáo viên nhận xét.*

-> *Giáo viên dẫn vào bài:* Tố Hữu là nhà thơ hàng đầu trong phong trào thơ ca Cách Mạng Việt Nam. Mỗi chặng đường Cách mạng, chặng đường đời của tác giả đều đi song song với chặng đường thơ. Hôm nay, cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu một sáng tác trong thời kì đầu hoạt động Cách mạng của nhà thơ khi ông còn rất trẻ về tâm tư, tình cảm cũng như tài năng thơ ca đặc sắc của Tố Hữu.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30P)

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>HD 1: I. Giới thiệu chung</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Tố Hữu và văn bản “Khi con tu hú”.</p> <p>b. Nội dung: trình bày dự án, hoạt động chung, hoạt động nhóm về tác giả, tác phẩm.</p> <p>c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- <i>Giáo viên yêu cầu:</i> Trình bày dự án tác giả Tố Hữu.</p> <p>- <i>Học sinh tiếp nhận.</i></p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- <i>Học sinh:</i> Đại diện nhóm trả lời, đại diện các nhóm khác</p>	<p>I. Giới thiệu chung:</p> <p>1. Tác giả:</p>

nhận xét.

- *Giáo viên:* nhận xét

*** Dự kiến sản phẩm:**

- Tố Hữu (1920- 2002) tên thật là Nguyễn Kim Thành quờ ở Thừa Thiên-Huế.

- Ông được giác ngộ cách mạng trong phong trào học sinh, sinh viên.

- Với nguồn cảm hứng lớn là lí tưởng cách mạng, thơ Tố Hữu trở thành lá cờ đầu của thơ ca cách mạng VN.

***Báo cáo kết quả:** trình bày theo nhóm.

***Đánh giá kết quả**

- *Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá*

->*Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.*

Gv bổ sung: Sinh ra trong một gia đình nhà Nho nghèo, từ nhỏ Tố Hữu đã học và tập làm thơ. Giác ngộ cách mạng và trở thành người lãnh đạo Đoàn thanh niên dân chủ ở Huế. Những bài thơ đầu tiên được sáng tác từ những năm 1937-1938. Tháng 4-1939, ông bị thực dân Pháp bắt, giam giữ ở các nhà lao miền Trung và Tây Nguyên. Tháng 3- 1942, vượt ngục Đắc Lay, tiếp tục hoạt động cách mạng. Hoạt động bí mật đến 1945, làm Chủ tịch uỷ ban khởi nghĩa Thừa Thiên- Huế. Hiện nay, ông là đặc phái viên trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957).

Tác phẩm chính: Từ ấy (thơ, 1946); Việt Bắc (thơ, 1954); gió lộng (thơ 1961); Ra trận (thơ, 1972); Máu và hoa (thơ, 1977); Một tiếng đờn (thơ, 1992)...

- Giải thưởng văn học: Giải nhất giải thưởng văn học hội văn nghệ việt nam 1954-1955; Giải thưởng văn học ASEAN(1996). Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học-nghệ thuật (đợt 1, 1996).

? Nêu những hiểu biết về văn bản? (Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, thể loại)

- 1 HS trả lời.

Dự kiến TL:

- Tố Hữu (1920- 2002) tên thật là Nguyễn Kim Thành quờ ở Thừa Thiên-Huế.

- Ông được giác ngộ cách mạng trong phong trào học sinh, sinh viên.

- Với nguồn cảm hứng lớn là lí tưởng cách mạng, thơ Tố Hữu trở thành lá cờ đầu của thơ ca cách mạng VN.

2. Văn bản:

a, Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, thể loại:

<p>- Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác ở nhà lao Thừa Phủ, được in trong tập “Từ ấy”- tập thơ đầu tiên của Tố Hữu.</p> <p>- Thể loại: thơ lục bát</p> <p>Gv: hướng dẫn đọc</p> <p>- Giọng thiết tha cuối bài cú nghen ngào uất ức, chú ý các câu ngắt nhịp 6/2, 3/3.</p> <p>- Gọi HS đọc văn bản.</p> <p>- Gọi HS nhận xét.</p> <p>- Gv nhận xét, đọc mẫu.</p> <p>- Gọi HS đọc.</p> <p>HS: - Đọc.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>- Chú ý các chú thích 1,4.</p> <p>? Bài thơ được chia làm mấy đoạn?</p> <p>? Nội dung của từng đoạn?</p> <p>2 phần:</p> <p>- 6 câu đầu: Tiếng tu hú thức dậy mùa hè rực rỡ trong lòng người tù cách mạng- nhà thơ.</p> <p>- 4 câu cuối: Tiếng chim tu hú bừng dậy khát vọng tự do trong lòng người tù.</p> <p>HD 2: II. Đọc- hiểu văn bản: (21’)</p> <p>1. Nhan đề:</p> <p>a. Mục tiêu: giúp học sinh tìm hiểu về nhan đề và hình ảnh mở đầu bài thơ.</p> <p>b. Nội dung:</p> <p>c. Sản phẩm: câu trả lời của nhóm học sinh.</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá:</p> <p>- Học sinh tự đánh giá.</p> <p>- Học sinh đánh giá lẫn nhau.</p> <p>- Giáo viên đánh giá.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên:</p>	<p>- Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ: Bài thơ được sáng tác ở nhà lao Thừa Phủ, được in trong tập “Từ ấy”- tập thơ đầu tiên của Tố Hữu.</p> <p>- Thể loại: thơ lục bát</p> <p>b, Đọc, chú thích, bố cục:</p> <p>- Đọc:</p> <p>- Chú thích:</p> <p>- Bố cục:</p> <p>II. Đọc- hiểu văn bản:</p> <p>1. Nhan đề:</p> <p>- Hoán dụ: tiếng chim tu hú gợi liên tưởng, tác động đến tâm hồn nhà thơ.</p>
--	--

? Em hiểu gì về nhan đề của bài thơ? Hãy viết một câu văn ngắn gọn có 4 chữ đầu “Khi con tu hú” để tóm tắt nội dung bài thơ?

? Vì sao tiếng chim tu hú lại tác động mạnh đến tâm hồn nhà thơ?

- Học sinh tiếp nhận.

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét.

- Giáo viên theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần..

*** Báo cáo kết quả**

- Nhan đề bài thơ chỉ là một vế phụ của một câu văn trọn ý
-> Khi con tu hú gọi bầy là khi mùa hè đến, người tù cách mạng càng cảm thấy ngột ngạt trong phòng giam chật chội; càng thêm khát cháy bỏng cuộc sống tự do tung bồng ở bên ngoài.

-Vi:

+ Nhà thơ - người chiến sĩ CM mới 19 tuổi – vào tù.

+ Vì đó là tín hiệu của mùa hè rực rỡ, sự sống tung bồng, là tín hiệu gọi bầu trời cao lồng lộng của tự do.

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

2. Bức tranh mùa hè:

a. Mục tiêu: giúp học sinh cảm nhận bức tranh mùa hè rực rỡ qua cảm nhận của người tù cách mạng.

b. Nội dung: cảm nhận 6 câu đầu

c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên:

? Đọc khổ thơ đầu?

THẢO LUẬN NHÓM BẰNG KỸ THUẬT KHĂN PHỦ BÀN (5 phút)

? Tiếng chim tu hú đã gọi lên trong lòng người tù cách mạng những gì?

2. Bức tranh mùa hè:

<p>? Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ và tác dụng của nó trong khổ thơ trên?</p> <p>- Học sinh tiếp nhận.</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: thảo luận nhóm, đại diện nhóm trả lời - nhận xét.</p> <p>- Giáo viên: nhận xét.</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>- Tiếng chim tu hú đã gọi lên trong lòng người tù cách mạng:</p> <p>+ Hình ảnh: lúa chín, trái cây ngọt dần, vườn râm, tiếng ve, nắng đào, trời xanh, điều sáo.</p> <p>+ Âm thanh tiếng chim tu hú, tiếng ve ngân, tiếng sáo diều.</p> <p>+ Màu sắc: màu vàng (bắp rây), màu đỏ (trái chín), màu hồng (nắng đào), màu xanh (trời xanh).</p> <p>- Cách sử dụng từ ngữ: sử dụng nhiều danh từ động từ, tính từ:</p> <p>+ DT: con tu hú, lúa chiêm, trái cây, vườn râm, ve, bắp, sân, nắng, trời, điều sáo...</p> <p>+ ĐT: gọi, ngân, lộn nhào...</p> <p>+ TT: đầy, chín, ngọt, râm, rộng, cao...</p> <p>=> Cảnh mùa hè rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu, ngọt ngào hương vị. Mọi vật sống động, mạnh mẽ.</p> <p>? Cảnh sắc mùa hè có phải là cảnh tác giả nhận thấy trực tiếp hay không? Qua đó giúp em hiểu gì về nhà thơ Tố Hữu?</p> <p>- Điều đó cho thấy tác giả có sức cảm nhận mãnh liệt, tinh tế của một tâm hồn trẻ trung, yêu đời, nhưng đang mất tự do và khao khát tự do đến cháy ruột cháy lòng</p> <p>GV: Tố Hữu sáng tác bài thơ khi bị bắt giam trong tù. Bức tranh thiên nhiên mùa hè ấy là sản phẩm của trí tưởng tượng phong phú và sự cảm nhận tinh tế mãnh liệt của một tâm hồn trẻ trung, yêu đời -> Qua đó ta thấy tác giả là người yêu cuộc sống tha thiết, luôn khao khát tự do.</p> <p>* Báo cáo kết quả: HS trả lời, bổ sung</p> <p>* Đánh giá kết quả</p>	<p>- Sự cảm nhận mãnh liệt, tinh tế, sử dụng những DT, ĐT, TT</p> <p>-> Bức tranh mùa hè sinh động với rộn rã âm thanh và rực rỡ màu, bầu trời khoáng đạt, tự do.</p>
---	--

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

3. Tâm trạng người tù cách mạng:

a. Mục tiêu: giúp học cảm nhận được tâm trạng của người tù cách mạng.

b. Nội dung: Cảm nhận khổ 2

c. Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm cặp đôi, câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên:

? Đọc 4 câu thơ cuối.

- hs đọc

? Tâm trạng của người tù được thể hiện ở những dòng thơ nào?

Ta nghe hè dậy....

Mà chân muốn đạp.....

? Nhận xét nhịp thơ có sự thay đổi ntn so với khổ 1, cách sử dụng từ ngữ của tác giả?

- Cách ngắt nhịp bất thường 6/2 (câu 8); 3/3 (câu 9).

- Sử dụng các động từ mạnh: (đạp tan phòng, chết uất), những từ ngữ cảm thán (ôi, thôi, làm sao), câu cảm thán (câu 8 và câu 10).

? Qua cách ngắt nhịp và sử dụng từ ngữ đó em hiểu gì về tâm trạng của người tù?

- Cảm giác ngột ngạt và uất ức cao độ -> niềm khao khát cháy bỏng muốn thoát khỏi cảnh tù ngục để trở về với cuộc sống tự do của người chiến sĩ cách mạng.

Ở đây là cứ kêu chứ không phải gọi bầy, tiếng chim tu hú bên ngoài làm cho người tù dâng lên niềm cảm xúc mạnh.

THẢO LUẬN CẶP ĐÔI

- Gv: ? Mở đầu và kết thúc bài thơ đều có tiếng tu hú kêu nhưng tâm trạng người tù khi nghe tiếng tu hú có sự khác nhau ? Vì sao?

- Học sinh tiếp nhận.

3. Tâm trạng người tù cách mạng:

- NT: nhịp thơ thay đổi bất thường, sử dụng những động từ mạnh, câu và từ ngữ cảm thán

-> Cảm giác ngột ngạt và uất ức cao độ
-> niềm khao khát...

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời cá nhân, nhóm cặp đôi- nhận xét.

- Giáo viên: nhận xét.

*** Dự kiến sản phẩm:**

- Ở câu thơ đầu tiếng tu hú gọi ra cảnh trời đất bao la, tung bừng sự sống lúc vào hè, tâm trạng người tù hoà hợp với sự sống, say mê cuộc sống.

- Ở câu thơ cuối, tiếng tu hú gợi cảm xúc khác hẳn: u uất, nôn nóng, khắc khoải, tâm trạng của kẻ mất tự do, bị tách rời cuộc sống.

Gv bổ sung: Tiếng chim tu hú là tiếng gọi thiết tha của tự do, của thế giới sự sống đầy quyến rũ đối với người tù- nhà thơ.

*** Báo cáo kết quả:** HS trả lời

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

III. Tổng kết:

a. Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.

b. Nội dung: đặc sắc nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên:

? Khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?

- Học sinh tiếp nhận.

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời cá nhân- nhận xét.

- Giáo viên: nhận xét.

*** Dự kiến sản phẩm:**

+ NT:

- Viết theo thể thơ lục bát, giàu nhạc điệu, mượt mà, uyển chuyển.

- Lựa chọn lời thơ đầy ấn tượng để biểu lộ cảm xúc khi

III. Tổng kết:**1. Nghệ thuật:**

- Thể thơ lục bát sử dụng uyển chuyển

thiết tha, khi lại sôi nổi, mạnh mẽ. - Từ ngữ tự nhiên và gần gũi với đời thường - Sử dụng biện pháp tu từ: điệp ngữ, liệt kê, đối lập... + ND: - Lòng yêu cuộc sống. - Niềm khao khát tự do cháy bỏng của người tù cách mạng. <i>*Báo cáo kết quả:</i> HS trả lời <i>*Đánh giá kết quả</i> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá Gọi HS đọc ghi nhớ HS: đọc	- Giọng điệu linh hoạt - Từ ngữ tự nhiên và gần gũi với đời thường - Sử dụng biện pháp tu từ: điệp ngữ, liệt kê, đối lập... 2. Nội dung: Bài thơ thể hiện niềm tin yêu cuộc sống thiết tha và sự khao khát tự do mãnh liệt của người chiến sĩ trong cảnh tù đầy * Ghi nhớ: sgk/20
---	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5P)

a. Mục tiêu: Giúp học sinh vận dụng những kiến thức đã học về văn bản để làm bài tập.

b. Nội dung: tâm hồn nhà thơ Tố Hữu.

c. Sản phẩm: câu trả lời của nhóm học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

** Chuyển giao nhiệm vụ*

- Giáo viên:

? Thơ là tiếng nói tâm hồn của nhà thơ. Bài thơ “Khi con tu hú” cho ta thấy gì về tâm hồn thơ Tố Hữu?

- Học sinh tiếp nhận.

** Thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh: đại diện nhóm trả lời - nhận xét.

- Giáo viên: nhận xét.

** Dự kiến sản phẩm:*

- Hồn thơ nhạy cảm với mọi biểu hiện của sự sống.

- Hồn thơ yêu cuộc sống mãnh liệt, quyết tranh đấu cho tự do

**Báo cáo kết quả:* HS trả lời

**Đánh giá kết quả*

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> *Giáo viên chốt kiến thức .*

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(5P)

a. Mục tiêu: học sinh biết vận dụng hiểu biết của mình về văn bản vào việc giải quyết tình huống thực tế.

b. Nội dung: đoạn văn tả cảnh mùa hè

c. Sản phẩm: bài viết của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên:*

? Viết một đoạn văn tả cảnh mùa hè ở quê hương em?

- *Học sinh tiếp nhận.*

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* viết đoạn văn

- *Giáo viên:* quan sát, hướng dẫn

*** Dự kiến sản phẩm:**

Yêu cầu: đúng hình thức, nội dung đoạn văn.

- Không gian, màu sắc của mùa hè.

- Cảnh vật mùa hè.

***Báo cáo kết quả:** HS đọc đoạn văn

***Đánh giá kết quả**

- *Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá*

-> *Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*

Tiết:

Ngày soạn: /01/2021

Ngày giảng: /01/2021

Tập làm văn

THUYẾT MINH VỀ MỘT PHƯƠNG PHÁP (CÁCH LÀM)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Sự đa dạng về đối tượng được giới thiệu trong văn bản thuyết minh.
- Đặc điểm và cách làm bài văn thuyết minh.
- Mục đích, yêu cầu, cách quan sát và cách làm bài văn thuyết minh về một phương pháp (cách làm)

2. Năng lực :

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Bảng phụ.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Học bài: ôn lại kiến thức về văn thuyết minh
- Chuẩn bị bài: trả lời câu hỏi trong sgk.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về các chức năng khác của câu nghi vấn.

b. Nội dung: hiểu biết về cách làm một đồ chơi hay món ăn.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

-> **Xuất phát từ tình huống có vấn đề**

- Giáo viên yêu cầu:

? Khi em làm được một đồ chơi hay nấu được món ăn ngon em rất muốn giới thiệu cho các bạn biết? Em sẽ làm thế nào?

- Học sinh tiếp nhận...

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm bài

- Giáo viên: gợi dẫn

- Dự kiến sản phẩm: Giới thiệu về cách làm một đồ chơi hay món ăn.

***Báo cáo kết quả:** HS trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Giáo viên nhận xét.

-> **Giáo viên dẫn vào bài:** Trong tiết học trước chúng ta đã tìm hiểu về cách thuyết minh một đồ dùng. Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về cách thuyết minh về cách làm.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (22P)

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>I. Giới thiệu một phương pháp (cách làm):</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp HS nắm cách thuyết minh một phương pháp, cách làm.</p> <p>b. Nội dung: hoạt động cá nhân, hoạt động chung, hoạt động nhóm.</p> <p>c. Sản phẩm: Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên yêu cầu:</p> <p>? Gọi h/s đọc đoạn văn a,b?</p> <p>H đọc đoạn văn a,b.</p> <p>THẢO LUẬN NHÓM (3')</p> <p>? Qua hai VD em thấy bài văn thuyết minh một phương pháp</p>	<p>I. Giới thiệu một phương pháp (cách làm):</p>

<p>có những mục nào chung.</p> <p>? Vì sao phải có những mục đó?</p> <p>? Để thuyết minh cách làm một đồ vật, nấu ăn, hay may quần áo...có kết quả tốt ta cần đảm bảo yêu cầu gì ?</p> <p>? Nhận xét gì lời văn ở 2 VD trên ?</p> <p>? Khi thuyết minh về một phương pháp (nấu ăn, đồ vật, món ăn) người viết cần nêu những nội dung gì ? Cách làm được trình bày theo thứ tự nào?</p> <p>- Học sinh tiếp nhận.</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: Đại diện nhóm trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét.</p> <p>- Giáo viên: nhận xét</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>? Qua hai VD em thấy bài văn thuyết minh một phương pháp có những mục nào chung.</p> <p>Hai bài văn đều có những mục chung:</p> <p>- Nguyên vật liệu.</p> <p>- Cách làm.</p> <p>- Yêu cầu thành phẩm (sản phẩm làm ra, chất lượng).</p> <p>? Vì sao phải có những mục đó?</p> <p>=> Vì muốn làm bất cứ một cái gì ta cũng cần có nguyên liệu để làm, cách chế biến nguyên liệu ấy để tạo ra một sản phẩm đảm bảo đúng yêu cầu, chất lượng.</p> <p>? Để thuyết minh cách làm một đồ vật, nấu ăn, hay may quần áo...có kết quả tốt ta cần đảm bảo yêu cầu gì ?</p> <p>- Trước khi thuyết minh ta phải tìm hiểu, quan sát, nắm chắc phương pháp đó, nêu rõ cái nào làm trước, cái nào làm sau theo một thứ tự nhất định thì mới có kết quả.</p> <p>? Nhận xét gì lời văn ở 2 VD trên ?</p> <p>- Lời văn ngắn gọn, chính xác và rõ nghĩa.</p> <p>? Khi thuyết minh về một phương pháp (nấu ăn, đồ vật, món ăn) người viết cần nêu những nội dung gì ? Cách làm được trình bày theo thứ tự nào?</p> <p>- Cần nêu rõ điều kiện, cách thức, trình tự để tạo ra sản phẩm và yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm đó.</p> <p>- Phải trình bày rõ ràng cái nào làm trước, cái nào làm sau</p>	<p>1. Ví dụ:</p> <p>2. Nhận xét:</p> <p>- Người viết phải tìm hiểu, quan sát, nắm rõ phương pháp, cách làm đó.</p> <p>- Cần trình bày:</p> <p>+ Cụ thể, rõ ràng về</p>
---	--

theo một trình tự nhất định. *Báo cáo kết quả: trình bày theo nhóm. *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng. ? Gọi h/s đọc ghi nhớ? - HS đọc	điều kiện, cách thức, trình tự thực hiện và yêu cầu chất lượng đối với sản phẩm. + Lời văn ngắn gọn, chính xác và rõ nghĩa. . Ghi nhớ: sgk
---	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(15P)

Mục tiêu	Nhiệm vụ	Phương thức thực hiện	Yêu cầu sản phẩm	II. Luyện tập:
Giúp Hs vận dụng kiến thức về thuyết minh về một phương pháp (cách làm) giải quyết các bài tập.	HS tìm hiểu bài tập/sgk	hoạt động cá nhân, hđ chung, hoạt động nhóm.	Vở bài tập.	1. Bài tập 1: Đảm bảo những yêu cầu sau B1: Xác định đề bài: Thuyết minh về trò chơi gì? B 2: Lập dàn bài. A. Mở bài: Giới thiệu khái quát trò chơi. B. Thân bài: * Điều kiện chơi:
? Yêu cầu đọc kĩ đề bài? Lập dàn bài thuyết minh một trò chơi quen thuộc. Hình thức: Cá nhân. ? Gọi h/s trình bày bài viết? G bổ sung, nhận xét, rút kinh nghiệm bài				

<p>viết cho h/s</p> <p>? Gọi h/s đọc bài “Phương pháp đọc nhanh”. Yêu cầu h/s thảo luận nhóm những vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra cách đặt vấn đề, cách đọc và đặc biệt là nội dung và hiệu quả của phương pháp đọc nhanh nêu trong bài. - Các số liệu nêu ra trong bài có ý nghĩa gì đối với việc giới thiệu phương pháp đọc nhanh. <p>HS thảo luận theo nhóm. Cử đại diện trình bày.</p> <p>G: Ý 2, 3 là nội dung thuyết minh chủ yếu, quan trọng nhất của văn bản thuyết minh. Muốn đọc nhanh chỉ có thể đọc thầm bằng mắt, theo ý, theo đoạn, theo trang. Muốn thế phải rèn luyện kỹ năng di chuyển bao quát của mắt khi đọc, phải tập trung tư tưởng cao độ. Nhưng yêu cầu của đọc nhanh là vẫn phải hiểu rõ vấn đề chủ chốt.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số người chơi. - Dụng cụ chơi. - Địa điểm, thời gian. * Cách chơi (Luật chơi). - Giới thiệu ntn thì thắng. - Giới thiệu ntn thì thua. - Giới thiệu ntn thì phạm luật. * Yêu cầu trò chơi. <p>C. Kết bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa của trò chơi. - Tình cảm của người thuyết minh. Lập dàn bài thuyết minh một trò chơi quen thuộc. <p>2. Bài tập 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt vấn đề: “Ngày nay ... giải quyết được vấn đề... Yêu cầu thực tiễn cấp thiết buộc phải tìm cách đọc nhanh. <p>“ Có nhiều cách đọc khác nhau ... có ý chí”. Giới thiệu những cách đọc chủ yếu hiện nay đọc thầm theo dòng và theo ý , những yêu cầu và hiệu quả của phương pháp đọc nhanh. “ Trong những năm gần đây.... 12.000 từ / phút” những số liệu, dẫn chứng về kết quả của phương pháp đọc nhanh.</p> <p>Các số liệu nêu ra nhằm chứng minh cho sự cần thiết, yêu cầu, cách thức, khả năng, tác dụng của phương pháp đọc nhanh đối với mỗi người chúng ta.</p>
---	--

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(5P)

a. Mục tiêu: học sinh biết vận dụng hiểu biết của mình về văn bản vào việc giải quyết tình huống thực tế.

b. Nội dung: đoạn văn về cách làm đồ chơi đơn giản.

c. Sản phẩm: bài viết của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

* *Chuyển giao nhiệm vụ*

- *Giáo viên:*

? Viết một văn thuyết minh ngắn về phương pháp làm một đồ chơi đơn giản.

- *Học sinh tiếp nhận.*

* *Thực hiện nhiệm vụ*

- *Học sinh:* trả lời cá nhân- nhận xét.

- *Giáo viên:* nhận xét.

* *Dự kiến sản phẩm:*

Yêu cầu:

+ Đúng hình thức, nội dung.

***Báo cáo kết quả:** HS đọc bài

***Đánh giá kết quả**

- *Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá*

-> *Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*

TUẦN

Tiết

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

Văn bản

TỨC CẢNH PÁC BÓ

(Hồ Chí Minh)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được tâm trạng vui, thích thú thật sự của Bác trong những ngày gian khổ ở Pác Bó, qua đó thấy được vẻ đẹp tâm hồn của Bác, vừa là chiến sĩ say mê hoạt động cách mạng, vừa là một khách lâm tuyền ung dung hòa nhịp với thiên nhiên, thể hiện bản lĩnh của người chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh.

- Thấy được những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ: Lời thơ bình dị, cảm xúc sâu sắc,...

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, cảm thụ văn học

Rèn cho HS có năng lực đọc, phân tích thơ

Năng lực cảm thụ văn học..

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

HS biết ngưỡng mộ, kính trọng, tôn thờ Bác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG: (3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về một đoạn thơ của Tố Hữu viết về Bác

b. Nội dung: cảm thụ của HS về một ngữ liệu thơ.

c. Sản phẩm: : HS suy nghĩ trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV: cho HS quan sát đoạn thơ sau, y/cầu HS đọc và TL các câu hỏi:

Ôi sáng xuân nay, xuân 41.

Trắng rừng biên giới nở hoa mơ

Bác về... im lặng con chim hót

Thánh thót bờ lau vui ngẩn ngơ

? Những câu thơ trên trích từ bài thơ nào? Của ai?

? Những câu thơ đó ghi lại sự kiện rất quan trọng, tạo bước ngoặt cho lịch sử CM VN theo em đó là sự kiện gì?

- HS: tiếp nhận

* Thực hiện nhiệm vụ:

- *Học sinh*: trả lời
- *Giáo viên*: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.
- * **Dự kiến sản phẩm:**
 - + Trích trong bài “Theo chân Bác” của Tố Hữu.
 - + Khắc đậm mốc thời gian, sự kiện lịch sử (thời điểm Bác Hồ trở về Tổ quốc)
- * **Báo cáo kết quả**
 - HS trình bày cá nhân.
- * **Đánh giá kết quả**
 - + HS tự đánh giá
 - + Hsd đánh giá lẫn nhau.
 - + Giáo viên nhận xét đánh giá.
- > GV gieo vấn đề: Vậy sự kiện quan trọng là sau hơn 30 năm bôn ba ở nước ngoài để tìm đường cứu nước, đầu năm 1941, Chủ tịch HCM bí mật về Pác Bó Cao Bằng để lãnh đạo cách mạng nước ta. Từ đó hang Pác Bó đã trở thành nơi sống và hoạt động bí mật của Người. Vậy cuộc sống ở hang Pác Bó của Bác ntn chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay.
- GV nêu mục tiêu bài học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động 1. Giới thiệu chung</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Hồ Chí Minh và bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”</p> <p>b. Nội dung: hiểu biết về tác giả, tác phẩm.</p> <p>c. Sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu học tập cá nhân <p>d. Tổ chức thực hiện</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: yêu cầu trình bày dự án tác giả Hồ Chí Minh và bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” (hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, bố cục bài thơ). - HS: tiếp nhận <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Học sinh</i>: trình bày dự án tác giả HCM và và bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” - <i>Giáo viên</i>: nghe Hs trình bày. <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tác giả: Hồ Chí Minh (1890 - 1969) quê xã Kim Liên- huyện 	<p>I. Giới thiệu chung</p> <p>1. Tác giả:</p>

<p>Nam Đàn- tỉnh Nghệ An.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc. - Người còn là người chiến sĩ cách mạng, danh nhân văn hóa thế giới. <p>+ Bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh sáng tác: Sáng tác tháng 2/ 1941. Bác ở tại hang Pác Bó (Cao Bằng) để trực tiếp chỉ huy cuộc kháng chiến chống Pháp. - Bài thơ được viết theo thể thơ: thất ngôn tứ tuyệt Đường luật. - Bố cục: 2 phần: <p>Phần 1: Cảnh sinh hoạt và làm việc của Bác ở Pác Bó (câu 1, 2, 3)</p> <p>Phần 2: Cảm nghĩ của Bác (câu 4).</p> <p>* Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày cá nhân. <p>*Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS tự đánh giá + Hs đánh giá lẫn nhau. + Giáo viên nhận xét đánh giá. <p>-> GV chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp Hs tìm hiểu điều kiện sinh hoạt của Bác</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động nhóm tìm hiểu điều kiện sinh hoạt của Bác.</p> <p>c. Sản phẩm: Phiếu học tập theo nhóm</p> <p>d. Tổ chức thực hiện</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên: <ol style="list-style-type: none"> 1. Ở 3 câu thơ đầu Bác đã kể những gì về điều kiện sinh hoạt và làm việc của Bác? 2. Bác đã sử dụng cách diễn đạt như thế nào và biện pháp nghệ thuật gì? 3. Qua đó, em hình dung điều kiện sống, làm việc của Bác như thế nào? 4. Từ đó, em hiểu gì về Bác (đời sống tâm hồn, tinh thần, tư 	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ Chí Minh (1890 - 1969), nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc. - Là nhà yêu nước, cách mạng vĩ đại của dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. <p>2. Văn bản:</p> <p>a. Hoàn cảnh sáng tác, thể loại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sáng tác 2- 1941 khi Người sống và làm việc tại hang Pác Bó. - Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt - Bố cục: ... <p>II. Đọc- hiểu văn bản</p> <p>1. Điều kiện sinh hoạt của Bác:</p>
--	--

thế...)?

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: thảo luận nhóm.

- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs làm việc

*** Dự kiến sản phẩm:**

1. Điều kiện sống và làm việc:

- Câu 1: Bác sống trong hang và bên cạnh suối, sáng ra bờ suối làm việc tối ngủ trong hang.

- Câu 2: Bác ăn cháo bẹ và rau măng.

- Câu 3: Bác làm việc dịch Lịch sử Đảng cộng sản Liên Xô là tài liệu học tập cho cán bộ cạnh mạng trên một chiếc bàn bằng đá kê chông chênh cạnh bờ suối.

2. Cách diễn đạt và biện pháp nghệ thuật:

- Câu 1: Nhịp 4/3, tạo câu thơ thành 2 vế sóng đôi tạo cảm giác cuộc sống nhịp nhàng, nền nếp, đều đặn cùng núi rừng.

- Câu 2: + Giọng điệu vui đùa, hóm hỉnh, tự nhiên.

+ Liệt kê các món ăn.

- Câu 3: + Từ láy tượng hình.

+ Phép tiểu đối giữa hai vế câu.

3. Qua đó, em thấy điều kiện sống, làm việc của Bác thật khó khăn, thiếu thốn, gian khổ... nhưng vẫn vô cùng quy củ, nền nếp, hoà nhịp với núi rừng.

4. Bác là người có:

+ Tâm hồn hòa hợp với thiên nhiên.

+ Tinh thần vui tươi, sáng khoái, lạc quan.

+ Tư thế ung dung, lạc quan, yêu đời.

GV: Ra suối chính là ra nơi làm việc để tận dụng chút ánh sáng mặt trời. Và vào hang chính là vào nơi sinh hoạt hàng ngày sau giờ làm việc. Nhịp thơ 4/3 tạo câu thơ thành 2 vế sóng đôi tạo cảm giác nhịp nhàng, nền nếp, khá đều đặn. Cuộc sống của người là cuộc sống bí mật nhưng vẫn vô cùng quy củ, nền nếp, hoà nhịp với núi rừng. -> Đó là cách nói vui, thể hiện tinh thần lạc quan của Bác. Niềm vui của Bác gắn với thiên nhiên, rừng núi. Cuộc sống đơn sơ, đạm bạc, gian khổ là thế nhưng vẫn không làm thay đổi thái độ, cách suy nghĩ của Bác. Nhìn trên phương diện “Thú lâm tuyền” mà nói, ta thấy hiện lên những

- NT: nhịp thơ nhịp nhàng, tiểu đối, giọng điệu tự nhiên, hóm hỉnh, từ láy ...

->

+ Điều kiện sống, làm việc của Bác thật khó khăn, thiếu thốn, gian khổ... nhưng vẫn vô cùng quy củ, nền nếp, hoà nhịp với núi rừng.

+ Tâm hồn hòa hợp với thiên nhiên, tinh thần vui tươi, sáng khoái, lạc quan, tư thế ung dung, lạc quan, yêu đời.

màu sắc thật thú vị. Cháo bẹ, rau măng chẳng phải là những thức ăn thanh đạm ưa thích của các bậc ẩn sĩ chân chính khi xưa đó sao?

Nguyễn Bình Khiêm xưa cũng đã tự hào:

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá

Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.

Bác Hồ của chúng ta trong bài “Cảnh rừng Việt Bắc” được sáng tác sau bài thơ này 6 năm cũng viết:

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay

.....Rượu ngọt chè tươi mặc sức say.

Từ đó mới thấy con người ta cốt là ở cái tâm. Khi cái tâm tươi vui thanh thản, thoải mái thì không một khó khăn nào có thể làm người ta chùn bước.

Ở câu 1,2 ta tưởng rằng nhân vật trữ tình ở đây là một ẩn sĩ thì câu 3 giải thích rõ, làm nổi bật lên hình tượng của một chiến sĩ. “Chông chênh” là từ láy miêu tả duy nhất của bài thơ, rất tạo hình và gợi cảm. Ba chữ “dịch sử Đảng” toàn văn chắc toát lên cái khỏe khoắn, mạnh mẽ làm nổi bật hình ảnh trung tâm của bài thơ- hình tượng người chiến sĩ được khắc họa chân thực, sinh động, lại vừa có một tầm vóc lớn lao, một tư thế uy nghi giống như tượng đài về một vị lãnh tụ. Ba câu thơ đầu, câu 1 nói về cách sinh hoạt, câu 2 nói đến bữa ăn thường nhật, câu 3 nói về công việc- Chuyển từ không khí thiên nhiên sang hoạt động cách mạng.

* **Báo cáo kết quả:** Đại diện nhóm trình bày sản phẩm

* **Đánh giá kết quả:**

+ Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá quá trình HĐ nhóm, đánh giá sản phẩm của HS.

-> GV chốt kiến thức và ghi bảng

2. Cảm nghĩ của Bác về cuộc đời cách mạng

a. Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu được cảm nghĩ của Bác về cuộc đời cách mạng

b. **Nội dung:** Hoạt động cá nhân cảm thụ về cuộc đời cách mạng của Bác.

c. **Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh.

d. **Tổ chức thực hiện:**

2. Cảm nghĩ của Bác về cuộc đời cách mạng:

*** GV chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: yêu cầu

? Từ “Sang” ở đây có nghĩa là gì?

? Ở đây, cuộc đời CM “thật là sang” có phải là sang giàu về mặt vật chất không?

? Câu thơ giúp ta hiểu thêm gì về phẩm chất con người Bác?

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

*** Dự kiến sản phẩm:**

+ Sang trọng, giàu có, cao quý, là cảm giác hài lòng, vui thích.

+ Sang là sự sang trọng, giàu có về mặt tinh thần của người làm CM.

(Ăn ở, làm việc ... đều gian khổ, khó khăn thiếu thốn nhưng Người vẫn luôn cảm thấy vui thích, giàu có, sang trọng.

Việc ăn, ở không phải là sang, chỉ có việc làm (lịch sử Đảng) là sang nhất vì nó đem ánh sáng của chủ nghĩa Mác- Lênin về để đấu tranh giải phóng dân tộc, đem lại cơm no áo ấm và hạnh phúc cho toàn dân.

+ sang là sự sang trọng, giàu có khi yêu TN, nay lại được sống hoà hợp với TN -> thấy thư thái, lạc quan, làm chủ tình thế.

+ Câu cảm thán ->Niềm vui sướng tự hào trước cuộc sống và công việc nơi đây. Khẳng định sự nghiệp cách mạng thật cao quý -> tinh thần lạc quan, phong thái ung dung, tự tại của Bác.

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức và ghi bảng

GV: Câu thơ cuối cùng là lời tự nhận xét, biểu hiện trực tiếp tâm trạng, cảm xúc của chủ thể trữ tình. Câu thơ kết đọng lại ở chữ “sang Trong những ngày ở Pác Bó, ăn, ở, làm việc đều gian khổ, khó khăn, thiếu thốn, nguy hiểm vô cùng. Nhưng người vẫn luôn cảm thấy vui, thích, giàu có và sang trọng. Niềm vui và cái sang của cuộc đời CM ấy xuất phát từ quan niệm sống của Người.

- Khẳng định sự nghiệp cách mạng thật cao quý =>Tinh thần lạc quan, phong thái ung dung, tự tại của Bác.

Hoạt động III. Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: ? Nêu nội dung nghệ thuật của bài thơ?
- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: trả lời
- Giáo viên: hướng dẫn, nghe HS trình bày.
- * Dự kiến sản phẩm:
- + NT tiêu biểu của bài thơ:
 - Lời thơ bình dị, giọng điệu vui đùa thoải mái.
 - Kết hợp hài hòa giữa tính chất cổ điển và hiện đại.
 - Ngắn gọn, hàm súc.
 - Tứ thơ độc đáo, bất ngờ và thú vị.

+ ND:

- Tâm hồn hoà hợp với thiên nhiên.
- Tinh thần cách mạng kiên cường.
- Ung dung, lạc quan.

*** Báo cáo kết quả:** HS trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- + HS khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức và ghi bảng

III. Tổng kết**1. Nghệ thuật:**

- Lời thơ bình dị, giọng điệu vui đùa thoải mái.
- Kết hợp hài hòa giữa tính chất cổ điển và hiện đại.
- Ngắn gọn, hàm súc.

2. Nội dung: Tâm hồn hoà hợp với thiên nhiên, tinh thần cách mạng kiên cường, tư thế ung dung, lạc quan của Bác.

*** Ghi nhớ: sgk**

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(7P)

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về bài thơ để làm bài tập.

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân tìm hiểu về bài học rút ra khi tìm hiểu về cách sống của Bác.

c. Sản phẩm: bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV:

1. Em rút ra bài học gì cho bản thân trước vẻ đẹp trong cách sống của Bác Hồ?

2. Câu hỏi 3

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: hướng dẫn, nghe HS trình bày.

*** Dự kiến sản phẩm:**

1. + Sống hoà hợp với thiên nhiên.

+ Tinh thần lạc quan....

2. Câu hỏi 3

+ Giống: Cả hai đều là những vị anh hùng, nhà tư tưởng lớn của DT. Cả hai đều có tình cảm gắn bó với thiên nhiên.

+ Khác:

- Nguyễn Trãi lấy đá làm chiếu nằm, còn Bác thì lấy đá làm nơi làm việc.

- Nguyễn Trãi tin ở thiên mệnh, thiên cơ: Khi gặp thời thế đảo điên thì không thể phò vua cứu nước đành lui về ở ẩn. Còn Bác thì nắm được quy luật khách quan và thời cơ CM, chủ động vượt lên hoàn cảnh.

*** Báo cáo kết quả:** HS trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

+ HS khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (2P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HĐ cá nhân viết đoạn văn cảm nhận về bài thơ.

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **GV:** Viết đoạn văn cảm nhận về bài thơ khoảng 7- 10 câu

- **HS:** tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- **Học sinh:** trả lời

- **Giáo viên:** hướng dẫn, nghe HS trình bày.

* **Dự kiến sản phẩm:** theo phần đọc hiểu, bài viết có cảm xúc, diễn đạt trôi chảy, xúc tích...

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày

* **Đánh giá kết quả:**

+ HS khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

* **Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Suu tầm thêm những bài thơ của Bác viết ở chiến khu Việt Bắc, những bài thơ nói về lòng yêu thiên nhiên của Bác.

- Học bài.

- Chuẩn bị bài:

.....

Tiết : Tiếng Việt
CÂU CẦU KHIẾN

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:** Hiểu rõ đặc điểm hình thức của câu cầu khiến. Phân biệt câu cầu khiến với các kiểu câu khác. Nắm vững chức năng của câu cầu khiến, biết dùng câu cầu khiến phù hợp tình huống giao tiếp.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- HS có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)

1 Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về câu cầu khiến

b. Nội dung: hoạt động cá nhân xác định được câu nghi vấn trong đoạn văn.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- GV: cho đoạn văn:
? Chỉ ra câu nghi vấn trong đoạn văn trên? Câu nghi vấn đó có chức năng gì?
- HS: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ:*

- HS: trả lời
- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

* *Dự kiến sản phẩm:*

- * *Báo cáo kết quả:* HS trả lời cá nhân

* *Đánh giá kết quả:*

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá
- GV gieo vấn đề vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Đặc điểm hình thức và chức năng của câu cầu khiến như thế nào chúng ta đi vào tìm hiểu
- > GV nêu mục đích bài học

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>I. Đặc điểm hình thức và chức năng (23P)</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được hình thức và chức năng của câu</p> <p>b. Nội dung: HS tìm hiểu các ví dụ ở nhà</p> <p>c. Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* <i>Chuyển giao nhiệm vụ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv: 	<p>I. Đặc điểm hình thức và chức năng</p> <p>1. Ví dụ:</p> <p>2. Nhận xét:</p>

1. Trong đoạn trích trên, câu nào là câu cầu khiến?
2. Dựa vào đặc điểm hình thức nào cho biết đó là câu cầu khiến?
3. Câu cầu khiến trong những đoạn trích trên dùng để làm gì?

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: làm việc nhóm

- Gv: quan sát, giúp đỡ Hs

*** Dự kiến sản phẩm**

+ Các câu cầu khiến

a. Thôi đừng lo lắng.

Cứ về đi.

b. Đi thôi con.

+ Đặc điểm hình thức:

- Chứa các từ mang ý cầu khiến: đừng, đi, thôi.

- Kết thúc câu bằng dấu chấm.

+ Chức năng:

- Khuyên bảo

- Yêu cầu

*** Báo cáo kết quả:** Đại diện nhóm trình bày.

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

GV bổ sung thêm VD, yêu cầu học sinh xác định từ mang ý cầu khiến và nêu chức năng

+ *Sứ giả hãy mau mau về xin nhà vua đút cho ta một con ngựa sắt !-> Yêu cầu, ra lệnh.*

+ *Bạn đọc đi! -> Yêu cầu*

+ *Bạn nên nghe lời anh ấy đi. -> Khuyên bảo.*

+ *Mẹ giặt giúp con chiếc áo này với nhé. -> Đề nghị.*

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv:

1. Cách đọc từ “Mở cửa” trong câu a và câu b có gì khác nhau?
2. Câu “Mở cửa” trong (b) dùng để làm gì ? Khác câu “Mở cửa” trong (a) ở chỗ nào ?
3. Như vậy, nếu không có từ cầu khiến thì căn cứ vào đâu để chúng ta nhận biết?

4. Nhận xét về dấu kết thúc câu cầu khiến ?

- HS: tiếp nhận:

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: hoạt động cặp đôi

- GV: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở HS

- * **Dự kiến sản phẩm:**

1. Khác nhau: Có ngữ điệu khác nhau câu (a) đọc nhẹ nhàng hơn, câu (b) phát âm với giọng nhấn mạnh hơn. Câu (a) là câu trần thuật, câu (b) là câu cầu khiến.

2. Câu (a) dùng để trả lời câu hỏi. Câu (b) dùng để đề nghị, ra lệnh.

3. Căn cứ vào ngữ điệu của câu.

4. Kết thúc bằng dấu chấm than.

* **Báo cáo kết quả:** Đại diện cặp đôi báo cáo kết quả

* **Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV chốt kiến thức và ghi bảng

GV: Lưu ý:

+ Khi yêu cầu: người nói là vai trên, người nghe là vai dưới.

+ Khi đề nghị: người nói là vai dưới, người nghe là vai trên.

- Có những từ cầu khiến, ngữ điệu cầu khiến.

- Dùng để:

+ Khuyên bảo

+ Yêu cầu

+ Ra lệnh

+ Đề nghị.

- Kết thúc câu bằng:

+ Dấu chấm than.

+ Dấu chấm

3. Ghi nhớ: (SGK)

II. Luyện tập:

--	--

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(15P)

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về hình thức và chức năng của câu cầu khiến để làm bài tập.

b. Nội dung: HĐ cá nhân (bài 1). HĐ cặp đôi (bài 3,5)., HĐ nhóm (bài 2,4) để hoàn thành các bài tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

** Chuyển giao nhiệm vụ:*

- Gv: Bài tập 1,2,3,4,5

- HS: tiếp nhận

** Thực hiện nhiệm vụ:*

- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

- Giáo viên: quan sát, hướng dẫn hs

** Dự kiến sản phẩm:*

Bài 1 : - Hình thức của câu cầu khiến

a, Hãy ; b, đi c, đừng

- Nhận xét về chủ ngữ:

a, vắng chủ ngữ: chủ ngữ là Lang Liêu

b, Chủ ngữ là ông giáo. c, Chủ ngữ là chúng ta.

Thêm , bớt chủ ngữ :

a, Con hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương. (làm cho đối tượng tiếp nhận thấy lời yêu cầu nhẹ nhàng tình cảm hơn)

b, Hút trước đi. (ý nghĩa câu khiến dường như mạnh hơn, câu nói kém lịch sự hơn)

c, Nay các anh đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được không. (ý nghĩa câu bị thay đổi; *chúng ta* bao gồm cả người nói và người nghe, *các anh* : chỉ có người nghe)

Bài 2 : Câu cầu khiến

- a, Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi.(văng CN)
- b, Các em đừng khóc. (có CN)
- c, Đưa tay cho tôi mau; cầm lấy tay tôi này (văng CN không có từ cầu khiến, chỉ có ngữ điệu cầu khiến)

Bài 3 :

- Câu a văng chủ ngữ
- Câu b có CN. Nhờ có CN ở câu b ý câu cầu khiến nhẹ hơn , thể hiện rõ hơn tình cảm của người nói đối với người nghe.

Bài 4:

- Đế Choắt nói với Đế Mèn (mục đích cầu khiến)
- Đế Choắt tự coi mình là vai dưới so với Đế Mèn và lại là người yếu đuối, nhút nhát vì vậy ngôn từ của Đế Choắt thường khiêm nhường, có sự rào trước đón sau.
- Trong lời Đế Choắt tác giả không dùng câu cầu khiến (mà dùng câu nghi vấn: hay là) làm cho ý cầu khiến nhẹ hơn, ít rõ ràng hơn. Cách dùng lời cầu khiến như thế rất phù hợp với tính cách Đế Choắt.

Bài 5:

Đi đi con! -> chỉ có người con đi.

Đi thôi con. -> người con và cả người mẹ cùng đi.

** Báo cáo kết quả:*

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3, 4, 5

** Đánh giá kết quả:*

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (2P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HĐ cá nhân viết đoạn văn có chứa câu cầu khiến đúng.

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

** Chuyển giao nhiệm vụ:*

- **Gv:** Viết một đoạn văn chủ đề tự chọn có sử dụng câu cầu khiến?
- **HS:** tiếp nhận

** Thực hiện nhiệm vụ:*

- **Học sinh:** trả lời
- **Giáo viên:** hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

** Dự kiến sản phẩm:* bài viết của Hs

** Báo cáo kết quả:* Hs trình bày

** Đánh giá kết quả:*

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Tìm 1 số câu thơ, câu văn có sử dụng câu cầu khiến
- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài:

Tiết:

Ngày soạn: /2021

Ngày giảng: //2021

Tập làm văn

THUYẾT MINH MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Biết cách thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Có ý tình yêu quê hương đất nước, yêu thiên nhiên, quý trọng, giữ gìn, bảo vệ, tôn tạo những danh lam thắng cảnh của đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)

1 Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS khi học về văn thuyết minh

b. Nội dung: hoạt động cá nhân thuyết minh được cảnh đẹp nơi HS đã từng đi thăm

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV:

1. Kể tên những danh lam thắng cảnh mà em biết?

2. Em đã được tham quan ở nơi nào chưa? Em hãy thử làm một hướng dẫn viên du lịch giới thiệu cho các bạn nghe về địa danh đó.

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: trả lời

- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

*** Dự kiến sản phẩm:** Đền Hùng, Vịnh Hạ Long, chùa Hương

*** Báo cáo kết quả:** HS trả lời cá nhân

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

- GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Đặc điểm hình thức và chức năng của câu cầu khiến như thế nào chúng ta đi vào tìm hiểu

-> GV nêu mục đích bài học

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>HD 1: I. Giới thiệu một danh lam thắng cảnh</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp học sinh tìm hiểu bài văn giới thiệu một danh lam thắng cảnh</p> <p>b. Nội dung: : Thảo luận nhóm tìm hiểu ví dụ.</p> <p>c. Sản phẩm: Phiếu học tập</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- Gv:</p> <p>1. Bài văn giới thiệu về những đối tượng nào?</p> <p>2. Bài giới thiệu giúp chúng ta hiểu gì về đối tượng đó?</p> <p>3. Như vậy muốn viết bài về danh lam thắng cảnh thì ta cần có những kiến thức gì ?</p> <p>4. Làm thế nào để có kiến thức đó?</p> <p>5. Bài viết được sắp xếp theo bố cục, trình tự nào? Theo em bài</p>	<p>I. Giới thiệu một danh lam thắng cảnh:</p> <p>1. Ví dụ:</p> <p>Đọc VB: “Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn”.</p>

này có thiếu sót gì về bố cục?

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Hs: thảo luận.

- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở Hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

1. Đối tượng TM: Hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn .

2.- Hồ Hoàn Kiếm: Nguồn gốc hình thành, sự tích những tên hồ.

- Đền Ngọc Sơn: Nguồn gốc hình thành, sơ lược quá trình xây dựng đền, vị trí và cấu trúc đền.

3. Kiến thức: thuộc lĩnh vực Lịch sử, địa lí văn học và nghệ thuật.

4. Phải thăm quan, tra cứu sách vở, hỏi han...

5. - Bố cục: 3 phần

P1: Giới thiệu hồ HK

P2: Giới thiệu đền NS

P3: Giới thiệu bờ hồ.

-> Theo thứ tự quan sát của người viết.

- Thiếu: Mở bài và kết bài.

*** Báo cáo kết quả:** Đại diện nhóm trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

-> GV chốt kiến thức và ghi bảng

GV bổ sung: Tuy bài này được chia làm 3 phần nhưng không phải là 3 phần của 1 VB là MB, TB, KL như bố cục thường gặp. Vậy để bài viết hoàn thiện, ta phải -> Bổ sung thêm MB và KB.

GV:

+ Mở bài: có thể giới thiệu, dẫn khách có cái nhìn bao quát về quần thể DLTC Hồ Hoàn Kiếm- Đền Ngọc Sơn.

+ Kết bài: ý nghĩa lịch sử –VH-XH của DLTC, bài học về giữ gìn và tôn tạo thắng cảnh.

Ngoài ra, bài viết này còn chưa giới thiệu vị trí cụ thể, độ rộng hẹp của hồ (Phải nêu rõ vị trí của tháp rùa, cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn ở chỗ nào, hướng nào của hồ, cách bao nhiêu mét). Và có thể còn phải giới thiệu quang cảnh xung quanh: cây cối, màu sắc, mặt nước... Bài văn còn thiếu yếu tố miêu tả và lời

2. Nhận xét:

- Giới thiệu về danh lam thắng cảnh.

- Phải có kiến thức, phải quan sát, đọc, tìm hiểu

- Gồm 3 phần:

+ MB

+ TB

+ KB

bình luận của tác giả.

? Vậy muốn viết bài văn giới thiệu về danh lam thắng cảnh người viết cần phải làm gì ? Bố cục ntn ? Lời giới thiệu cần đảm bảo yêu cầu gì ?

Gọi HS đọc Ghi nhớ sgk

3. Ghi nhớ: (sgk - 34).

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(15P)

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn thuyết minh để làm bài tập.

b. Nội dung: HĐ cá nhân, hoạt động cặp đôi để hoàn thiện các bài tập

c. Sản phẩm: Phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv:

Làm bài tập 1,2,3,4 sgk

Bài 1,3: làm việc cá nhân

Bài 2, 4 thảo luận cặp đôi

*** HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Hs: làm bài cá nhân, cặp đôi

- Gv: quan sát, giúp đỡ Hs

*** Dự kiến sản phẩm:** ..

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày bài làm của mình

*** Đánh giá kết quả**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá

II. Luyện tập:

1. Bài tập 1:

a) MB: - Giới thiệu về hồ Hoàn Kiếm.

- Vị trí của danh lam thắng cảnh.

b) TB: - Giới thiệu vị trí của hồ, diện tích, độ sâu.

- Giới thiệu hồ Hoàn Kiếm gồm 2 bộ phận: Hồ và đền được nổi bởi cầu Thê Húc.

- Giới thiệu chi tiết:

+ Hồ Hoàn Kiếm: Nguồn gốc tên gọi ở mỗi thời kì.

+ Đền Ngọc Sơn: Tên gọi gắn với những sự kiện lịch sử khác nhau.

Miêu tả Tháp Bút, Đài Nghiên, đền Ngọc Sơn (kiến trúc, vai trò...).

c) KB:

- Vị trí của thắng cảnh trong đời sống con người.

- Cần làm gì để phát huy, giữ gìn cảnh đẹp đó.

2. Bài tập 2:

- Nhìn bao quát toàn cảnh: từ đường Đinh Tiên Hoàng nhìn Đài Nghiên, Tháp Bút, qua cầu Thê Húc, vào đền. Tả bên trong đền. Từ trấn Ba Đình nhìn ra hồ, về phía Thủy Tạ, phía Tháp Rùa -> giới thiệu tiếp. Từ phố Hàng Khay nhìn bao quát cảnh hồ đền để kết luận.

3. Bài tập 3:

	<p>- Truyền thuyết trả gương thần, cầu Thê Húc, Tháp Bút, vấn đề giữ gìn cảnh quan và sự trong sạch của Hồ Gươm.</p> <p>4. Bài tập 4:</p> <p>- Vào phần mở bài và kết bài của bài văn.</p>
--	---

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (2P)

- a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
- b. Nội dung:** HĐ cá nhân viết đoạn văn thiệu về một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử ở địa phương .
- c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**
- * **Chuyển giao nhiệm vụ:**
 - **GV:** Viết một đoạn văn giới thiệu về một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử ở địa phương em.
 - **HS:** tiếp nhận
 - * **Thực hiện nhiệm vụ:**
 - **Học sinh:** trả lời
 - **Giáo viên:** hướng dẫn, nghe Hs trình bày.
 - * **Dự kiến sản phẩm:**
 - + Đủ bố cục 3 phần
 - + Giới thiệu được: tên, địa điểm, cấu trúc, vai trò ý nghĩa và cách giữ gìn phát huy vai trò của DLTC ấy.
 - * **Báo cáo kết quả:** Hs trình bày
 - * **Đánh giá kết quả:**
 - + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
 - + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.
- * **Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**
- Tìm 1 số bài thuyết minh về danh lam thắng cảnh nổi tiếng qua sách báo, đài truyền hình
 - Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
 - Chuẩn bị bài:

Tiết:

Ngày soạn: //2021

Ngày giảng: //2021

Tập làm văn

ÔN TẬP VỀ VĂN BẢN THUYẾT MINH

Thời gian thực hiện: 1 tiết**I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:**

- Nhớ lại khái niệm của kiểu bài thuyết minh
- Ôn lại vai trò, tác dụng, đặc trưng, phương pháp của văn bản thuyết minh.
- Nắm vững bố cục bài văn TM và cách làm bài văn thuyết minh.

2. Năng lực:**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU: (3P)****a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS khi ôn tập về văn thuyết minh

b. Nội dung: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp**c. Sản phẩm:** Trình bày miệng**d. Tổ chức thực hiện:***** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: nêu câu hỏi
? Nêu cách giới thiệu, thuyết minh một danh lam thắng cảnh ?
- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời
- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

*** Dự kiến sản phẩm**

Muốn giới thiệu, thuyết minh về một danh lam thắng cảnh thì tốt nhất phải đến nơi thăm thú, quan sát hoặc tra cứu sách vở, hỏi han những người hiểu biết về nơi ấy

* **Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

* **Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

Vậy bài học hôm nay chúng ta sẽ đi vào ôn tập củng cố kiến thức về văn thuyết minh.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động I: Ôn tập lý thuyết (15P)</p> <p>a. Mục tiêu: Nêu được vai trò, tác dụng, đặc điểm, yêu cầu và phương pháp thuyết minh</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động nhóm ôn lại vai trò, tác dụng, đặc điểm, yêu cầu và phương pháp thuyết minh.</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của Hs</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhắc lại khái niệm văn bản thuyết minh? Văn bản thuyết minh có vai trò tác dụng như thế nào trong đời sống? Muốn làm tốt bài văn thuyết minh, cần phải chuẩn bị những gì? Bài văn thuyết minh phải làm nổi bật điều gì? Những phương pháp thuyết minh nào thường được chú ý vận dụng? <p>- <i>Hs:</i> tiếp nhận</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân, trao đổi trong nhóm</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> hướng quan sát các nhóm làm việc, hỗ trợ khi cần thiết</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>Kn: VB thuyết minh là kiểu VB thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân...của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và XH bằng</p>	<p>I. Ôn tập lý thuyết:</p> <p>1. Vai trò, tác dụng của văn bản thuyết minh:</p> <p>- Cung cấp tri thức về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân của các sự vật, hiện tượng</p> <p>2. Tính chất :</p> <p>- Chính xác, khách quan , khoa học</p> <p>3. Yêu cầu :</p> <p>- Quan sát, tìm hiểu, nắm bắt được đặc điểm, tính chất của</p>

<p>phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.</p> <p>* Báo cáo kết quả:</p> <p>Gv: Gọi đại diện nhóm trình bày sản phẩm</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng 	<p>đối tượng</p> <p>4. Phương pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa, liệt kê, ví dụ, so sánh, đối chiếu, phân tích, phân loại, dùng số liệu.....
---	--

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(23P)

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập <p>b. Nội dung: hoạt động cá nhân làm bài tập trong SGK</p> <p>c. Sản phẩm: hs làm vào vở bài tập</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tự đánh giá - Hs: đánh giá lẫn nhau - Gv: đánh giá hs <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv: Bài 1 <p>Hãy nêu cách lập ý và lập dàn bài một trong các đề</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Giới thiệu 1 đồ dùng trong học tập hoặc sinh hoạt b. Giới thiệu 1 danh lam thắng cảnh ở quê hương em <p>Bài 2: Tập viết đoạn văn 1 trong các đề bài trong SGK T36</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs: tiếp nhận <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: làm việc cá nhân - Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>Bài 1:</p> <p>* Lập ý:</p>	<p>II. Luyện tập:</p> <p>1. Bài tập 1:</p> <p>* Lập ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đối tượng: Chiếc bút- đồ dùng quen thuộc không thể thiếu trong cuộc sống. - Xác định phạm vi kiến thức: Đặc điểm, công dụng, cấu tạo, cách sử dụng, bảo quản <p>* Lập dàn bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Mở bài: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chiếc bút. b. Thân bài <ul style="list-style-type: none"> - Nêu đặc điểm, hình dáng, cấu tạo của chiếc bút. - Nêu công dụng, cách sử dụng, bảo

<p>- Xác định đối tượng: Chiếc bút- đồ dùng quen thuộc không thể thiếu trong cuộc sống.</p> <p>- Xác định phạm vi kiến thức: Đặc điểm, công dụng, cấu tạo, cách sử dụng, bảo quản</p> <p>* Lập dàn bài:</p> <p>a. Mở bài: Giới thiệu chiếc bút.</p> <p>b. Thân bài</p> <p style="padding-left: 20px;">Nêu đặc điểm, hình dáng, cấu tạo của chiếc bút.</p> <p style="padding-left: 20px;">Nêu công dụng, cách sử dụng, bảo quản.</p> <p>c. Kết bài: Khẳng định vai trò của chiếc bút trong cuộc sống.</p> <p>Tình cảm của em.</p> <p>Bài 2:</p> <p>1) Đền Hùng là một di tích lịch sử nổi tiếng của tỉnh Phú Thọ nói riêng, của cả nước nói chung. (2) Đền Hùng là nơi thờ tự các vua Hùng, những vị vua đầu tiên của đất nước ta. (3) Đền Hùng tọa lạc trên ngọn núi Nghĩa Lĩnh hay còn gọi là núi Hùng, núi Cả, núi Hy Cương, cao 175m so với mực nước biển.(4) Đầu tiên, chúng ta bước đến cổng đền được xây năm 1917 với dòng chữ “Cao sơn cảnh hành”. (5) Theo những bậc đá mòn dưới những tán cây cỏ thụ xanh mát, chúng ta lên đến Đền Hạ rồi đến Đền Trung và cuối cùng là Đền Thượng. (6) Men theo sườn dốc, chúng ta đến với Đền Giếng gắn liền với bao huyền tích lịch sử về những nàng công chúa xa xưa.(7) Đến thăm đền Hùng, du khách sẽ cảm nhận được không khí trang nghiêm, u tịch và huyền bí, gợi sự thiêng liêng và lòng thành kính đối với tổ tiên của chúng ta.</p> <p>* Báo cáo kết quả: Hs: trình bày miệng</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>->Giáo viên chốt kiến thức</p>	<p>quản.</p> <p>c. Kết bài:</p> <p style="padding-left: 20px;">- Khẳng định vai trò của chiếc bút trong cuộc sống.</p> <p style="padding-left: 20px;">- Tình cảm của em.</p> <p>2. Bài tập 2:</p>
--	--

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (2P)

- a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
- b. Nội dung:** HĐ cá nhân viết đoạn văn thuyết minh giới thiệu 1 loài hoa vào dịp tết đến xuân về.

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **Gv:** Viết đoạn văn thuyết minh giới thiệu 1 loài hoa vào dịp tết đến xuân về
- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- **Học sinh:** trả lời
- **Giáo viên:** hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

*** Dự kiến sản phẩm:**

- + Đủ bố cục 3 phần
- + Giới thiệu được: Nguồn gốc, cấu tạo, công dụng ý nghĩa, cách chăm sóc và giữ gìn

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Tìm 1 số bài thuyết minh về danh lam thắng cảnh nổi tiếng qua sách báo, đài truyền hình
- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài:

NGẮM TRĂNG

(Hồ Chí Minh)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được tình yêu thiên nhiên đặc biệt sâu sắc của Bác dù trong hoàn cảnh tù ngục, Người vẫn mở rộng tâm hồn, tìm đến giao hòa với thiên nhiên. Thấy được phong thái ung dung, bản lĩnh cách mạng ở Bác.
- Cảm nhận được sức truyền cảm nghệ thuật của bài thơ: Bình dị, tự nhiên, mang ý nghĩa sâu sắc.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, cảm thụ văn học

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- HS biết ngưỡng mộ, kính trọng, tôn thờ Bác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU: (3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS khi ôn tập về văn thuyết minh

b. Nội dung: HĐ cá nhân nêu hiểu biết về thơ Bác.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: nêu câu hỏi

HS quan sát tập thơ « Nhật kí trong tù »

? Nêu hiểu biết của em về tập thơ?

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

Giáo viên giới thiệu tập NKTT -> Hs quan sát -> Đây là tập thơ cảm hứng trữ tình duy nhất của HCM được Người sáng tác khá liên tục trong chuỗi ngày bị tù đầy ở Quảng Tây (Trung Quốc). Tập thơ gồm 133 bài viết bằng chữ Hán. Trăng vốn là đề tài quen thuộc

trong thơ Bác VD “Cảnh khuya, “Rằm tháng giêng”, “Ngắm trăng” là bài thơ nằm trong tập NKTT viết về một cuộc “Ngắm trăng” thật đặc biệt của Bác Hồ: ngắm trăng trong nhà tù..... Chúng ta cùng tìm hiểu bài .

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động 1: Giới thiệu chung</p> <p>a. Mục tiêu: Nêu được những hiểu biết của mình về bài thơ</p> <p>b. Nội dung: Những hiểu biết về tác giả, tác phẩm đã tìm hiểu ở nhà.</p> <p>c. Sản phẩm: câu trả lời của Hs</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p><i>* Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <p>- Giáo viên: nêu yêu cầu</p> <p>? Nêu những hiểu biết của em về bài thơ?</p> <p>- Hs: tiếp nhận</p> <p><i>* Thực hiện nhiệm vụ:</i></p> <p>- Học sinh: làm việc cá nhân.</p> <p>- Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p><i>* Dự kiến sản phẩm:</i></p> <p>- Xuất xứ: trong tập: “Nhật kí trong tù”</p> <p>- Hoàn cảnh sáng tác: Khi Bác bị giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch.</p> <p>- Thể loại: thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.</p> <p><i>* Báo cáo kết quả:</i> Hs trả lời</p> <p><i>* Đánh giá kết quả:</i></p> <p>- Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>Hoạt động 2: Đọc- Hiểu văn bản</p> <p>a. Mục tiêu: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc sắc của từng từ ngữ trong bài thơ</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động cặp đôi tìm hiểu 2 câu đầu.</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p><i>* Chuyển giao nhiệm vụ</i></p>	<p>I.Giới thiệu chung:</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>2. Văn bản:</p> <p>a, Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại:</p> <p>- Xuất xứ: trong tập: “Nhật kí trong tù”</p> <p>- Hoàn cảnh sáng tác: Khi Bác bị giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch.</p> <p>- Thể loại: thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.</p> <p>b, Đọc, chú thích, bố cục:</p> <p>- Đọc:</p> <p>- Chú thích:</p> <p>- Bố cục:</p> <p>II. Đọc- Hiểu văn bản:</p> <p>1. Hai câu đầu:</p>

<p>- <i>Giáo viên</i>: nêu yêu cầu</p> <p>1. Nêu những hiểu biết của em về hoàn cảnh ngắm trăng của Bác? Câu thơ sử dụng nghệ thuật gì? Tác dụng?</p> <p>2. So sánh câu 2 với nguyên tác?</p> <p>3. Qua đó, em có nhận xét gì về Người?</p> <p>- <i>Hs</i>: tiếp nhận</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- <i>Học sinh</i>: thảo luận cặp đôi.</p> <p>- <i>Giáo viên</i>: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>1. Bác ngắm trăng trong hoàn cảnh: Khi Bác bị giam cầm trong nhà tù TGT: thiếu thốn đủ thứ, không rượu và cũng không có hoa.</p> <p>- Điệp ngữ “vô”-> Như lời khẳng định, nhấn mạnh không hề có rượu và có hoa cho cuộc thưởng ngoạn.</p> <p>Gv: Rượu và hoa là những thứ mà thi nhân thường có để ngắm trăng. Có rượu để có thể cất chén mời trăng sáng, có rượu để thi hứng thêm nồng và hoa làm cho cảnh thêm lãng mạn và thơ mộng.</p> <p>Các thi nhân xưa gặp cảnh trăng đẹp thường đem rượu uống trước hoa để thưởng trăng; có rượu và hoa thì thưởng trăng mới thật mỹ mãn. Nói chung người ta chỉ ngắm trăng khi thanh thoi, tâm hồn thư thái. Nhưng ở đây, HCM ngắm trăng trong một hoàn cảnh đặc biệt: trong ngục tù! Bậc tao nhân mặc khách thưởng trăng đó đang là một tù nhân bị đầy đọa vô cùng cực khổ. Điều kiện sinh hoạt của cái nhà tù tàn bạo ấy làm sao phù hợp với việc thưởng nguyệt! làm sao có rượu và hoa để thưởng trăng?</p> <p>2. 3 tiếng “nại nhược hà” (biết làm thế nào) dịch thành “khó hững hờ” đổi từ câu hỏi thành câu trần thuật làm mất đi cái xốn xang, bối rối rất nghệ sĩ, rất nhạy cảm trước vẻ đẹp thiên nhiên của Bác Hồ. “Khó hững hờ” cho thấy hình như nhân vật trữ tình quá bình thản, có phần hững hờ chứ không rung động mạnh mẽ như trong nguyên tác.</p>	<p>- NT: điệp từ -> nhấn mạnh hoàn cảnh ngắm trăng: đặc biệt, thiếu thốn, mất tự do.</p> <p>- Câu hỏi tu từ</p> <p>-> sự xốn xang, bối rối, nhạy cảm trước cảnh trăng đẹp.</p>
--	--

3. Yêu thiên nhiên, rung động mãnh liệt trước cảnh đẹp thiên nhiên dù đang là thân tù.

* **Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

* **Đánh giá kết quả:**

- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

a. Mục tiêu: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc sắc của từng từ ngữ trong bài thơ

b. Nội dung: Hoạt động nhóm tìm hiểu hai câu cuối

c. Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên:* nêu yêu cầu

1. Nhận xét về cấu trúc và nghệ thuật của hai câu thơ?

Nêu tác dụng?

2. Qua bài thơ em hiểu gì về Bác ?

- *Hs:* tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* thảo luận cặp đôi.

- *Giáo viên:* quan sát, hỗ trợ hs

* **Dự kiến sản phẩm:**

1. - Cấu trúc:

Nhân hướng song tiền khán/ minh nguyệt.

Nguyệt/ tòng song khích khán/ thi gia.

NT đối -> hành động cùng song song diễn ra -> một cuộc giao hòa gần gũi, thân thiết giữa người với trăng.

- NT: + đối: nhân – nguyệt.

minh nguyệt- thi gia.

+ nhân hóa

-> Người tù hướng tâm hồn ra ngoài cửa sổ. Vầng trăng cũng chủ động vượt qua song sắt nhà tù để ngắm nhà thơ. Cả hai đều chủ động tìm đến nhau, giao hoà cùng nhau. Câu trúc đối làm nổi bật tình cảm song phương “mãnh liệt” của cả người và trăng.

2.

- Yêu thiên nhiên, mong muốn giao hòa với thiên

2. Hai câu cuối:

- NT đối,

nhân hóa.

-> Người tù chủ động tìm đến với thiên nhiên, quên đi thân phận tù đầy. Vầng trăng cũng chủ động vượt qua song sắt nhà tù để ngắm nhà thơ.=> Một cuộc giao hòa, gần gũi thân thiết.

nhiên.

- Phong thái ung dung, lạc quan vượt lên hoàn cảnh tù ngục => Đó chính là chất thép của người chiến sĩ cách mạng .

Bài thơ là một cuộc vượt ngục về tinh thần của Bác.

Bài thơ là minh chứng sinh động cho hai câu thơ Bác viết trang bìa tập NKTT:

“Thân thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao”.

* **Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

* **Đánh giá kết quả:**

- Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Hoạt động 3: Tổng kết:

a. Mục tiêu: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc sắc của từng từ ngữ trong bài thơ

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân đánh giá giá trị nội dung và nghệ thuật.

c. Sản phẩm: câu trả lời của hs

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên:* nêu yêu cầu

Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản

- *Hs:* tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* thảo luận cặp đôi.

- *Giáo viên:* quan sát, hỗ trợ hs

* **Dự kiến sản phẩm:**

+ NT: - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt chữ Hán mang dáng vẻ cổ điển.

- Sử dụng phép đối, phép nhân hoá linh hoạt.

- Hình ảnh thơ giản dị.

+ Tình yêu thiên nhiên, phong thái ung dung của Người.

* **Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

* **Đánh giá kết quả:**

III. Tổng kết:

<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng 	<p>1. Nghệ thuật:</p> <p>2. Nội dung:</p> <p>* Ghi nhớ: sgk/38</p>
---	--

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b. Nội dung: hoạt động cá nhân viết đoạn văn.

c. Sản phẩm: hs làm vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

*Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv: Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nghĩ của em về vẻ đẹp tâm hồn Bác qua bài thơ.

- Hs: tiếp nhận

*Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: làm việc cá nhân

- Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

* Dự kiến sản phẩm:

* **Báo cáo kết quả:** Hs: trình bày miệng

*Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (2P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HĐ cá nhân cảm nhận về tình cảm của Bác được thể hiện trong bài thơ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- Gv: ? Đọc diễn cảm bài thơ dịch của Nam Trân? Bài thơ ghi lại cảnh gì?

? Tình cảm của bác được thể hiện ra sao?

- **HS:** tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* trả lời

- *Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

* **Dự kiến sản phẩm:**

Bài thơ ghi lại một buổi ngắm trăng bất thường

Thiếu thôn về vật chất nhưng nhà thơ vẫn chủ động ngắm trăng. Đặt bài thơ trong hoàn cảnh sáng tác cụ thể, ta nhận ra một tâm hồn có trí tưởng tượng phong phú, phóng khoáng, nhạy cảm, một tâm hồn tinh tế khoẻ khoắn, một cốt cách thanh cao, một tấm lòng yêu thiên nhiên sâu sắc, sáng ngời chất thép.

* **Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

* **Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

* **Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

ĐI ĐƯỜNG

(Hồ Chí Minh)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hiểu được ý nghĩa tư tưởng của bài thơ Đi đường. Từ việc đi đường gian lao mà nói lên bài học đường đời, đường cách mạng.

- Cảm nhận được sức truyền cảm nghệ thuật của bài thơ: Bình dị, tự nhiên, mang ý nghĩa sâu sắc.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, cảm thụ văn học

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- HS biết ngưỡng mộ, kính trọng, tôn thờ Bác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU: (3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS khi ôn tập về văn thuyết minh

b. Nội dung: Suu tầm thơ Bác.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: nêu câu hỏi

Đọc một số bài thơ của Bác mà hs đã chuẩn bị ở nhà. Em hiểu được điều gì về Bác từ những vần đó ?

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

*** Dự kiến sản phẩm**

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

Giáo viên giới thiệu tập NKTT -> Hs quan sát -> Đây là tập thơ cảm hứng trữ tình duy nhất của HCM được Người sáng tác khá liên tục trong chuỗi ngày bị tù đày ở Quảng Tây

(Trung Quốc). Tập thơ gồm 133 bài viết bằng chữ Hán. Trăng vốn là đề tài quen thuộc trong thơ Bác VD “Cảnh khuya, “Rằm tháng giêng”, “Ngắm trăng” là bài thơ nằm trong tập NKTT viết về một cuộc “Ngắm trăng” thật đặc biệt của Bác Hồ: ngắm trăng trong nhà tù..... Chúng ta cùng tìm hiểu bài .

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>Hoạt động 1: Giới thiệu chung</p> <p>a. Mục tiêu: Nêu được những hiểu biết của mình về bài thơ</p> <p>b. Nội dung: Hiểu biết về tác giả đã tìm hiểu ở nhà.</p> <p>c. Sản phẩm: câu trả lời của Hs</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p><i>* Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <p>- Giáo viên: nêu yêu cầu</p> <p>? Nêu những hiểu biết của em về hoàn cảnh sáng tác, thể loại của bài thơ?</p> <p>- Hs: tiếp nhận</p> <p><i>* Thực hiện nhiệm vụ:</i></p> <p>- Học sinh: làm việc cá nhân.</p> <p>- Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p><i>* Dự kiến sản phẩm:</i></p> <p>+ Xuất xứ: trong tập: “Nhật kí trong tù”</p> <p>+ Hoàn cảnh sáng tác: Khi Bác bị giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch.</p> <p>+ Thể loại:</p> <p>- Nguyên tác: thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.</p> <p>- Bản dịch: thơ lục bát. *</p> <p><i>* Báo cáo kết quả:</i> Hs trả lời</p> <p><i>* Đánh giá kết quả:</i></p> <p>- Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>Hoạt động 2: Đọc- Hiểu văn bản</p> <p>a. Mục tiêu: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc sắc</p>	<p>I. Giới thiệu chung:</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>2. Văn bản:</p> <p>a, Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại:</p> <p>- Xuất xứ: trong tập: “Nhật kí trong tù”</p> <p>- Hoàn cảnh sáng tác: Khi Bác bị giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch.</p> <p>- Thể loại: ...</p> <p>b, Đọc, chú thích, bố cục:</p>

của từng từ ngữ trong bài thơ

b. Nội dung: Tìm hiểu 2 câu đầu

c. Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên:* nêu yêu cầu

1. So sánh nguyên tác và bản dịch xem có gì khác nhau giữa hai câu đầu? Hãy chỉ ra biện pháp nghệ thuật và tác dụng của nó ở câu thơ đầu? Nêu tác dụng của nó?

2. Hãy phân tích 2 lớp nghĩa của câu thơ này?

- *Hs:* tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* thảo luận cặp đôi.

- *Giáo viên:* quan sát, hỗ trợ hs

1. - So sánh nguyên tác và bản dịch : Bản dịch mất đi một chữ “tẩu lộ”

- Điệp từ : Tẩu lộ → làm nổi bật ý tẩu lộ nan → giọng thơ suy ngẫm thể hiện thể hiện cuộc đời của Bác : Bác bị giải hết từ nhà lao này sang nhà lao khác → thể hiện nỗi gian lao, vất vả của người đi bộ trên đường núi.

Gv: Đó là những suy ngẫm, thấm thía rút ra từ bao cuộc đi đường, chuyển lao khổ ải, “dãi nắng dầm mưa”, “trèo núi qua truông” của chính tác giả- người tù CM HCM- trong chuỗi ngày bị tù đầy cực khổ “sống khác loài người” ở QT (TQ). Nỗi gian lao của người đi bộ đường núi là điều không nói ai cũng biết, nhưng không phải ai cũng cảm nhận một cách thấm thía. Chỉ có người nào đã từng trải qua, từng thể nghiệm thì mới thấu hiểu đầy đủ cái sự thật hiển nhiên đó và mới thật sự thấm thía mấy chữ “đường đi khó” (tẩu lộ nan) rất mực giản dị trong bài thơ.

+ Phân tích 2 lớp nghĩa của câu thơ này?

- Nghĩa đen : Nói cụ thể cái gian lao của tẩu lộ : Vượt qua rất nhiều núi, hết dãy này đến dãy khác, liên miên bất tận ý thơ

- Nghĩa bóng : Người tù Hồ Chí Minh đang cảm nhận thấm thía, suy ngẫm về nỗi gian lao triền miên của việc đi đường núi cũng như con đường cách mạng, con đường đời.

+ Động từ: Trùng san

Làm

(lớp núi)

nổi bật

II. Đọc hiểu văn bản:

1. Hai câu đầu:

- NT: điệp-> suy ngẫm của Bác về sự gian nan khi đi đường.

<p>hình ảnh thơ</p> <p>+ Từ : Hựu -> nhấn mạnh và làm sâu sắc ý thơ</p> <p>- Nghĩa bóng : Người tù Hồ Chí Minh đang cảm nhận thấm thía, suy ngẫm về nỗi gian lao triền miên của việc đi đường núi cũng như con đường cách mạng, con đường đời.</p> <p>G: Câu thơ chữ Hán lặp lại hai lần chữ “trùng san” (...) với chữ “hựu” (lại) ở giữa, đã làm nổi bật hình ảnh thơ và nhấn mạnh, làm sâu sắc ý thơ. Với hai chữ “tài tri” (mới biết) ở câu một, chữ “hựu” ở câu hai, ta thấy dường như thấp thoáng nhân vật trữ tình- người tù CM HCM đang cảm nhận thấm thía , suy ngẫm về nỗi gian lao triền miên của việc đi đường núi, cũng như con đường CM, con đường đời * Báo cáo kết quả: Hs trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <p>- Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>a. Mục tiêu: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc sắc của từng từ ngữ trong bài thơ</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động nhóm tìm hiểu 2 câu cuối.</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. So sánh bản dịch nghĩa, dịch thơ với phát âm chữ Hán? Nêu tác dụng của nó? 2. Tâm trạng của người tù khi đứng trên đỉnh núi? Vì sao người có tâm trạng ấy? <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- <i>Học sinh:</i> thảo luận cặp đôi.</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. So sánh bản dịch nghĩa, dịch thơ với phát âm chữ Hán? <p>- Điệp từ vòng “ trùng san”</p> <p>-> Làm cho mạch thơ, ý thơ nối liền tạo cảm giác những dãy núi kia cứ kéo dài mãi không hết</p> <p>Mở ra một ý mới tạo đà cho câu hợp.</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Tâm trạng: Vui sướng đặc biệt, bất ngờ-> niềm vui hạnh phúc 	<p>Khó khăn, gian lao chồng chất trên đường hoạt động cách mạng.</p> <p>2. Hai câu cuối:</p> <p>- Điệp từ vòng.</p> <p>-> mạch thơ nối liền: chuyện đương gian lao kết thúc, mở ra một ý mới</p>
---	--

hết sức lớn lao của người chiến sĩ cách mạng khi cách mạng hoàn toàn thắng lợi sau bao gian khổ hy sinh. Câu thơ hiện ra hình ảnh con người đứng trên đỉnh cao thắng lợi với tư thế làm chủ thế giới

* **Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

* **Đánh giá kết quả:**

- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Hoạt động 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Nêu được những biện pháp nghệ thuật và đặc sắc của từng từ ngữ trong bài thơ

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của bài thơ.

c. Sản phẩm: câu trả lời của hs

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên:* nêu yêu cầu

Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản

- *Hs:* tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* thảo luận cặp đôi.

- *Giáo viên:* quan sát, hỗ trợ hs

* **Dự kiến sản phẩm:**

+ NT:

- Kết cấu chặt chẽ, lời thơ tự nhiên, bình dị, gợi cảm và giàu cảm xúc.

- Bản dịch thơ có tác dụng nhất định.

+ ND:

Bài thơ có 2 lớp nghĩa

- Nghĩa đen : Nói về việc đi đường núi

- Nghĩa bóng : Con đường cách mạng, đường đời

Bác Hồ muốn nêu lên một chân lý, một bài học rút ra từ thực tế : Con đường cách mạng là lâu dài, là vô vàn gian khổ, nhưng nếu kiên trì bền chí để vượt qua gian nan thử thách thì nhất định sẽ đạt tới thắng lợi rực rỡ

- Tư thế người đi đường có sự thay đổi.
- Tâm trạng vui sướng, hân hoan, tự do, làm chủ.

III. Tổng kết:

1. Nghệ thuật:

2. Nội dung:

* Ghi nhớ: sgk/40

IV. Luyện tập:

<p>* Báo cáo kết quả: Hs trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng 	
---	--

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b. Nội dung: Làm bài tập SGK

c. Sản phẩm: hs làm vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv: Nêu các nét nghĩa trong bài thơ “ Đi đường”

- Hs: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân

- Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

*** Dự kiến sản phẩm:**

*** Báo cáo kết quả:** Hs: trình bày miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG: (2P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HĐ cá nhân

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv: Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về những điều em học tập được qua văn bản.

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

*** Dự kiến sản phẩm:**

Bài thơ ghi lại một buổi ngắm trăng bất thường

Thiếu thốn về vật chất nhưng nhà thơ vẫn chủ động ngắm trăng. Đặt bài thơ trong hoàn cảnh sáng tác cụ thể, ta nhận ra một tâm hồn có trí tưởng tượng phong phú, phóng khoáng, nhạy cảm, một tâm hồn tinh tế khoẻ khoắn, một cốt cách thanh cao, một tấm lòng yêu thiên nhiên sâu sắc, sáng ngời chất thép.

* **Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

* **Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

* **Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

Tiếng Việt

CÂU CẢM THÁN

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Hiểu rõ đặc điểm hình thức và chức năng của câu cảm thán. Phân biệt câu cảm thán với các kiểu câu khác. Nắm vững chức năng của câu cảm thán; biết dùng câu cảm thán phù hợp tình huống giao tiếp.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản

- HS có kĩ năng dùng câu cảm thán phù hợp với tình huống giao tiếp. Kĩ năng sử dụng câu đúng và hay.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- HS có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS khi ôn tập về văn thuyết minh

b. Nội dung: Hiểu biết về câu chia theo mục đích nói.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV: nêu câu hỏi

? Kể tên cá kiểu câu đã được học trong học kỳ 2?

? Cho biết các câu sau đây thuộc kiểu câu nào ?

a. Em nên chăm chỉ học tập.

b. Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi !

- HS: tiếp nhận

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

* Dự kiến sản phẩm:

- Câu nghi vấn

- Câu cầu khiến

-

* Báo cáo kết quả: Học sinh trả lời miệng

* Đánh giá kết quả:

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (17)

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>Hoạt động 1: đặc điểm hình thức và chức năng của câu cảm thán</p> <p>a. Mục tiêu: Nêu được những hiểu biết của mình về câu cảm thán</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động nhóm tìm hiểu ví dụ</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm</p>	<p>I. Đặc điểm hình thức và chức năng:</p> <p>1. Ví dụ:</p> <p>2. Nhận xét:</p> <p>- Hình thức:</p> <p>+ Có chứa các từ cảm thán: hỡi ơi, than</p>

<p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu</p> <p>? Nêu đặc điểm hình thức và chức năng của câu cảm thán?</p> <p>- HS: tiếp nhận</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân.</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>- Hình thức:</p> <p>+ Có chứa các từ cảm thán: hỡi ơi, than ôi, trời ơi...</p> <p>+ Thường kết thúc bằng dấu chấm than.</p> <p>- Chức năng:</p> <p>+ Dùng để bộc lộ cảm xúc</p> <p>+ Xuất hiện trong ngôn ngữ nói hay ngôn ngữ văn chương.</p> <p>* Báo cáo kết quả: Hs trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <p>- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p>	<p>ôi, trời ơi...</p> <p>+ Thường kết thúc bằng dấu chấm than.</p> <p>- Chức năng:</p> <p>+ Dùng để bộc lộ cảm xúc</p> <p>+ Xuất hiện trong ngôn ngữ nói hay ngôn ngữ văn chương.</p> <p>3. Ghi nhớ :sgk</p>
---	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (18P)

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b. Nội dung: hoạt động cặp đôi (Bt1), nhóm (BT2), cá nhân (BT3)

c. Sản phẩm: hs làm vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: theo sgk

- HS: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân

- *Giáo viên:* quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

*** Dự kiến sản phẩm:**

1. Bài 1:

a. Than ôi ! Lo thay !

Nguy thay !

b. Hỡi cảnh rừng...

c. Chao ươi, có biết đâu rằng... thôi.

Những câu còn lại khụng phải là câu cảm thán vì không có các từ cảm thán. Đặc điểm hình thức quan trọng để nhận biết

2. Bài 2:

a. Lời than thở của người nông dân dưới chế độ phong kiến.

- b. Lời than thở của người chinh phụ trước nỗi truân chuyên do chiến tranh phi nghĩa gây ra.
 - c. Tâm trạng bế tắc của nhà thơ trước cuộc sống. (Trước Cm T8)
 - d. Sự ân hận của Dế Mèn trước giờ Dế Choắt chết.
- Các câu này đều bộc lộ cảm xúc tình cảm nhưng không phải là câu cảm thán được vì nó không có từ cảm thán.

3. Bài 3:

- a. Bà ơi, tình cảm của bà giành cho cháu thật là quý báu biết bao !
- b. Chao ôi, mặt trời lên đẹp quá !

* **Báo cáo kết quả:** Hs: trình bày miệng

* **Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(5P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HĐ cá nhân viết đoạn văn theo yêu cầu của giáo viên

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **GV:** Viết một đoạn văn chủ đề tự chọn trong có sử dụng câu cảm thán? Chỉ ra câu cảm thán đó.

- **HS:** tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- **Học sinh:** trả lời
- **Giáo viên:** hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

* **Dự kiến sản phẩm:** Đoạn văn mẫu.

* **Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

* **Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

* **Hướng dẫn học và làm bài ở nhà (2P)**

- Tìm và chép lại 1 số câu thơ, câu văn trong các văn bản đã học, đã đọc có sử dụng câu cảm thán. Nêu công dụng của các câu cảm thán đó.
- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài:

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

Văn bản

CHIỀU DỜI ĐỒ

(Thiên đô chiếu)

- Lý Công Uẩn-

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:**1. Kiến thức:**

- Thấy được khát vọng của ND ta về một đất nước độc lập, thống nhất, hùng cường và khí phách của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh được phản ánh qua bài chiếu này.- Nắm được đặc điểm của thể chiếu. Thấy được sức thuyết phục to lớn của chiếu dời đô là sự kết hợp giữa lí lẽ và tình cảm. Biết vận dụng bài học để viết văn nghị luận.

2. Năng lực:**2. Năng lực:****a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, cảm thụ văn học

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- HS biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)****a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về triều đại đầu tiên nhà Lí và công lao của Lí Công Uẩn đối với đất nước.

b. Nội dung: Hiểu biết về triều đại nhà Lý.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: nêu câu hỏi

? Dựa vào kiến thức lịch sử cho biết: Nhà vua đầu tiên của triều Lí là ai? Ông có công gì với đất nước? Em hãy cho ví dụ?

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh*: trả lời
- *Giáo viên*: quan sát giúp đỡ Hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

LCU là nhà vua đầu tiên triều đại nhà Lí, ông có công lao to lớn xây dựng đất nước, đầu tiên trong việc chuyển đô.

* **Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Công lao của ông được ghi dấu ấn đậm nét trong tác phẩm “ Chiếu dời đô” . Vậy tác phẩm này phản ánh điều gì? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động 1: Giới thiệu chung</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Lí Công Uẩn và văn bản <i>Chiếu dời đô</i>.</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động giao dự án từ tiết trước tìm hiểu tác giả, tác phẩm.</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* <i>Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu 1. Nêu những hiểu biết của em về tác giả Lí Công Uẩn? 2. Nêu những hiểu biết của em về văn bản “Chiếu dời đô” 3. Trình bày những hiểu biết của em về thể loại của văn bản? 4. Bài chiếu này thuộc kiểu văn bản nào mà em đã học? Vì sao em khẳng định như vậy? <ul style="list-style-type: none"> - HS: tiếp nhận <p>* <i>Thực hiện nhiệm vụ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs <p>* <i>Dự kiến sản phẩm:</i></p> <p>* Hình thức:</p> <p>1. Tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí Công Uẩn người làng Cổ Pháp (Từ Sơn, Bắc Ninh), mẹ họ 	<p>I. Giới thiệu chung</p> <p>1.Tác giả: (974- 1028): - Lí Công Uẩn là</p>

Phạm, sinh ngày 12 tháng 2 năm Giáp Tuất (974), mẹ chết khi mới sinh, thiền sư Lí Khánh Văn nhận làm con nuôi, Lí công Uẩn là người thông minh và có chí khí khác người ngay từ nhỏ.

- Nhờ sự nuôi dạy của nhà sư Lí Khánh Văn và Lí Vạn Hạnh, Lí Công Uẩn trở thành người xuất chúng, văn võ kiêm toàn, làm đến chức Điện tiền chỉ huy sứ. Khi Lê Ngọa Triều mất, triều thần tôn Lí Công Uẩn lên ngôi hoàng đế, niên hiệu Thuận Thiên, vẫn lấy quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô tại Hoa Lư.

2. Văn bản:

- HCST: Năm 1010, Lí Công Uẩn viết bài chiếu bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình ngày nay) ra thành Đại La (Hà Nội ngày nay) sau đổi tên là Thăng Long tức rồng bay lên thể hiện thể phát triển đi lên của Đại Việt.

- Được viết bằng chữ Hán.

- Bố cục:

+ Từ đầu -> không thể không dời đô: phân tích những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô.

+ Tiếp theo-> muôn đời: những lí do để chọn Đại La làm kinh đô.

+ Còn lại: Kết luận.

3. Thể chiếu:

- Chiếu là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh.

- Chiếu: có thể viết bằng văn vần, văn biền ngẫu, hoặc văn xuôi (biền: là hai con ngựa kéo xe sóng đôi; ngẫu: là từng cặp) tức là những cặp câu cân xứng với nhau. VD: “đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại... dựa núi”.

- Đặc điểm riêng: đây là văn bản viết bằng văn xuôi có xen các câu văn biền ngẫu.

4. Kiểu văn bản nghị luận vì nó dùng lập luận để thuyết phục người nghe về vấn đề sự cần thiết phải dời đô từ Hoa Lư về Đại La.

G nêu yêu cầu đọc: giọng điệu chung trang trọng, mạch lạc, rõ ràng, cần chú ý nhấn mạnh sắc thái tình cảm tha thiết, chân thành. VD: “Trẫm rất đau xót.....”

? Bài văn có mấy luận điểm? Xác định ranh giới các luận điểm trong văn bản?

- Từ đầu -> không thể không dời đô: phân tích những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô.

- Tiếp theo -> muôn đời: những lí do để chọn Đại La làm kinh đô.

- Còn lại: Kết luận.

* **Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

* **Đánh giá kết quả:**

người thông minh, nhân ái, có chí lớn, là người sáng lập vương triều nhà Lí.

2. Văn bản

a. Hoàn cảnh xuất xứ, thể loại :

Được Lí Công Uẩn viết vào năm 1010 bày tỏ ý định dời đô ra thành Đại La (Hà Nội)

- Thể loại: Chiếu

b. Đọc, chú thích bố cục

- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Gv:

- *Lí Công Uẩn từ nhỏ đã sống trong chùa, một môi trường dễ làm con người ta có một tâm hồn nhân bản. Ngày nay tại vườn hoa Chí Linh – HN nhân dân ta đã lập tượng đài Lí Thái Tổ. Từ bé Lí Công Uẩn vốn đã thông minh, tuấn tú khác người. Nhà sư Vạn Hạnh từng khen: Đứa bé này lớn lên ắt có thể giải nguy gỡ rối làm bậc minh chủ thiên hạ.*

- *Chiếu, hịch, cáo nói chung là những văn bản chính luận thường là mệnh lệnh hoặc lời kêu gọi thông báo từ trên ban xuống (thể hịch và cáo các em sẽ được học ở các bài sau). Đây là văn bản viết bằng chữ Hán. “Chiếu dời đô” còn có đặc điểm riêng: đó là bên cạnh tính chất mệnh lệnh là tính chất tâm tình và dễ rõ hơn các em tìm hiểu phần III.*

Hoạt động 2: Những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô:

a. Mục tiêu:

- Thấy được khát vọng của nhân dân ta về một đất nước độc lập, thống nhất hùng cường và khí phách của dân tộc Việt đang trên đà lớn mạnh được phản ánh qua Chiếu dời đô;

- Thấy được sức thuyết phục của Chiếu dời đô là sự kết hợp giữa lí lẽ và tình cảm. Biết vận dụng bài học để viết văn nghị luận.

b. Nội dung: Hoạt động cặp đôi tìm hiểu tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô.

c. Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên:* nêu yêu cầu

1. Tác giả đã phân tích những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô bằng cách nào? Tác dụng của cách lập luận ấy?

2. Nhận xét về cách lập luận của tác giả?

3. Qua đó, em có nhận xét gì về LCU?

- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* thảo luận cặp đôi.

- *Giáo viên:* quan sát, hỗ trợ hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

1. *Tác giả phân tích bằng cách:*

II. Tìm hiểu văn bản

1. Những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô :

<p>- Mở đầu, nhà vua viện dẫn sử sách, nói về việc dời đô của các vua thời xưa bên TQ:</p> <p>Thời nhà Thương 5 lần dời đô, nhà Chu 3 lần....nhằm mục đích mưu toan nghiệp lớn, xây dựng vương triều phồn thịnh tính kê lâu dài, vừa thuận theo mệnh trời (phù hợp quy luật khách quan), vừa thuận theo ý dân. -> Kq: làm cho đất nước được vững bền, phát triển thịnh vượng.</p> <p>-> Tác dụng: tạo một tiền đề lý luận vững chắc. Đó đều là những chuyện đã xảy ra trong thực tế bởi vậy nếu có làm theo cũng không có gì là bất thường.</p> <p>Hơn nữa những việc làm đó hợp lòng trời vừa lòng dân.</p> <p>Hội tụ các yếu tố thiên thời địa lợi nhân hoà, có tác dụng thu phục lòng người.</p> <p>- Sau đó, tác giả soi sử sách vào tình hình thực tế của dân tộc để nhận xét có tính chất phê phán hai triều đại Đinh, Lê cứ đóng yên đô tại Hoa Lư gây ra những sai lầm: không theo mệnh trời (không phù hợp với quy luật khách quan), không biết học theo cái đúng của người xưa, dẫn đến hậu quả: triều đại ngắn ngủi, nhân dân khổ sở, vạn vật không thích nghi, không thể phát triển trong vùng đất chật chội.</p> <p>- Cuối cùng tác giả khẳng định: “Không thể không dời đổi”</p> <p>2. Nhận xét:</p> <p>- Cách lập luận hợp lí, chặt chẽ.</p> <p>- Cùng với dẫn chứng cụ thể, sinh động, rõ ràng tác giả đan xen những câu văn biểu cảm (tình cảm chân thành của tác giả) “Trăm rất đau xót...” làm cho lời văn tác động mạnh đến tình cảm người nghe, người đọc làm tăng sức thuyết phục.</p> <p>- Tuy nhiên cần nhìn nhận công bằng hơn với hai triều đại này vì thực ra khi đó thế và lực của triều Đinh, Lê chưa đủ mạnh để ra nơi đồng bằng, đất phẳng để phòng thủ tốt cần phải dựa vào địa thế hiểm trở của vùng núi Hoa Lư để chống giặc ngoại xâm.</p> <p>* Báo cáo kết quả: Hs trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <p>- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>GV: Trong lí luận của tác giả đã hội tụ ba điều kiện thiên thời địa lợi nhân hoà có tác dụng đánh vào lòng người. Muốn thuyết phục được người nghe cần phải có lí lẽ dẫn chứng rõ ràng, ở đây tác giả đã viện dẫn lịch sử Trung Quốc làm tiền đề. Đặt vào thời kì ấy cũng là lẽ tự nhiên. Vì trong tâm lí người xưa thường lấy Trung Quốc – một láng giềng khổng lồ của chúng ta làm hình</p>	<p>- Viện dẫn sử sách</p> <p>- Soi sử sách vào tình hình thực tế.</p> <p>- Dẫn chứng cụ thể, sinh động, rõ ràng tác giả đan xen những câu văn biểu cảm. Lập luận hợp lí, chặt chẽ.</p>
--	--

mẫu. Đó là cách lập luận thường gặp trong văn học cổ VD trong “Hịch tướng sĩ; Bình Ngô Đại Cáo”. Đó là cách đánh vào nhân tâm phù hợp tâm lí người nghe. Điều này chứng tỏ LCU đã rất sáng suốt ngay từ những lập luận đầu tiên.

Như vậy để thuyết phục người nghe tác giả không chỉ có cái lí bên ngoài mà còn kết hợp cả logic bên trong đó là tấm lòng riêng, tình cảm riêng của tác giả. Sự kết hợp hài hoà giữa lí và tình tạo nên vẻ đẹp lung linh cho ngôn ngữ lập luận của văn nghị luận vốn rất khô khan.

Lời kết đoạn 1 là phủ định một điều phủ định ấy chính là sự khẳng định. Đó là chân lí của tư duy. Đây là một quyết định cực kì quan trọng đối với một dân tộc. Song văn bản thực sự đi vào lòng người có lẽ phải ở luận điểm thứ hai.

Hoạt động 3: Những lí do để chọn thành Đại La là kinh đô bậc nhất:

a. Mục tiêu: thấy được những lí do để LCU chọn Đại La làm kinh đô và tài năng lập luận của tác giả.

b. Nội dung: Hoạt động nhóm tìm hiểu lí do Lý Công Uẩn chọn thành Đại La là kinh đô.

c. Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên:* nêu yêu cầu

1. Theo tác giả, những lí do nào để chọn thành Đại La làm kinh đô của đất nước?

2. Tác giả đã lập luận bằng cách nào?

3. Quyết định dời đô về vùng đất nhiều lợi thế trên cho em hiểu gì về đức vua Lí Thái Tổ?

- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* thảo luận cặp đôi.

- *Giáo viên:* quan sát, hỗ trợ hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

1. Theo tác giả, những lí do để chọn thành Đại La làm kinh đô của đất nước:

- Về vị trí địa lí: ở vào nơi trung tâm trời đất, thế rồng cuộn hổ ngồi, mở ra 4 hướng nam bắc đông tây, có núi có sông đất rộng mà bằng phẳng, cao mà bằng phẳng, tránh được lụt lội, chật chội..

- Vị thế chính trị- văn hoá: là đầu mối giao lưu, chốn hội tụ của 4 phương là mảnh đất hưng thịnh “muôn vật cũng rất mực phong

2. Những lí do để chọn thành Đại La là kinh đô bậc nhất:

phú tốt tươi”.

2. Tác giả đã lập luận bằng cách:

- Sử dụng từ “huống gì” nối kết đoạn văn: lôgic và liên mạch.
- Sử dụng câu văn biền ngẫu, mỗi câu có hai vế tác động bổ sung cho nhau với NT đối rất chỉnh (đối ý, đối lời, đối thanh, đối nhịp).
- Có sự kết hợp hài hoà các yếu tố nghị luận và biểu cảm “Xem khắp....”
- Hình ảnh vừa tả thực vừa bay bổng tạo vẻ đẹp hào hùng cho phong cảnh Đại La.
- Lí lẽ đưa ra rất chặt chẽ được dẫn dắt cụ thể linh hoạt. Tất cả nhấn mạnh địa thế tuyệt vời của thành Đại La.

3. Quyết định dời đô về vùng đất nhiều lợi thế trên cho thấy đức vua Lí Thái Tổ là một người có tầm nhìn chiến lược, có quyết định sáng suốt biết nhìn xa trông rộng, có ý chí hoài bão lớn lao, có ý thức trách nhiệm với đất nước, dân tộc.

*** Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

GV: Việc làm đó có tác dụng tạo tiền đề cho sự phát triển của một quốc gia, một dân tộc, điều đó được lịch sử chứng minh với 8 đời vua nhà Lí (Lí Bát Đế), phát triển rực rỡ thịnh vượng với hội tào đàn, đời sống ấm no hạnh phúc. Cho đến ngày nay không phải ngẫu nhiên chúng ta tiến hành kỉ niệm 990 năm tiến tới 1000 năm Thăng Long Hà Nội. Song cơ bản ẩn đằng sau đó là một tâm hồn lớn. Nếu không có tâm huyết, không có tâm hồn không bao giờ có khát khao dời đô. Tự đặt mình vào một vị thế mới chứng tỏ một hoài bão rất lớn, một ý thức trách nhiệm rất cao nghĩ đến tương lai một dân tộc. Chính vì vậy nâng “Chiếu dời đô” lên một tầm cao mới. Nó không chỉ là một quyết định khô khan, ban bố, mệnh lệnh mà là tiếng nói đầy tâm huyết của một tấm lòng yêu nước.

=> Hình ảnh thành Thăng Long, chùa Một Cột thủ đô HN phát triển rực rỡ là những minh chứng hùng hồn cho quyết định sáng suốt của LCU.

Hoạt động 4: Thông báo về quyết định dời đô

a. Mục tiêu: Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả.

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân tìm hiểu về quyết định dời đô.

- Lợi thế của thành Đại La:

+ Vị trí địa lí.

+ Vị thế chính trị, văn hóa.

-> xứng đáng là kinh đô đất nước

- Lập luận chặt chẽ, câu văn biền ngẫu, cân xứng.

c. Sản phẩm: câu trả lời của hs

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên: nêu yêu cầu

Tác giả kết thúc bài chiếu bằng cách nào? Nêu nhận xét của em về cách kết thúc ấy?

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: thảo luận cặp đôi.

- Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

- Kết thúc chuyển từ đơn thoại sang đối thoại thể hiện sự đồng cảm sâu sắc giữa đức vua và bề tôi.

*** Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

GV: Đây là cách kết thúc hết sức lạ trong một bài chiếu. Nó không còn là lời mệnh lệnh có tính chất cưỡng chế mà là hỏi ý kiến để đặt ra sự lựa chọn. Như vậy LCU đã vượt lên những ràng buộc, quy định xã hội lúc bấy giờ để thể hiện một tinh thần dân chủ đáng quý. Nó khiến cho bài chiếu không còn là những lí lẽ khô khan mà đầy tâm huyết và dân chủ.

Hoạt động 5: Tổng kết

a. Mục tiêu: Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả.

b. Nội dung: Nội dung, nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: câu trả lời của hs

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên: nêu yêu cầu

Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: thảo luận cặp đôi.

- Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

+ NT: - Bố cục 3 phần chặt chẽ.

- Giọng văn trang trọng, thể hiện suy nghĩ, tình cảm sâu sắc của tác giả về một vấn đề hết sức quan trọng của đất nước.

- Lựa chọn ngôn ngữ có tính chất tâm tình, đối thoại.

3. Thông báo về quyết định dời đô

Kết thúc nhẹ nhàng, cởi mở, mang tính dân chủ.

III. Tổng kết:

<p>+ ND: Phản ánh khát vọng của ND về một đất nước độc lập, thống nhất, đồng thời phản ánh ý chí tự lực, tự cường của dân tộc ĐV đang trên đà lớn mạnh</p> <p>* Báo cáo kết quả: Hs trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng 	<p>1. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục 3 phần chặt chẽ. - Giọng văn - Lựa chọn ngôn ngữ ... <p>2. Nội dung: Phản ánh khát vọng...</p> <p>IV. Luyện tập:</p>
---	--

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b. Nội dung: hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: hs làm vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

*Chuyển giao nhiệm vụ

- GV: Sự hấp dẫn của bài “Chiều đời đô” là ở sự kết hợp giữa lí trí và tình cảm. Hãy làm sáng rõ điều này ?

- HS: tiếp nhận

*Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: làm việc cá nhân

- Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

* Dự kiến sản phẩm:

- Lí lẽ sắc bén, dẫn chứng xác thực.

- Biểu lộ tình cảm trực tiếp, hỏi ý kiến quần thần...

* **Báo cáo kết quả:** Hs: trình bày miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(2P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: Những cảm nhận về Vua Lý Công Uẩn.

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: ? Từ bài Chiếu dời đô, em trân trọng những phẩm chất nào của Lí Công Uẩn ? Em học được điều gì về ông?

- HS: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân
- *Giáo viên:* quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

*** Dự kiến sản phẩm:**

- Lòng yêu nước cao cả, biểu hiện ở ý chí dời đô về Đại La để mở mang phát triển đất nước.

- Tầm nhìn sáng suốt về một vận mệnh đất nước.
- Lòng tin mãnh liệt vào tương lai tươi sáng của dân tộc.

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài:

Tiết: 93

Tuần 24

Ngày soạn: 10/3/2021

Ngày giảng: 12 / 3 /2021

Tiết: 93

Tuần 24

Ngày soạn: 10/3/2021

Ngày giảng: 12 / 3 /2021

Tiếng Việt

CÂU TRẦN THUẬT

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Hiểu rõ đặc điểm hình thức và chức năng của câu trần thuật. Phân biệt câu trần thuật với các kiểu câu khác.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản.
- HS có kĩ năng dùng câu trần thuật phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Năng lực sử dụng câu đúng và hay.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- HS có ý tình yêu Tiếng Việt; có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ Tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS

b. Nội dung: HS nhận diện được câu chia theo mục đích nói.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- GV: nêu câu hỏi
GV treo bảng phụ ghi đoạn hội thoại của 2 HS.

Trên đường đi học về, An hỏi Quỳnh:

- Bài kiểm tra Toán vừa rồi bạn được mấy điểm ?

- Mình được 9 điểm.

- Ôi, điểm cao thế!

- Điểm của bạn cũng cao mà...

? Dựa vào kiến thức đã được học về kiểu câu chia theo mđ nói, em hãy xác định kiểu câu của 4 câu hội thoại trên? Dựa vào đâu để em xác định câu trên ?

- HS: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh: trả lời

- *Giáo viên*: quan sát giúp đỡ HS

*** Dự kiến sản phẩm:**

- Bài viết tập làm văn số 5 vừa rồi bạn được mấy điểm ?(câu nghi vấn)
- Mình được 9 điểm. (câu trần thuật - có thể không xđ được)
- Ôi, điểm cao thế! (câu cảm thán)
- Điểm của bạn cũng cao mà...(câu trần thuật - có thể không xđ được)

HS có thể trả lời được câu nghi vấn và cảm thán dựa vào đặc điểm hình thức và chức năng, còn câu trần thuật có thể không...

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét đánh giá
- >GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>Hoạt động 1: đặc điểm hình thức và chức năng của câu trần thuật</p> <p>a. Mục tiêu: Nêu được những hiểu biết của mình về câu trần thuật</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động nhóm tìm hiểu ví dụ.</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- <i>Giáo viên</i>: nêu yêu cầu</p> <ol style="list-style-type: none"> Dựa vào đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán cho biết những VD trên câu nào có đặc điểm hình thức của câu cảm thán, câu khiến, nghi vấn? Các câu ở VD a, b, c, d có chức năng dùng để làm gì? Qua tìm hiểu VD trên em rút ra nhận xét gì về câu trần thuật? Chức năng chính của câu trần thuật là gì? Trong các kiểu câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và câu trần thuật, kiểu câu nào được dùng nhiều nhất? Vì sao? Nhận xét về dấu của các câu trần thuật trên? <p>- HS: tiếp nhận</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- <i>Học sinh</i>: làm việc cá nhân.</p> <p>- <i>Giáo viên</i>: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Cả 3 ví dụ a, b, c, không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, câu cầu khiến và cảm thán. 	<p>I. Đặc điểm hình thức và chức năng:</p> <ol style="list-style-type: none"> Ví dụ: Nhận xét:

<p>VD d: C1 là câu cảm thán vì có chứa từ ngữ cảm thán “Ồi!”.</p> <p>C2, 3 mặc dù có dấu chấm than ở cuối câu nhưng không phải là câu cảm thán vì không có chứa những từ ngữ cảm thán.</p> <p>G: Vậy các câu trên gọi là câu trần thuật.</p> <p>2. Các câu ở VD a, b, c, d có chức năng dùng để:</p> <ul style="list-style-type: none"> - VDa: C1;2 trình bày suy nghĩ của người viết về truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc ta. C3: yêu cầu những người đang sống hôm nay phải có trách nhiệm ghi nhớ công lao ấy. <p>VDb: C1: vừa kể và vừa tả.</p> <p>C2: thông báo.</p> <p>VDc: dùng để miêu tả ngoại hình của Cai Tứ.</p> <p>VD d: C2: nêu lên một nhận định, đánh giá.</p> <p>C3: bộc lộ tình cảm, cảm xúc (vốn là chức năng chính của câu cảm thán).</p> <p>3. Câu trần thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đặc điểm hình thức của kiểu câu nghi vấn, câu cầu khiến, cảm thán. <p>4. Chức năng chính của câu trần thuật là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả ngoài ra còn dùng để yêu cầu, đề nghị, bộc lộ tình cảm, cảm xúc. <p>5. Câu trần thuật được dùng nhiều nhất, vì nó thoả mãn nhu cầu trao đổi thông tin và tư tưởng tình cảm của con người trong giao tiếp hàng ngày cũng như trong văn bản.</p> <p>Ngoài chức năng thông tin, thông báo câu trần thuật còn dùng để yêu cầu, đề nghị, bộc lộ tình cảm, cảm xúc vốn là chức năng của câu cầu khiến, nghi vấn, cảm thán. Nghĩa là gần như tất cả các mục đích giao tiếp khác nhau đều có thể thực hiện bằng câu trần thuật.</p> <p>6. Thường kết thúc bằng dấu chấm nhưng có khi kết thúc bằng dấu chấm than, dấu ba chấm.</p> <p><i>* Báo cáo kết quả:</i> Hs trả lời</p> <p><i>* Đánh giá kết quả:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có đặc điểm của các kiểu câu... - Dùng để: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày, kể, thông báo, miêu tả, nhận định. + Yêu cầu, bộc lộ tình cảm cảm xúc - Được sử dụng nhiều trong giao tiếp. - Thường kết thúc... <p>3. Ghi nhớ: sgk</p>
---	--

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b. Nội dung: hoạt động cặp đôi (Bt1,3), nhóm (BT2,4), cá nhân (BT5)

c. Sản phẩm: hs làm vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

** Chuyển giao nhiệm vụ*

- GV: theo sgk
- HS: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh*: làm việc cá nhân
- *Giáo viên*: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết
- * *Dự kiến sản phẩm*:

1. Bài tập 1:

Cả 3 câu đều là câu trần thuật.

C1: dùng để kể.

C2,3: bộc lộ tình cảm, cảm xúc của Dế Mèn đối với cái chết của Dế Choắt.

2. Bài tập 2 :

Nguyên tác : câu nghi vấn.

Dịch: câu trần thuật.

=> Cả hai câu đều diễn đạt một ý nghĩa, đêm trăng đẹp gây xúc động mãnh liệt cho nhà thơ, khiến nhà thơ muốn làm điều gì đó.

Nhưng câu dịch đã làm mất đi cái xôn xang, bồi hồi được thể hiện ở lời tự hỏi “biết làm thế nào?”. Câu thơ dịch “Khó hững hờ” cho thấy nhân vật trữ tình quá bình thản chứ không rung cảm mạnh mẽ như trong người Bác.

3. Bài tập 3 :

- a, Câu cầu khiến.
- b, Câu nghi vấn.
- c, Câu trần thuật.

=> Cả ba câu có chức năng giống nhau dùng để cầu khiến.

- Về ý nghĩa: câu b, c thể hiện ý cầu khiến (đề nghị) nhẹ nhàng, nhã nhặn và lịch sự hơn câu (a).

4. Bài tập 4:

- Tất cả đều là câu trần thuật:
- + Câu a và 2b ý cầu khiến.
- + Câu 1b trần thuật- kể.

5. Bài tập 5 :

Viết bài (bảng phụ).

Yêu cầu: viết đúng chủ đề.

Sử dụng bốn kiểu câu đã học một cách chính xác, hợp lí.

* **Báo cáo kết quả**: Hs: trình bày miệng

* **Đánh giá kết quả**:

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HĐ cá nhân viết 1 đoạn hội thoại sử dụng các kiểu câu chia theo mục đích nói.

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV:

Bài 6 : Viết 1 đoạn đối thoại ngắn (Giữa GV với hs hoặc hs với hs...) có sử dụng cả 4 kiểu câu đã học (chỉ rõ từng kiểu câu)?

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

*** Dự kiến sản phẩm:**

VD đoạn văn

Trên đường đi học về, Lan và An đang nói chuyện bỗng Lan reo to:

- Ôi, hoa súng nở đẹp quá ! (câu cảm thán)

- Hoa ở đâu ? (câu nghi vấn)

- Phía ao bên kia kia. (câu trần thuật)

- Cậu lội xuống hái đi ! (câu cầu khiến)

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày*** Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

Tiết: 94

Tuần 24

Tiếng Việt*Ngày soạn: 10 / 3 /2021**Ngày giảng: 13/3/2021***CÂU PHỦ ĐỊNH****Thời gian thực hiện: 1 tiết****I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:** Hiểu rõ đặc điểm hình thức và chức năng của câu phủ định.**2. Năng lực:****a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản

- HS có kĩ năng dùng câu phủ định phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Năng lực dùng câu đúng và hay.

3. Phẩm chất:

- HS có ý tình yêu Tiếng Việt; có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ Tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS

b. Nội dung: Hiểu biết của HS về câu chia theo mục đích nói.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- GV: nêu câu hỏi

GV giao nhiệm vụ đưa tình huống hỏi 2 HS

? Trong giờ sinh hoạt, có một bạn trong lớp nói rằng hôm qua em đi học muộn vì mãi chơi ở quán điện tử nhưng sự thật không phải như vậy. Em sẽ thanh minh (phản bác) lại bạn ntn?

? Câu em vừa trả lời thuộc kiểu câu gì? Kiểu câu đó có đặc điểm hình thức và chức năng có gì khác so với các kiểu câu đã học?

- HS: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

* *Dự kiến sản phẩm:*

- Không phải thế ! Hôm qua mình không đi chơi điện tử. Xe mình bị hỏng nên không đến đúng giờ.

- Đâu có ! Mình không đi chơi điện tử. Mình bị ngã xe nên không đến đúng giờ.

- Câu em vừa trả lời thuộc kiểu câu phủ định. Kiểu câu đó có đặc điểm hình thức có từ phủ định ... và chức năng phủ định, phản bác lại ý kiến ...

HS có thể trả lời được câu hỏi trên hoặc có thể không...

* *Báo cáo kết quả:* Học sinh trả lời miệng

* *Đánh giá kết quả:*

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Câu phủ định là gì? Đặc điểm hình thức và chức năng của nó là gì khác so với các kiểu câu đã học chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>Hoạt động 1: đặc điểm hình thức và chức năng của câu trần thuật phủ định</p> <p>a. Mục tiêu: Nêu được những hiểu biết của mình về câu phủ định</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động nhóm tìm hiểu ví dụ.</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p><i>* Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <p>- <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các câu (b,c,d) có đặc điểm hình thức gì khác so với câu (a)? 2. Những câu này có gì khác với câu (a) về chức năng? 3. Trong đoạn trích trên, những câu nào có từ ngữ phủ định? 4. Mấy ông thầy bói xem voi dùng những câu có từ ngữ phủ định để làm gì? 5. Vậy câu phủ định là gì? Nó có những chức năng gì? <p>- HS: tiếp nhận</p> <p><i>* Thực hiện nhiệm vụ:</i></p> <p>- <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân.</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs</p> <p><i>* Dự kiến sản phẩm:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các câu (b,c,d) khác với câu (a) ở các từ: không, chưa, chẳng. 2. Câu (a) dùng để khẳng định việc Nam đi Huế là có thể diễn ra. Câu (b,c,d) phủ định việc đó sẽ không diễn ra. <p>G: Những câu (b,c,d) chứa từ ngữ phủ định người ta gọi đó là câu phủ định.</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Trong đoạn trích trên, những câu nào có từ ngữ phủ định? <p>- Không phải, nó trần trụi như cái đòn càn.</p> <p>- Đâu có!</p> <ol style="list-style-type: none"> 4. Để phản bác một ý kiến, một nhận định của người đối thoại. 5. HS rút ra từ phân ghi nhớ/ 53. <p><i>* Báo cáo kết quả:</i> Hs trả lời</p> <p><i>* Đánh giá kết quả:</i></p> <p>- Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p>	<p>I. Đặc điểm hình thức và chức năng:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ví dụ: 2. Nhận xét: <p>- Có những từ phủ định: không, ...</p> <p>- Dùng để:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thông báo, xác nhận không có sự việc. + Phản bác một ý kiến, nhận định. <p>3. Ghi nhớ: sgk</p>

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b. Nội dung: hoạt động cặp đôi (Bt2,4), nhóm (BT3,5), cá nhân (BT1)

c. Sản phẩm: hs làm vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

*Chuyển giao nhiệm vụ

- GV: theo sgk

- HS: tiếp nhận

*Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: làm việc cá nhân

- Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

* Dự kiến sản phẩm:

1. Bài tập 1:

a) Bằng hành động đó...cho tương lai.

-> Câu phủ định miêu tả

b) Cự cừ tướng...gì đâu!

-> Câu phủ định bác bỏ: Ông giáo phản bác lại suy nghĩ của lão Hạc về con chó Vàng.

c) Không, chúng con không đói nữa đâu.

-> Câu phủ định bác bỏ: cái Tí phản bác lại điều mà mẹ nó đang nghĩ là nó đói.

2. Bài tập 2:

Cả ba câu đều là câu phủ định vì đều có từ ngữ phủ định. Nhưng nó lại kết hợp với:

a. 1 từ phủ định khác: “ không phải là không”

b. 1 từ nghi vấn: “ai chẳng”

c. 1 từ phủ định khác và một từ bất định: “ không ai không”

-> Khi đó ý của câu phủ định là khẳng định chứ không phải phủ định.

- Những câu không có từ phủ định mà ý tương đương:

a. Câu chuyện có lẽ chỉ là một câu chuyện hoang đường xong có ý nghĩa (nhất định)

b. Tháng 8, hồng ngọc đỏ, hồng hạc vàng ai cũng (mọi người đều) từng ăn trong tết trung thu, ăn...

c. Từng qua thời thơ ấu ở Hà Nội, ai cũng có 1 lần...

3. Bài tập 3:

- Nếu thay thì câu văn này phải viết lại: “Choắt chưa dậy được...”.

ý Nghĩa câu thay đổi

“chưa”: sau đó có thể dậy được.

“không”: không thể dậy được

-> Có thể chết.

=> Câu văn của Tô Hoài thích hợp với mạch của câu chuyện hơn.

4. Bài tập 4:

Các câu đó không phải là câu phủ định (vì không có từ ngữ phủ định) nhưng cũng dùng để biểu thị ý phủ định (phủ định bác bỏ, phản bác ý kiến, nhận định trước đó).

- a, Ngôi nhà này không đẹp!
- b, Không có chuyện đó!
- c, Bài thơ này không hay!
- c, Tôi cũng chẳng sướng hơn lão.

5. Bài tập 5:

- Nếu thay như vậy ý nghĩa của câu sẽ thay đổi hẳn.
- “Quên”: không nghĩ tới, không để tâm-> không phải từ phủ định
- * **Báo cáo kết quả:** Hs: trình bày miệng
- * **Đánh giá kết quả:**
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(2P)

- a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.
- b. Nội dung:** HĐ cá nhân viết đoạn văn có sử dụng câu phủ định.
- c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh
- d. Tổ chức thực hiện:**
- * **Chuyển giao nhiệm vụ:**
- GV:

Bài 6 : Viết 1 đoạn đối thoại ngắn có sử dụng câu phủ định miêu tả và phủ định bác bỏ ?

- HS: tiếp nhận
- * **Thực hiện nhiệm vụ:**
- Học sinh: trả lời
- Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.
- * **Dự kiến sản phẩm:**

VD đoạn văn

An gặp Hải nói to:

- Hôm qua tớ không trông thấy cậu ở trận đấu bóng. Dạo này cậu không còn ham mê bóng đá nữa à?
- Đâu có! Mẹ mình bị ốm nên mình không tham gia được.

Chú thích:

- Hôm qua tớ không trông thấy cậu ở trận đấu bóng (phủ định miêu tả)
- Mẹ mình bị ốm nên mình không tham gia được. (phủ định miêu tả)
- Đâu có! (phủ định bác bỏ)

* **Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

* **Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

* **Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Đọc và tìm những câu phủ định trong bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên?
- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

Tuần 23:

Ngày soạn: 30

Ngày dạy:

Bài: 22. Tiết 92: Tập làm văn
CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG
(Phần Tập làm văn)

Tiết: 96
Tuần 24
Tiếng Việt

Ngày soạn: 10 / 3 /2021

Ngày giảng: 15 / 3 /2021

HÀNH ĐỘNG NÓI
Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp HS hiểu nói cũng là một hành động. Số lượng hành động nói khá lớn nhưng chỉ quy lại một số kiểu khái quát nhất định. Có thể dùng nhiều kiểu câu đã học để thực hiện một hành động nói.

2. Năng lực:

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
 - Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản
 - HS có kĩ năng dùng kiểu câu phù hợp để giao tiếp đạt hiệu quả. Năng lực thực hiện hành động nói.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.
 - Tự lập, tự tin, tự chủ.
 - HS có ý tình yêu Tiếng Việt; có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ Tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
 - Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (3P)

1 Mục tiêu:

- Tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của học sinh đã biết, giúp học sinh nhận ra
 - Học sinh suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về tác phẩm tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh có hứng thú vào bài học.
 - Hợp tác khi làm việc.

b. Nội dung: hoạt động cá nhân tìm hiểu tình huống thực tế.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: ra tình huống thực tế:
 - Bạn Lan cho cô mượn quyển sách?
 - Bạn Lan đứng dậy

? Cô dùng cách nói để y/c bạn đứng lên, ngồi xuống, mượn sách hay dùng h/đ bằng tay để cầu khiến bạn?

=> Cô dùng cách nói → Vậy đó chính là cô đã thực hiện một hành động nói.

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: trả lời
- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

*** Dự kiến sản phẩm:**

Hs thực hiện theo yêu cầu của Gv

* Báo cáo kết quả: HS trả lời cá nhân

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá
- GV: Giao tiếp là hoạt động quan trọng của con người. Thực hiện được mục đích giao tiếp là chúng ta đã thực hiện được hành động nói. Vậy hành động nói là gì? Chúng ta thường sử dụng những kiểu hành động nói nào? Ta cùng vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>Hoạt động 1: Hành động nói là gì</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được thế nào là hành động nói</p> <p>b. Nội dung: hoạt động nhóm.</p> <p>c. Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: <ol style="list-style-type: none"> 1. Lí Thông nói với Thạch Sanh nhằm mục đích chính là gì? Câu nào thể hiện rõ nhất mục đích ấy ? 2. Lí Thông có đạt được mục đích của mình không? Chi tiết nào nói lên điều đó? 3. Lí Thông đã thực hiện mục đích của mình bằng phương tiện gì ? 4. Nếu hiểu hành động là “việc làm cụ thể của con người nhằm mục đích nhất định” thì việc làm của Lí Thông có phải là một hành động không? Vì sao? <ul style="list-style-type: none"> - HS: tiếp nhận <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS: làm việc nhóm - GV: quan sát, giúp đỡ Hs <p>* Dự kiến sản phẩm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. - Lí Thông nói với Thạch Sanh nhằm mục đích chính là để Thạch Sanh sợ hãi phải đi trốn để mình cướp công, hưởng lợi. - Câu thể hiện mục đích ấy là : Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn ngay đi. Có chuyện gì anh ở nhà lo liệu. 2. -Lí Thông đã đạt được mục đích của mình. - Câu thể hiện điều này là: Chàng vội vã từ giã mẹ con Lí Thông, trở về túp lều cũ dưới gốc đa, kiên cù nuôi thân. 	<p>I. Hành động nói là gì?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ví dụ: 2. Nhận xét:

<p>3. Lí Thông đã thực hiện mục đích của mình bằng phương tiện lời nói.</p> <p>4. Việc làm của Lí Thông là một hành động (hành động nói) vì đó là một việc làm có mục đích.</p> <p>* Báo cáo kết quả: Đại diện nhóm trình bày.</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét, bổ sung đánh giá - GV nhận xét, đánh giá - GV chốt kiến thức và ghi bảng <p>Hoạt động 2: Một số kiểu hành động nói thường gặp</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp HS nắm các kiểu hành động nói thường gặp.</p> <p>b. Nội dung: hoạt động nhóm.</p> <p>c. Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- GV:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trong đoạn trích ở mục “Hành động nói là gì?”, ngoài câu đã phân tích, mỗi câu còn lại trong lời nói của Lí Thông đều nhằm một mục đích nhất định. Những mục đích ấy là gì ? 2. Chỉ ra các hành động nói trong đoạn trích và cho biết mục đích của mỗi hành động. (SGK, t.2, tr. 63) 3. Liệt kê các kiểu hành động nói mà em đã biết qua phân tích hai đoạn trích ở mục “Hành động nói là gì?” và mục “Một số kiểu hành động nói thường gặp”. <p>- HS: tiếp nhận:</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS: hoạt động cặp đôi - GV: quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở HS <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các câu còn lại trong lời nói của Lí Thông đều nhằm một mục đích nhất định : <ul style="list-style-type: none"> - "Con chăn tằm này là của vua nuôi đã lâu" dùng để trình bày. - "Nay em giết nó, tất không khỏi bị hỏi tội chết" dùng để đe dọa. - "Có chuyện gì anh ở nhà lo liệu" dùng để hứa hẹn. 2. - Trong lời cái Tí, các câu : "Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu ?", "U nhất định bán con đây ư ?", "U không cho con ở nhà nữa ư ?" là những câu dùng để hỏi <p>các câu : "Khốn nạn thân con thế này !", "Trời ơi !...." dùng để bộc lộ cảm xúc.</p> <p>- Câu nói của chị Dậu : "Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài."</p>	<p>- Thực hiện mục đích</p> <p>- Bằng lời nói.</p> <p>3. Ghi nhớ: sgk/62</p> <p>II. Một số kiểu hành động nói thường gặp:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ví dụ: 2. Nhận xét: <p>- Trình bày.</p> <p>- Đe dọa.</p> <p>- Hứa hẹn.</p>
---	--

<p>dùng để báo tin.</p> <p>3. Các kiểu hành động nói : trình bày, đe dọa, hứa hẹn, hỏi, bộc lộ cảm xúc.</p> <p>* Báo cáo kết quả: Đại diện cặp đôi báo cáo kết quả</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét, bổ sung đánh giá - GV nhận xét, đánh giá - GV chốt kiến thức và ghi bảng 	<p>- Hỏi.</p> <p>- Bộc lộ tình cảm cảm xúc.</p> <p>3. Ghi nhớ: sgk/ 63</p>
---	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(23P)

- a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về hình thức và chức năng của câu cầu khiến để làm bài tập.
- b. Nội dung:** HĐ cá nhân (bài 2). HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (bài 3).
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm
- d. Tổ chức thực hiện:**
- * Chuyển giao nhiệm vụ:*
- GV: Bài tập 1,2,3
 - HS: tiếp nhận

Tiết:97,98

Ngày soạn: 10 / 3 /2021

Ngày giảng: 16 / 3 / 2021

Văn bản: HICH TƯỞNG SĨ

- Trần Quốc Tuấn-

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được lòng yêu nước bất khuất của Trần Quốc Tuấn, của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược
- Nắm được đặc điểm cơ bản của thể văn hịch và đặc sắc nghệ thuật của văn chính luận Hịch tướng sĩ.
- Biết vận dụng bài học để viết bài văn nghị luận, có sự kết hợp giữa tư duy lô gíc và tư duy hình tượng, giữa lí và tình cảm.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Rèn cho HS có năng đọc, phân tích văn nghị luận. Năng lực cảm thụ TP văn học nghị luận Trung đại.

3. Phẩm chất:

- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- HS biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc. Liên hệ với tư tưởng yêu nước và độc lập dân tộc ở Bắc Hồ

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)

a. Mục tiêu:

- Học sinh suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về tác phẩm tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh có hứng thú vào bài học.
- Hợp tác khi làm việc.

b. Nội dung: Hiểu biết về các danh tướng Việt Nam.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- GV: nêu câu hỏi
? Em hãy kể tên những danh tướng của nhà Trần? Ai là danh tướng kiệt xuất nhất có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (1285, 1287)?

- HS: tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh: trả lời
- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

* *Dự kiến sản phẩm:* Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải...

Trần Quốc Tuấn là một trong những danh tướng kiệt xuất của nhân dân Việt Nam và của thế giới thời trung đại. Ông là người có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (1285, 1287) .Ông là một nhân vật lịch sử đặc biệt, không chỉ lưu danh bằng một sự nghiệp võ công hiển hách mà còn để lại cho muôn đời một áng văn bất hủ “Hịch Tướng Sĩ”.

* *Báo cáo kết quả:* Học sinh trả lời miệng

* *Đánh giá kết quả:*

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét đánh giá
- >GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Trần Quốc Tuấn là một trong những danh tướng kiệt xuất của nhân dân Việt Nam và của thế giới thời trung đại. Ông là người có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (1285, 1287) .Ông là một nhân vật lịch sử đặc biệt, không chỉ lưu danh

bằng một sự nghiệp võ công hiển hách mà còn để lại cho muôn đời một áng văn bất hủ “Hịch Tướng Sĩ”

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động 1: Giới thiệu chung</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Trần Quốc Tuấn và văn bản <i>Hịch tướng sĩ</i>.</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động giao dự án tìm hiểu tác giả, tác phẩm.</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p><i>* Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <p>- <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu</p> <ol style="list-style-type: none"> Nêu những hiểu biết của em về tác giả Trần Quốc Tuấn? Nêu những hiểu biết của em về văn bản “Hịch tướng sĩ” Trình bày những hiểu biết của em về thể loại của văn bản? Văn bản này thuộc kiểu văn bản nào mà em đã học? Vì sao em khẳng định như vậy? <p>- HS: tiếp nhận</p> <p><i>* Thực hiện nhiệm vụ:</i></p> <p>- <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân.</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs</p> <p><i>* Dự kiến sản phẩm:</i></p> <p><i>* Hình thức:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Tác giả: <p>- T Q Tuấn là người có phẩm chất cao đẹp, có tài năng văn võ song toàn.</p> <p>+ Đức : Biết đặt quyền lợi của đất nước, của dân tộc lên trên quyền lợi của cá nhân. Là người rộng lượng, mến chuộng người tài nên thu phục được nhiều tướng giỏi.</p> <p>+ Tài : Là người có công lớn trong 3 lần đánh đuổi giặc nguyên mông, và được xem là linh hồn của 2 cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông.</p> <p>+ Công : Được ban chức Tiết chế thống lĩnh các đạo quân. Là con người có nhân cách vĩ đại nhất của thời đại <i>Sát thát bình nguyên</i>.</p> <ol style="list-style-type: none"> Văn bản: <p>- HCST: Khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai</p> <p>- Được viết bằng chữ Hán.</p>	<p>I. Giới thiệu chung</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>- T.Q.Tuấn (1231? – 1300)</p> <p>- Tước Hưng Đạo Vương, là một danh tướng đời Trần có công lao lớn trong ba cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên 1285 và 1288.</p> <p>2. Văn bản</p> <p>a. Hoàn cảnh xuất xứ, thể loại</p> <p>:</p> <p>Khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai</p>

<p>- Thể hịch</p> <p>+ Hịch là thể văn chính luận trung đại. Do vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh, phong trào dùng hịch để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.</p> <p>+ Mục đích của hịch là khích lệ tinh thần, tình cảm của người nghe -> Hịch đòi hỏi phải có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, giọng văn hùng hồn đánh thép.</p> <p>- “Hịch tướng sĩ” được TQT viết để kêu gọi tướng sĩ học tập “Bình thư yếu lược”; sẵn sàng đối phó với âm mưu của giặc Nguyên- Mông xâm lược nước ta lần thứ hai.</p> <p>- Bố cục gồm 4 phần:</p> <p>+ Phần mở đầu: nêu vấn đề.</p> <p>+ Phần 2: nêu truyền thống vẻ vang trong sử sách để gây lòng tin tưởng.</p> <p>+ Phần 3: nhận định, tình hình, phân tích phải trái để gây lòng căm thù giặc.</p> <p>+ Phần kết: nêu chủ trương cụ thể và kêu gọi đấu tranh.</p> <p>=> Kết cấu bài hịch về cơ bản là giống kết cấu chung nhưng có sự thay đổi linh hoạt. Tác giả không nêu phần đặt vấn đề riêng vì toàn bộ bài hịch là nêu vấn đề và giải quyết vấn đề</p> <p>Đ1: Từ đầu -> còn lưu tiếng tốt: Nêu gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách để khích lệ ý chí lập công danh, xả thân vì nước.</p> <p>Đ2: Huống chi -> cũng vui lòng: Lật tả sự ngang ngược và tội ác của kẻ thù đồng thời nói lên lòng căm thù giặc.</p> <p>Đ3: Các ngươi...phỏng có được không: Nêu mối ân tình chủ tướng, phân tích phải trái làm rõ đúng sai.</p> <p>+ Các ngươi...phỏng có được không?: Nêu mối ân tình giữa chủ tướng và tướng, phê phán những biểu hiện sai trong hàng ngũ tướng sĩ.</p> <p>+ Nay ta bảo thật ...phỏng có được không? : Khẳng định hành động đúng lên làm.</p> <p>Đ4: Còn lại: Nêu nhiệm vụ cấp bách, khích lệ tinh thần chiến đấu.</p> <p>3. Thể hịch</p> <p>+ Hịch là thể văn chính luận trung đại. Do vua chúa, tướng lĩnh hoặc thủ lĩnh, phong trào dùng hịch để cổ động, thuyết phục hoặc kêu gọi đấu tranh chống thù trong giặc ngoài.</p>	<p>- Thể loại: Hịch</p> <p>b. Đọc, chú thích bố cục</p>
--	--

+ Mục đích của hịch là khích lệ tinh thần, tình cảm của người nghe -> Hịch đòi hỏi phải có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, giọng văn hùng hồn đanh thép.

4. Kiểu văn bản nghị luận vì nó dùng lập luận để thuyết phục người nghe về vấn đề

* **Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

* **Đánh giá kết quả:**

- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

GV: Nhan đề: *Dụ chư tì tướng hịch văn*. Trong 3 cuộc k/chiến chống quân Mông- Nguyên, đây là cuộc k/chiến gay go, quyết liệt nhất. Trước sức mạnh như vũ bão của địch, hàng ngũ tướng lĩnh đã xuất hiện tư tưởng cầu hoà, dao động, một số khác do hưởng lạc, không chú ý rèn luyện quân sĩ chống giặc. Trước tình hình nguy cấp đó, TQT đã viết bài hịch này nhằm mở là đánh bại tư tưởng bàng quan, cầu an hưởng lạc trước vận mệnh đất nước trong hàng ngũ tướng sĩ.

- Làm lời tựa cho cuốn binh thư yếu lược.

- Thức tỉnh lòng trung nghĩa, tinh thần yêu nước của tướng sĩ, kêu gọi học tập binh pháp, sẵn sàng đánh đuổi giặc ngoại xâm.

Hoạt động 2: Đọc- Hiểu văn bản:

a. Mục tiêu: - Nắm được lòng yêu nước của vị chủ tướng

-> khích lệ tinh thần yêu nước của quân sĩ

- HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: câu trả lời của Hs

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên:* nêu yêu cầu

1. Tác giả biểu dương mấy tấm gương trung thần nghĩa sĩ xả thân vì nước nổi tiếng ở Trung Quốc?

2. Những tấm gương này có điểm chung nào? Tác giả đã lập luận như thế nào? Nêu tác dụng của phép lập luận ấy?

- **HS:** tiếp nhận

II. Đọc - hiểu văn bản

1. Nêu gương sáng trong sử sách:

- Đưa các dẫn chứng xác thực từ thời xưa

-> Khích lệ lòng trung quân ái

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: suy nghĩ trả lời.

- Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

1. 6 tấm gương, họ có điểm chung không sợ hiểm nguy sẵn sàng xả thân, hi sinh vì vua, vì chủ tướng trở thành gương sáng cho mọi người mọi thời đại noi theo?

2. Lập luận: liệt kê gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách Trung Quốc. Đây là những d/c tiêu biểu toàn diện như một luận cứ

-> từ những tấm gương đó kêu gọi tướng sĩ nhà Trần suy nghĩ về nghĩa vụ, trách nhiệm của bản thân đối với chủ tướng, cũng là đối với đất nước => khích lệ lòng trung quân ái quốc, sẵn sàng xả thân, hi sinh vì vua, vì chủ tướng, vì nước của các tướng sĩ đời Trần

*** Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

a. Mục tiêu: thấy được tình thế của đất nước và lòng căm thù giặc của tác giả.

b. Nội dung: Hoạt động cặp đôi

c. Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

d. Tổ chức thực hiện:*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên: nêu yêu cầu

1. “Thời loạn lạc” và “buổi gian nan” ở đây thuộc thời kì lịch sử nào của nước ta?

2. Hình ảnh kẻ thù được tác giả miêu tả qua những chi tiết nào? Tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì? Tác dụng?

3. Lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn thể hiện qua thái độ, hành động ntn? Để diễn tả nỗi căm thù ấy tác giả đã sử dụng NT gì? Tác dụng?

4. Đoạn văn này có tác dụng gì trong bài hịch?

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

quốc của tướng sĩ.

2. Tình thế đất nước và lòng căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn:

- Ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm. NT ẩn dụ, giọng văn...

-> Sự bạo ngược, tham lam của

<p>- <i>Học sinh</i>: thảo luận cặp đôi.</p> <p>- <i>Giáo viên</i>: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>* <i>Dự kiến sản phẩm</i>:</p> <p>1. “Thời loạn lạc” và “buổi gian nan” ở đây thuộc thời Trần, quân Mông- Nguyên xâm lược nước ta.</p> <p>2. Tội ác và sự ngang ngược của kẻ thù được tác giả lột tả bằng hành động thực tế: đi lại nghênh ngang ngoài đường, bắt nạt tể phụ. Tham lam tàn bạo: đòi ngọc lụa, hạch sách bạc vàng, vét kiệt của kho.</p> <p>- NT: Ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm.</p> <p>NT ẩn dụ. Giọng văn mỉa mai, châm biếm.</p> <p>-> Làm nổi bật sự bạo ngược tham lam của kẻ thù.</p> <p><i>GV: Trần Quốc Tuấn đã chỉ ra nỗi nhục của người dân khi chủ quyền đất nước bị xâm phạm. Năm 1277, Sài Xuân đi sứ buộc ta lên tận biên giới đón rước. Năm 1281, Sài Xuân lại sang sứ, cưỡi ngựa thẳng vào cửa Dương Minh, quân sĩ Thiên Trường ngăn lại, bị Xuân lấy roi đánh toạc cả đầu; vua sai Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải ra đón tiếp. Xuân nằm khểnh không dậy. Rõ ràng thái độ bạo ngược, nghênh ngang.</i></p> <p>3. + Lòng yêu nước, căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn thể hiện qua:</p> <p>- Qua hành động: quên ăn, mất ngủ, đau đớn thất tim thất ruột.</p> <p>- Qua thái độ: uất ức chưa xả thịt lột da....</p> <p>+ Để diễn tả nỗi căm thù ấy tác giả đã:</p> <p>- Sử dụng các động từ mạnh chỉ trạng thái tâm lí và hành động quên ăn, vỗ gối; xả thịt, lột da, nuốt, uống</p> <p>-> Diễn tả niềm uất hận trào dâng trong lòng.</p> <p><i>GV: Bao nhiêu tâm sức, nhiệt huyết của TQT dồn hết cả vào đoạn văn: “Ta thường...”. Câu văn chính luận đã khác họa sinh động hình tượng người anh hùng yêu nước đau xót đến quặn lòng trước tình cảnh đất nước, căm thù giặc đến bầm gan tím ruột, mong rửa nhục đến mất ngủ quên ăn. Vì nghĩa lớn mà coi thường xương tan thịt nát. TQT là một tấm gương yêu nước bất khuất đối với tướng sĩ.</i></p> <p>4. Đoạn văn có tác dụng:</p> <p>- Nêu tấm gương yêu nước bất khuất.</p> <p>- Chính chủ tướng trực tiếp bày tỏ tình cảm có tác dụng động viên to lớn đối với các tướng sĩ.</p> <p>* <i>Báo cáo kết quả</i>: Hs trả lời</p>	<p>kẻ thù.</p> <p>- Sử dụng động từ mạnh</p> <p>-> Diễn tả niềm uất hận trào dâng trong lòng vị chủ tướng.</p>
---	---

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b. Nội dung: Cảm nhận được sức hấp dẫn của tác phẩm.

c. Sản phẩm: hs làm vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Sức hấp dẫn của văn bản nằm ở đâu?
- HS: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân
- *Giáo viên:* quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

*** Dự kiến sản phẩm:****4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(2P)**

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HĐ cá nhân

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **GV:** Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về lòng yêu nước của Trần Quốc Tuấn thể hiện qua bài hịch?

- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* trả lời
- *Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

*** Dự kiến sản phẩm:**

Trần Quốc Tuấn là một trong những danh tướng kiệt xuất của nhân dân Việt Nam và của thế giới thời trung đại. Ông là người có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông- Nguyên (1285, 1287). Ông là một nhân vật lịch sử đặc biệt, không chỉ lưu danh bằng một sự nghiệp võ công hiển hách mà còn để lại cho muôn đời một áng văn bất hủ “Hịch Tướng Sĩ”

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.-> GV chốt kiến thức.

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Suu tầm tư liệu về Trần Quốc Tuấn
- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài: Tìm hiểu phần còn lại của văn bản.

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

Văn bản: HỊCH TƯỚNG SĨ

- Trần Quốc Tuấn-

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được lòng yêu nước bất khuất của Trần Quốc Tuấn, của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược

- Nắm được đặc điểm cơ bản của thể văn hịch và đặc sắc nghệ thuật của văn chính luận Hịch tướng sĩ.

- Biết vận dụng bài học để viết bài văn nghị luận, có sự kết hợp giữa tư duy lô gíc và tư duy hình tượng, giữa lí và tình cảm.

2. Năng lực:**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Rèn cho HS có năng lực đọc, phân tích văn nghị luận. Năng lực cảm thụ TP văn học nghị luận Trung đại.

3. Phẩm chất:

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- HS biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc. Liên hệ với tư tưởng yêu nước và độc lập dân tộc ở Bắc Hồ

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)****2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động 2: Đọc- Hiểu văn bản:</p> <p>a. Mục tiêu: Hs thấy được cách lập luận của tác giả về mối ân</p>	<p>I. Giới thiệu chung:</p> <p>II. Đọc - hiểu văn bản</p> <p>1. Nêu gương sáng trong sử sách:</p> <p>2. Tình thế đất nước và lòng căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn:</p> <p>3. Mối ân tình chủ tướng, phân tích đúng - sai, phải- trái:</p>

tình chủ tướng, phân tích đúng - sai, phải- trái.

b. Nội dung: Hoạt động nhóm để tìm hiểu về mối ân tình chủ tướng, phân tích đúng - sai, phải- trái.

c. Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên:* nêu yêu cầu

1. theo dõi đoạn; “Các người ở... kém gì.”. Trong đoạn văn này, các câu văn có cấu tạo đặc biệt ntn? Việc dùng các câu văn này có tác dụng gì trong việc diễn tả mối quan hệ chủ tướng?

2. Nhận xét về giọng điệu, lời văn của đoạn văn “Nay các người... có được không”? TQT đã phê phán những hành động nào của tướng sĩ? Ông đã phê phán những hành động đó như thế nào?

3. Theo dõi đoạn : “Nếu có....được không?”, chỉ ra cách lập luận của tác giả? Tác dụng?

4. Theo dõi tiếp đoạn: “Nay ta bảo thật ... không”. Nhận xét về giọng điệu, cách lập luận của đoạn văn? Cùng với việc phê phán những thái độ và hành động sai trái của tướng sĩ, TQT còn chỉ ra điều gì?

5. Việc T.Q.Tuân phê phán những hành động sai của tướng sĩ đồng thời khẳng định những hành động đúng nên làm có dụng ý gì?

- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* thảo luận nhóm

- *Giáo viên:* quan sát, hỗ trợ hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

1. Đoạn văn có các câu có hai vế song hành đối xứng gọi là câu văn biền ngẫu.

- Sử dụng liệt kê, so sánh

-> Mối quan hệ chủ tướng và quan hệ cùng cảnh ngộ.

Nói lên mối quan hệ đó, TQT nhằm mục đích:

- Quan hệ chủ tướng để khích lệ tinh thần trung quân ái quốc, còn quan hệ cùng cảnh ngộ để khích lệ lòng ân nghĩa thủy chung của những người chung hoàn cảnh.

-> Khích lệ ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người đối với đạo vua tôi cũng như tình cốt nhục.

2.

- Phê phán nghiêm khắc, nói thẳng, gần như sỉ mắng.

- TQT đã phê phán những hành động:

+ Thái độ bàng quan trước vận mệnh đất nước (nhìn thấy

- Sử dụng liệt kê, so sánh

-> Nêu mối ân tình chủ tướng và quan hệ cùng cảnh ngộ.

=> Khích lệ ý thức

<p>chủ...).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hưởng lạc: ham thú vui tầm thường, nhỏ nhặt: chơi gà, cờ bạc. - Ông chỉ rõ những việc làm của tướng sĩ tướng chừng như nhỏ nhặt: vui chơi gà, cờ bạc, ham thích săn bắn, thích rượu ngon, mê tiếng hát... <p>3. Đoạn “Nếu có....được không?”:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kiểu câu: câu ghép (quan hệ điều kiện- kết quả, tăng tiến) câu cảm thán, nghi vấn. -> Ông chỉ ra các hậu quả nặng nề, khôn lường: thái ấp, bổng lộc không còn, vợ con khôn cùng, tan nát... ô nhục, chủ và tướng, riêng và chung... tất cả đều đau xót biết chừng nào. - Ông còn chỉ rõ thái độ bàng quan không chỉ là tội thờ ơ nông cạn mà còn là vong ơn bội nghĩa trước mối ân tình chủ tướng. Sự ham chơi hưởng lạc đâu chỉ là vấn đề nhân cách mà còn là sự vô trách nhiệm đến tâng tận lương tâm khi vận mệnh đất nước đang ngàn cân treo sợi tóc. - Có khi tác giả dùng cách nói thẳng thắn gần như sỉ mắng: “k biết lo”, “k biết thẹn” “k biết tức” “k biết căm”. Có khi tác giả dùng cách nói mỉa mai chế giễu “cựa gà trống... điếc tai”. Điều đơn giản ấy trẻ con cũng biết được vậy mà các tướng lại hình như không biết... làm cho các tướng tức khí, muốn mau chóng chứng minh tài năng, phẩm chất của mình bằng việc làm thực. <p>4.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giọng văn vừa là lời vị chủ soái nói với tướng sĩ dưới quyền, vừa là lời của người cùng cảnh ngộ => Cách nói có khi nghiêm khắc mang tính chất sỉ mắng, răn đe nhưng có khi lại chân thành tình cảm. - Sử dụng câu văn biến ngẫu cân đối, nhịp nhàng. - NT so sánh, điệp ngữ điệp ý tăng tiến, liệt kê. <p>Cùng với việc phê phán những thái độ và hành động sai trái của tướng sĩ, TQT còn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra các việc làm đúng : <ul style="list-style-type: none"> + Nêu cao tư tưởng cảnh giác + Tăng cường luyện tập, học tập binh thư yêu nước <p>5. Việc T.Q. Tuấn phê phán những hành động sai của tướng sĩ đồng thời khẳng định những hành động đúng nên làm có dụng ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vừa nghiêm khắc răn đe để tướng sĩ nhận ra sai lầm, khẳng định lại mình bằng những việc làm thiết thực. Vừa ân cần chỉ bảo (những việc nên làm) => Tất cả đều xuất phát từ mục đích quyết chiến thắng kẻ thù xâm lược. 	<p>trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người đối với đạo vua tôi cũng như tình cốt nhục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phê phán nghiêm khắc gần như sỉ mắng. -> + Thái độ thờ ơ, bàng quan. + Hành động hưởng lạc. <p>- NT: ...</p> <p>-> Chỉ ra hậu quả nặng nề, khôn lường.</p> <p>- NT:</p> <p>-> Chỉ ra những việc làm đúng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + ... +
---	--

- So sánh 2 viễn cảnh: đầu hàng thì sẽ thất bại, mất tất cả, chiến đấu thắng lợi thì được cả chung và riêng.

- Ông sử dụng những từ mang tính chất phủ định” không còn, cũng mất, bị tan”. Còn khi nêu viễn cảnh chiến đấu thắng lợi thì dùng những từ mang tính chất khẳng định “mãi mãi vững bền”, đời đời hưởng thụ, không bị mai một”...

-> Nêu bật vấn đề từ nhạt đến đậm, từ nông đến sâu. Cứ từng bước, từng bước chỉ cho người nghe thấy rõ đúng sai, nhận ra phải trái.

* **Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

* **Đánh giá kết quả:**

- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

a. Mục tiêu: Hs thấy được cách lập luận của tác giả khi nêu nhiệm vụ cho tướng sĩ.

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân tìm hiểu về nhiệm vụ cấp bách.

c. Sản phẩm: câu trả lời của hs

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên:* nêu yêu cầu

Tác giả tiếp tục lập luận ntn để thuyết phục quân sĩ? Tác dụng?

- **HS:** tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* suy nghĩ trả lời

- *Giáo viên:* quan sát, hỗ trợ hs

* **Dự kiến sản phẩm:**

- Ra lệnh cho tướng sĩ học tập “Bình thư yếu lược”

-> T.Q.Tuân vạch rõ ranh giới hai con đường chính và tà; sống và chết để thuyết phục tướng sĩ. Chỉ có thể chọn một hoặc địch hoặc ta, không có vị trí chông chênh cho những kẻ bàng quan trước thời cuộc.

-> Thái độ dứt khoát, cương quyết này rất cần thiết có tác dụng thanh toán lối sống cá nhân, ngại khó, ngại khổ trong hàng ngũ tướng sĩ; động viên kẻ do dự, nhút nhát nhập vào hàng ngũ quyết chiến quyết thắng.

- Câu cuối cùng trở về với giọng tâm tình tâm sự của vị chủ tướng hết lòng vì vua vì nước

-> Làm giảm đi tính chất cứng nhắc trong lời nói của chủ tướng.

* **Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

* **Đánh giá kết quả:**

-> Nêu bật vấn đề từ nhạt đến đậm, từ nông đến sâu. Cứ từng bước, từng bước chỉ cho người nghe thấy rõ đúng sai, nhận ra phải trái.

4. Nêu nhiệm vụ cấp bách:

- Học tập binh thư yếu lược.

a. Mục tiêu:
- Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b. Nội dung: hoạt động cá nhân làm các bài tập

c. Sản phẩm: hs làm vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:
**Chuyển giao nhiệm vụ*
- GV: chuyển giao nhiệm vụ:

? 1. Bài tập 1(sgk t61) ? CM: bài hịch vừa có lập luận chặt chẽ, sắc bén, giàu hình ảnh, cảm xúc?

?2. Bài tập 2? *So sánh điểm giống và khác nhau giữa thể chiếu và hịch ?*

- HS: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh*: làm việc cá nhân

- *Giáo viên*: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

*** Dự kiến sản phẩm:**

Từ nd sâu sắc của bài Hịch, chúng ta cảm nhận được truyền thống quý báu của dt ta. Chính nhờ lòng yêu nước... mà dt VN nhỏ bé đã chiến thắng biết bao kẻ thù xl dù chúng có vũ khí...Bác Hồ đã từng viết: “ Dân tộc ta có một lòng nồng nàn...Mỗi khi Tổ Quốc bị xâm lăng...cướp nước”. Khi chủ quyền đất nước bị xâm phạm thì “ Giặc đến nhà... đánh”...Một nhà thơ đã từng ca ngợi “ Ôi Việt Nam xứ sở lạ lùng...anh hùng”. Chúng ta cần trân trọng, giữ gìn và phát huy...bằng những việc làm cụ thể thiết thực. . Ngày hôm qua , huyện Kim Bảng t/c tiễn đưa tân binh... Dù chúng ta mong muốn sống trong HB nhưng... chúng ta phải luôn nhớ lời khuyên dạy của TQT- Đề cao tinh thần cảnh giác, tăng cường luyện tập võ nghệ, sẵn sàng lên đường chiến đấu khi TQ cần

- Lí lẽ sắc bén, dẫn chứng xác thực.

- Biểu lộ tình cảm trực tiếp, hỏi ý kiến quần thần...

*** Báo cáo kết quả:** Hs: bài làm của Hs

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Sưu tầm tư liệu về Trần Quốc Tuấn

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- *HS*: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

- *Giáo viên*: quan sát, hướng dẫn hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

1. Bài tập 1:

- Trần Quốc Tuấn viết bài “Hịch tướng sĩ” nhằm mục đích khích lệ tướng sĩ học tập “Bình thư yếu lược” do ông biên soạn, đồng thời khích lệ lòng tự tôn dân tộc.

- Các câu văn thể hiện rõ mục đích: “Nếu các người biết chuyên... tức là kẻ nghịch thù”.

2. Bài tập 2:

N1: a, Bác trai đã khá...? (hỏi).

- Cảm ơn cụ nhà cháu.... (cảm ơn).

- Nhưng xem ý hãy còn.... (trình bày).

- Này, bảo bác ấy... (cầu khiến).

- Chứ cứ nằm đấy...(cảm thán, bộc lộ cảm xúc).
- Vàng, cháu cũng...(tiếp nhận).
- Những đề cháo nguội...(trình bày).
- Nhịn sông từ sáng (cảm thán, bltccx).
- Thế thì giục anh ấy.... (cầu khiến).

N2: b, - Đây là Trời có ý ... (nhận định).

- Chúng tôi nguyện.... (hứa hẹn, thề).

N3: c, - Cậu Vàng đi đời, rồi.... (báo tin).

- Cụ bán rồi ? (hỏi).
- Bán rồi ! (xác nhận).
- Họ vừa bắt xong. (báo tin).
- Thế nó cho bắt à ? (hỏi).
- Khốn nạn !....Ông giáo ơi! (cảm thán).
- Nó có biết gì đâu ! (cảm thán)
- Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. (kể, tả)
- Tôi cho nó ăn cơm. (kể).
- Nó đang ăn thì....(kể).

3. Bài tập 3:

- Anh phải hứa với em.... (ra lệnh).
- Anh hứa đi... (ra lệnh).
- Anh xin hứa. (hứa).

** Báo cáo kết quả:*

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3

** Đánh giá kết quả:*

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

d. Tổ chức thực hiện:

** Chuyển giao nhiệm vụ:*

- **GV:** Hs viết đv(3-5câu) đối thoại, xác định kiểu h/đ nói được thực hiện trong mỗi câu
- **HS:** tiếp nhận

** Thực hiện nhiệm vụ:*

- *Học sinh:* trả lời
- *Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

** Dự kiến sản phẩm:* bài viết của Hs

** Báo cáo kết quả:* Hs trình bày

** Đánh giá kết quả:*

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài:

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

Văn bản
NƯỚC ĐẠI VIỆT TA
(Trích “Bình Ngô đại cáo”)

Thời gian thực hiện: 1 tiết**I. MỤC TIÊU:****1. Kiến thức :**

- Thấy được đoạn văn có ý nghĩa như lời tuyên ngôn của dân tộc ta ở thế kỉ XV; Thấy được phần nào sức thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận Nguyễn Trãi: Lập luận chặt chẽ kết hợp giữa lí lẽ và thực tiễn.

2. Năng lực :**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích.
- Rèn cho HS có năng lực đọc, phân tích tìm hiểu tác phẩm văn nghị luận chính trị. Năng lực cảm thụ văn học.

3. Phẩm chất:

- Yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- HS biết phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.
- Sách giáo khoa, sách giáo viên, chân dung Nguyễn Trãi.
- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)**

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS tìm hiểu bài.

b. Nội dung: Hiểu biết của HS về các tác phẩm của Nguyễn Trãi trong chương trình.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: nêu câu hỏi

? Trong chương trình văn học lớp 7, em đã được học các tác phẩm nào của Nguyễn Trãi?

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

* **Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Trong chương trình ngữ văn 7, các em đã được làm quen với tác giả Nguyễn Trãi qua văn bản “Bài ca Côn Sơn”- được ông sáng tác trong thời gian ông lui về Côn Sơn ở ẩn. Hôm nay, chúng ta sẽ lại 1 lần nữa được gặp lại ông trong 1 cương vị, một sứ mạng lịch sử vô cùng quan trọng và mới mẻ qua việc tìm hiểu VB: “Nước Đại Việt ta”.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động 1: Giới thiệu chung</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Trãi và văn bản <i>Nước Đại Việt ta.</i></p> <p>b. Nội dung: Hoạt động giao dự án tìm hiểu tác giả, tác phẩm trước ở nhà.</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* <i>Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên: nêu yêu cầu 1. Nêu những hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Trãi? 2. Nêu những hiểu biết của em về văn bản “<i>Nước Đại Việt ta</i>” 3. Trình bày những hiểu biết của em về thể loại của văn bản? So sánh với các thể loại trước. <p>- HS: tiếp nhận</p> <p>* <i>Thực hiện nhiệm vụ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: làm việc cá nhân. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs <p>* <i>Dự kiến sản phẩm:</i></p> <p>* Hình thức:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tác giả: <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Trãi là nhà yêu nước, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới. - Là người có tài năng lỗi lạc: về chính trị, quân sự, ngoại giao, một tác giả lớn của nền văn học trung đại. - Luôn kề vai sát cánh cùng Lê Lợi trong cuộc kháng chiến chống quân Minh. Trong sự nghiệp văn chương của Nguyễn Trãi, văn chính luận có vị trí đặc biệt quan trọng. 2. Văn bản: <ul style="list-style-type: none"> - Đầu năm 1428 cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của 	<p>I. Giới thiệu chung</p> <p>1.Tác giả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Trãi (1380-1442) + Quê: Chí Linh, Hải Dương. + Anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa

<p>nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Bình Ngô đại cáo” đã được Nguyễn Trãi thay mặt Lê Lợi soạn thảo và công bố ngày 17 tháng Chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428). - Thể cáo. - Cáo: thể văn chính luận có tính chất quy phạm chặt chẽ thời trung đại, có chức năng công bố kết quả một sự nghiệp của vua chúa hoặc thủ lĩnh; có bố cục bốn phần. <p>So sánh thể cáo, hịch, chiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống: thể văn nghị luận cổ, thường dùng văn biền ngẫu, được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng. - Khác nhau về chức năng:... <p>Văn bản “ Bình Ngô đại cáo” được coi là bản tuyên ngôn độc lập của nước ta.</p> <p>Đoạn trích nằm ở phần đầu của văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục: 3 phần <p>P1: Hai câu đầu: Nêu nguyên lí nhân nghĩa.</p> <p>P2: 8 câu tiếp: chân lí về sự tồn tại độc lập và chủ quyền của dân tộc.</p> <p>P3: còn lại: sức mạnh của nguyên lí nhân nghĩa và sức mạnh của chân lí độc lập dân tộc.</p> <p>* Báo cáo kết quả: Hs trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>Gv:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Trãi (1380 -1442) hiệu là Úc Trai, con của Nguyễn Phi Khanh, quê gốc ở thôn Chi Ngại, xã Cộng Hoà, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, sau dời đến làng Nhị Khê huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây. ông tham gia khởi nghĩa lam Sơn và có vai trò rất lớn bên Lê Lợi. Nguyễn Trãi trở thành 1 nhân vật lịch sử lỗi lạc, toàn tài hiếm có. Nhưng cuối cùng ông đã bị giết hại rất oan khốc và thảm thương vào năm 1442. Mãi đến năm 1464, mới được vua Lê Thánh Tông giải oan. <p>Nguyễn Trãi để lại 1 sự nghiệp văn chương đồ sộ ông là người VN đầu tiên được UNESCO công nhận là danh nhân văn hoá thế giới (năm 1980).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tháng 11/1406 nhà Minh xâm lược nước ta. Đến năm 1418, Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa chống giặc Minh ở Lam Sơn- Thanh Hoá. Đến cuối năm 1427 thì giành thắng lợi. Nguyễn Trãi cùng Lê Lợi sát cánh bên nhau từ những ngày đầu khởi nghĩa cho đến ngày 	<p>thế giới.</p> <p>2. Văn bản</p> <p>a. Hoàn cảnh xuất xứ, thể loại :</p> <p>Đầu năm 1428 cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: Cáo <p>b. Đọc, chú thích bố cục</p>
---	--

giành thắng lợi,-> Nguyễn Trãi đã thừa lệnh Lê Lợi viết bài “Bình Ngô đại cáo” vào khoảng năm 1428 để ban bố cho nhân dân cả nước biết sự nghiệp bình Ngô phục quốc của đất nước ta đã giành thắng lợi.

- **Bố cục của bài cáo gồm 4 phần lớn (như kết cấu chung của thể cáo):** phần đầu nêu luận đề chính nghĩa, phần 2 lập bảng cáo trạng tội ác của giặc Minh, phần 3 phản ánh quá trình cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ những ngày đầu gian khổ đến khi tổng khởi nghĩa thành công, phần 4 là lời tuyên bố kết thúc, khẳng định nền độc lập vững chắc, đất nước mở ra một kỷ nguyên mới đồng thời nêu lên bài học lịch sử.

Hoạt động 2: Tìm hiểu văn bản:

a. Mục tiêu:

+ Thấy được ý nghĩa tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta ở thế kỷ XV và bước đầu hiểu được một vài nét đặc sắc nghệ thuật của Bình Ngô đại cáo qua đoạn trích đầu tiên sức thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận của Nguyễn Trãi; lập luận chặt chẽ, sự kết hợp giữ lý lẽ và thực tiễn.

+ Nhận ra và hiểu được sức thuyết phục của nghệ thuật văn chính luận của tác giả.

+ Lập luận chặt chẽ, sự kết hợp giữa lý lẽ và thực tiễn.

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân, cặp đôi, hoạt động nhóm tìm hiểu nguyên lí nhân nghĩa.

c. Sản phẩm: câu trả lời, phiếu học tập của nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên: nêu yêu cầu

1. Em hiểu *nhân nghĩa* ở đây ntn? Cốt lõi tư tưởng ấy trong bài cáo là gì ?

2. Em hiểu thế nào “yên dân”, “trừ bạo”? Dân ở đây là ai? Kẻ bạo ngược là ai ? Qua đó cho ta hiểu tư tưởng nhân nghĩa mà Nguyễn Trãi muốn nói ở đây là gì

- HS: tiếp nhận

* Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh: thảo luận cặp đôi.

- Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs

* Dự kiến sản phẩm:

1. - Nhân nghĩa: tình thương giữa con người với con người, lòng nhân ái.

- Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là “yên dân, trừ bạo”.

II. Tìm hiểu văn bản

1. Nguyên lí nhân nghĩa:

Nhân nghĩa:

+Yên dân: làm cho dân sống yên ổn, hạnh

<p>2. - Yên dân: giữ yên cuộc sống cho dân, làm cho nhân dân được hưởng thái bình, hạnh phúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trừ bạo: diệt trừ kẻ thù độc ác, tàn bạo - Dân: là người dân nước Đại Việt. - Kẻ bạo ngược: chính là giặc Minh cướp nước. <p>=> Trừ giặc Minh bạo ngược để làm cho cuộc sống nhân dân yên ổn, thái bình.</p> <p>* Báo cáo kết quả: Hs trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>GV: Như vậy... Nguyễn Trãi nhân nghĩa không chỉ trong quan hệ giữa người với người mà còn trong quan hệ dân tộc với dân tộc -</p> <p>> Đây chính là sự phát triển tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi so với Nho giáo.</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu <p>a. Những câu bạn vừa đọc khẳng định điều gì?</p> <p>b. Tác giả đã dựa vào những yếu tố nào để khẳng định chủ quyền độc lập của DT ta? Em có nhận xét gì về những yếu tố được đưa ra?</p> <p>c. Những chứng cứ này đã tạo nên điều gì? Những chứng cứ đó có sức thuyết phục không?</p> <p>d. Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì đặc sắc? Tác dụng của nó?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS: tiếp nhận <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Học sinh:</i> thảo luận cặp đôi. - <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>a. Quyền độc lập:</p> <p>b. + Quốc hiệu</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nền văn hiến lâu đời. + Lãnh thổ riêng + Phong tục riêng + Lịch sử riêng + Chế độ, chủ quyền riêng + Nhân tài <p>c. Tạo nên sức mạnh của chính nghĩa.</p> <p>d. Liệt kê, so sánh đối lập</p> <p>-> Rất cơ bản và chủ đạo để khẳng định 1 quốc gia độc lập.</p>	<p>phúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trừ bạo: trừ diệt giặc Minh xâm lược. <p>-> Gắn liền với yêu nước, chống xâm lược.</p> <p>=> Cuộc kháng chiến chính nghĩa, phù hợp với lòng dân.</p> <p>2. Khẳng định chủ quyền, độc lập dân tộc:</p> <p>- Quyền độc lập:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quốc hiệu + Nền văn hiến lâu đời. + Lãnh thổ riêng + Phong tục riêng + Lịch sử riêng + Chế độ, chủ quyền riêng + Nhân tài
---	---

-> Có. Vì dựa vào lịch sử có sẵn, không hề mang tính hão huyền.

* **Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

* **Đánh giá kết quả:**

- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

GV: Năm 1077, Lí Thường Kiệt đã viết bài thơ “Nam quốc sơn hà”- đây được coi là “bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên” của đất nước ta, trong đó, Lí Thường Kiệt đã khẳng định chủ quyền về mặt lãnh thổ và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược. Và gần 400 năm sau, Vb “Bình Ngô đại cáo” - VB được coi là “bản tuyên ngôn độc lập thứ hai” đã ra đời.

Nếu như trong “Nam quốc sơn hà” Lí Thường Kiệt mới chỉ khẳng định chủ quyền của DT ở lãnh thổ riêng, hoàng đế riêng và nền độc lập riêng thì ở “Bình ngô đại cáo” quan niệm về chủ quyền của DT đã có sự tiến bộ rất nhiều.....(chỉ bảng)

Và hơn thế nữa, nếu trong “NQSHà”. LTKiệt cho rằng chủ quyền là do “Sách trời”, do thần linh, thì đến bây giờ N.Trãi đã khẳng định: Nó là do sức mạnh DT, dựa trên tư tưởng nhân nghĩa.

Chuyển ý: Và để minh chứng rõ hơn, để khẳng định độc lập chủ quyền của DT ta là do sức mạnh chính nghĩa, N.Trãi đã kể ra một loạt những chứng cứ lịch sử thật tiêu biểu.

a. Mục tiêu: HS nắm được sức mạnh của những chứng cứ lịch sử khẳng định sự thất bại của kẻ thù

b. Nội dung: HS thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: vở ghi HS.

d. Tổ chức thực hiện:

* **GV chuyển giao nhiệm vụ:**

* Yêu cầu HS đọc thầm đoạn cuối .

? Nguyễn Trãi đã dẫn ra những sự kiện và chứng cứ lịch sử nào?

? Kết quả của các sự kiện đó?

nhục nhã.

? Việc dẫn ra một loạt các chứng cứ như trên nhằm mục đích gì?

? Sức mạnh ấy, lòng tự hào ấy đã được thể hiện qua biện pháp nghệ thuật nào?

? Hai câu cuối của trích đoạn này tiếp tục khẳng định với chúng ta điều gì?

? Từ nội dung VB “Nước Đại Việt ta”, em hiểu được điều gì về tác giả Nguyễn Trãi?

-> Tạo nên sức mạnh của chính nghĩa.

- NT: Liệt kê, so sánh đối lập

=> Nước Đại Việt tồn tại là hiển nhiên, như 1 chân lí khách quan.

- NT: sử dụng câu văn biến ngẫu, so sánh...

-> Khẳng định chủ quyền dân tộc tồn tại như một chân lí.

3. Những chứng cứ lịch sử:

- Lưu Cung-> thất bại

<p>* HS tiếp nhận, thực hiện</p> <p>* Dự kiến trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu Cung-> thất bại - Triệu Tiết-> tiêu vong - Toa Đô-> bắt sống - Ô Mã-> giết tươi <p>-> Quân ta đều đại thắng. Bọn giặc đều thất bại</p> <p>* Ở đây có 2 câu văn biền ngẫu, mỗi câu có 2 vế sóng đôi rất tương xứng. Các câu văn biền ngẫu này đã làm nổi bật các chiến công của ta và thất bại của địch; tạo sự cân đối nhịp nhàng cho câu văn.</p> <p>-> Tiếp tục khẳng định độc lập của nước ta và tự hào về truyền thống đấu tranh vẻ vang được ghi lại đầy đủ trong sử sách nước ta.</p> <p>=> Một DT có quốc hiệu, có nền văn hiến, lãnh thổ, phong tục, lịch sử...đều riêng biệt, tồn tại ngang hàng với các quốc gia, lãnh thổ khác. Điều hiển nhiên đó đã được tuyên bố 1 cách đầy tự hào. Vì vậy VB như 1 bản TNĐL</p> <p>-> Yêu nước</p> <p>Có tư tưởng nhân nghĩa, tiến bộ</p> <p>Giàu tình cảm và lòng tự hào DT...</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chốt: <p>Hoạt động 5: Tổng kết</p> <p>a. Mục tiêu: Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả.</p> <p>b. Nội dung: Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.</p> <p>c. Sản phẩm: câu trả lời của hs</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên: nêu yêu cầu <p>Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS: tiếp nhận <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: thảo luận cặp đôi. - Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>Nghệ thuật: Đoạn đầu bài cáo so sánh đối lập từ khái quát đến cụ thể, giàu chứng cứ lịch sử, cảm xúc tự hào, giọng thơ hào hùng, lời văn nhịp nhàng ngân vang.</p> <p>Nội dung: Nước ta có độc lập chủ quyền có vua riêng, địa lí riêng, không chịu khuất phục trước quân thù. Có bề dày l.sử đấu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Triệu Tiết-> tiêu vong - Toa Đô-> bắt sống - Ô Mã-> giết tươi <p>-> Khẳng định sức mạnh của chính nghĩa, của độc lập, chủ quyền và lòng tự hào dân tộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - NT: Sử dụng câu văn biền ngẫu, lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn. <p>III. Tổng kết:</p> <p>1. Nghệ thuật:</p>
--	---

tranh bảo vệ độc lập dân tộc, một nền độc lập dân tộc được xây dựng trên cơ sở nhân nghĩa vì dân. <i>* Báo cáo kết quả:</i> Hs trả lời <i>* Đánh giá kết quả:</i> - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng	2. Nội dung:
--	--------------------------

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b. Nội dung: HS so sánh điểm khác biệt giữa hai văn bản.

c. Sản phẩm: hs làm vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ

- GV: Hãy so sánh hai văn bản « Sông núi nước Nam » LTK và « Nước Đại Việt ta » NT ?

- HS: tiếp nhận

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: làm việc cá nhân

- Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

* Dự kiến sản phẩm:

So sánh	Sông núi nước Nam	Nước Đại Việt ta
Nước có chủ quyền	Vua Nam ở	Văn hiến. Cương vực lãnh thổ. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ. Văn hiến. Phong tục tập quán. Lịch sử. Chế độ.
Sức mạnh của nhân nghĩa	Bị đánh bại bởi	Lưu Cung, Triệu Tiết, Toa Đô, Ô Mã đều chuốc lấy bại vong.
Quan điểm tiến bộ		Nhân nghĩa cốt ở yên dân Làm nên đất nước là hào kiệt đời nào cũng có.

** Báo cáo kết quả:* Hs: trình bày miệng

* Đánh giá kết quả:

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(2P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HĐ cá nhân nêu được cảm nhận sau khi học văn bản.

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: “Nước Đại Việt ta” đã cho em cảm nhận gì?

- HS: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh*: làm việc cá nhân

- *Giáo viên*: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

*** Dự kiến sản phẩm:**

- Lòng yêu nước cao cả, biểu hiện ở ý chí dõng dạc về Đại La để mở mang phát triển đất nước.

- Tầm nhìn sáng suốt về một vận mệnh đất nước.

- Lòng tin mãnh liệt vào tương lai tươi sáng của dân tộc.

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

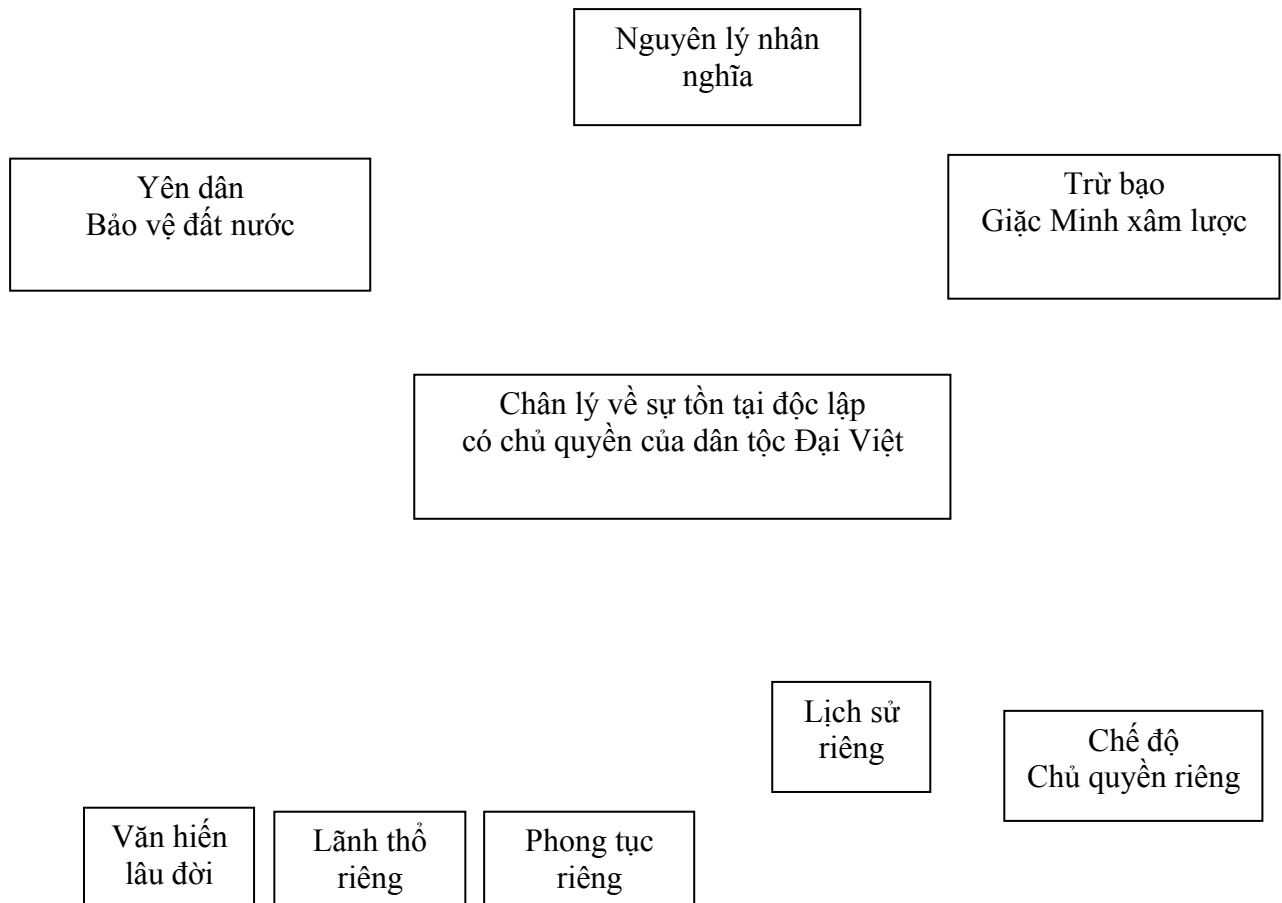
+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

Vẽ sơ đồ bài học.

*** Dự kiến sản phẩm:**

Sức mạnh của nhân nghĩa.
Sức mạnh của độc lập dân tộc

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài:

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

Tiếng Việt
HÀNH ĐỘNG NÓI
(Tiếp theo)
Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp HS hiểu nói cũng là một hành động. Số lượng hành động nói khá lớn nhưng chỉ quy lại một số kiểu khái quát nhất định. Có thể dùng nhiều kiểu câu đã học để thực hiện một hành động nói.

2. Năng lực:

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản
- HS có kĩ năng dùng kiểu câu phù hợp để giao tiếp đạt hiệu quả. Năng lực thực hiện hành động nói.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- HS có ý tình yêu Tiếng Việt; có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ Tiếng Việt và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Sách giáo khoa, sách giáo viên, chân dung Nguyễn Trãi.
- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)

a. Mục tiêu:

HS hiểu mỗi hành động nói đều hướng đến một mục đích nhất định.

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu

b. Nội dung: hiểu biết về hành động nói đã học ở tiết trước.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

- GV: nêu câu hỏi

Chỉ ra sự khác nhau về hành động nói giữa hai câu:

a, Em hãy học bài đi!

b, Em đang học bài à?

- **HS:** tiếp nhận

* *Thực hiện nhiệm vụ*

- *Học sinh:* trả lời

- *Giáo viên:* quan sát giúp đỡ Hs

* *Dự kiến sản phẩm:*

* **Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

* *Đánh giá kết quả:*

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét đánh giá

-> Mỗi hành động nói đều hướng đến một mục đích nhất định. Vậy để thực hiện hành động nói ntn cho có hiệu quả, phù hợp với nội dung giao tiếp chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động 1: Cách thực hiện hành động nói.</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được Mỗi kiểu câu thực hiện một hành động nói, cách thực hiện một hành động nói.</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động nhóm tìm hiểu ví dụ</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* <i>Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <p>- <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu</p> <p>1. Đánh số thứ tự trước mỗi câu trần thuật trong đoạn trích sau đây. Xác định mục đích nói của những câu ấy bằng cách đánh dấu (+) vào ô thích hợp và đánh dấu (-) vào ô không thích hợp theo bảng tổng hợp kết quả bên dưới.</p>	<p>I. Cách thực hiện hành động nói.</p> <p>1. Ví dụ:</p>

2. Dựa theo cách tổng hợp kết quả ở bài tập trên, hãy lập bảng trình bày quan hệ giữa kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật với những kiểu hành động nói mà em đã biết. Cho ví dụ minh họa.

3. Rút ra kết luận có mấy kiểu hành động nói thường gặp?

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân.

- *Giáo viên:* quan sát, hỗ trợ hs

* **Dự kiến sản phẩm:**

2. Nhận xét:

Câu	1	2	3	4	5
Mục đích					
Hỏi					
Trình bày	+	+	+		
Điều khiển				-	-
Hứa hẹn					
Bộc lộ cảm xúc					

Mục đích Kiểu câu	Hỏi	Trình bày (báo tin, kể, tả...)	Điều khiển (cầu khiến, đe dọa...)	Hứa hẹn	Bộc lộ tình cảm xúc
Nghi vấn	Cách dùng trực tiếp - Bạn có mệt không?		Cách dùng gián tiếp - Em có nghén đi không thì bảo?		Cách dùng gián tiếp - Sao bình minh lại đẹp thế nhỉ?
Cầu khiến			Cách dùng trực tiếp - Bạn đừng ham chơi nữa !		
Cảm thán					Cách dùng trực tiếp - Chao ôi, bông hoa này đẹp biết bao!
Trần thuật		Cách dùng trực tiếp - Tôi có một đứa em gái học lớp năm.		Cách dùng gián tiếp - Mình hứa sẽ không đánh cậu nữa.	Cách dùng gián tiếp - Tôi rất ân hận về việc làm của mình.

<p>* Báo cáo kết quả: Hs trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở VD thứ nhất, chúng ta thấy cùng là câu trần thuật nhưng thực hiện hai kiểu hành động nói trình bày (vốn là chức năng chính của nó) và điều khiển (chức năng phụ- vốn là chức năng của câu cầu khiến) <p>Ở bảng 2 chúng ta thấy :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu nghi vấn thực hiện hành động hỏi (vốn là chức năng chính của nó), điều khiển (chức năng phụ- vốn là chức năng của câu cầu khiến), bộc lộ tình cảm cảm xúc (chức năng phụ- vốn là chức năng của câu cảm thán). - Hành động nói được thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó được gọi là cách dùng trực tiếp. - Hành động nói được thực hiện bằng kiểu câu khác được gọi là cách dùng gián tiếp. <p>? Gọi h/s đọc ghi nhớ SGK/71?</p> <p>HS đọc ghi nhớ.</p> <p>HS đọc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Câu trần thuật. - Mục đích: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày. -> Cách dùng trực tiếp + Điều khiển -> Cách dùng gián tiếp. <p>3. Ghi nhớ: sgk/71</p> <p>II. Luyện tập</p>
---	--

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(23P)

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về hình thức và chức năng của hành động nói để làm bài tập.

b. Nội dung: HĐ cá nhân (bài 2, 4). HĐ cặp đôi (bài 1,3), HĐ nhóm (bài 5).

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- GV đánh giá HS

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV: Bài tập 1,2,3,4,5
- HS: tiếp nhận

* Thực hiện nhiệm vụ:

- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm
- Giáo viên: quan sát, hướng dẫn hs

* Dự kiến sản phẩm:

1. Bài tập 1:

a. Từ xưa các bậc trung thần... đời nào không có? (Khắc định).

- b. Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi... có được không ? (Hành động phủ định).
- c. Lúc bấy giờ, được không? (Hành động khẳng định).
- d. Vì sao vậy ? (hỏi gây sự chú ý).
- e. Nếu vậy, rồi đây,.....trời đất nữa? (Hành động phủ định.)

-> Câu a tạo tâm thế cho các tướng sĩ.

Câu b, c, d thuyết phục, động viên, khích lệ tướng sĩ.

Câu e: khẳng định chỉ có một con đường là chiến đấu đến cùng bảo vệ đất nước.

2. Bài tập 2:

a, Tất cả các câu trần thuật đều thực hiện hành động cầu khiến, kêu gọi.

b, Điều mong muốn.... cách mạng thế giới.

=> Dùng câu trần thuật để kêu gọi như vậy làm cho quần chúng thấy gần gũi với lãnh tụ và thấy nhiệm vụ mà lãnh tụ giao cho chính là nguyện vọng của mình.

3. Bài tập 3:

Dế Choắt: - Song anh cho phép....

- Anh đã nghĩ thương em như thế này.....

Dế Mèn: Được, chú mình cứ nói.....

- Thôi, im cái điệu hát dầm sùi sụt ấy đi.

NX:

- Dế Choắt yếu đuối nên cầu khiến nhã nhặn, mềm mỏng, khiêm tốn.

- Dế Mèn ỉ thế là kẻ mạnh nên giọng điệu ra lệnh ngạo mạn, hách dịch.

4. Bài tập 4:

- Có thể dùng cả năm cách

- Cách (b) và (e) nhã nhặn, lịch sự hơn.

5. Bài tập 5:

- Hành động (a) hơi kém lịch sự.

- Hành động (b) dí dỏm, hài hước.

** Báo cáo kết quả:*

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3

** Đánh giá kết quả:*

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(2P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HĐ cá nhân trả lời hiểu biết về hành động nói.

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

**Chuyển giao nhiệm vụ*

- GV: chuyển giao nhiệm vụ

- Hành động trình bày, bộc lộ cảm xúc gồm những hành động cụ thể nào?

- Hành động giao kết, tuyên bố gồm những hành động cụ thể nào?

- So sánh giữa hành động điều khiển và hành động tuyên bố.

- HS: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh*: làm việc cá nhân
- *Giáo viên*: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

*** Dự kiến sản phẩm:**

* **Báo cáo kết quả**: Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Dựng một đoạn hội thoại có sử dụng Hành động nói. Chỉ rõ Kiểu câu và Hành động nói trong từng câu thoại.
- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài:

Tập làm văn

VIẾT ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM

I. MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:Nhận thức được tầm quan trọng của việc trình bày luận điểm trong một bài văn nghị luận. Biết cách viết đoạn văn trình bày luận điểm theo các cách diễn dịch, qui nạp.

2.Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản
- Rèn kĩ năng phân tích đoạn văn nghị luận, xây dựng luận điểm, luận cứ, lập luận, viết hai đoạn văn nghị luận: Diễn dịch, qui nạp.Năng lực viết đoạn văn trình bày luận điểm.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- HS có ý thức trau dồi kiến thức, kĩ năng làm bài TLV.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)

a. Mục tiêu:

- HS hiểu luận điểm, cách lập luận, bố cục...), luận điểm có vai trò như thế nào trong bài văn nghị luận

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu

b. Nội dung: Kiểm tra việc nắm bài cũ của HS

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: chuyển giao nhiệm vụ:

Câu 1: Luận điểm là gì? có mấy cách trình bày đoạn văn thường gặp?

Câu 2: Trong “ Nước Đại Việt ta”, Nguyễn Trãi đã đưa ra quan điểm xác định chủ quyền của một quốc gia, một dân tộc như thế nào? Hãy phân tích làm rõ điều đó.

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

Chân lý về sự tồn tại độc lập có chủ quyền (8 câu).

- Xác định độc lập, chủ quyền:

+ Văn hiến: lâu dài

+ Cương vực lãnh thổ: Núi sông, bờ cõi ..

+ Phong tục tập quán: Phong tục Bắc - Nam ...

+ Lịch sử, chế độ: Triệu, Đinh, Lý, Trần – Hán, Đường, Tống, Nguyên – phép đối xứng.

- Lập luận:

+ Từ ngữ: Từng nghe, như, vốn, đã lâu, từ, cùng, tuy, song;

+ Dùng biện pháp so sánh đối chiếu tương ứng.

=> Bằng lập luận, phép đối chiếu tác giả vạch rõ thế nào là đất nước độc lập có chủ quyền.

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

Luận điểm có thể nằm ở đầu hoặc ở những vị trí khác trong đoạn văn. Khi viết câu văn mang luận điểm ta thường sử dụng những cách nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Hoạt động 1: Trình bày luận điểm thành một đoạn văn: a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được + Nhận biết, phân tích được cấu trúc của đoạn văn nghị luận.	I. Trình bày luận điểm thành một đoạn văn:

- Theo vị trí công tác, ngành nghề: chiến sĩ ngoài mặt trận – công chức ở hậu phương – công nhân – nông dân - điều chủ.

* **Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

* **Đánh giá kết quả:**

- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

* **Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên:* nêu yêu cầu

1. Lập luận là gì? Tìm luận điểm và cách lập luận của đoạn văn?

2. Cách lập luận trên có tác dụng gì (Cách lập luận trong đoạn văn trên có làm cho luận điểm trở nên sáng tỏ, chính xác và có sức thuyết phục mạnh mẽ không?)

3. Em có nhận xét gì về việc sắp xếp các ý trên trong đoạn văn? Nếu tác giả đưa nhận xét về Nghị Quế “đùng đùng giở giọng chó má ngay với mẹ con chị Dậu” lên trên và đưa nhận xét “vợ chồng địa chủ cũng ... thích chó, yêu gia súc” xuống dưới thì hiệu quả diễn đạt đoạn văn có thay đổi không? Vì sao?

4. Trong đoạn văn những cụm từ “chuyện chó con, giọng chó má, thằng nhà giàu rước chó vào nhà, chất chó đống của giai cấp nó” được sắp xếp cạnh nhau. Cách viết ấy có tác dụng gì (có làm cho sự trình bày luận điểm thêm chặt chẽ và hấp dẫn không)? Vì sao?

- HS: tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân.

- *Giáo viên:* quan sát, hỗ trợ hs

* **Dự kiến sản phẩm:**

1. - Lập luận là cách nêu luận cứ để dẫn đến luận điểm. Lập luận phải chặt chẽ hợp lí thì bài văn mới có sức thuyết phục.

- Luận điểm: Bản chất giai cấp chó đống của vợ chồng Nghị Quế hiện rõ qua việc chúng mua chó.-> Đoạn quy nạp.

- Sử dụng tương phản: đặt chó bên người, đặt cảnh xem chó, quý chó, mua chó, sung sướng bù khú với chó/ bên cạnh giọng chó má với người bán chó (chị Dậu).

2. Cách lập luận trên làm rõ bản chất chó má của giai cấp địa chủ (vợ chồng Nghị Quế).

3. - Cách đưa các luận cứ làm sáng tỏ cho luận điểm rất đầy đủ, chặt chẽ, sắp xếp các ý theo thứ tự hợp lí -> Nếu thay đổi sẽ làm cho luận điểm bị mờ nhạt đi, đoạn văn rời rạc không liên kết.

4. Cách viết ấy làm cho sự trình bày luận điểm thêm chặt chẽ và hấp dẫn. Vì nó chính là cách thức để Nguyễn Tuân làm cho đoạn văn xoáy sâu vào luận điểm, vào vấn đề làm nổi bật bản chất thú vật của bọn địa chủ hiện ra thành hình ảnh rõ ràng, lí thú hơn.

- Lập luận phải có sự liên kết chặt chẽ, theo một trật tự hợp lí.

<p>* Báo cáo kết quả: Hs trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá 	<p>- Lời văn diễn đạt trong sáng, có sức thuyết phục.</p> <p>3. Ghi nhớ: sgk/ 81</p>
	II. Luyện tập:

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(23P)

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về Luận điểm, các mối quan hệ của luận điểm trong bài văn nghị luận giải quyết các bài tập.

b. Nội dung: HĐ cá nhân (bài 3,4), HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (b2).

c. Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: Bài tập 1, 2, 3, 4

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

- Giáo viên: quan sát, hướng dẫn hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

1. Bài tập 1:

N1: Cần tránh lối viết dài dòng khiến người đọc khó hiểu.

N2: Nguyên Hồng thích truyền nghề cho bạn trẻ.

- Niềm say mê đào tạo nhà văn trẻ của Nguyên Hồng.

2. Bài tập 2:

- Luận điểm: Tế Hanh là một người rất tinh tế (tinh lắm).

- Luận cứ:

+ Tế Hanh đã ghi được đôi nét thân tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương.

+ Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần....

-> Nhận xét: các luận cứ được sắp xếp theo trình tự tăng tiến, luận cứ sau biểu hiện mức độ tinh tế cao hơn so với luận cứ trước. Nhờ vậy, độc giả càng đọc càng thấy hứng thú.

3. Bài tập 3:

* Luận điểm 1: Học phải kết hợp với làm

- Luận cứ:

+ Làm bài tập là thực hành bài học lí thuyết -> Hiểu kiến thức sâu hơn.

+ Làm bài tập giúp ta nhớ kiến thức dễ dàng hơn.

+ Làm bài tập là rèn kĩ năng tư duy, phân tích, tổng hợp, so sánh, chứng minh

-> Vì vậy, nhất thiết học phải kết hợp với làm bài tập thì mới đầy đủ vững chắc.

* Luận điểm 2: Học vẹt không phát.....

- Luận cứ:

+ Học vẹt là học thuộc lòng giống như con vẹt học nói tiếng người, không hiểu hoặc hiểu lơ mơ, chóng quên.

+ Học vẹt chỉ mất thời gian, công sức mà không đem lại hiệu quả gì.

+ Bởi vậy, không thể theo cách học vẹt. Học phải dựa trên cơ sở hiểu, gắn với nhận thức về vấn đề.

4. Bài tập 4:

- Văn giải thích cần phải viết cho dễ hiểu.

- Các luận cứ được sắp xếp theo thứ tự sau :

+ Mục đích của văn giải thích: văn giải thích viết ra là nhằm làm cho người đọc hiểu.

+ Giải thích dễ hiểu thì người đọc dễ hiểu, giải thích khó hiểu thì người viết càng xa mục đích đề ra.

+ Bởi vậy văn giải thích phải viết cho dễ hiểu.

* **Báo cáo kết quả:**

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3,4

* **Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(2P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HĐ cá nhân

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: chuyển giao nhiệm vụ

Hãy sắp xếp các luận cứ của bài 4 (Phần luyện tập) thành đ.văn hoàn chỉnh.

- HS: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân

- *Giáo viên:* quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

* *Dự kiến sản phẩm:*

* **Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

* **Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

* **Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Suu tầm và pt về cách trình bày các luận điểm trong 1 bài văn nghị luận được coi là mẫu mực như " Chiếu dời đô", "Hịch tướng sĩ"...

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

Văn bản

BÀN LUẬN VỀ PHÉP HỌC

(Luận học pháp)

-Nguyễn Thiếp-

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Thấy được mục đích, tác dụng của việc học chân chính: Học để làm người, để góp phần làm cho đất nước hưng thịnh; đồng thời HS thấy được tác hại của lối học chuông hình thức, cầu danh lợi.

- Nhận thức được phương pháp học tập đúng đắn kết hợp với thực hành. Học tập cách lập luận của tác giả. Biết cách viết bài văn nghị luận theo chủ đề nhất định. Năng lực cảm thụ văn học.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, cảm thụ văn học

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- Rèn cho HS có năng đọc, phân tích tìm hiểu tác phẩm văn nghị luận cổ.

3. Phẩm chất: HS biết phát huy truyền thống hiếu học, lòng tự hào dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài dạy, sơ đồ nội dung bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- So sánh sự khác nhau về đối tượng sử dụng của hịch, chiếu, cáo với tấu.
- Chuẩn bị bài theo yêu cầu

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu phương pháp học sao cho hiệu quả

b. Nội dung: Kiểm tra nhận thức của HS về phương pháp học tập.

c. Sản phẩm: HS trả lời miệng

d. Tổ chức thực hiện

***Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV:

? Theo em học có quan trọng không?

? Em thích học môn nào nhất? Vì sao? Em thường học tập như thế nào để có kết quả?

- Hs tiếp nhận:

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh tìm, hiểu trả lời:

- Giáo viên: Quan sát hướng dẫn...

*** Dự kiến sản phẩm:**

+ Thời nào cũng vậy học rất quan trọng với chúng ta

+ Em thích học môn Ngữ văn nhất

+ Vì môn học cho em nhiều kiến thức hay về cuộc sống bồi dưỡng cho em tình cảm cao quý: tình yêu thương con người, tình yêu với quê hương đất nước...

+ Em thường học từ cái dễ đến cái khó, đọc ngữ liệu, tìm hiểu ngữ liệu, vận dụng làm bài tập...

***Báo cáo kết quả:**

HS trình bày ý kiến của bản thân

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá:

Vậy người xưa đã có quan niệm như thế nào về học tập, phương pháp học ra sao chúng ta sẽ trả lời câu hỏi này qua phần tìm hiểu văn bản: Bàn về phép học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động 1 : Giới thiệu chung</p> <p>a. Mục tiêu: HS nắm được những nét chính về tác giả và văn bản Bàn về phép học</p> <p>b. Nội dung: hoạt động cá nhân tìm hiểu tác giả, tác phẩm.</p> <p>c. Sản phẩm: Phiếu học tập của nhóm</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV: ? Giới thiệu vài nét về Nguyễn Thiếp và văn bản “Bàn về phép học” mà các em đã chuẩn bị?</p> <p>- Hs tiếp nhận</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh đại diện nhóm lên trình bày...</p> <p>- Giáo viên, HS quan sát, lắng nghe...</p> <p>* Dự kiến sản phẩm</p>	<p>I. Giới thiệu chung:</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>- Nguyễn Thiếp (1723-1804) tự Khải Xuyên, hiệu Lạp Phong cư sĩ,</p> <p>- Quê ở làng Mật thôn, xã Nguyệt Ao, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.</p> <p>- Ông là người học rộng, hiểu sâu, làm quan dưới triều Lê, nhưng sau đó từ quan về dạy học.</p> <p>2.Văn bản</p> <p>a. Hoàn cảnh ra đời, xuất xứ, thể loại:</p> <p>- Là phần trích từ bài tấu gửi vua Quang Trung của Nguyễn Thiếp và</p>

<p>Nguyễn Thiếp (1723-1804), quê ở làng Mật thôn, xã Nguyệt Ao, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là người học rộng hiểu sâu, từng làm quan dưới triều Lê và sau đó ra giúp Quang Trung dựng nước. Ông được mọi người kính trọng, gọi là “La Sơn phu tử” (tức bậc thầy lớn ở La Sơn- Hà Tĩnh). - Tháng 8/1791 ông dâng lên vua Quang Trung bản tấu gồm 3 điều: <p>+ Đức quân (đức của nhà vua): mong nhà vua 1 lòng tu lấy đức, lấy sự học văn mà tăng thêm tài.</p> <p>+ Dân tâm (lòng dân): Khẳng định lấy dân là gốc của đất nước. Gốc có vững, nước mới yên.</p> <p>+ Học pháp (phép học)</p> <ul style="list-style-type: none"> - VB “Bàn luận về phép học” thuộc loại VB nghị luận trình bày, đề nghị 1 vấn đề. <p>*Báo cáo kết quả: HS lên trình bày</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá <p>->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>? Nêu hiểu biết của em về thể tấu? Tấu có điểm giống và khác so với chiếu, hịch, cáo?</p> <p>+ Giống: đều là thể văn nghị luận cổ, đều được viết bằng văn xuôi, văn vần hay văn biền ngẫu.</p> <p>+ Khác: Chiếu, hịch, cáo là thể văn do vua hoặc chỉ huy viết, để ban bố mệnh lệnh hoặc công bố kết quả cho bề dưới được biết. Còn tấu thì lại do bề dưới viết để dâng lên bề trên (dâng lên vua).</p> <p>(Tấu trong VH trung đại khác với tấu trong VH hiện đại là một loại hình kể chuyện . .)</p> <p>HĐ 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản.</p> <p>a. Mục tiêu: Học sinh thấy được mục đích chân chính của việc học mà tác giả đề cập</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động nhóm tìm hiểu mục đích chân chính của việc học</p> <p>c. Sản phẩm: Phiếu hoạt động của nhóm</p>	<p>tháng 8/1791.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: cáo <p>b. Đọc, chú thích, bố cục</p> <p>Bố cục: 3 phần:</p> <p>P1: Từ đầu ... tệ hại ấy” -> mục đích chân chính của việc học</p> <p>P2. : Cúi xin... chớ bỏ qua - > Bàn luận về phép học</p> <p>P3. Còn lại</p> <p>->Tác dụng của việc học chân chính (Đạo học)</p>
---	--

<p>d. Tổ chức thực hiện</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>a. Phần đầu tác giả nêu khái quát mục đích của việc học bằng cách nào? Tác dụng của cách nêu đó?</p> <p>b. “Đạo” là gì? Mục đích việc học đó là gì?</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hđ cặp đôi</p> <p>- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS</p> <p>- * Dự kiến sản phẩm</p> <p>- Đưa câu châm ngôn vào-> tăng tính thuyết phục, dễ hiểu, tạo tiền đề để bàn về việc học (Bằng cách nêu hình ảnh so sánh, ẩn dụ quen thuộc nhưng nhấn mạnh bằng cách nói phủ định 2 lần để thành khẳng định. Giống như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong)</p> <p>- Đạo là lẽ sống đúng, đẹp và là mối quan hệ XH giữa người với người. Đối với tác giả, kẻ đi học trước hết là phải biết, hiểu đạo, tức là biết cách làm người</p> <p>- > mục đích chân chính của việc học</p> <p>* Báo cáo kết quả</p> <p>HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận (Trình trên bảng phụ)</p> <p>* Đánh giá kết quả</p> <p>HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>ND 2</p> <p>a. Mục tiêu: HS thấy được thái độ của tác giả về việc học</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động cặp đôi tìm hiểu về phép học của tác giả</p> <p>c. Sản phẩm: Phiếu hoạt động của nhóm</p> <p>d. Tổ chức thực hiện</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>a. Soi vào sử sách, tác giả đã chỉ ra những lỗi học lệch lạc, sai trái nào? Hậu quả của lỗi học sai trái đó là gì?</p>	<p>II. Tìm hiểu văn bản</p> <p>1. Mục đích chân chính của việc học:</p> <p>- Sử dụng câu châm ngôn với hình ảnh so sánh -> vừa dễ hiểu vừa tăng thêm sức thuyết phục.</p> <p>- “Đạo” một khái niệm trừu tượng được giải thích ngắn gọn rõ ràng: “Đạo” là lẽ đối xử hằng ngày giữa mọi người”.</p> <p>=> Mục đích chân chính của việc học là học để làm người, để biết “đạo”</p> <p>2. Bàn luận về phép học:</p>
--	--

b. Tác giả đã đề xuất cách học và phương pháp học như thế nào? Học như thế sẽ đạt mục đích gì?

c. Em có suy nghĩ gì về những PP học tác giả đề ra?

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi

- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS

*** Dự kiến sản phẩm**

- Soi vào thực tế đương thời phê phán những biểu hiện lệch lạc sai trái của việc học đó là:

+ học hình thức

+ cầu danh lợi.

+ Học mà không hiểu nội dung chỉ có cái danh mà không thực chất.

- Tác hại của việc học đó làm cho “chúa tầm thường, thần nịnh hót”, người trên kẻ dưới đều thích sự chạy chọt, luồn cúi, không có thực chất dẫn đến cảnh “nước mất, nhà tan”

- PP học: lấy Chu Tử làm chuẩn, lấy tiểu học làm căn bản, học tuần tự từ thấp lên cao, phải học rộng ra rồi tóm gọn, theo điều học mà làm.

=> Đào tạo được người tài giỏi, giữ vững được nước nhà

-> Có thể nói đây là những PP dạy học tích cực nó còn nguyên giá trị đến ngày nay

*** Báo cáo kết quả**

HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận của nhóm.

(Trình trên bảng phụ)

*** Đánh giá kết quả**

HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung

- Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

ND 3

a. Mục tiêu: HS nắm được Tác dụng của phép học chân chính

- Soi vào thực tế đương thời phê phán những biểu hiện lệch lạc sai trái của việc học đó là:

+ học hình thức

+ cầu danh lợi.

+ Học mà không hiểu nội dung chỉ có cái danh mà không thực chất.

- Tác hại của việc học đó làm cho “chúa tầm thường, thần nịnh hót”, người trên kẻ dưới đều thích sự chạy chọt, luồn cúi, không có thực chất dẫn đến cảnh “nước mất, nhà tan”

- Đề xuất cách học đúng:

+ Mở rộng trường lớp

+ Mở rộng đối tượng

+ Tạo điều kiện cho người đi học.

- Phương pháp học:

+ Học tuần tự từ thấp lên cao, học cái căn bản

+ Học rộng nhưng phải biết khái quát.

+ Học đi đôi với hành

=> Đào tạo được người tài giỏi, giữ vững được nước nhà.

<p>b. Nội dung: Hoạt động cá nhân</p> <p>c. Sản phẩm: câu trả lời của HS</p> <p>d. Tổ chức thực hiện</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>a. Mục đích chân chính và cách học đúng đắn được tác giả gọi là đạo học. Theo tác giả đạo học thành có tác dụng ntn?</p> <p>b. Đằng sau những lí lẽ bàn về tác dụng của phép học, người viết đã thể hiện thái độ gì?</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, - Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS <p>* Dự kiến sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác dụng: Có được nhiều người tốt. Triều đình ngay ngắn. Thiên hạ thịnh trị, xã hội, đất nước phồn vinh - Thái độ của t/g: <ul style="list-style-type: none"> + Đề cao tác dụng của việc học chân chính. + Tin tưởng ở đạo học chân chính. + Kì vọng về tương lai đất nước. <p>* Báo cáo kết quả</p> <p>HS trình bày miệng</p> <p>* Đánh giá kết quả</p> <p>HS khác nhận xét, bổ sung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng <p>HD tổng kết:</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động cá nhân</p> <p>c. Sản phẩm: câu trả lời của HS</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>? Nêu khái quát những nét chính về nghệ thuật và nội dung của văn bản</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, - Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS <p>* Dự kiến sản phẩm:...</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét câu trả lời của HS. 	<p>3. Tác dụng của phép học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có được nhiều người tốt. - Triều đình ngay ngắn. - Thiên hạ thịnh trị, xã hội, đất nước phồn vinh <p>III. Tổng kết:</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập luận chặt chẽ - Luận điểm rõ ràng, lí lẽ xác đáng
---	--

- GV chốt trên bảng phụ bằng bản đồ tư duy	- Lời văn khúc chiết, thẳng thắn 2. Nội dung: Văn bản nêu nên quan niệm tiên bộ của t/g về sự học. * Ghi nhớ - SGK 58 . IV. Luyện tập :
--	--

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(5P)

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về văn bản để làm bài

b. Nội dung: HĐ cặp đôi

c. Sản phẩm: phiếu thảo luận nhóm

d. Tổ chức thực hiện

*** GV chuyển giao nhiệm vụ:**

? Đọc những lời tấu trình của Nguyễn Thiếp về phép học, em thu nhận được những điều sâu xa nào về đạo học của cha ông ta ngày trước?

? Các em có nhận xét gì về quan niệm của Nguyễn Thiếp đối với sự học (so với thời đại của ông và hiện tại)?

*** HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: thực hiện cá nhân, Giáo viên: theo dõi, hướng dẫn

- * Dự kiến sản phẩm...

- Mục đích là học để biết, làm người tốt,... Học để góp phần làm hưng thịnh đất nước

- Nguyễn Thiếp nêu lên quan niệm tiên bộ của ông về sự học. Quan niệm tiên bộ vẫn còn có ý nghĩa với chúng ta hôm nay, nó là nền tảng cho những quan điểm học đúng đắn ngày nay

*** Báo cáo kết quả: HS trình bày**

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá->Giáo viên chốt kiến thức

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (02P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: Nắm được cách học hiệu quả.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** GV chuyển giao nhiệm vụ:**

? Sau khi học xong văn bản này em có suy nghĩ gì về Nguyễn Thiếp.

? Em có nhận xét gì về cách học của học sinh hiện nay? Từ đó em sẽ rút ra cho mình được bài học gì về cách học?

*** HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

+ Đọc yêu cầu.

+ Suy nghĩ trả lời.

- Là người thiên tư sáng suốt, học rộng hiểu sâu, quan tâm đến vận mệnh của đất nước, trọng chữ nghĩa, trọng hiền tài
- HS học hình thức, học cốt chỉ để lên lớp lấy cái bằng tốt nghiệp, học không sâu, không rộng không biết cách tóm lại kiến thức...
⇒ Bài học: Học theo tuần tự từ cơ bản đến nâng cao, học đi đôi với hành, học phải vận dụng vào thực tế c/s

*** Báo cáo kết quả:** HS trả lời

*** Đánh giá kết quả**

- GV nhận xét câu trả lời của HS.
- GV khái quát nội dung

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài:

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

Tập làm văn

LUYỆN TẬP XÂY DỰNG VÀ TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp HS củng cố chắc hơn những hiểu biết về cách xây dựng và trình bày luận điểm.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản
- HS có kĩ năng tìm, sắp xếp, trình bày luận điểm trong một bài văn nghị luận có đề tài gần gũi, quen thuộc. Năng lực viết bài văn nghị luận.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- HS có ý thức bồi dưỡng kĩ năng làm bài văn nghị luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Tham khảo một số tài liệu liên quan đến bài học.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS

b. Nội dung: Hiểu biết về luận điểm.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: nêu câu hỏi

1. Thế nào là luận điểm? *Chiếu dời đô* của Lí Công Uẩn có mấy luận điểm? Hãy nêu các luận điểm đó!

2. Khi trình bày luận điểm trong đoạn văn cần chú ý những điều gì?

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

*** Dự kiến sản phẩm**

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động 1: Luyện tập xây dựng hệ thống luận điểm</p> <p>a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức về văn bản để làm bài</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động cặp đôi</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm</p> <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tự đánh giá. - Học sinh đánh giá lẫn nhau. - Giáo viên đánh giá. <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p>	<p>Đề: Hồ Chủ tịch có dạy: “Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài là người vô dụng”. Em hãy giải thích câu nói trên.</p> <p>I. Luyện tập xây dựng hệ thống luận điểm.</p>

- *Giáo viên*: nêu yêu cầu
Xây dựng luận điểm cho đề văn trên?

- **HS**: tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ**:

- *Học sinh*: làm việc cá nhân.

- *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs

* **Dự kiến sản phẩm**:

Xác định yêu cầu:

- *Thể loại*: Nghị luận:

- *Nội dung*: Hiểu câu nói trên như thế nào

- *Phạm vi kiến thức*: Thực tế đời sống

- *Hệ thống luận điểm cho đề văn trên*

a) Hiểu thế nào là đức, tài:

- Đức là gì?

- Tài là là gì?

b) Mối quan hệ giữa tài và đức:

- Vì sao “Có tài mà không có đức là người vô dụng”

- Vì sao “Có đức mà không có tài 1 việc gì cũng khó” - Tài và đức có mối quan hệ như thế nào?

c. Hiểu như thế ta phải làm gì?

* **Báo cáo kết quả**: Hs trả lời

* **Đánh giá kết quả**:

- *Học sinh*: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá

- *Giáo viên* nhận xét, đánh giá

-> *Giáo viên* chốt kiến thức và ghi bảng

Hoạt động 2: Luyện tập trình bày luận điểm

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức về văn bản để làm bài

b. Nội dung: Viết được đoạn văn trình bày luận điểm.

c. Sản phẩm: phiếu học tập của nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên*: nêu yêu cầu

? Viết đoạn văn trình bày các luận điểm của đề văn trên?

- **HS**: tiếp nhận

a) Khái niệm về đức, tài:

- Đức là gì?

- Tài là là gì?

b) Mối quan hệ giữa tài và đức:

- Vì sao “Có tài mà không có đức là người vô dụng”

- Vì sao “Có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó” - Tài và đức có mối quan hệ như thế nào?

c. Hiểu như thế chúng ta phải làm gì

II. Luyện tập trình bày luận điểm:

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: làm việc cá nhân.
- Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

Nhóm 1:

Trước hết ta phải hiểu đức là gì, tài là gì? Đức là đạo đức phẩm chất, nhân cách của con người. Đạo đức cao đẹp của mỗi người được xây dựng trên cơ sở của một lẽ sống đúng đắn. Tài là tài năng trí tuệ, trình độ học vấn, sự tinh thông nghề nghiệp... là sự kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực hành.

Nhóm 2: Mối quan hệ giữa tài và đức:

Vậy tài và đức có mối quan hệ như thế nào? Bác nói “Có tài mà không có đức là người vô dụng” thì cái tài đó không phục vụ cho mục đích cao cả, “tài” trở nên hoài phí, thậm chí cái tài đó nhằm phục vụ cho những mưu đồ ích kỷ có hại cho cộng đồng. Còn “Có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó” vì không có kỹ năng hoàn thành được công việc, hiệu quả lao động thấp thậm chí còn gây hậu quả xấu. Qua câu nói này Bác muốn khẳng định Tài và đức có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, không thể tách rời. Đức là gốc. Có đạo đức thì tài năng có điều kiện phát huy, ngược lại tài năng là biểu hiện cụ thể của đạo đức. Vì vậy con người vừa có tài vừa phải có đức mới đặc dụng trong cộng đồng.

Nhóm 3: Hiểu như thế chúng ta phải làm gì

Nếu không muốn thành người vô dụng, muốn được mọi người yêu quý kính trọng chúng ta phải không ngừng phấn đấu rèn luyện bản thân để trở thành người vừa có tài vừa có đức. Làm được như vậy không chỉ khẳng định được bản thân mà còn góp phần

a) Khái niệm về đức, tài:

- Đức là đạo đức phẩm chất, nhân cách của con người. Đạo đức cao đẹp của mỗi người được xây dựng trên cơ sở của một lẽ sống đúng đắn.

- Tài là tài năng trí tuệ, trình độ học vấn, sự tinh thông nghề nghiệp... là sự kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực hành.

b) Mối quan hệ giữa tài và đức:

- “Có tài mà không có đức là người vô dụng” vì cái tài đó không phục vụ cho mục đích cao cả, “tài” trở nên hoài phí, thậm chí cái tài đó nhằm phục vụ cho những mưu đồ ích kỷ có hại cho cộng đồng.

- “Có đức mà không có tài làm việc gì cũng khó” vì không có kỹ năng hoàn thành được công việc, hiệu quả lao động thấp thậm chí còn gây hậu quả xấu.

=> Qua câu nói này Bác muốn khẳng định Tài và đức có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, không thể tách rời. Đức là gốc. Có đạo đức thì tài năng có điều kiện phát huy, ngược lại tài năng là biểu hiện cụ thể của đạo đức. Cho nên với tài và đức, nếu thiếu cả 2 thứ này thì đều là vô dụng.

c. Hiểu như thế chúng ta phải làm gì

- Học tập tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người vừa có tài vừa có đức
- Làm được như vậy không chỉ khẳng định được bản thân mà còn góp phần để xây dựng quê hương đất nước.

để xây dựng quê hương đất nước.

* **Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

* **Đánh giá kết quả:**

- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về cách làm bài văn nghị luận

b. Nội dung: Lập được dàn ý cho đề bài

c. Sản phẩm: hs làm vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: ? Vận kiến thức đã học thực hiện tìm hiểu đề lập dàn ý đại cương cho đề bài sau:
Em hiểu như thế nào về câu tục ngữ: *Lá lành đùm lá rách*

- HS: tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân

- *Giáo viên:* quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

* **Báo cáo kết quả:** Hs: trình bày miệng

* **Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

* **Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Em hãy tự đặt một đề bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí và vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết đề bài đó?

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

Tiết +: Tập làm văn

LUYỆN VIẾT VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: củng cố chắc hơn những kiến thức về văn nghị luận.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tạo lập văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Tích cực học tập, bồi dưỡng lòng yêu thích say mê môn học

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Đề, biểu điểm, đáp án.

2. Chuẩn bị của học sinh: ôn bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1 Ma trận:

Mức độ	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng thấp		Vận dụng cao		Tổng số	
Lĩnh vực ND	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Văn nghị luận								1 câu 10đ		1 câu 10đ
Tổng số câu Tổng số điểm										1 câu 10 đ

2. Đề bài:

Đề bài: Từ bài “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, hãy nêu suy nghĩ mối quan hệ giữa “học” và “hành”.

3. Đáp án và biểu điểm chấm

a. Yêu cầu kĩ năng (1điểm)

- Đúng đặc trưng của bài văn nghị luận
- Trình bày rõ ràng rành mạch các luận điểm luận cứ, dẫn chứng cụ thể xác thực.
- Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt.
- Bố cục ba phần rõ ràng.

b. Kiến thức: (9điểm)

I. Mở bài: 1đ

- "Bàn luận về phép học" là một phần trong bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi cho vua Quang Trung để bàn bạc, tìm cách đổi mới cho phương thức học tập thời bấy giờ. Văn bản nghị luận này không chỉ có giá trị đương thời mà còn ảnh hưởng đến cách học của chúng ta sau này.
- Học phải đi đôi với hành. Học phải kết hợp với hành là luận điểm tiến bộ trong bài tấu mà ngày nay chúng ta còn làm theo.
- Vậy giữa học và hành có quan hệ như thế nào? Chúng ta cần làm rõ vấn đề trên.

II. Thân bài: 7đ

1. Giải Thích: (2đ)

- Học: là hoạt động của trí óc để tiếp thu những cái mới, những điều chưa biết, học còn là bắt chước những cái hay, cái đẹp của người khác.

- Hành: là thực hành, là ứng dụng những gì đã học.

=> Tác giả khuyên học phải có hành, nghĩa là học và hành phải đi đôi với nhau. Không thể học mà không đi đôi với hành và ngược lại: hành mà không học.

2. Tại sao học lại phải đi đôi với hành?(3đ)

- Nếu học chỉ để nhồi nhét 1 mớ kiến thức, sách vở vào đầu thì có ích lợi gì nếu không biết đem những điều đã học ra áp dụng. Học mà không hành như vậy thật là vô ích. Phải biết đem cái học áp dụng vào thực tế thì cái học ấy mới có giá trị. Ngược lại: chỉ hành mà không học theo kiểu: "Trăm hay không bằng hay quen" thì rõ ràng là cực đoan và nguy hiểm.

- Hành mà không học thì làm sao biết được đầy đủ kiến thức về sự vật, sự việc ấy để ứng phó trong mọi trường hợp, mọi lĩnh vực.

- Hành mà không học thì chỉ là sự mò mẫm chẳng khác nào người đi trong đêm tối. Vừa mất thời gian, vừa hỏng việc.

- Rõ ràng kiến thức không phải tự nhiên mà có, tất cả là từ những kinh nghiệm quý báu đã được rút ra từ thực tiễn, có giá trị đúng đắn và được nhiều người chấp nhận. Cho nên hành không thể không học. ý thức được điều này, ông cha ta thường xuyên "học hành, học hỏi, học tập".

- Học, hỏi, hiểu, hành là phương châm mà mọi người cần hướng tới và làm theo nó.

3. Tác dụng(2 đ)

- Phải gắn liền học và hành. Cần hiểu hành ở đây không chỉ là những bài tập áp dụng trong sách vở mà hành còn là những điều đã học phải đem ra áp dụng vào thực tế cuộc sống(Ví dụ: 1 kỹ sư học lý thuyết trong trường, khi về công xưởng anh ta phải biết áp dụng những điều đã học vào thực tế sản xuất, vào cuộc sống.)

- Học để cung cấp kiến thức cho thực hành, giúp cho thực hành dễ dàng hơn.

- Học để đem áp dụng kiến thức đã học vào thực tế. Hành còn củng cố, hoàn chỉnh cho học.

- Là học sinh còn ngồi ghế nhà trường phải biết áp dụng tốt phương châm học này để việc học ngày càng đạt kết quả tốt hơn. Lời khuyên này còn có tác dụng chỉ ra con đường học tập đúng đắn, nhất là đối với 1 số người lười nhác, không chịu thực hành, chỉ muốn rập khuôn theo lý thuyết.

III. Kết bài: 1đ

- Tóm lại qua tư tưởng tiến bộ, Nguyễn Thiếp đã chỉ cho ta thấy được học và hành phải là 2 mặt đồng thời của 1 quá trình học tập. Không được coi nhẹ mặt nào, coi nặng mặt nào.

- Bài học cho bản thân em về vấn đề nghị luận trên.

* Lưu ý

- **Điểm 9-10:** Bài viết đảm bảo tốt các yêu cầu về nội dung cũng như cách thức diễn đạt, lối viết giản dị, chân thành tạo được sự đồng cảm và thuyết phục trong người đọc. Biết kết hợp nhiều yếu tố diễn đạt .

- **Điểm 7-8:** Bài viết đảm bảo khá tốt các yêu cầu trên. Biết kết hợp các yếu tố diễn đạt ở mức độ khá

- **Điểm 5-6:** Bài viết có thực hiện các yêu cầu trên. Chủ yếu liệt kê các luận điểm. Việc kết hợp các yếu tố diễn đạt và phân tích còn lúng túng
- **Điểm 3-4:** Bài viết chưa đảm bảo các yêu cầu trên. Nêu các luận điểm chưa chính xác, chưa đầy đủ.
- **Điểm 1-2:** Bài viết quá yếu về cả nội dung và diễn đạt.

IV. củng cố- dặn dò

1. Thu bài.
2. Thống kê số lượng và nhận xét giờ kiểm tra.
3. Chuẩn bị bài .

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

Tiếng Việt

HỘI THOẠI

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp HS nắm khái niệm vai XH, lượt lời và biết vận dụng hiểu biết về những vấn đề ấy vào quá trình hội thoại nhằm đạt được hiệu quả cao trong giao tiếp bằng ngôn ngữ.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản
- HS có kĩ năng tìm hiểu, vận dụng những kiến thức về hội thoại vào đời sống giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- HS có ý thức lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ phù hợp hoàn cảnh giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về Hội thoại

b. Nội dung : bước đầu nhận biết về hội thoại

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV: nêu câu hỏi

1. Hoạt động nói có những kiểu hoạt động nói nào? Cách thực hiện hoạt động nói đó như thế nào? Cho ví dụ?

2. Chỉ ra và gọi tên các hành động nói trong ví dụ sau:

Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão ôn tồn bảo:

- Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng: bây giờ cụ ngồi xuống phần này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sung sướng.

- Vâng! Ông giáo dạy phải! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.

Lão nói xong lại cười đưa đà. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại. Tôi vui vẻ bảo:

- Thế là được, chứ gì? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.

- Nói đùa thế, chứ ông giáo để cho khi khác.

(*Nam Cao, Lão Hạc*).

- **HS:** tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* trả lời

- *Giáo viên:* quan sát giúp đỡ HS

* *Dự kiến sản phẩm:*

* **Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

* **Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Đoạn trích trên là cuộc trò chuyện giữa ông giáo và lão Hạc. Cuộc trò chuyện giữa hai hoặc nhiều người, gọi là hội thoại. Mỗi người khi tham gia hội thoại đều có vai xã hội riêng. Vậy làm thế nào để xác định được vai xã hội trong hội thoại? Chúng ta vào bài học hôm nay.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu và nắm được : vai xã hội trong hội thoại</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động nhóm tìm hiểu ví dụ.</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu</p> <ol style="list-style-type: none"> Trong đoạn trích có những nhân vật nào? Quan hệ giữa các nhân vật tham gia hội thoại trong đoạn trích trên là quan hệ gì? Ai là vai trên, ai là vai dưới? Cách xử sự của người cô có gì đáng chê trách? Lấy ví dụ về các vai theo quan hệ xã hội thường gặp? Tìm những chi tiết cho thấy nhân vật chú bé Hồng đã cố gắng kìm nén sự bất bình của mình để giữ thái độ lễ phép? Giải thích vì sao Hồng phải làm như vậy? Khi tham gia hội thoại cần lưu ý điều gì? 	<p>I. Vai xã hội trong hội thoại:</p> <ol style="list-style-type: none"> Ví dụ: Nhận xét:

<p>- Cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp.</p> <p>- HS: tiếp nhận</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân.</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>1. Trong đoạn trích có những nhân vật :</p> <p>- Bà cô Hồng và Hồng</p> <p>- Quan hệ giữa hai nhân vật tham gia trong đoạn trích trên thuộc quan hệ gia tộc.</p> <p>Người cô của Hồng là người vai trên, bé Hồng là người vai dưới.</p> <p>2. Cách đối xử của người cô là thiếu thiện chí vừa không phù hợp với quan hệ ruột thịt, vừa không thể hiện thái độ đúng mực của người trên đối với người dưới.</p> <p>3. Lấy ví dụ về các vai theo quan hệ xã hội thường gặp:</p> <p>- Vai theo quan hệ tuổi tác :</p> <p>VD: Lão Hạc và ông Giáo trong truyện “Lão Hạc”.</p> <p>- Vai theo quan hệ chức vụ trong xã hội:</p> <p>VD: Giám đốc nói với nhân viên.</p> <p>- Vai theo quan hệ bạn bè:</p> <p>VD cuộc đối thoại giữa hai người bạn cùng lớp.</p> <p>Ngoài ra quan hệ xã hội của còn được xác định bằng mối quan hệ thân thiết hay không (thân- sơ)</p> <p>4. Những chi tiết cho thấy nhân vật chú bé Hồng đã cố gắng kìm nén sự bất bình của mình để giữ thái độ lễ phép: “...tôi cúi đầu không đáp”</p> <p>“..Tôi lại im lặng cúi đầu xuống đất...cô họng đã ghen ứ khóc không ra tiếng”</p> <p>=> Hồng phải kìm nén sự bất bình vì Hồng là người thuộc vai dưới, có bổn phận tôn trọng người trên.</p> <p>5. Khi tham gia hội thoại cần lưu ý: Cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp.</p> <p>* Báo cáo kết quả: Hs trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <p>- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p>	<p>- Quan hệ trên- dưới.</p> <p>+ Thứ bậc trong gia đình.</p> <p>+ Thứ bậc xã hội.</p> <p>+ Tuổi tác.</p> <p>- Quan hệ ngang hàng.</p> <p>- Cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp.</p> <p>3. Ghi nhớ: sgk.</p>
--	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(23P)

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về hội thoại để vận dụng.

b. Nội dung: HĐ cá nhân (bài 3). HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (bài2).

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- GV đánh giá HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: Bài tập 1,2,3
- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm
- Giáo viên: quan sát, hướng dẫn hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

1. Bài tập 1:

- Các chi tiết:

+ Nghiêm khắc: Nay các người nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục....

+ Khoan dung: Nếu các người biết chuyên tậpTa viết ra bài hịch này để các người biết bụng ta.

2. Bài tập 2:

- Xét về địa vị xã hội: ông Giáo là người có địa vị cao hơn một người nông dân nghèo như lão Hạc.

- Xét về tuổi tác thì lão Hạc có địa vị cao hơn.

a, Ông Giáo nói với lão Hạc bằng lời lẽ ôn tồn, thân mật nắm lấy vai lão, mời lão hút thuốc, uống nước, ăn khoai.

Ông Giáo gọi lão Hạc là “cụ” (thể hiện sự kính trọng), xưng là “tôi” (thể hiện quan hệ bình đẳng).

b, Lão Hạc gọi người đối thoại với mình là ông Giáo, xưng hô gộp hai người là chúng mình, cách nói xuề xòa (nói đùa thề) thể hiện sự thân tình.

=> Qua cách nói của lão ta thấy vẫn có một nỗi buồn, một sự giữ khoảng cách: cười đưa đà, thoái thác chuyện ở lại ăn khoai, uống nước với ông Giáo.

-> Phù hợp tâm trạng của lão Hạc lúc đó.

3. Bài tập 3:

Lên bảng kể lại một cuộc trò chuyện (chủ đề tùy chọn)

-> Chỉ ra vai xã hội của người tham gia hội thoại.

Yêu cầu: kể ngắn gọn, diễn cảm, chú ý lời nói, ngôn ngữ.

*** Báo cáo kết quả:**

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(2P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HĐ cá nhân viết đoạn văn

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS tự đánh giá
- HS đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **GV:** ? Viết đoạn hội thoại ngắn (chủ đề tự chọn). Phân tích vai xã hội của những người tham gia cuộc thoại. Cách đối xử của họ với nhau thể hiện qua lời thoại và qua cử chỉ, thái độ kèm lời nói.

- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* trả lời
- *Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

*** Dự kiến sản phẩm:** bài viết của Hs

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.
- > GV chốt kiến thức.

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Sưu tầm đoạn hội thoại và phân tích vai xã hội.
- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài:

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

Tập làm văn

TÌM HIỂU YẾU TỐ BIỂU CẢM TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết được biểu cảm là một yếu tố không thể thiếu trong những bài văn nghị luận có sức thuyết phục cao.
- Nắm được những yêu cầu cần thiết của việc đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận để việc nghị luận đạt hiệu quả thuyết phục cao.

2. Năng lực:

- a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản
- HS có kĩ năng vận dụng những yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận. Năng lực tìm hiểu các yếu tố BC trong VB nghị luận.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- HS có ý thức dùng các yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về **yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận**

b. Nội dung: Việc nắm bài cũ

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: nêu câu hỏi

Hãy chỉ ra các chi tiết biểu thị thái độ , tình cảm của Lý Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn trong văn bản “Chiếu dời đô” và “Hịch tướng sĩ”. Tác dụng của các yếu tố này trong bài văn?

- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* trả lời
- *Giáo viên:* quan sát giúp đỡ Hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét đánh giá
- >GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Đây chính là các yếu tố biểu cảm trong bài văn nghị luận. Vậy làm thế nào để đưa yếu tố biểu cảm vào bài nghị luận, và yếu tố biểu cảm đóng vai trò gì trong bài nghị luận. Chúng ta cùng vào bài học hôm nay.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu và nắm được : vai trò của yếu tố biểu cảm trong bài văn nghị luận</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động nhóm tìm hiểu VD</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p><i>* Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <p>- <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xác định kiểu văn bản , mục đích của văn bản? 2. Hãy tìm những từ ngữ bộc lộ tình cảm, cảm xúc của tác giả? 3. Tìm một số câu văn, từ ngữ biểu cảm trong bài “ Hịch tướng sĩ” ? 4. Văn bản “ Hịch tướng sĩ và Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” có điểm gì giống nhau? 5. Hai văn bản mặc dù yếu tố biểu cảm tràn ngập sâu sắc và mãnh liệt, rất rung động lòng người nhưng vẫn là văn nghị luận chứ không phải biểu cảm? Vì sao? 6. Hãy so sánh câu văn ở bảng 1 và 2, câu nào hay hơn, vì sao? Tác dụng của yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận? 7. Có ý kiến cho rằng : Thiếu yếu tố biểu cảm, sức thuyết phục của văn nghị luận nhất định bị giảm đi? Nhưng cứ có yếu tố biểu cảm – bất kì yếu tố đó ntn – là sức biểu cảm của văn bản nghị luận sẽ cao hơn điều đó, có đúng không ? Vì sao? 8. “Hịch tướng sĩ” và “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” là văn bản nghị luận có sức thuyết phục cao, tác động mạnh mẽ tới tình cảm con người. Để làm được điều này, người viết cần phải có những phẩm chất gì? 9. Có ý kiến cho rằng: Càng dùng nhiều từ ngữ biểu cảm, câu cảm thán thì giá trị biểu cảm trong văn nghị luận càng tăng? ý kiến đó có đúng không? Vì sao? <p>- HS: tiếp nhận</p> <p><i>* Thực hiện nhiệm vụ:</i></p> <p>- <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân.</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs</p> <p><i>* Dự kiến sản phẩm:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Văn bản trên thuộc kiểu văn bản nghị luận -> HCM viết bài văn trên để kêu gọi toàn thể nhân dân VN đứng lên chống thực dân Pháp để giành nền độc lập dân tộc. <p>G: Văn bản trên ra đời 19.12.1946. Sau CMT8, miền Bắc được</p>	<p>I. Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ví dụ: 2. Nhận xét:

<p>hoàn toàn độc lập (Bác đọc bản Tuyên ngôn độc lập 2.9.1945), nhưng sau một thời gian Pháp quay trở lại xâm lược nước ta Bác đã viết lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.....</p> <p>2. * Câu cảm thán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỡi đồng bào toàn quốc!. - Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!. - Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!.....thắng lợi nhất định về dân tộc ta! VN độc lập và thống nhất muôn năm! <p>Kháng chiến thắng lợi muôn năm!</p> <p>* Từ ngữ biểu cảm: hỡi, muốn, phải, nhân nhượng, lần tới, không, thà, nhất định không chịu, phải đứng lên, hễ là, thì, ai có, ai cũng phải.....</p> <p>3. Một số câu văn, từ ngữ biểu cảm trong bài “ Hịch tướng sĩ” :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ta viết bài hịch này để các ngươi biết bụng ta. - Lúc bấy giờ dẫu các ngươi muốn vui vẻ phỏng có được không? - Ta thường tới bữa quên....vui lòng. - Không có mặc thì ta cho áo.... <p>4. Văn bản “ Hịch tướng sĩ và Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” có điểm gì giống nhau : có nhiều từ ngữ và câu văn có giá trị biểu cảm cao.</p> <p>5. Hai văn bản mặc dù yếu tố biểu cảm tràn ngập sâu sắc và mãnh liệt, rất rung động lòng người nhưng vẫn là văn nghị luận chứ không phải biểu cảm vì : Không phải là văn biểu cảm vì các tác phẩm ấy viết ra không nhằm mục đích nghị luận (bộc lộ tình cảm) mà nhằm mục đích nghị luận nêu luận điểm, trình bày luận cứ để bàn luận phải trái, đúng sai, nên xác định hành động và cách sống ntn?</p> <p>=> Ở đây biểu cảm không đóng vai trò chủ đạo mà chỉ là yếu tố phụ trợ cho quá trình nghị luận.</p> <p>6.- Câu văn ở cột (2) hay hơn vì: cột (1) không có yếu tố biểu cảm, câu văn chỉ đúng mà chưa hay. Cột (2) có yếu tố biểu cảm không chỉ đúng mà còn hay, gợi tình cảm ở người nghe.</p> <p>-> Biểu cảm có thể gây xúc động, truyền cảm hấp dẫn người đọc, người nghe, tăng sức thuyết phục cho bài văn.</p> <p>Gọi h/s đọc điểm 1- ghi nhớ?</p> <p>HS đọc ghi nhớ.</p> <p>7. Trong văn nghị luận, yếu tố biểu cảm chỉ đóng vai trò phục vụ cho công việc nghị luận. Bởi thế, yếu tố biểu cảm phải được dùng sao cho phù hợp, nó phải hoà vào luận cứ, luận chứng, làm nổi bật và khắc sâu luận điểm trong lòng người nghe.</p> <p>-> Không làm phá vỡ mạch lập luận của bài văn hoặc quá trình</p>	<p>- Văn nghị luận có:</p> <p>Câu cảm thán:</p> <p>Từ ngữ biểu cảm.</p> <p>- Biểu cảm đóng vai trò phụ trợ.</p> <p>- Gây hứng thú cho người đọc, tạo nên cái hay của văn bản.</p>
--	---

<p>nghị luận bị đứt đoạn.</p> <p>8. - Cả hai tác giả đều có lòng yêu nước căm thù giặc sâu sắc. Điều quan trọng hơn bài văn ấy được viết ra không chỉ bằng sự sáng suốt, mạch lạc, chặt chẽ của trí tuệ mà còn bằng cả lòng nhiệt tình, sự tha thiết trong tâm hồn, cảm xúc mãnh liệt, chân thực của lòng mình.</p> <p>G: Thực tế cũng cho thấy, người đọc khẳng định đó là bài nghị luận hay khi nó không chỉ làm đầu óc mình sáng tỏ mà còn làm cho trái tim mình rung động. Do đó, biểu cảm là yếu tố không thể thiếu trong bài văn nghị luận.</p> <p>9. Không phải càng dùng nhiều từ ngữ biểu cảm, câu cảm thán thì giá trị biểu cảm trong bài văn nghị luận càng tăng, biểu hiện tình cảm, cảm xúc phải phù hợp, không phá vỡ mạch lập luận của bài văn và đủ làm sáng tỏ luận điểm.</p> <p>- Tình cảm, cảm xúc phải chân thành, sâu sắc, tự nhiên (không hời hợt, thờ ơ) mới tạo ra hiệu quả thuyết phục.</p> <p>* Báo cáo kết quả: Hs trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <p>- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p>	<p>- Người viết thực sự có cảm xúc và diễn tả bằng phương tiện ngôn ngữ.</p> <p>3. Ghi nhớ: sgk</p>
---	--

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(23P)

a. Mục tiêu: Vận dụng hiểu biết về hình thức và chức năng của câu cầu khiến để làm bài tập.

b. Nội dung: HĐ cá nhân (bài 3). HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (bài2).

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: Bài tập 1,2,3

- HS: tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

- Giáo viên: quan sát, hướng dẫn hs

* **Dự kiến sản phẩm:**

1. Bài tập 1:

- Nhưng họ đã phải trả...chiến trường châu Âu.
- Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi...
- ...nhiều người bản xứ...ngài thống chế.
- Những kẻ khốn khổ ấy cũng đã....

+ Tác giả sử dụng NT châm biếm, mỉa mai qua việc dùng từ ngữ, dùng hình ảnh.

“ tên da đen bẩn thỉu, con yêu, bạn hiền, chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do”, thể hiện thái độ khinh bỉ sâu sắc đối với giọng điệu tuyên truyền của bọn thực dân và cả sự chế nhạo, cười cợt.

-> Tác dụng: Phơi bày bản chất dối trá, lừa bịp của bọn TDP một cách rõ ràng, gây cười, mỉa mai, châm biếm.

2. Bài tập 2:

- Trong đoạn văn, tác giả không chỉ phân tích điều hơn lẽ thiệt cho học trò để thấy được tác hại của việc “ học tử, học vẹt”. Người thầy ấy còn bộc lộ nỗi buồn và sự khổ tâm của một nhà giáo chân chính trước sự xuống cấp trong lối học văn và làm văn của h/s.

Những tình cảm ấy được biểu hiện rõ ở cả ba mặt: từ ngữ, câu văn, giọng điệu lời văn.

3. Bài tập 3:

Yêu cầu: Yếu tố biểu cảm: cần bày tỏ tình cảm đáng tiếc cho lối học vô bổ, không có tác dụng mở mang trí tuệ, trau dồi kiến thức.

* Báo cáo kết quả:

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3

* Đánh giá kết quả:

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(2P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HĐ cá nhân viết đoạn văn

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV: ? Viết đoạn văn trình bày luận điểm: “ Chúng ta không nên học vẹt và học tử”
- HS: tiếp nhận

* Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh: trả lời
- Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

* Dự kiến sản phẩm: bài viết của Hs

* Báo cáo kết quả: Hs trình bày

* Đánh giá kết quả:

- + Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá
- + GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:

- Lập dàn ý các luận điểm và luận cứ cho đề bài: “ Sự bổ ích của những chuyến tham quan du lịch đối với h/s”.
- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài:

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

ĐI BỘ NGAO DU
(Trích *Ê-min hay về giáo dục*)

- Ru- xô-

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Hiểu rõ đây là VB nghị luận với cách lập luận chặt chẽ có sức thuyết phục; tác giả là nhà văn; bài này trích trong một tiểu thuyết nên các lí lẽ luôn hòa quyện với thực tiễn cuộc sống của riêng ông, khiến VB nghị luận không những sinh động mà qua đó còn thấy được ông là người giản dị, quý trọng tự do và yêu thiên nhiên.

2. Năng lực: a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản, cảm thụ văn học
- Rèn cho HS có năng lực đọc, phân tích tìm hiểu tác phẩm văn nghị luận hiện đại.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- HS biết yêu tự do,

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về văn bản *Đi bộ ngao du*

b. Nội dung: Khảo sát việc rèn luyện cơ thể của HS

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: nêu câu hỏi

Em có đi bộ không? Em thấy nó có tác dụng gì?

- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh*: trả lời

- *Giáo viên*: quan sát giúp đỡ Hs

* *Dự kiến sản phẩm:* khỏe mạnh, khoan khoái...

*** Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhân xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Trong thời đại ngày nay, khi các phương tiện giao thông vận tải ngày một phát triển, hiện đại, đã có không ít người ngại đi bộ. Nhưng cũng có rất nhiều người vẫn sáng sủa, tối tối cần mẫn luyện tập thể thao bằng cách đi bộ đều đặn. Nhưng đi bộ trong bài văn chúng ta sắp tìm hiểu : “Đi bộ ngao du”. Vậy đi bộ ngao du có ý nghĩa là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung của bài học hôm nay.

3. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động 1 : Giới thiệu chung (5phút)</p> <p>a. Mục tiêu: HS nắm được những nét chính về tác giả và văn bản “Đi bộ ngao du”</p> <p>b. Nội dung: tìm hiểu về tác giả, tác phẩm</p> <p>c. Sản phẩm: bài làm của Hs</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p><i>*Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <p>- Gv: ? Giới thiệu vài nét về Ru-xô và văn bản “Đi bộ ngao du” mà các em đã chuẩn bị?</p> <p>- Hs tiếp nhận</p> <p><i>*Thực hiện nhiệm vụ</i></p> <p>- Học sinh đại diện nhóm lên trình bày...</p> <p>- Giáo viên, HS quan sát, lắng nghe...</p> <p><i>* Dự kiến sản phẩm</i></p> <p>1. Tác giả:</p> <p>- Ru-xô (1712-1778) là nhà văn, nhà triết học có tư tưởng tiên bộ ở nước Pháp TK XVIII.</p> <p>- Là tác giả của nhiều bộ tiểu thuyết lớn.</p> <p>G: Ru-xô mô cô i mẹ từ sớm, cha là thợ đồng hồ. Thời thơ ấu ông chỉ đi học vài năm, từ 12 đến năm 14 tuổi sau đó làm nghề thợ chạm, làm đầy tớ, làm gia sư, dạy âm nhạc....Trước khi trở thành nhà triết học, nhà văn nổi tiếng.</p> <p>2. Văn bản:</p>	<p>I. Giới thiệu chung:</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>1712-1778, là nhà văn, nhà triết học..</p>

- Đoạn trích “Đi bộ ngao du” được trích trong quyển V của tác phẩm “Ê-min hay Về giáo dục” (1762)

-> Đây là thiên luận văn – tiểu thuyết với hai nhân vật chính: em bé Ê-min và thầy giáo gia sư. Quá trình giáo dục Ê-min từ lúc ra đời đến tuổi trưởng thành là nội dung chính của tác phẩm. Chia thành 5 giai đoạn (tương ứng với 5 quyển)....

GD1: bắt đầu từ khi em bé mới sinh ra cho đến khoảng 2-3 tuổi: nhiệm vụ của gđ này là làm sao cho em được phát triển tự nhiên.

GD2: từ khi Ê-min lên 4-5-> 12 tuổi: đây là giai đoạn giáo dục cho Ê-min một nhận thức bước đầu, song giáo dục nhẹ nhàng, không gò bó.

- GD3: kéo dài khoảng 3 năm, Ê-min được trang bị một số kiến thức hữu ích nhưng không phải trong sách vở trừu tượng mà trong thực tiễn sinh động của cuộc đời và từ 15 tuổi, Ê-min được học một nghề lao động chân tay: thợ mộc.

- GD4: từ 16-20 tuổi, Ê-min được giáo dục về đạo đức và tôn giáo.

- GD5: Ê-min trưởng thành, đi du lịch 2 năm trước khi cưới để cho đạo đức và nghị lực được thử thách và góp phần hiểu thêm về XH.

- Văn bản nghị luận (luận văn – tiểu thuyết). Văn bản dùng lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục bạn đọc về lợi ích của việc đi bộ ngao du.

Bố cục: 3 phần

- “Từ đầu ...bàn chân nghỉ ngơi”: Đi bộ ngao du là hoàn toàn được tự do, không bị lệ thuộc vào bất cứ ai.

- “Tiếp theo...không thể làm tốt hơn”: Đi bộ ngao du – trau dồi vốn tri thức.

- Còn lại: Đi bộ ngao du rèn luyện sức khỏe và tinh thần của con người.

Trật tự sắp xếp hợp lí theo dụng ý của tác giả:

+ Đối với Ru-xô tự do là mục tiêu quan trọng hàng đầu. Ông luôn khao khát tự do. Suốt đời ông đấu tranh cho tự do, chống lại chế độ phong kiến.

+ Ru-xô thuở nhỏ không được học hành, ông rất khát khao kiến thức, cả đời ông phải nỗ lực tự học. Vì thế lập luận trau dồi vốn kiến thức, không phải trong sách vở mà từ thực tiễn được ông xếp ở vị trí thứ hai trong số lợi ích của việc đi bộ.

2. Văn bản

a, Xuất xứ, thể loại:

- Xuất xứ:...

- Thể loại:...

b, Đọc, chú thích, bố cục:

- Đọc.

- Chú thích.

- Bố cục:

***Báo cáo kết quả: HS lên trình bày**

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

HD 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu văn bản. (25P)

a. Mục tiêu: Học sinh thấy được tác dụng của việc đi bộ ngao du.

b. Nội dung: Hoạt động nhóm

c. Sản phẩm: Phiếu hoạt động của nhóm

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

d. Tổ chức thực hiện

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv:

1. Tác giả đã quan niệm như thế nào về vấn đề đi bộ ngao du?

2. Tác giả đã liệt kê những điều thú vị khi đi bộ? Nhận xét cách lập luận của tác giả ở luận điểm này? Nhận xét ngôi kể ở đoạn này?

3. Các cụm từ : “ta ưa đi, ta thích, ta muốn hoạt động, tôi ưa thích, tôi hưởng thụ” xuất hiện liên tục, có ý nghĩa gì ? Qua đó tác giả muốn thuyết phục người đọc tin vào những lợi ích nào của người đi bộ?

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hđ cặp đôi

- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS

- *** Dự kiến sản phẩm**

1. Tác giả đã quan niệm: Đi bộ ngao du thú vị hơn đi ngựa.

2. Tác giả đã liệt kê những điều thú vị khi đi bộ:

- Đi bộ ngao du ta hoàn toàn tự do “ưa đi lúc nào thì đi, thích dừng lúc nào thì dừng”.

- Quan sát khắp nơi....xem xét tất cả...một dòng sôngmột khu rừng rậm...một hang động...một mỏ đá, các khoáng sản ...=> tùy theo ý thích của mình.

- Không lệ thuộc ai: “ những con ngựa hay những gã

II. Đọc - Hiểu văn bản

1. Đi bộ ngao du hoàn toàn tự do-không lệ thuộc vào bất cứ ai:

- Xen kẽ ngôi kể “tôi –ta”.

phụ trạm..”

- Không lệ thuộc bất cứ cái gì: “thời gian, đường sá. Hưởng thụ tất cả sự tự do mà con người có thể hưởng thụ”.

Nhận xét :

- Dẫn chứng và lí lẽ trình bày xen kẽ, tiếp nối một cách tự nhiên. Đi bộ ngao du đem lại cảm hứng tự do cho người đi: tùy thích, đói ăn, khát uống, đêm nghỉ, ngày đi, đi để chơi, để học, để rèn luyện.

- Kể theo ngôi kể thứ nhất “tôi, ta”. Cách xưng hô “tôi – ta” xen kẽ chính là dụng ý nghệ thuật của tác giả. Khi xưng “tôi” là khi tác giả muốn nói về những kinh nghiệm riêng mang tính chất cá nhân. Khi xưng “ta” là khi lí luận chung => Cách xưng hô thay đổi bài văn trở nên sinh động, gắn cái riêng với cái chung -> gần gũi, thân mật.

3. Các cụm từ : “ta ưa đi, ta thích, ta muốn hoạt động, tôi ưa thích, tôi hưởng thụ” xuất hiện liên tục: Nhấn mạnh sự thoả mãn cảm giác tự do cá nhân của người đi bộ ngao du.

Qua đó tác giả muốn thuyết phục người đọc đi bộ đem lại cảm giác tự do thường ngoạn cho con người.

***Báo cáo kết quả**

HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận

(Trình trên bảng phụ)

***Đánh giá kết quả**

HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm*

-> *Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*

a. Mục tiêu: Học sinh thấy được tác dụng của việc đi bộ ngao du.

b. Nội dung: Hoạt động cặp đôi

c. Sản phẩm: Phiếu hoạt động của nhóm

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

d. Tổ chức thực hiện

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv:

=> Đem lại cảm giác tự do.....

2. Đi bộ ngao du trau dồi vốn kiến thức, hiểu biết:

- Nêu dẫn chứng bằng cách so sánh, kết hợp lời bình luận.

1. Theo tác giả đi bộ ngao du ta sẽ thu nhận được những kiến thức gì?
2. Nhận xét gì về cách lập luận của tác giả? Tác dụng của cách lập luận ấy?
3. Tại sao tác giả lại quan niệm rằng đi bộ ngao du là đi như: Ta-lét, Pla-tông, Pi-ta-go?
4. Để nói về sự hơn hẳn của các kiến thức thu được khi đi bộ ngao du, tác giả đã dụng so sánh kèm theo lời bình luận nào?
5. Qua đó giúp ta hiểu thêm những lợi ích nào của việc đi bộ ngao du?

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hđ cặp đôi

- Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS

- * Dự kiến sản phẩm

- Gv:

1. Theo tác giả đi bộ ngao du ta sẽ thu nhận được những kiến thức

- Xem xét tài nguyên phong phú trên miền đất.

- Tìm hiểu các sản vật nông nghiệp và cách trồng trọt chúng.

- Sưu tầm các mẫu vật phong phú, đa dạng của thế giới tự nhiên...

2. Nhận xét gì về cách lập luận của tác giả:

- Nêu dẫn chứng dồn dập liên tiếp bằng các kiểu câu khác nhau.

- So sánh kiến thức linh tinh trong các phòng sưu tập, thậm chí của vua chúa với sự phong phú trong phòng tập của người đi bộ ngao du.

- Xen kẽ các lời bình luận (nêu cảm xúc) của tác giả.

=> Đề cao kiến thức của thực tế khách quan. Xem thường kiến thức sách vở giáo điều.

3. Tác giả lại quan niệm rằng đi bộ ngao du là đi như: Ta-lét, Pla-tông, Pi-ta-go vì:

+ Ta-lét, Pla-tông, Pi-ta-go là những nhà triết học và toán học nổi tiếng. Họ luôn quan sát, nghiên ngẫm khi đi dạo chơi.

=> Đề cao kiến thức của các nhà khoa học am hiểu đời sống thực tế. Đồng thời khích lệ mọi người hãy đi bộ để mở mang kiến thức.

=> Mở mang năng lực khám phá đời sống....

3. Đi bộ ngao du rèn luyện sức khỏe tinh thần con người.

4. Để nói về sự hơn hẳn của các kiến thức thu được khi đi bộ ngao du, tác giả sử dụng:

- So sánh: Kiến thức linh tinh... trong các phòng sưu tập (vua chúa) với sự phong phú trong phòng sưu tập của người đi bộ ngao du (là cả trái đất), hơn cả nhà tự nhiên học Đô - Băng – Tông .

5. Qua đó giúp ta hiểu thêm những lợi ích nào của việc đi bộ ngao du giúp mở mang năng lực khám phá đời sống, mở rộng vốn hiểu biết và làm giàu trí tuệ.

***Báo cáo kết quả**

HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận

***Đánh giá kết quả**

HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm*

-> *Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*

a. Mục tiêu: Học sinh thấy được tác dụng của việc đi bộ ngao du.

b. Nội dung: Hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm: câu trả lời của Hs

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá.

- Học sinh đánh giá lẫn nhau.

- Giáo viên đánh giá.

d. Tổ chức thực hiện

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Gv:

1. Cách chứng minh luận điểm thứ ba này có gì đặc sắc?

2. Việc sử dụng các câu cảm thán ở đây có tác dụng gì?

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh: Đọc yêu cầu, hoạt động cá nhân, hđ cặp đôi*

- *Giáo viên: Quan sát trợ giúp HS*

- * Dự kiến sản phẩm

- Gv:

1. Cách chứng minh: So sánh hai trạng thái tinh thần khác nhau: người đi bộ ngao du (vui vẻ, hân hoan, khoan khoái).

người ngồi trên xe ngựa (mơ màng, buồn bã, cúi gằm, đau khổ). Tính từ được sử dụng liên tiếp.

- So sánh hai trạng thái tinh thần khác nhau.

=> Khẳng định lợi ích tinh thần của đi bộ ngao du...

III. Tổng kết: (5P)

2. Khẳng định lợi ích tinh thần của đi bộ ngao du, đó là nâng cao sức khoẻ và tinh thần, khơi dậy niềm vui sống và tính tình được vui vẻ.

***Báo cáo kết quả**

HS lên bảng trình bày kết quả thảo luận

***Đánh giá kết quả**

HS nhóm khác phản biện, nhận xét, bổ sung

- *Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận của các nhóm*

-> *Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng*

Hoạt động 5: Tổng kết

a. Mục tiêu: Nêu được những đặc sắc trong cách kết thúc vấn đề của tác giả.

b. Nội dung: khái quát được giá trị tác phẩm.

c. Sản phẩm: câu trả lời của hs

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ**

- *Giáo viên:* nêu yêu cầu

Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản

- **HS:** tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* thảo luận cặp đôi.

- *Giáo viên:* quan sát, hỗ trợ hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

Nghệ thuật:

- Đưa dẫn chứng vào bài tự nhiên, sinh động, gắn với thực tiễn đời sống.

- Xây dựng các nhân vật của hoạt động giáo dục, một thầy giáo và một HS.

- Sử dụng đại từ nhân xưng “tôi”, “ta” hợp lí, gắn kết được nội dung mang tính khái quát và kiến thức mang tính trải nghiệm cá nhân, kinh nghiệm của bản thân người viết, làm cho lập luận thêm thuyết phục.

Nội dung: Những lợi ích của việc đi bộ:

- Thoả mãn nhu cầu thưởng ngoạn tự do.

- Mở rộng tầm hiểu biết về cuộc sống.

- Tạo niềm vui cho con người.

*** Báo cáo kết quả:** Hs trả lời

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

1. Nghệ thuật:

2. Nội dung:

*** Ghi nhớ / 102.**

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

b. Nội dung: giải thích được nhan đề.

c. Sản phẩm: hs làm vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Nhận xét về cách đặt tên văn bản của tác giả?

- HS: tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* làm việc cá nhân

- *Giáo viên:* quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết

*** Dự kiến sản phẩm:**

*** Báo cáo kết quả:** Hs: trình bày miệng

*** Đánh giá kết quả:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(2P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HĐ cá nhân

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **GV:** ? Viết đoạn văn trình bày luận điểm: “Đi bộ ngao du tốt cho sức khỏe”

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- *Học sinh:* trả lời

- *Giáo viên:* hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

*** Dự kiến sản phẩm:** bài viết của Hs

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Tìm các tài liệu nói về lợi ích của việc đi bộ.

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

ÔN TẬP VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:** hệ thống lại các văn bản đã học ở lớp 8.

2. **Năng lực:**

a. **Năng lực chung:** Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,...

b. **Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản.

3. **Phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Giáo dục tinh thần rèn luyện thân thể, ý thức đi bộ và quan sát....

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, phiếu học tập.

2. **Chuẩn bị của học sinh:** soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ôn định lớp:**

2. **Ôn tập:**

Nêu tác giả, khái quát nội dung và nghệ thuật của các văn bản đã học ở HKII:

I. Thơ trữ tình:

1. **Nhớ rừng:**

a. Tác giả:

- Thế Lữ (1907 – 1989) – tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ – quê ở Bắc Ninh.
- Là nhà thơ tiêu biểu trong pt Thơ mới (1932 – 1945).
- Được Nhà nước tặng giải thưởng HCM về VHNT.
- Đặc điểm phong cách thơ Thế Lữ: Giọng thơ biến hoá du dương, lời cuốn. í thơ

rộng mở, giọng thơ mượt mà đầy màu sắc. hình tượng thơ đa dạng, chan hoà tình thơ, đạt dào về cái đẹp, cái đẹp của âm nhạc, mỹ thuật, vẻ đẹp của nhan sắc thiếu nữ và tình yêu...

Thế Lữ (1907-1989) là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào thơ mới.

Xuất xứ: Viết năm 1934, in trong tập “Mấy vần thơ” (1935).

Thơ mới: một phong trào thơ có tính chất lãng mạn của tầng lớp trí thức trẻ từ năm 1932 đến năm 1945. Ngay từ giai đoạn đầu, Thơ mới đã có nhiều đóng góp cho văn học, nghệ thuật của nước nhà. *Nhớ rừng* là bài thơ viết theo thể thơ 8 chữ hiện đại. Sự ra đời của bài thơ góp phần mở đường cho sự thắng lợi của phong trào Thơ mới.

b. Giá trị về nội dung & NT:

- “Nhớ rừng” là bài thơ tiêu biểu nhất của Thế Lữ và của phong trào Thơ mới, được sáng tác vào năm 1934, lần đầu đăng báo, sau đó in trong tập “Mấy vần thơ”.

- Mượn lời con hổ ở vườn bách thú với nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng và niềm khao khát tự do, được sống đúng với bản chất của mình, tác giả đã thể hiện tâm sự u uất và niềm khao khát tự do mãnh liệt, cháy bỏng của con người bị giam cầm nô lệ. Bài

thơ đã khơi dậy tình cảm yêu nước, niềm uất hận và lòng khao khát tự do của con người VN khi đang bị ngoại bang thống trị. Phảng phất trong bài thơ có nỗi đau thâm kín của Thế Lữ và cũng là của những người thanh niên thuở ấy trước cảnh nước mất nhà tan.

2. *Quê hương*:

a. Tác giả:

- Tế Hanh – tên khai sinh là Trần tế Hanh, sinh 1921, quê Quảng Ngãi, hiện đang sống ở Hà Nội.

- Ông tham gia cách mạng từ tháng 8/1945, tham gia nhiều khoá Ban Chấp Hành Hội Nhà văn...

- Xuất bản nhiều tập thơ, tiểu luận, thơ viết cho thiếu nhi, dịch nhiều tập thơ của các nhà thơ lớn trên thế giới.

- Ông nhận nhiều giải thưởng về văn học.

Tế Hanh (1921- 2009) đến với Thơ mới khi phong trào này đã có rất nhiều thành tựu. Tình yêu quê hương tha thiết là điểm nổi bật của thơ Tế Hanh.

Quê hương được in trong tập *Nghẹn ngào* (1939), sau in lại ở tập *Hoa niên* (1945).

Ý nghĩa văn bản:

Bài thơ là bày tỏ của tác giả về một tình yêu tha thiết đối với quê hương làng biển

b. Giá trị về nội dung & NT:

- Sáng tác khi Tế Hanh sống xa quê. Những h/a về làng chài và những người dân chài đều được tái hiện từ nỗi nhớ của nhà thơ nên rất gợi cảm và sinh động.

- Vẻ đẹp của bài thơ thể hiện ở chất thơ bình dị nhưng tràn ngập cảm xúc. Nhà thơ viết về quê hương với tình cảm thiết tha, từ niềm tự hào về 1 miền quê tươi đẹp, có những đoàn thuyền, những người trai mạnh mẽ đầy sức sống, đương đầu với sóng gió trùng dương vì c/s, niềm vui và hp của làng chài.

3. *Khi con tu hú*:

a. Tác giả:

- Tố Hữu – tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành – quê Thừa Thiên.

- Sinh ra trong một gia đình nhà Nho nghèo, từ sáu, bảy tuổi đã làm thơ. Giác ngộ và tham gia cách mạng từ rất sớm.

- Tố Hữu đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng của Đảng và chính quyền: Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư BCH TƯ Đảng, Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

- Xuất bản nhiều tập thơ, tiểu luận.

- Nhận nhiều giải thưởng về VHNT.

Tố Hữu (1920 – 2002) quê Thừa Thiên – Huế. Được giác ngộ trong phong trào học sinh, sinh viên. Với nguồn cảm hứng lớn là lí tưởng cách mạng, thơ Tố Hữu trở thành lá cờ đầu của nền thơ ca cách mạng Việt Nam.

Khi con tu hú ra đời khi tác giả đang bị giam cầm trong nhà lao Thừa Phủ, được in trong tập *Từ ấy*- tập thơ đầu tiên của Tố Hữu (1939).

b. Giá trị về nội dung & NT:

- Bài thơ lục bát được sáng tác khi ông đang bị địch giam trong nhà lao Thừa Phủ (Huế) 7. 1939, sau đó được in trong tập: *Từ ấy*.

- Bài thơ nói lên nỗi nhớ quê nhà khi mùa hè đã đến, đồng thời thể hiện niềm uất hận và lòng khao khát tự do của người chiến sĩ cách mạng đang bị cùm trói trong nhà tù đế quốc.

4. *Tức cảnh Pác Bó:*

a. Tác giả: Hồ Chí Minh (1890 – 1969): nhà văn, nhà thơ, chiến sĩ cách mạng, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới.

b. Tác phẩm:

- Hoàn cảnh sáng tác: Tháng 2. 1941, sau 30 năm bôn ba hoạt động cm ở nước ngoài, Bác Hồ trở lại Trung Quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước. Người sống và làm việc trong hoàn cảnh hết sức gian khổ: ở trong hang Pác Bó – một hang núi nhỏ sát biên giới Việt – Trung (Hà Quảng – Cao Bằng); thường phải ăn cháo ngô, măng rừng thay cơm; bàn làm việc là một phiến đá bên bờ suối cạnh hang được người đặt tên là suối Lê-nin. Bài thơ được Bác sáng tác trong hoàn cảnh này. Tức cảnh Pác Bó: được viết theo thể thơ tứ tuyệt, ra đời tháng 02 – 1941.

- Bài thơ được viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, giọng điệu tự nhiên, thoải mái, pha chút vui đùa hóm hỉnh, tất cả toát lên một cảm giác vui thích, sảng khoái. (- Có tính chất ngắn gọn, hàm súc.- Vừa mang đặc điểm cổ điển, truyền thống vừa có tính chất mới mẻ.- Có lời thơ bình dị pha giọng đùa vui, hóm hỉnh.- Tạo được tứ thơ độc đáo, bất ngờ, thú vị và sâu sắc.)

Ý nghĩa văn bản: Bài thơ thể hiện cốt cách, tinh thần Hồ Chí Minh luôn tràn đầy niềm lạc quan, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng.

5. *Ngắm trăng, Đi đường:*

a. Tác giả: Hồ Chí Minh.

b. Tác phẩm:

* Giới thiệu: “Ngục trung nhật kí” (Nhật kí trong tù):

- Gồm 133 bài thơ chữ Hán, phần lớn là thơ thất ngôn tứ tuyệt. Tập nhật kí bằng thơ được HCM viết trong một hoàn cảnh đặc biệt từ tháng 2/1942 đến 9/1943 khi Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam một cách vô cớ, đầy đoạ khắp các nhà tù ở tỉnh Quảng Tây – TQ.

Quảng Tây giải khắp mười ba huyện

Mười tám nhà lao đã ở qua.

(Đến phòng chính trị chiến khu IV)

- Nhật kí trong tù phản ánh một dũng khí lớn, một tâm hồn lớn, một trí tuệ lớn của người chiến sĩ vĩ đại. Nó cho thấy một ngòi bút vừa hồn nhiên giản dị, vừa hàm súc sâu sắc. Chất thép và chất tình, màu sắc cổ điển và tính chất hiện đại, bình dị kết hợp một cách hài hoà.

- Nhật kí trong tù có tác dụng bồi dưỡng lòng yêu nước, tinh thần và nhân sinh quan cách mạng cho thế hệ trẻ chúng ta.

- Trong bài “Đọc thơ Bác”, thi sĩ Hoàng Trung Thông viết:

Ngục tối trong tim càng cháy lửa

Xích xiềng không khoá nổi lời ca.

Trăm sông ngòi núi chân không ngã,

*Yêu nước, yêu người, yêu cỏ hoa...
...Vần thơ của Bác vần thơ thép
Mà vẫn mềm mông bát ngát tình.*

*** Ngắm trăng:**

- Là bài thứ 21 trong tập NKTT, được viết theo thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, giọng điệu tự nhiên, thoải mái, pha chút vui đùa hóm hỉnh, tất cả toát lên 1 cảm giác vui thích, sảng khoái.

- Bài thơ ghi lại cảnh ngắm trăng, qua đó thể hiện tình yêu trăng, yêu thiên nhiên, tinh thần lạc quan yêu đời và phong thái ung dung của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đầy.

Bài thơ được sáng tác trong ngục tù của Tưởng Giới Thạch, in trong tập “*Nhật kí trong tù*”.

Bài thơ được viết bằng chữ Hán, thể thơ tứ tuyệt, thể hiện tình yêu thiên nhiên và phong thái ung dung của Hồ Chí Minh.

Nghệ thuật :

- Nhà tù và cái đẹp, ánh sáng và bóng tối nhà tù, vàng trăng và người nghệ sĩ lớn, thế giới bên trong và ngoài nhà tù,... sự đối sánh tương phản vừa có tác dụng thể hiện sức hút của những vẻ đẹp khác nhau ở bài thơ này, vừa thể hiện sự hô ứng, cân đối thường thấy trong thơ truyền thống.

- Tài năng Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn ngôn ngữ thơ.

Ý nghĩa văn bản:

Tác phẩm thể hiện sự tôn vinh cái đẹp của tự nhiên, của con người bất chấp hoàn cảnh tù ngục.

*** Đi đường:**

- Là bài số 30 trong tập thơ NKTT.

- Bài thơ nói lên những suy ngẫm của tác giả về đường đời vô cùng gian lao vất vả, luôn luôn đứng trước bao thử thách khó khăn, phải có dũng khí và quyết tâm vượt lên để giành thắng lợi. Con đường ở đây mang hàm nghĩa là con đường c/m

Hoàn cảnh ra đời: trong thời gian Hồ Chí Minh bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giữ (từ tháng 8 – 1942 đến tháng 9 – 1943.

Ý nghĩa triết lí .

- Con đường cách mạng nhiều thử thách chông gai nhưng chắc chắn sẽ có kết quả tốt đẹp.

- Người cách mạng phải rèn luyện ý chí kiên định, phẩm chất kiên cường.

Nghệ thuật :

- Kết cấu chặt chẽ, lời thơ tự nhiên, bình dị, gợi hình ảnh và giàu cảm xúc.

- Tác dụng nhất định của bản dịch thơ trong việc chuyển dịch một bài thơ viết bằng chữ Hán sang tiếng Việt.

Ý nghĩa văn bản:

Đi đường viết về việc đi đường gian lao, từ đó nêu lên triết lí về bài học đường đời, đường cách mạng: vượt qua gian lao sẽ tới thắng lợi vẻ vang.

II. Văn nghị luận:

1. Chiều dài đời:

a. Tác giả: Lý Công Uẩn (974-1028) – tức Lý Thái Tổ, người châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang – Nay là xã Đình Bảng – Từ Sơn – Bắc Ninh. Thuở nhỏ ông được học chữ, học võ nghệ ở các chùa nổi tiếng vùng Kinh Bắc. Sau đó ông trở thành võ tướng của triều Lê, từng lập được nhiều chiến công, làm đến chức Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ. Ông là người tài trí, đức độ, kín đáo, nhiều uy vọng, được quân sĩ và tầng lớp sư sãi tín phục.

Năm 1009, Lê Ngọa Triều chết, ông được quần thần và nhiều vị Thiền sư ủng hộ, tôn lên làm vua, mở đầu triều đại nhà Lý (1009-1225)

Lý Công Uẩn(974-1028) tức Lý Thái Tổ, vị vua khai sáng triều Lý, là vị vua anh minh, có chí lớn và lập nhiều chiến công.

b. Tác phẩm:

***Chiếu:** là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh cho thần dân biết về 1 chủ trương lớn, chính sách lớn của nhà vua và triều đình. Chiếu có ngôn từ trang trọng, tôn nghiêm, được viết bằng thể văn xuôi cổ, thường có đối và có vần (văn biền ngẫu).

Chiếu dời đô được viết bằng chữ Hán, ra đời gắn liền với sự kiện lịch sử trọng đại: thành Đại La(Hà Nội ngày nay) trở thành kinh đô của nước Đại Việt dưới triều Lý và nhiều triều đại phong kiến Việt Nam. Chiếu: là thể văn do vua dùng để ban bố mệnh lệnh.

** Chiếu dời đô (viết bằng chữ Hán – Bản dịch của Nguyễn Đức Vân):*

Năm 1010, Lý Công Uẩn – tức vua Lý Thái Tổ, viết *Thiên đô chiếu* trong h/c đất nước thái bình thể hiện mong muốn dời đô từ Hoa Lư – Ninh Bình ra thành Đại La rộng lớn, thuận tiện cho việc mở mang và củng cố, bảo vệ đất nước, sau đổi tên là Thăng Long.

Chiếu dời đô là 1 văn kiện có ý nghĩa lịch sử to lớn. Nó đánh dấu sự vươn dậy, ý chí tự cường của dt ta. Nó thể hiện sự lớn mạnh của đất nước ta, nhân dân ta trên con đường xây dựng 1 chế độ phong kiến tập quyền hùng mạnh để bảo vệ nền độc lập, tự chủ của Đại Việt. Nó mở ra 1 kỉ nguyên mới, kỉ nguyên Thăng Long huy hoàng.

Tuy là 1 bài chiếu có ý nghĩa ban bố mệnh lệnh nhưng Chiếu dời đô lại có sức thuyết phục bởi nó hợp với lẽ trời, lòng dân. Tác giả đã sử dụng 1 hệ thống lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, giọng điệu mạnh mẽ, khoẻ khắn để thuyết phục dân chúng tin và ủng hộ kế hoạch dời đô của mình.

Hình thức :

-Gồm có bố cục 3 phần chặt chẽ.

-Giọng văn trang trọng, thể hiện suy nghĩ, tình cảm sâu sắc của tác giả về một vấn đề hết sức quan trọng của đất nước.

- Lựa chọn ngôn ngữ có tính chất tâm tình, đối thoại:

+ Là mệnh lệnh nhưng *Chiếu dời đô* không sử dụng hình thức mệnh lệnh.

+ Câu hỏi cuối cùng làm cho quyết định của nhà vua được người đọc, người nghe tiếp nhận, suy nghĩ và hành động một cách tự nguyện.

Ý nghĩa văn bản:

Ý nghĩa lịch sử của sự kiện dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long và nhận thức về vị thế, sự phát triển đất nước của Lý Công Uẩn.

2. Hịch tướng sĩ:

a. Tác giả: Trần quốc Tuấn (1231 ? – 1300), là con của An Sinh Vương Trần Liễu, tước Hưng Đạo Vương. Năm 1257, lần đầu tiên quân Mông cổ sang đánh nước ta, ông đã được

cử cầm quân trấn giữ biên thủy phía Bắc. Hai lần sau, năm 1285 và 1287, quân Mông nguyên lại đem quân sang XL nước ta, ông lại được Trần Nhân Tông cử làm tiết chế thống lĩnh các đạo quân, cả 2 lần đều thắng lợi vẻ vang. Trần Quốc Tuấn yêu người hiền, trọng kẻ sĩ, môn khách của ông có những người nổi tiếng như Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu... Đời Trần Anh Tông, ông về trí sĩ ở Vạn Kiếp (Nay là xã Hưng Đạo - Chí Linh – Hải Dương) rồi mất ở đó. Nhân dân tôn thờ ông là Đức Thánh Trần và lập đền thờ ở nhiều nơi trên đất nước.

Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (1231?-1300) là một danh tướng đời Trần có công lớn trong ba cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

Hịch là thể văn chính luận trung đại, có kết cấu chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, dùng để khích lệ tình cảm, tinh thần đấu tranh chống kẻ thù .

- “Hịch tướng sĩ” được Trần Quốc Tuấn viết để kêu gọi tướng sĩ học tập Binh thư yếu lược, sẵn sàng đối phó với âm mưu của giặc Mông-Nguyên xâm lược nước ta lần hai (1285).

Hình thức :

- Lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, luận điểm rõ ràng, luận cứ chính xác .
- Sử dụng phép lập luận linh hoạt (so sánh, bác bỏ ...) chặt chẽ (từ hiện tượng đến quan niệm, nhận thức ; tập trung vào một hướng nhiều phương diện).
- Sử dụng lời văn thể hiện tình cảm yêu nước mãnh liệt, chân thành, gây xúc động trong người đọc .

Ý nghĩa văn bản:

“Hịch tướng sĩ” nêu lên vấn đề nhận thức và hành động trước nguy cơ đất nước bị xâm lược.

b. Tác phẩm:

***Hịch tướng sĩ** là bài văn nghị luận bằng chữ Hán, được viết trước khi xảy ra cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ 2 (1285). TQT viết bài hịch này để thức tỉnh lòng yêu nước và lòng căm thù giặc, đồng thời khích lệ tướng sĩ học tập Binh thư yếu lược, cổ vũ tinh thần hăng say luyện tập quân sự, quyết chiến thắng kẻ thù xâm lược.

3. Nước Đại Việt ta:

a. Tác giả:

Nguyễn Trãi là bậc anh hùng dân tộc, một nhân vật toàn tài hiếm có nhưng lại phải chịu những oan khiên thảm khốc.

Nhà thơ, nhà văn kiệt xuất, danh nhân văn hoá thế giới, có những đóng góp lớn cho sự phát triển của văn hoá, văn học dân tộc.

- Nguyễn Trãi (1380 – 1442), hiệu ức Trai, quê ở Chi Ngại (CL-HD), cha là Nguyễn Phi Khanh, mẹ là Trần Thị Thái – con Trần Nguyên Đán – 1 quý tộc đời Trần.

- Là người có công lớn trong cuộc kn Lam Sơn.

- Đất nước thái bình, ông hăng hái giúp vua thì xảy ra việc vua chết đột ngột ở Trại Vải (Lệ Chi Viên – Bắc Ninh). Bọn gian thần trong triều vu cho ông âm mưu giết vua, khép vào tội chu di tam tộc năm 1442. Nỗi oan tày trời ấy, hơn 20 năm sau, năm 1464, mới được vua Lê Thánh Tông giải toả, cho sưu tầm lại thơ văn ông và tìm người con trai sống sót cho làm quan.

- Dâng *Bình Ngô sách* với chiến lược tâm công.
- Thừa lệnh Lê Lợi soạn thảo công văn giấy tờ, thư từ giao thiệp với quân Minh; cùng Lê Lợi và các tướng lĩnh bàn bạc quân mưu.
- Kháng chiến thắng lợi, thừa lệnh Lê Lợi viết *Bình Ngô sách*.
- Là nhà yêu nước, anh hùng dân tộc, văn võ song toàn, danh nhân văn hoá thế giới.

b. Tác phẩm:

- Văn chính luận có vị trí quan trọng trong sự nghiệp thơ văn của Nguyễn Trãi.
- Năm 1428 cuộc kháng chiến chống giặc Minh xâm lược của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi. *Bình Ngô đại cáo* đã được Nguyễn Trãi soạn thảo và công bố ngày 17 tháng chạp năm Đinh Mùi (đầu năm 1428)

Cáo : Thể văn chính luận có tính chất quy phạm chặt chẽ thời trung đại, có chức năng công bố kết quả một sự nghiệp của vua chúa hoặc thủ lĩnh; có bố cục 4 phần, đoạn trích thuộc phần đầu của bài *Bình Ngô đại cáo*.

"*Nước Đại Việt ta*" là một đoạn trích tiêu biểu trong áng thiên cổ hùng văn *Bình Ngô đại cáo* có nội dung tư tưởng sâu sắc.

Hình thức :

Đoạn văn tiêu biểu cho nghệ thuật hùng biện của văn học trung đại:

- Viết theo thể văn biền ngẫu.
- Lập luận chặt chẽ, chứng cứ hùng hồn, lời văn trang trọng, tự hào.

Ý nghĩa văn bản:

Nước Đại Việt ta thể hiện qua niềm tự hào tiến bộ của Nguyễn Trãi về Tổ quốc , và có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập.

Bình Ngô đại cáo: Do Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi soạn thảo đầu năm 1428, công bố cuộc kháng chiến chính nghĩa của quân LS chống giặc Minh đã kết thúc thắng lợi, mở ra 1 kỉ nguyên thanh bình độc lập của đất nước.

- *Nước Đại Việt ta*: Là đoạn văn trích phần mở đầu bài cáo.
- Đoạn văn trích có ý nghĩa nêu tiêu đề chính nghĩa cho toàn bài. Nguyễn Trãi đã khẳng định 2 chân lí làm nền tảng để phát triển nội dung bài cáo: Tự hào nhân nghĩa và chân lí về sự tồn tại độc lập có chủ quyền củ dt Đại Việt.
- Với cách lập luận chặt chẽ và hùng hồn, đoạn trích có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập: Nước ta là 1 nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, có phong tục riêng, có chủ quyền riêng, có truyền thống lịch sử; kẻ XL là phản nhân nghĩa, nhất định thắng lợi.

4. Bàn luận về phép học:

a. Tác giả:

- Nguyễn Thiếp (1723 – 1804) – Hà Tĩnh. Tự là Khải Xuyên, hiệu là Lạp Phong Cư Sĩ – La Sơn Phu Tử.
- Là người thiên tư sáng suốt, học rộng hiểu sâu, từng đỗ đạt, làm quan dưới triều Lê, sau từ quan về dạy học.
- *La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp* (1723 – 1804) quê ở Hà Tĩnh, là người học rộng, hiểu sâu , đỗ đạt dưới triều Lê và được người đời kính trọng.

- Đoạn trích là một phần bản tấu của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung khi ông vào Phú Xuân hội kiến với nhà vua.
- Giống với các thể loại khác (khải, sớ ...) tấu là thể loại văn thư của bề tôi được viết bằng văn xuôi, văn vần hoặc biền ngẫu, trình lên vua chúa kiến nghị, đề nghị của mình.

b. Tác phẩm:

- Trích trong bài tấu của Nguyễn .Thiếp gửi vua Quang Trung 8-1791.
- Tấu là 1 loại văn thư của bề tôi, thần dân gửi lên vua chúa để trình bày sự việc, ý kiến, đề nghị.
- Với cách lập luận chặt chẽ, bài “Bàn luận về phép học” giúp ta hiểu được mục đích của việc học để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần làm hưng thịnh đất nước, chứ không phải cầu danh lợi. Muốn học tốt, phải có phương pháp học đúng đắn, học cho rộng nhưng phải nắm cho gọn, học phải đi đôi với hành.

Nghệ thuật:

- Lập luận: đối lập hai quan niệm về việc học, lập luận của Nguyễn Thiếp bao hàm sự lựa chọn. Quan niệm, thái độ phê phán ấy cho thấy trí tuệ, bản lĩnh, nhận thức tiên bộ của người trí thức chân chính. Quan niệm ấy vẫn còn có ý nghĩa đối với chúng ta hôm nay.
- Có luận điểm rõ ràng, lí lẽ chặt chẽ, lời văn khúc chiết , thể hiện tấm lòng của người trí thức chân chính đối với đất nước.

Ý nghĩa văn bản:

Bằng hình thức lập luận chặt chẽ, sáng rõ, Nguyễn Thiếp nêu lên quan niệm tiên bộ của ông về sự học.

II. Văn học nước ngoài:

1. Đi bộ ngao du:

a. Tác giả:

Ru – xô (1712-1778) là nhà văn, nhà triết học có tư tưởng tiên bộ nước Pháp ở thế kỷ XVIII.

- Giăng Giắc Ru-xô (1712 – 1778) là nhà văn, nhà tư tưởng lớn của nước Pháp TK 18.

b. Tác phẩm:

Văn bản trích trong tác phẩm “Ê-min hay về giáo dục” và nêu quan điểm muốn ngao du học hỏi, cần phải đi bộ.

- Tác phẩm Ê-min hay Về giáo dục (1762), Ru-xô bàn về chuyện giáo dục một em bé từ lúc sơ sinh cho đến lúc trưởng thành qua câu chuyện về chú bé Ê-min.

- Để chứng minh muốn ngao du cần phải đi bộ, tg dùng những lí lẽ và thực tiễn c/s mà bản thân đã trải qua để tạo nên lập luận chặt chẽ, sinh động, có sức thuyết phục. Qua bài văn, có thể thấy rõ tác giả là một con người giản dị, quý trọng tự do và yêu mến thiên nhiên.

Nghệ thuật:

- Đưa dẫn chứng vào bài tự nhiên, sinh động, gắn với thực tiễn cuộc sống .
- Xây dựng các nhân vật của hoạt động giáo dục : một thầy và một học.
- Sử dụng đại từ nhân xưng “tôi”, “ ta” hợp lí, gắn kết được nội dung mang tính khái quát và kiến thức mang tính chất trải nghiệm cá nhân, kinh nghiệm của bản thân người viết, làm cho lập luận thêm thuyết phục.

Ý nghĩa văn bản:

Từ những điều mà “đi bộ ngao du” đem lại như tri thức, sức khỏe, cảm giác thoải mái, nhà văn thể hiện tinh thần tự do dân chủ - tư tưởng tiến bộ của thời đại.

=====

Tiếng Việt
HỘI THOẠI
(Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp HS nắm khái niệm vai XH, lượt lời và biết vận dụng hiểu biết về những vấn đề ấy vào quá trình hội thoại nhằm đạt được hiệu quả cao trong giao tiếp bằng ngôn ngữ.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, cảm thụ văn học
- HS có kĩ năng tìm hiểu, vận dụng những kiến thức về hội thoại vào đời sống giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- HS có ý thức lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ phù hợp hoàn cảnh giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về Hội thoại

b. Nội dung: Hiểu biết của HS về vai xã hội.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: nêu câu hỏi

? Vai xã hội được xác định bởi những quan hệ nào? Để giao tiếp tốt chúng ta phải lưu ý điều gì?

- **HS:** tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ**

- *Học sinh:* trả lời

- *Giáo viên:* quan sát giúp đỡ HS

* **Dự kiến sản phẩm:**

- Quan hệ trên- dưới, ngang hàng.

+ Thứ bậc trong gia đình.

+ Thứ bậc xã hội.

+ Tuổi tác.

- Quan hệ thân- sơ.

- Cần xác định đúng vai của mình để chọn cách nói cho phù hợp.

* **Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

* **Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Trong tiết học trước chúng ta đã tìm hiểu vai xã hội. Xác định được vai xã hội ta sẽ có cách cư xử cho phù hợp. Khi tham gia hội thoại, ai cũng được nói nhưng nói ntn để thể hiện mình là người lịch sự. Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu và nắm được: lượt lời trong hội thoại</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động nhóm tìm hiểu ví dụ</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trong cuộc thoại trên mỗi nhân vật nói bao nhiêu lượt? 2. Em thấy cuộc đối thoại giữa Hồng và bà cô có ai không được nói không? 3. Vậy em hiểu lượt lời là gì? 4. Trong cuộc thoại bao nhiêu lần lẽ ra Hồng được nói nhưng không nói? Sự im lặng ấy thể hiện thái độ của Hồng đối với lời nói của người cô ntn? 5. Vì sao Hồng không cắt lời bà cô nói những điều Hồng không muốn nghe 6. Qua đó ta rút ra chú ý gì khi tham gia hội thoại? 	<p>I. Lượt lời trong hội thoại.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ví dụ: 2. Nhận xét: <p>- Trong cuộc thoại ai cũng được nói.</p>

<p>- HS: tiếp nhận</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Học sinh: làm việc cá nhân.</p> <p>- Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>1. Trong cuộc thoại trên mỗi nhân vật nói: , Các lượt lời của bà cô:</p> <p>1. Hồng! Mày có muốn vào ...không?</p> <p>2. Sao lại không vào? Mợ mày phát tài lắm...đâu!.</p> <p>3. Mày đại quá... em bé chứ.</p> <p>4. Vậy mày hỏi cô Thông – tên người.</p> <p>5. Mấy lại rằm tháng tám này...</p> <p>b, Lượt lời của Hồng:</p> <p>1. Không ! Cháu không muốn vào.</p> <p>2. Sao cô biết mợ con có con.</p> <p>2. - Trong cuộc thoại ai cũng được nói.</p> <p>3. - Mỗi lần có một người tham gia lượt lời hội thoại nó được gọi là một lượt lời.</p> <p>4.- Trong cuộc thoại, lẽ ra Hồng được nói: Lần 1: sau lượt lời (1) của người cô. Lần 2: sau lượt lời (3) của bà cô.</p> <p>- Sự im lặng ấy thể thái độ bất bình của Hồng trước những lời nói thiếu thiện chí của bà cô.</p> <p>5. - Hồng không cắt lời người cô vì Hồng ý thức được rằng Hồng là người thuộc vai dưới cho nên phải kìm chế để giữ thái độ lễ phép của người dưới đối với người trên.</p> <p>6. Qua đó ta thấy: Khi tham gia hội thoại phải tôn trọng lượt lời của người đối thoại, cần tránh nói tranh lượt của người khác hoặc “cướp lời” khi người khác chưa kết thúc lượt lời của họ.</p> <p>* Báo cáo kết quả: Hs trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <p>- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>G: Có những lúc do không tiện nói ra điều mình nghĩ ta có quyền biểu thị thái độ im lặng mà không cần tiếp lời.</p>	<p>- Mỗi lần có một người tham gia hội thoại nói là một lượt lời.</p> <p>- Sự im lặng biểu thị thái độ.</p> <p>- Không ngắt lời để giữ sự tôn trọng người đối thoại.</p> <p>3. Ghi nhớ: sgk.</p>
--	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(23P)

- Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về hội thoại để vận dụng.
- Nội dung:** HĐ cá nhân (bài 4). HĐ cặp đôi (bài 3), HĐ nhóm (bài 1,2).
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm
- Tổ chức thực hiện:**

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: Bài tập 1,2,3
- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm
- Giáo viên: quan sát, hướng dẫn hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

1. Bài tập 1:

HS đọc – h/s khác theo dõi.

a, Số lượt lời tham gia hội thoại:

- Người nói nhiều lượt nhất đó là cai lệ và chị Dậu.
- Người nhà Lí trưởng nói ít hơn.
- Anh Dậu nói với vợ sau khi cuộc xung đột giữa chị Dậu với cai lệ và người nhà Lí trưởng đã kết thúc.
- Cai lệ là kẻ duy nhất cắt lời người khác trong hội thoại.

b, Cách thể hiện vai xã hội:

- Chị Dậu từ chỗ nhún nhường (xưng cháu, gọi cai lệ là “ông”) đã vùng lên kháng cự (xưng tao, gọi cai lệ là mày, đe dọa cai lệ ...).
- Cai lệ lời nói hống hách.
- Người nhà Lí trưởng có phần giữ gìn hơn (gọi vợ chồng anh Dậu là anh, chị xưng tôi). =>

Tính cách mỗi nhân vật:

- Chị Dậu là người phụ nữ đảm đang, yêu thương chồng con, nhẫn nhịn nhưng khi cần vẫn vùng lên quyết liệt.
- Anh Dậu là người cam chịu, bạc nhược.
- Cai Lệ: là kẻ tiểu nhân không có chút tình người.
- Người nhà Lí trưởng: là tên tay sai, theo đám ăn tàn.

2. Bài tập 2:

- Thoạt đầu cái Tí nói rất nhiều, rất hồn nhiên, còn chị Dậu chỉ im lặng. Về sau, cái Tí nói ít hẳn đi, còn chị Dậu nói nhiều hơn.
 - Việc miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật trong cuộc thoại như vậy rất phù hợp : Thoạt đầu, cái Tí rất vô tư vì nó chưa biết sắp bị bán đi, còn chị Dậu thì đau lòng vì buộc phải bán con nên chỉ im lặng.
 - Về sau, cái Tí biết là bị bán nên sợ hãi và đau buồn, ít nói hẳn đi, còn chị Dậu phải nói để thuyết phục cả hai đứa con nghe lời mẹ.
 - Cái Tí hồn nhiên kể về với mẹ nó những việc nó đã làm, khuyên bảo thằng Dần để phần củ khoai to cho bố mẹ, hỏi thăm mẹ ... càng làm cho chị Dậu thêm đau lòng khi gạt nước mắt bảo đứa con ngoan hiền.
- => Tô đậm nổi bật hạnh đang giáng xuống đầu cái Tí

3. Bài tập 3:

Trong đoạn trích có hai lần nhân vật “tôi” im lặng

- Lần 1 : Im lặng vì ngỡ ngàng, hãnh diện, xấu hổ
- Lần 2 : Im lặng vì xúc động trước tâm hồn và lòng nhân hậu của cô em gái

4. Bài tập 4:

- Trong trường hợp phải giữ bí mật, thể hiện sự tôn trọng người đối thoại thì “im lặng là vàng”

- trong trường hợp cần phải phát biểu chứng kiến để ủng hộ cái đúng, phê phán cái sai thì im lặng... sẽ đồng nghĩa với hèn nhát

* **Báo cáo kết quả:**

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3

* **Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(2P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HĐ cá nhân viết đoạn văn.

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- **GV:** Viết một đoạn văn hội thoại ngắn (chủ đề tự chọn), sau đó chỉ rõ lượt lời của các nhân vật.

- **HS:** tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- **Học sinh:** trả lời

- **Giáo viên:** hướng dẫn, nghe HS trình bày.

* **Dự kiến sản phẩm:** bài viết của HS

* **Báo cáo kết quả:** HS trình bày

* **Đánh giá kết quả:**

+ HS khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

* **Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

Tập làm văn

LUYỆN TẬP ĐƯA YẾU TỐ BIỂU CẢM VÀO BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hệ thống kiến thức về văn nghị luận.
- Cách đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận.

2. Năng lực:

a. Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,...

b. Năng lực chuyên biệt: Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Giáo dục ý thức về việc viết văn nghị luận

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ôn định tổ chức lớp:

2. Luyện tập:

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>G chép đề bài. Yêu cầu đọc lại đề bài.</p> <p>HS đọc đề bài.</p> <p>? Để viết được bài văn nghị luận hay, chặt chẽ, logic, chúng ta cần trải qua những bước nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu đề và tìm ý. - Lập dàn ý. - Viết bài. - Sửa bài. <p>? Bài làm cần sáng tỏ vấn đề gì? Cho ai? Cần làm theo kiểu lập luận nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: Nghị luận chứng minh. - Vấn đề: Sự bổ ích của những chuyến tham quan, ... - Phạm vi dẫn chứng: thực tế. <p>? Để làm sáng tỏ vấn đề trên, cách sắp xếp các luận điểm theo trình tự dưới đây đã hợp lí chưa? Vì sao?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các luận điểm đưa ra khá toàn diện, phong phú nhưng thiếu mạch lạc, sắp xếp các ý còn lộn xộn. <p>? Hãy sắp xếp lại hệ thống luận điểm trên cho hợp lí?</p> <p>- e -> d -> a -> c -> b.</p> <p>Cho h/s thảo luận nhóm . Ghi ra bảng phụ.</p> <p>? Dựa vào phần tìm ý, hãy lập dàn bài cho đề bài trên</p> <p>a. Mở bài:</p> <p>Nêu lợi ích của việc đi tham quan.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Về thể chất: những chuyến tham quan, du lịch giúp chúng ta</p>	<p>Đề bài: Sự bổ ích của những chuyến tham quan, du lịch đối với học sinh.</p> <p>I. Tìm hiểu đề và tìm ý:</p> <p>II. Lập dàn bài:</p> <p>a. Mở bài.</p> <p>b. Thân bài:</p>

<p>thêm khoẻ mạnh.</p> <p>* Về tình cảm: những chuyến tham quan du lịch giúp chúng ta:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm thêm được thật nhiều niềm vui mới cho bản thân. - Có thêm tình yêu đối với thiên nhiên, với quê hương đất nước. <p>* Về kiến thức: những chuyến tham quan du lịch giúp chúng ta:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu sâu hơn, cụ thể hơn những điều được học trong trường lớp qua những điều mắt thấy, tai nghe. - Đem lại nhiều bài học còn chưa có trong sách vở của nhà trường. <p>c. Kết bài:</p> <p>Khẳng định tác dụng của hoạt động tham quan (Tham quan du lịch quả thật là hoạt động bổ ích, mọi người cần tích cực tham gia).</p> <p>HS đọc dàn bài.</p> <p>Gọi h/s nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>G đưa ra dàn bài mẫu trên bảng phụ.</p> <p>Gọi h/s đọc lại dàn bài mẫu.</p> <p>HS đọc.</p>	<p>c. Kết bài.</p>
<p>G chép đoạn văn (a) ra bảng phụ. Gọi h/s đọc.</p> <p>Hs đọc đoạn văn.</p> <p>? Xác định các yếu tố biểu cảm trong đoạn văn? Cảm xúc ấy được biểu hiện ntn trong đoạn văn?</p> <p>? Xác định luận điểm trong đoạn văn trên? Đoạn văn ấy nằm ở vị trí nào trong bài văn?</p> <p>? Nếu phải viết đoạn văn cho luận điểm ấy, em cần bày tỏ tình cảm gì?</p> <p>? Vậy đoạn văn trên đã biểu hiện đúng, đủ những tình cảm chưa? Có cần thiết tăng cường yếu tố biểu cảm cho đoạn văn nữa không?</p> <p>? Nếu đưa các từ ngữ biểu cảm: biết bao nhiêu, diệu kì thay, có ai...lại, làm sao có được...có được không? Nên đưa vào</p>	<p>III. Luyện tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Niềm vui sướng, hạnh phúc tràn ngập vì được đi bộ. - Cảm xúc ấy được biểu hiện ở giọng điệu, ở các từ ngữ biểu cảm, câu cảm thán. <p>VD: Biết bao hứng thú, thú vị, vui vẻ, ta hân hoan biết bao, ta thích thú biết bao, ta ngủ ngon giấc biết bao!</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận điểm: Những chuyến tham quan, du lịch đem đến cho ta thật nhiều niềm vui. Đoạn văn nằm ở phần thân bài của bài văn (luận điểm 2). - Cảm xúc trước khi đi, trong khi đi, sau khi về (hồi hộp, náo nức chờ đợi, ngạc nhiên, thích thú, cảm động, hài lòng, nuối tiếc...) nhưng cảm xúc phải chân thật. - Yếu tố biểu cảm đã được thể hiện khá rõ trong đoạn văn qua các từ ngữ và cách xưng hô. <p>VD: Chắc các bạn vẫn chưa quên, không ai trong chúng ta kìm nổi một tiếng reo, tôi để ý thấy, rạng rỡ dần lên , niềm sung sướng ấy</p>

<p>chỗ nào trong đoạn văn?</p> <p>G chép đoạn văn (b) ra bảng phụ. Đọc đoạn văn.</p> <p>? Có thể thay đổi một số câu văn để đoạn văn có thêm sức truyền cảm không? Viết lại đoạn văn cho hợp lí hơn?</p> <p>G chép đoạn văn (b) ra bảng phụ. Đọc đoạn văn.</p> <p>HS viết đoạn văn.</p> <p>? Gọi h/s đọc đoạn văn? (2-3h/s).</p> <p>HS khác nhận xét. (Đoạn văn có yếu tố biểu cảm chưa? Tình cảm biểu hiện chân thành hay khuôn sáo?).</p> <p>G: Tổng kết những ưu, nhược điểm đã đạt được hoặc đề khắc phục sửa chữa.</p>	<p>-> Tuy nhiên vẫn có thể gia tăng yếu tố biểu cảm trong từng câu, từng đoạn thêm phong phú.</p> <p>- Để biểu đạt được tình cảm của mình ta có thể sử dụng các từ ngữ biểu cảm.</p> <p>Không chỉ tăng cường sức mạnh tâm hồn. Bạn còn nhớ cái lần cả lớp mình cùng đến thăm Vịnh Hạ Long không? Hôm ấy, có ai trong chúng ta lại kìm nổi một tiếng reo, khi sau một chặng đường dài,Nỗi buồn kia, điệu kì thay, đã tan đi hẳn như có một phép màu. Làm sao có được niềm sung sướng ấy khi chúng ta suốt năm chỉ quần quanh trong căn nhà, nơi góc phố hay trên con đường mòn quen thuộc?</p>
---	---

3. Dặn dò: ôn tập, làm bài tiếp theo

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

Tiếng Việt

LỰA CHON TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU: hs tiếp tục nắm được

1. Kiến thức: Có một số hiểu biết sơ giản về trật tự từ trong câu, cụ thể: Khả năng thay đổi trật tự từ và hiệu quả diễn đạt của những trật tự từ khác nhau.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản

- HS có kĩ năng lựa chọn trật tự từ khi nói, viết. Năng lực lựa chọn trật tự từ đúng và hay.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- HS có ý thức lựa chọn trật tự từ khi nói, viết phù hợp với yêu cầu phản ánh thực tế và diễn tả tư tưởng, tình cảm của mình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.
- Học liệu: bảng phụ, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Kích thích HS tìm hiểu về **Lựa chọn trật tự từ trong câu**

b. Nội dung: Hiểu biết về trật tự từ trong câu

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: nêu câu hỏi
- ? Nếu lập luận nêu lợi ích của việc đi bộ thì em sẽ chọn trình bày các dẫn chứng nào trc, dc nào sau? Vì sao em chọn cách đó?

- HS: tiếp nhận

* **Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: trả lời
- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

* **Dự kiến sản phẩm:**

- + Đi bộ có rất nhiều lợi ích
- + Đi bộ giúp ta thư giãn, thích đi thì đi, thích dừng thì dừng
- + Đi bộ giúp ta có thời gian quan sát những thứ xung quanh nhiều hơn. Ta nhìn sang trái, ta nhìn sang phải, ta nhìn lên cao

-> Đó là trình tự của hành động

- HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:

+ Nghe câu hỏi và trả lời cá nhân.

- GV dẫn dắt vào bài: Vậy vc sắp xếp ttt như vậy có đúng không ->chúng ta sẽ tìm hiểu qua tiết học ngày hôm nay...

* **Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

* **Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét đánh giá
- >GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Vậy vc sắp xếp ttt như vậy có đúng không - >chúng ta sẽ tìm hiểu qua tiết học ngày hôm nay...

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
---------------------------	--------------------

<p>a. Mục tiêu: Hs hiểu trật tự từ có nhiều cách sắp xếp, mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động nhóm</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p><i>* Chuyển giao nhiệm vụ</i></p> <p>- <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có thể thay đổi trật tự từ trong câu in đậm theo cách nào để ý nghĩa cơ bản không thay đổi? 2. Vì sao tác giả lựa chọn trật tự từ như trong đoạn? 3. Hãy thử chọn một trật tự từ khác và nhận xét? <p>- HS: tiếp nhận</p> <p><i>* Thực hiện nhiệm vụ:</i></p> <p>- <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân.</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs</p> <p><i>* Dự kiến sản phẩm:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có thể thay đổi: 2. Cai lệ gõ đầu roi xuống đất, thét bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ. 3. Cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ, gõ đầu..... 4. Thét bằng giọng khàn khàn của một người hút nhiều xái cũ, cai lệ..... 5. Bằng giọng khàn khàn của người hút ...cũ, cai lệ gõ đầu roi xuống đất, thét..... 6. Bằng giọng khàn khàn củaxái cũ, gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét. 7. Gõ đầu roi xuống đất, bằng giọngxái cũ, cai lệ thét. <p>2. - Việc lặp lại từ “roi” ở ngay đầu câu có tác dụng liên kết câu ấy với câu trước.</p> <p>- Từ “thét” tạo sự liên kết với câu sau.</p> <p>- Việc mở đầu bằng cụm từ “gõ đầu roi xuống đất” nhấn mạnh vị thế xã hội và thái độ hung hãn của cai lệ.</p> <p><i>* Báo cáo kết quả:</i> Hs trả lời</p> <p><i>* Đánh giá kết quả:</i></p> <p>- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>a. Mục tiêu: Hs một số tác dụng của việc sắp xếp trật tự từ trong câu</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động cặp đôi</p>	<p>I. Nhận xét chung.</p> <p>1. Ví dụ:</p> <p>2. Nhận xét:</p> <p>- Trật tự từ là cách sắp xếp từ ngữ trong một câu.</p> <p>- Có nhiều cách sắp xếp trật tự từ trong một câu.</p> <p>- Mỗi cách có hiệu quả diễn đạt riêng.</p> <p>3. Ghi nhớ: sgk</p>
--	--

<p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên: nêu yêu cầu</p> <p>1. Trật tự từ trong những câu in đậm thể hiện điều gì?</p> <p>2. So sánh tác dụng của những cách sắp xếp trật tự từ trong các VD trên?</p> <p>- HS: tiếp nhận</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- Học sinh: làm việc cá nhân.</p> <p>- Giáo viên: quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>1. Trật tự từ trong những câu in đậm thể hiện:</p> <p>VDa: Thể hiện thứ tự trước sau của hoạt động.</p> <p>VDb: “Cai lệ và người nhà Lí trưởng”: thể hiện thứ bậc cao thấp của các nhân vật. (Cai lệ có địa vị xã hội cao hơn người nhà Lí trưởng).</p> <p>- Phản ánh thứ tự xuất hiện của các nhân vật: cai lệ đi trước, người nhà Lí trưởng theo sau.</p> <p>* “Roi song, thước và dây thừng tương ứng với trật tự của cụm từ đứng trước: cai lệ mang roi song, người nhà lí trưởng mang tay thước và dây thừng.</p> <p>2. - Thể hiện thứ tự của sự việc, hành động.</p> <p>- Thể hiện vị thế xã hội của nhân vật.</p> <p>- Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.</p> <p>- Tạo liên kết câu.</p> <p>- Tạo nhịp điệu cho câu.</p> <p>* Báo cáo kết quả: Hs trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <p>- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p>	<p>II. Một số tác dụng của sự sắp xếp trật tự từ:</p> <p>1. Ví dụ:</p> <p>2. Nhận xét:</p> <p>- Thể hiện thứ tự trước sau của hoạt động.</p> <p>- Thể hiện thứ bậc cao thấp của các nhân vật.</p> <p>- Phản ánh thứ tự xuất hiện của các nhân vật.</p> <p>- Liên kết với những câu khác trong đoạn văn.</p> <p>- Đảm bảo sự hài hoà về mặt ngữ âm.</p> <p>3. Ghi nhớ: sgk</p>
---	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (23P)

- a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về hội thoại để vận dụng.
- b. Nội dung:** HĐ nhóm làm các bài tập
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm
- d. Tổ chức thực hiện:**
- * Chuyển giao nhiệm vụ:**
- GV: Bài tập sgk
- HS: tiếp nhận
- * Thực hiện nhiệm vụ:**
- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm

- *Giáo viên:* quan sát, hướng dẫn hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

a, Kể tên các vị anh hùng dân tộc theo thứ tự xuất hiện của các vị ấy trong lịch sử.

b, Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi! Cụm từ “đẹp vô cùng” đặt trước hô ngữ “Tổ quốc ta ơi!” để nhấn mạnh vẻ đẹp của đất nước mới được giải phóng.

- Hò ô: đưa lên trước để bắt vần lưng với “sông Lô”: tạo cảm giác kéo dài, thể hiện sự mê mẩn của sông nước; đồng thời đảm bảo cho câu thơ bắt vần với câu trước (ngạt, hát)

-> Tạo ra sự hài hoà về ngữ âm cho khổ thơ.

c. Lập cụm từ “mật thám” và “đội con gái” tạo sự liên kết với câu đứng trước.

*** Báo cáo kết quả:**

- HS lần lượt báo cáo kết quả

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(2P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: HĐ cá nhân

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV: + Viết đv 4- 6 câu sd ttt (đề tài tự chọn)

+ Giải thích cách sắp xếp ttt

- HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.

*** Dự kiến sản phẩm:** Đi bộ có lợi ích thật là to lớn đối với sức khỏe.

Đi bộ giúp thư giãn cơ thể, lưu thông khí huyết, ăn ngon, ngủ ngon, giảm một số bệnh tật ...

*** Báo cáo kết quả:** Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

+ Hs khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

+ GV đánh giá câu trả lời của HS.

-> GV chốt kiến thức.

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Hãy sưu tầm 4 cách sắp xếp ttt trong vb văn hoặc thơ mà em biết

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

Bài 28- Tiết 115. Tập làm văn.

TRẢ BÀI LUYỆN TẬP VIẾT TẬP LÀM VĂN SỐ 6

I. MỤC TIÊU: giúp Hs

1. Kiến thức: - Nhận rõ những ưu, nhược điểm trong bài viết của mình về nội dung, về hình thức trình bày, qua đó củng cố thêm một bước về thể loại văn thuyết minh.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng hình thành dàn ý bài văn thuyết minh, sử dụng kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong bài văn thuyết minh.

3. Thái độ: Ý thức làm bài một cách nghiêm túc.

4. Năng lực: Phát triển các năng lực như:

+ Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực hợp tác,...

+ Năng lực chuyên biệt: Khả năng phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Lập kế hoạch dạy học, chấm bài

2. Chuẩn bị của học sinh: Nghiên cứu bài học, chuẩn bị theo sự phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Trả bài:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>Hướng dẫn học sinh tìm hiểu đề, xây dựng đáp án <i>? Gọi h/s đọc lại đề bài?</i></p> <p><i>? Yêu cầu h/s xác định y/c của đề bài?</i></p> <p>Yêu cầu: Xác định đúng thể loại: Nghị luận.</p> <p>- Xác định đúng đối tượng nghị luận: quan điểm về mối quan hệ giữa học và hành.</p> <p>- Diễn đạt trong sáng, sinh động.</p> <p>- Câu văn đúng chính tả, đúng ngữ pháp, viết rõ ràng, trình bày sạch đẹp.</p> <p>- HS lập dàn ý, nhận xét, bổ sung và tự chữa bài</p>	<p>I. Đáp án</p> <p>Đề bài: Từ bài “Bàn luận về phép học” của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, hãy nêu suy nghĩ mối quan hệ giữa “học” và “hành”.</p> <p style="text-align: center;">Biểu điểm chấm</p> <p>I. Mở bài: 1đ</p> <p>- "Bàn luận về phép học" là một phần trong bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi cho vua Quang Trung để bàn bạc, tìm cách đổi mới cho phương thức học tập thời bấy giờ. Văn bản nghị luận này không chỉ có giá trị đương thời mà còn ảnh hưởng đến cách học của chúng ta sau này.</p> <p>- Học phải đi đôi với hành. Học phải kết hợp với hành là luận điểm tiến bộ trong bài tấu mà ngày nay chúng ta còn làm theo.</p> <p>- Vậy giữa học và hành có quan hệ như thế nào? Chúng ta cần làm rõ vấn đề trên.</p> <p>II. Thân bài: 7đ</p> <p>1. Giải Thích: (2đ)</p> <p>- Học: là hoạt động của trí óc để tiếp thu những cái mới, những điều chưa biết, học còn là bắt chước những cái hay, cái đẹp của người khác.</p> <p>- Hành: là thực hành, là ứng dụng những gì đã học.</p> <p>=> Tác giả khuyên học phải có hành, nghĩa là học và hành phải đi đôi với nhau. Không thể học mà không đi</p>

đôi với hành và ngược lại: hành mà không học.

2. Tại sao học lại phải đi đôi với hành?(3đ)

- Nếu học chỉ để nhồi nhét 1 mớ kiến thức, sách vở vào đầu thì có ích lợi gì nếu không biết đem những điều đã học ra áp dụng. Học mà không hành như vậy thật là vô ích. Phải biết đem cái học áp dụng vào thực tế thì cái học ấy mới có giá trị. Ngược lại: chỉ hành mà không học theo kiểu: "Trăm hay không bằng hay quen" thì rõ ràng là cực đoan và nguy hiểm.

- Hành mà không học thì làm sao biết được đầy đủ kiến thức về sự vật, sự việc ấy để ứng phó trong mọi trường hợp, mọi lĩnh vực.

- Hành mà không học thì chỉ là sự mò mẫm chẳng khác nào người đi trong đêm tối. Vừa mất thời gian, vừa hỏng việc.

- Rõ ràng kiến thức không phải tự nhiên mà có, tất cả là từ những kinh nghiệm quý báu đã được rút ra từ thực tiễn, có giá trị đúng đắn và được nhiều người chấp nhận. Cho nên hành không thể không học. ý thức được điều này, ông cha ta thường xuyên "học hành, học hỏi, học tập".

- Học, hỏi, hiểu, hành là phương châm mà mọi người cần hướng tới và làm theo nó.

3. Tác dụng(2 đ)

- Phải gắn liền học và hành. Cần hiểu hành ở đây không chỉ là những bài tập áp dụng trong sách vở mà hành còn là những điều đã học phải đem ra áp dụng vào thực tế cuộc sống(Ví dụ: 1 kỹ sư học lý thuyết trong trường, khi về công xưởng anh ta phải biết áp dụng những điều đã học vào thực tế sản xuất, vào cuộc sống.)

- Học để cung cấp kiến thức cho thực hành, giúp cho thực hành dễ dàng hơn.

- Học để đem áp dụng kiến thức đã học vào thực tế. Hành còn củng cố, hoàn chỉnh cho học.

- Là học sinh còn ngồi ghế nhà trường phải biết áp dụng tốt phương châm học này để việc học ngày càng đạt kết quả tốt hơn. Lời khuyên này còn có tác dụng chỉ ra con đường học tập đúng đắn, nhất là đối với 1 số người lười nhác, không chịu thực hành, chỉ muốn rập khuôn theo lý thuyết.

III. Kết bài: 1đ

- Tóm lại qua tư tưởng tiến bộ, Nguyễn Thiệp đã chỉ cho

<p>H lắng nghe -> Tự rút ra kinh nghiệm trong bài viết của mình.</p>	<p>ta thấy được học và hành phải là 2 mặt đồng thời của 1 quá trình học tập. Không được coi nhẹ mặt nào, coi nặng mặt nào.</p> <p>- Bài học cho bản thân em về vấn đề nghị luận trên.</p> <p>II. Nhận xét</p> <p>1, Ưu điểm: Nhìn bài viết đã thể hiện rõ đặc điểm của bài văn nghị luận, bố cục rõ ràng, đầy đủ.</p> <p>- Biết kết hợp sử dụng dẫn chứng, lí lẽ</p> <p>- Bài văn diễn đạt trong sáng, mạch lạc, rõ ràng</p> <p>+ VD: - Giang, Huy - Đào</p> <p>2, Nhược điểm:</p> <p>+ Nắm được cách làm bài văn giải thích nhưng nội dung giải thích chưa rõ ràng, cụ thể từng vấn đề.</p> <p>+ Dẫn chứng đơn điệu, chưa đủ làm sáng tỏ luận điểm.</p> <p>+ Dùng từ ngữ tùy tiện, thiếu chính xác, câu văn tối nghĩa.</p> <p>III. Trả bài: GV trả bài cho HS xem lại</p> <p>IV. Bổ sung và sửa chữa lỗi của bài viết</p> <p>- GV treo bảng phụ ghi lỗi (bài của:</p> <p>- Y/c HS đọc và sửa lỗi</p> <p>* GV cho HS trao đổi hướng sửa chữa các lỗi</p> <p>- Về nội dung: ý và sắp xếp các ý.</p> <p>- Về hình thức: Bố cục, trình bày, diễn đạt, chính tả, ngữ pháp, ...</p> <p>* GV bổ sung, kết luận về hướng và cách sửa lỗi.</p> <p>V. Đọc bài văn hay:</p> <p>- Đọc bài viết tốt của HS :</p> <p>+ VD: - Thành</p> <p>- Hằng</p> <p>VI. Gọi điểm vào sổ</p>
---	---

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

Tập làm văn

TÌM HIỂU CÁC YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hs hiểu được tự sự và miêu tả là hai yếu tố cần thiết trong bài nghị luận. Vì chúng có khả năng giúp người nghe, người đọc nhận thức được nội dung nghị luận một cách rõ ràng.
- Nắm được yêu cầu cần thiết của việc đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài NL.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản

- HS có kĩ năng đưa các yếu tố tự sự, miêu tả vào bài văn nghị luận. Năng lực sử dụng yếu tố TS, MT trong VB nghị luận.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- HS có ý thức dùng các yếu tố tự sự, miêu tả khi làm bài văn nghị luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tranh ảnh tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: soạn bài theo nội dung được phân công.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về *Vai trò của yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận*

b. Nội dung: HĐ cá nhân, HĐ cả lớp

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuyển giao nhiệm vụ:

+ Chỉ ra yếu tố tự sự, miêu tả trong câu sau để nêu thực trạng của vc ăn mặc không lành mạnh của 1 số bạn hs:

Gần đây có bạn trút bỏ chiếc áo sơ mi trắng tinh, mà thay vào đó là chiếc áo lòe loẹt, có in hình ảnh của ca sĩ đang ăn khách để diện đến trường.

- Dự kiến TL:

yếu tố tự sự: *Gần đây có bạnđể diện đến trường*

yếu tố miêu tả: *chiếc áo sơ mi trắng tinh, chiếc áo lòe loẹt, có in hình ảnh của ca sĩ*

- HS: tiếp nhận

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: trả lời

- Giáo viên: quan sát giúp đỡ Hs

* Dự kiến sản phẩm:

* **Báo cáo kết quả:** Học sinh trả lời miệng

* **Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá

- GV nhận xét đánh giá

->GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học:

Vậy khi viết bv nghị luận yt ts và mt đc sd ntn ->chúng ta sẽ tìm hiểu qua tiết học ngày hôm nay.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>a. Mục tiêu: Giúp HS tìm hiểu và nắm được: Yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận.</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động nhóm tìm hiểu VD</p> <p>c. Sản phẩm: phiếu học tập của học sinh</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu</p> <p>1. Hai luận cứ này có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả, hãy chỉ ra hai yếu tố đó ?</p> <p>2. Vì sao đoạn trích a, b sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả nhưng không phải là văn bản tự sự hay miêu tả ?</p> <p>3. Nx vai trò của các yếu tố ts, mt</p> <p>- HS: tiếp nhận</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân.</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>1. Đoạn a: sử dụng yếu tố tự sự kể về thủ đoạn bắt lính của chính quyền thực dân. Đoạn b: sử dụng yếu tố miêu tả, tả lại cảnh khổ sở của người dân bị bắt lính.</p> <p>2. Các yếu tố TS và miêu tả trong 2 đoạn văn trên nhằm làm sáng tỏ vấn đề: tố cáo tội ác của TD Pháp, không nhằm mục đích miêu tả hay kể đơn thuần</p> <p>3. Vai trò: làm cho đv hấp dẫn, sinh động</p> <p>* Báo cáo kết quả: Hs trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <p>- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> nêu yêu cầu</p> <p>1. Tìm những yếu tố t.sự, m.tả trong VB trên và cho biết tác dụng của chúng ?</p>	<p>I. Yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận.:</p> <p>1. Ví dụ:</p> <p>2. Nhận xét:</p>

<p>2. Vì sao tác giả VB trên đã không kể lại đầy đủ và cặn kẽ toàn bộ 2 truyện Chàng Trăng và Nàng Han, mà chỉ tả cụ thể một số h/ả và kể kĩ một số chi tiết trg những câu chuyện ấy ?</p> <p>3. Từ việc tìm hiểu trên, hãy cho biết: khi đưa các yếu tố t.sự và m.tả vào bài văn nghị luận, cần chú ý những gì ?</p> <p>- HS: tiếp nhận</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- <i>Học sinh:</i> làm việc cá nhân.</p> <p>- <i>Giáo viên:</i> quan sát, hỗ trợ hs</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>1. Những yếu tố tự sự và miêu tả:</p> <p>+... rồi cuối cùng biến vào mặt trăng để đêm đêm soi xuống dòng thác Pông gơ nhi những vàng sáng bạc.</p> <p>+Quân nàng liên kết với người kinh, theo cờ lệnh bằng chẵn dẹt chỉ ngũ sắc...</p> <p>2. Tác dụng của chúng là làm rõ luận cứ nói trên: "Riêng Chàng Trăng của DT Mơ nông và Nàng Han của DT Thái là hai truyện có nhiều nét rất giống với truyện Thánh Gióng ở miền xuôi".</p> <p>- Tác giả không kể lại đầy đủ và cặn kẽ toàn bộ hai truyện Chàng Trăng và Nàng Han, vì đây không phải là VB t.sự, mà chỉ chọn những chi tiết và h/ả cần thiết để kể và tả. Những yếu tố t.sự và m.tả nhằm làm rõ luận cứ đã nêu trong bài văn nghị luận.</p> <p>3. Các yếu tố tự sự và mt phục vụ cho luận điểm chứ không làm phá vỡ mạch nghị luận</p> <p>* Báo cáo kết quả: Hs trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <p>- Học sinh: các nhóm nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p>	<p>- Tự sự và miêu tả giúp cho việc trình bày luận cứ rõ ràng, cụ thể sinh động hơn, có sức thuyết phục hơn.</p> <p>- Không nên đưa tràn lan sẽ phá vỡ tính mạch lạc của bài văn.</p> <p>3. Ghi nhớ: sgk/ 116.</p>
---	---

HOẠT ĐỘNG 2: HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP+ VẬN DỤNG: (23P)

- a. Mục tiêu:** Vận dụng hiểu biết về hội thoại để vận dụng.
b. Nội dung: HĐ cặp đôi (bài 1), HĐ nhóm (bài2).
c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS; phiếu học tập của nhóm
d. Tổ chức thực hiện:
** Chuyển giao nhiệm vụ:*
 - GV: Bài tập 1,2
 - HS: tiếp nhận

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm
- Giáo viên: quan sát, hướng dẫn hs

*** Dự kiến sản phẩm:**

1. Bài tập 1:

Tác dụng:

- Không phải là đoạn văn tả cảnh đêm trăng và tâm trạng người tù trong đêm trăng ấy mà mục đích là khắc họa cụ thể hoàn cảnh sáng tác của bài thơ “Vọng nguyệt” và tâm trạng người tù thể hiện trong bài thơ.

<p>Yếu tố tự sự</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sắp trung thu. - Đêm trước rằm đầu tiên từ ngày bị giam giữ Mười mấy....đáng ghét của bộ mặt nhà giam. - Phải ra đi với đêm trăng, phải tìm mình trong nguyệt, phải vui, phải làm thơ... 	<p>Yếu tố miêu tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trời xứ Bắc hắt trong, trăng hắt tròn và sáng. - Bỗng đêm nay trăng sáng quá chùng. - Trong suốt..người tù phải thốt lên .. - Nó ấm áp tình tứ, nó rạo rực....
--	--

2. Bài tập 2:

+ Bắt cần thiết sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự

- Khi phân tích vẻ đẹp trong bài ca dao cần yếu tố miêu tả.
- Nêu vài kỉ niệm về ngắm cảnh đầm sen, chèo thuyền hái sen giữa trời * Báo cáo kết quả:

- HS lần lượt báo cáo kết quả các bài 1, 2, 3

*** Đánh giá kết quả:**

- HS nhận xét, bổ sung đánh giá
- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Hãy sưu tầm 1 đoạn văn nghị luận ngắn khoảng 5 - 7 dòng có sd yt ts và mt có chủ đề khác với chủ đề trong bài học hnay
- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài:

Tiếng Việt

LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU
(Luyện tập)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Vận dụng những kiến thức về trật tự từ trong câu để phân tích hiệu quả diễn đạt của trật tự từ một câu trích từ các tác phẩm VH, chủ yếu là những tác phẩm đã học.
- Viết được một đoạn văn ngắn thể hiện khả năng sắp xếp trật tự từ hợp lí.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản
- HS có kĩ năng đưa các yếu tố tự sự, miêu tả vào bài văn nghị luận. Năng lực lựa chọn TTT để sử dụng trong câu đạt hiệu quả cao.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- HS có ý thức dùng các yếu tố tự sự, miêu tả khi làm bài văn nghị luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu : Sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 2, SGK...

2. Học sinh:

- Soạn bài

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

(3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của học sinh đã biết , giúp học sinh nhận ra cái chưa biết và muốn biết về nội dung bài học
- Học sinh suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về bài thơ, tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh có hứng thú vào bài học.
- Hợp tác khi làm việc.

b. Nội dung: HS nhận xét được cách dùng từ

c. Sản phẩm:

- Học sinh trả lời miệng

d. Tổ chức thực hiện

*** GV chuyển giao nhiệm vụ:**

Cho VD sau:

- VD1: *Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên*
Còn những bí và bầu thì lớn xuống

(Trích Mẹ và quả - Xuân Quỳnh)

H: Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ Lớn lên/ lớn xuống trong 2 câu thơ của Xuân Quỳnh? Có thể thay đổi trật tự của chúng đc ko? Vì sao?

*** Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

- HS tham gia trả lời câu hỏi.

*** Quan sát: GV quan sát, điều khiển HS thảo luận.**

*** Dự kiến sản phẩm:**

2 chữ lớn lên/ lớn xuống đều đc dùng để miêu tả sự phát triển, thay đổi theo thời gian của lũ chúng tôi và bầu/ bí dưới bàn tay chăm sóc của mẹ

- Ko thể thay thế đc vì : lớn lên: cho thấy sự phát triển đi lên của con người theo thời gian: Ngày càng cao hơn so với mặt đất

Lớn xuống: Cho thấy sự phát triển đi lên theo thời gian của bầu và bí: ngày càng gần hơn so với mặt đất(loại cây leo giàn)

*** Đánh giá sản phẩm:**

- Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Gv nhận xét , đánh giá

- Gv gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học.

? Vậy 2 câu thơ Xuân Quỳnh hay là nhờ yếu tố nào? Để tạo nên đc yếu tố ấy, chúng ta cần làm gì?

- HS trả lời

- GV: Vậy phần trình bày của bạn đã đúng và đủ hay chưa? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

- GV nêu mục tiêu bài học:

- Tác dụng diễn đạt của một số sắp xếp trật tự từ.

- Phân tích được hiệu quả diễn đạt của trật tự từ trong văn bản.

- Lựa chọn trật tự từ hợp lí trong nói và viết, phù hợp với hoàn cảnh và mục đích giao tiếp.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35p)

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động 1: CÁC BÀI TẬP SÁCH GIÁO KHOA</p> <p>a. Mục tiêu: HS</p> <p>- Vận dụng những kiến thức đã học, làm đc các bài tập trong sgk</p> <p>- HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.</p> <p>b. Nội dung: Hoạt động cá nhân làm bài tập</p> <p>c. Sản phẩm:</p> <p>- Hoàn thành vào vở ghi</p> <p>d. Tổ chức thực hiện</p> <p>- Gv chia lớp : 4 nhóm</p> <p>- Quy định vị trí ngồi của từng nhóm</p> <p>- Mỗi nhóm sử dụng một loại màu mực</p> <p>- Các nhóm bầu nhóm trưởng và thư ký.</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>Nhóm 1: Làm bài tập 1-2 sgk/ 122/123</p> <p>Nhóm 2: làm bài tập 3 sgk trang 123</p> <p>Nhóm 3: làm bài tập 4- 5 sgk/123-124</p>	<p>1. Bài tập 1:</p> <p>a. Thể hiện thứ tự của các công việc cần phải làm để cổ vũ, động viên, phát huy tinh thần yêu nước của nhân dân.</p> <p>b. Thể hiện thứ tự các việc từ chính đến phụ (Việc làm thường xuyên, hàng ngày kể trước, việc thỉnh thoảng mới làm thì kể sau).</p> <p>2. Bài tập 2:</p> <p>a. Ở tù</p> <p>b. Vốn từ vựng ấy</p> <p>c. Còn 1 can trâu và 1 thúng gạo.</p> <p>d. Trong 10 năm ấy</p> <p>Trong sự thắng lợi ấy</p> <p>-> Tất cả các từ và cụm từ trên đều được đưa lên đầu câu, lặp lại ý của câu trước nhằm để liên kết câu.</p> <p>3. Bài tập 3:</p>

Nhóm 4: làm bài tập 6 sgk /124

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS:

+ Thực hiện hoạt động cá nhân, hoàn thành ra vở nháp

+ Nhóm trưởng điều hành thảo luận nhóm

+ Thư ký ghi ý kiến thống nhất thành sản phẩm nhóm.

- GV: Quan sát HS hoạt động, giúp đỡ khi HS gặp khó khăn.

- Dự kiến SP: các nhóm

Nhóm 1:

BT1:

a. Thể hiện thứ tự của các công việc cần phải làm để cổ vũ, động viên, phát huy tinh thần yêu nước của nhân dân.

b. Thể hiện thứ tự các việc từ chính đến phụ (Việc làm thường xuyên, hàng ngày kể trước, việc thỉnh thoảng mới làm thì kể sau).

2. Bài tập 2:

a. Ổ tù

b. Vốn từ vựng ấy

c. Còn 1 can trâu và 1 thúng gạo.

d. Trong 10 năm ấy

Trong sự thắng lợi ấy

-> Tất cả các từ và cụm từ trên đều được đưa lên đầu câu, lặp lại ý của câu trước nhằm liên kết câu

Nhóm 2: Bài tập 3:

a.

- *Lom khom dưới núi tiêu vài chú*

Lác đác bên sông chợ mấy nhà.

-> Nhấn mạnh sự ít ỏi, thưa thớt của sự sống nơi Đèo Ngang.

- *Nhớ nước đau lòng con quốc quốc*

Thương nhà mỗi miệng cái gia gia.

-> Nhấn mạnh nỗi nhớ nước, thương nhà, nỗi buồn man mác của tác giả.

b. *Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều.*

-> Nhấn mạnh hình ảnh đẹp của anh giải phóng quân.

a.

- *Lom khom dưới núi tiêu vài chú*

Lác đác bên sông chợ mấy nhà.

-> Nhấn mạnh sự ít ỏi, thưa thớt của sự sống nơi Đèo Ngang.

- *Nhớ nước đau lòng con quốc quốc*

Thương nhà mỗi miệng cái gia gia.

-> Nhấn mạnh nỗi nhớ nước, thương nhà, nỗi buồn man mác của tác giả.

b. *Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều.*

-> Nhấn mạnh hình ảnh đẹp của anh giải phóng quân trong cảnh chiều của rừng núi Tây Bắc.

4. Bài tập 4:

a. *Tôi thấy một anh bộ ngựa trịnh trọng tiến vào*

-> Câu miêu tả bình thường.

b. *Tôi thấy trịnh trọng tiến vào một anh bộ ngựa*

-> Cụm chủ-vị ở phần vị ngữ bị đảo trật tự từ-> Nhấn mạnh sự ngạo nghễ, vô lễ của nhân vật.

=> Căn cứ vào văn cảnh, chọn câu b. là phù hợp.

5. Bài tập 5:

- Cách sắp xếp của tác giả:

+ Xanh: màu sắc, đặc điểm bề ngoài (dễ nhận thấy)

+ Nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm: Là những phẩm chất bên trong (phải qua thời gian tìm hiểu thì mới nắm bắt được).

=> Sắp xếp như tác giả là hợp lí vì: Vừa đúc kết những phẩm chất đáng quý của tre theo trình tự nhận thức của con người, vừa tạo sự hài hoà về mặt ngữ âm.

6. Bài tập 6:

Thật không thể tin được nếu ta có cơ hội được đi bộ ngao du mà lại không xem xét những tài nguyên mà ta giẫm

Nhóm 3:

Bài tập 4:

a. *Tôi thấy một anh bộ ngựa trịnh trọng tiến vào*

-> Câu miêu tả bình thường.

b. *Tôi thấy trịnh trọng tiến vào một anh bộ ngựa*

-> Cụm chủ-vị ở phần vị ngữ bị đảo trật tự từ->

Nhấn mạnh sự ngạo nghễ, vô lối của nhân vật.

=> Căn cứ vào văn cảnh, chọn câu b. là phù hợp.

. Bài tập 5:

- Cách sắp xếp của tác giả:

+ Xanh: màu sắc, đặc điểm bề ngoài (dễ nhận thấy)

+ Nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, can đảm: Là những phẩm chất bên trong (phải qua thời gian tìm hiểu thì mới nắm bắt được).

=> Sắp xếp như tác giả là hợp lý vì: Vừa đúc kết những phẩm chất đáng quý của tre theo trình tự nhận thức của con người, vừa tạo sự hài hoà về mặt ngữ âm.

Nhóm 4: Bài tập 6:

- Gọi HS đọc đoạn văn trước lớp.

- Trình bày câu văn đã được sắp xếp trật tự từ và giải thích dụng ý

*** Báo cáo kết quả:**

- Đại diện các nhóm treo sản phẩm, trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- Đại các nhóm nhận xét

- GV đưa câu hỏi bổ sung

- GV nhận xét và chốt ghi bảng

chân lên, bỏ qua những gì mà trái đất đang phô bày trước mắt một cách phong phú. Một điều chắc chắn là những người có vốn tri thức được trau dồi qua những chuyến ngao du sẽ có cái nhìn gần gũi, sâu rộng hơn về vạn vật xung quanh, hiểu sâu rộng hơn, tường tận hơn về thiên nhiên bao la rộng lớn. Không những thế, đi bộ còn mang lại một lợi ích không kém phần quan trọng và qu giá cho những ai tham gia môn thể thao này đó chính là tăng cường sức khoẻ, tính khí trở nên hoà đồng, vui vẻ hơn. Và đi bộ cũng rất tốt cho những ai có những căn bệnh như tim, mạch, cao huyết áp,... Ngoài ra, đối với phái đẹp, đi bộ còn làm cho dáng vẻ cân đối, thon thả. Đặc biệt, đi bộ còn giúp ta có cảm giác khoan khoái, hài lòng với tất cả, không còn thấy buồn bã, cáu kỉnh. Sau mỗi lần đi bộ, ta ăn cảm thấy ngon miệng hơn, ngủ ngon hơn và sâu giấc hơn. Bên cạnh đó, đi bộ không gây tốn kém lại rất dễ thực hiện, thế nên mọi lứa tuổi đều có thể dễ dàng tham gia môn thể thao này. Cũng chính vì vậy, mặc dù ngày nay có rất nhiều môn thể thao mới xuất hiện, hay và hấp dẫn nhưng đi bộ vẫn được mọi người lựa chọn và yêu thích nhất. Đi bộ với những lợi ích kể trên thì không ai trong chúng ta có thể phủ nhận đi bộ rất có lợi đối với đời sống sức khoẻ, tinh thần của con người.

Hoạt động 2: CÁC BÀI TẬP NGOÀI SÁCH GIÁO KHOA

a. Mục tiêu: HS

- Vận dụng những kiến thức đã học, làm được các bài tập ngoài sgk

- HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.

b. Nội dung:

- Hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm:

- Hoàn thành vào vở ghi

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá

- Học sinh đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên đánh giá

d. Tổ chức thực hiện

* Chuyển giao nhiệm vụ:

BT1. Cho văn bản sau:

LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN

Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

BT1.

- kết cấu 3 phần của VB :

MB: nêu lí do kêu gọi toàn quốc

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu quốc đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian khổ kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm

Kháng chiến thắng lợi muôn năm

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 1946

Hồ Chí Minh

H:- chỉ ra kết cấu chặt chẽ của văn bản trên?

- Có thể thay đổi trật tự từ trong câu *Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc* đc hay ko? Vì sao?

BT 2. Cho 2 câu thơ:

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá

Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao

Nhân- Nguyễn Bình Khiêm

H: Em có nhận xét gì về cách dùng từ ngữ thu đông xuân hạ trong 2 câu thơ ? Hiệu quả của cách dùng ấy là gì?

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: Thực hiện hoạt động cá nhân

- GV: Quan sát HS hoạt động, giúp đỡ khi HS gặp khó khăn.

- Dự kiến SP:

BT1.

- Kết cấu 3 phần của VB :

MB: nêu lí do kêu gọi toàn quốc kháng chiến

TB: cách thức kháng chiến và quyết tâm của dân

kháng chiến

TB: cách thức kháng chiến và quyết tâm của dân ta trong kháng chiến

KB: Niềm tin kháng chiến nhất định thắng lợi

- Ko thể thay đổi vì phá vỡ tính liên kết

BT2: cách dùng các từ thu, đông, xuân, hạ: tạo ra 1 bức tranh về 4 mùa/ gợi sự vận động của thời gian khép kín trong năm/ mùa nào thức ấy, cho thấy cuộc sống đạm bạc mà thanh cao của NBK

<p>t trong kháng chiến</p> <p>KB: Niềm tin kháng chiến nhất định thắng lợi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ko thể thay đổi vì phá vỡ tính liên kết <p>BT2: cách dùng các từ thu, đông, xuân, hạ: tạo ra 1 bức tranh về 4 mùa/ gọi sự vận động của thời gian khép kín trong năm/ mùa nào thức ấy, cho thấy cuộc sống đậm bạc mà thanh cao của NBK</p> <p>* Báo cáo kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs trình bày <p>* Đánh giá kết quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS khác nhận xét/ bổ sung - GV nhận xét và chốt ghi bảng 	
--	--

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(5p)

a. Mục tiêu:

- Củng cố, khắc sâu Kt về nội dung bài học.
- Rèn kỹ năng phát hiện, phân tích
- HS có ý thức chủ động vận dụng KT vào hoàn thành bài tập

b. Nội dung:

- Hoạt động cá nhân

c. Sản phẩm:

- Hoàn thành vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện

* Chuyển giao nhiệm vụ:

Viết 1 đoạn văn ngắn về lợi ích của việc đọc sách. Giải thích cách sắp xếp trật tự từ ở 1 câu trong đv vừa viết

* Thực hiện nhiệm vụ:

- HS: Hoàn thành yêu cầu bt vào vở bài tập
- GV: quan sát HS làm bài và giúp đỡ nếu HS gặp khó khăn

* Dự kiến sản phẩm:

Đoạn văn 2: Sách là kho tàng tri thức khổng lồ của nhân loại. Từ xưa, cha ông ta đã lưu lại những hiểu biết phong phú về mọi mặt đời sống xã hội và muôn hình vạn trạng trạng thái vận động của tự nhiên. Và như vậy, sách cung cấp cho ta những tri thức về hầu hết các lĩnh vực của đời sống. Nhờ đó, khi tiếp xúc với sách, con người có cơ hội tiếp xúc với toàn bộ kho tàng văn hoá của văn minh nhân loại. Đọc sách, ta biết về những gì đã xảy ra trong lịch sử loài người. Có xuất phát điểm từ loài vượn thông minh, con người dần gây dựng được những nền văn minh rực rỡ: văn minh Lưỡng Hà, văn minh Ai Cập, văn minh Hi Lạp – La Mã,... và từ đó trải qua bao hình thái kinh tế xã hội phức tạp mới có xã hội văn minh, hiện đại như ngày nay. Đọc sách, ta còn biết về những phát minh có ảnh hưởng quan trọng đến sự tiến bộ xã hội: đèn điện, máy bay, điện thoại,... Đặc biệt, nhờ có sách mà ngày nay, ta

ngồi trong nhà mà có thể biết về mọi nơi trên thế giới, giống với đi du lịch vậy! Đọc sách quả là công việc vô cùng bổ ích vì nó giúp ta hiểu biết thêm về đời sống.

Đoạn văn 2: *Đọc sách là một việc làm cần thiết đối với mọi người, nhất là các bạn học sinh. Sách đã và đang tồn tại ở rất nhiều hình thức khác nhau: ký tự khắc trên đá, trên thẻ tre, in trên giấy,... nhưng đều với mục đích chung là lưu giữ và phổ biến kiến thức của nhân loại. Khi đọc những sách về chủ đề khoa học, lịch sử, địa lý,... chúng ta sẽ biết được thêm nhiều kiến thức mới mẻ về các lĩnh vực trong cuộc sống. Trong thực tế, không chỉ dừng lại ở việc tiếp thu và nâng cao kiến thức, đọc sách còn bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm tốt đẹp, giúp chúng ta hoàn thiện về mọi mặt. Sách giúp chúng ta rèn luyện khả năng tưởng tượng, liên tưởng và sáng tạo. Ngoài ra, việc đọc sách sẽ giúp chúng ta nâng cao khả năng ngôn ngữ của cả tiếng Việt lẫn tiếng nước ngoài. Nhờ những cuốn sách, chúng ta có thể viết đúng chính tả, đúng ngữ pháp và nói năng lưu loát hơn. Hơn nữa, sách còn là người thầy hướng dẫn ta cách sống tốt, cách làm người đúng đắn. Thế nhưng, muốn đạt được những lợi ích đó, mỗi chúng ta phải là những người đọc sáng suốt, biết chọn lựa sách phù hợp với mình và phải biết tránh xa những cuốn sách có nội dung xấu xa, đồi trụy. Tóm lại, việc đọc những cuốn sách hay luôn đem đến cho con người những điều bổ ích và cần thiết trong cuộc sống*

* Báo cáo kết quả:

- HS trình bày

* **Đánh giá kết quả:**

- HS khác nhận xét

- GV nhận xét và chốt ghi bảng/ đọc mẫu cho hs đv về lợi ích của việc đọc sách

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG(1p)

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng KT đã học viết 1 đoạn văn về lòng yêu nước
- Rèn kỹ năng tạo lập đoạn văn bày tỏ cảm xúc, quan điểm cá nhân về 1 vấn đề.

b. Nội dung: HS viết đoạn văn.

c. Sản phẩm:

- Hoàn thành vào vở bài tập

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- Kiểm tra vào buổi học sau

d. Tổ chức thực hiện

* **Chuyển giao nhiệm vụ:**

- Viết 1 đoạn văn ngắn bày tỏ quan điểm của em về lòng yêu nước ?

* **Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ về nhà hoàn thành.

* * **Dự kiến sản phẩm:**

- Đảm bảo đúng hình thức đoạn văn..

* **Đánh giá sản phẩm:**

- Kiểm tra vào tiết học sau.

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- sưu tầm những đoạn văn, câu thơ hay và rút ra bài học về lựa chọn trật tự từ trong câu
- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài:

Bài 29 - Tiết 120. Tập làm văn
LUYỆN TẬP ĐƯA YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ VÀO
BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

I/ MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Củng cố và nắm chắc hơn những hiểu biết về yếu tố tự sự, miêu tả trong văn nghị luận mà các em đã học trong tiết TLV trước.
- Vận dụng các hiểu biết đó để đưa các yếu tố tự sự, miêu tả vào đoạn văn nghị luận, bài văn nghị luận có đề tài gần gũi, quen thuộc.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản
- HS có kĩ năng đưa các yếu tố tự sự, miêu tả vào bài văn nghị luận. Năng lực sử dụng yếu tố TS, MT trong VB nghị luận.

3. Phẩm chất: HS có ý thức dùng các yếu tố tự sự, miêu tả khi làm văn nghị luận.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

1. Giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu : Sách giáo khoa Ngữ văn 8 tập 2, SGK...

2. Học sinh:

- Soạn bài

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU(3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của học sinh đã biết, giúp học sinh nhận ra cái chưa biết và muốn biết về nội dung bài học
- Học sinh suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về bài thơ, tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh có hứng thú vào bài học.
- Hợp tác khi làm việc.

b. Nội dung:

- Hoạt động cặp đôi

c. Sản phẩm:

- Học sinh trả lời miệng

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- HS đánh giá
- GV đánh giá học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

* GV chuyển giao nhiệm vụ:

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù; dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng (trích HTS- TQT)

Đoạn văn gây xúc động cho em về điều gì? Vì sao em lại có sự xúc động ấy?

*** Học sinh tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

- HS tham gia trả lời câu hỏi.

*** Quan sát: GV quan sát, điều khiển HS thảo luận.**

*** Dự kiến sản phẩm:**

- Đoạn văn gây xúc động mạnh mẽ vì đã dựng lên hình ảnh của 1 chủ tướng có lòng căm thù giặc sâu sắc, có tinh thần yêu nước nồng nàn và đầy trách nhiệm đối với đất nước
- Có sự xúc động ấy là do các yếu tố miêu tả, biểu cảm đc sử dụng trong đv

*** Đánh giá sản phẩm:**

- Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Gv nhận xét, đánh giá
- Gv gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học.

Vậy, để 1 bài văn có sức thuyết phục lớn đối với người đọc, cần phải có những yếu tố nào?

- HS trả lời
- GV: Vậy phần trình bày của bạn đã đúng và đủ hay chưa? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.
- GV nêu mục tiêu bài học:
- Hệ thống kiến thức đã học về văn nghị luận.
- Tầm quan trọng của yếu tố tự sự và miêu tả trong bài văn nghị luận.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (35p)

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Hoạt động 1: Luyện tập trên lớp a. Mục tiêu: HS - vận dụng những kiến thức đã học/ làm bài tập trong sgk - HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác. b. Nội dung: HS chuẩn bị ở nhà c. Sản phẩm: - Hoàn thành vào vở ghi	I. Chuẩn bị ở nhà: Đề bài: Trang phục và văn hoá II, Luyện tập trên lớp 1. Định hướng làm bài:

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- Học sinh tự đánh giá
- Học sinh đánh giá lẫn nhau
- Giáo viên đánh giá

d. Tổ chức thực hiện*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

*Đề bài:

Một số bạn đang đua đòi theo những lối ăn mặc không lành mạnh, không phù hợp với lứa tuổi học sinh, truyền thống văn hoá của dân tộc và hoàn cảnh gia đình. Em hãy viết một bài văn nghị luận để thuyết phục các bạn đó thay đổi cách ăn mặc cho đúng đắn hơn.

H: Xác định yêu cầu đề bài của đề bài trên(kiểu bài? / Nội dung nghị luận? ? Phạm vi dẫn chứng)

H: lập dàn ý cho đề bài trên(có những luận điểm/ Luận cứ/ luận chứng nào? Sắp xếp ra sao?)

H: Theo em, có nên đưa các yếu tố TS và MT trong đv sgk/ 125-126 vào quá trình triển khai LD không? Vì sao?

* Gọi HS đọc ví dụ a và b. trong SGK.(Mỗi đoạn văn trình bày 1 LD).

H: Hãy chỉ ra các yếu tố TS và MT trong từng đoạn văn?

H: Từ việc tìm hiểu ví dụ, em thấy nếu lược bỏ các yếu tố TS và MT thì các đoạn văn trên sẽ trở nên ntn? Tác dụng của yếu tố MT và TS là gì

- Thời gian làm việc : 10P

- Kết quả làm việc cá nhân ghi ra vở bằng bút xanh(nếu cần bổ sung kiến thức thì ghi bằng bút đỏ)

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: Thực hiện hoạt động cá nhân
- GV: Quan sát HS hoạt động, giúp đỡ khi HS gặp khó khăn.
- Dự kiến SP
- Kiểu bài : Nghị luận (Giải thích kết hợp chứng minh)
- Vấn đề nghị luận: Trang phục của học sinh và việc chạy đua theo một không phải là học sinh có văn hoá

- Kiểu bài : Nghị luận (Giải thích kết hợp chứng minh)

- Vấn đề nghị luận: Trang phục của học sinh và việc chạy đua theo một không phải là học sinh có văn hoá

- Phạm vi dẫn chứng: Trong đời sống xã hội

2, Xác lập luận điểm

a, Gần đây, cách ăn mặc của một số.....lành mạnh như trước nữa.

b, Việc chạy theo các một ăn mặc ấy có nhiều tác hại (làm mất thời gian.....tốn kém cho cha mẹ)

c, Việc ăn mặc phải phù hợp với thời đại nhưng cũng phải lành mạnh, phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc, lứa tuổi và hoàn cảnh sống.

→ Chọn luận điểm phải phù hợp với vấn đề nghị luận.

3.Sắp xếp các luận điểm

1-a. Gần đây, cách ăn mặc của một số bạn có nhiều thay đổi, không còn giản dị, lành mạnh như trước nữa.

2-c. Các bạn lầm tưởng rằng, cách ăn mặc như thế sẽ làm cho mình trở nên văn minh, lịch sự, sành điệu.

3-b. Việc chạy theo các một ăn như thế làm mất thời gian của các bạn, ảnh hưởng xấu đến kết quả học tập và gây tốn kém cho cha mẹ.

4-e. Việc ăn mặc cần phù hợp với thời đại nhưng cũng cần phải phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc, với lứa tuổi, với hoàn cảnh sống và nói lên...

5- KL: Các bạn cần thay đổi lại trang

- Phạm vi dẫn chứng: Trong đời sống xã hội
- dàn ý:
 - a, Gần đây, cách ăn mặc của một số.....lành mạnh như trước nữa.
 - b, Việc chạy theo các mốt ăn mặc ấy có nhiều tác hại (làm mất thời gian.....tốn kém cho cha mẹ)
 - c, Việc ăn mặc phải phù hợp với thời đại nhưng cũng phải lành mạnh, phù hợp với truyền thống văn hoá của dân tộc, lứa tuổi và hoàn cảnh sống.
- > Có. Vì 2 yếu tố này giúp cho việc trình bày luận cứ trong bài văn được rõ ràng, cụ thể và sinh động hơn. Do đó, có sức thuyết phục mạnh mẽ hơn.
- Việc đưa yếu tố TS và MT vào đoạn văn và bài văn NL là rất cần thiết. Nhưng khi đưa vào, chúng ta phải chú ý đưa 1 cách có chọn lọc, phù hợp với nội dung LD thì mới có hiệu quả.

*** Báo cáo kết quả:**

- Hs trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- HS khác nhận xét/ bổ sung
- GV nhận xét và chốt ghi bảng

Hoạt động 2: Viết đoạn văn nghị luận có sd miêu tả, biểu cảm

a. Mục tiêu: HS

- vận dụng những kiến thức đã học/ làm bài tập trong sgk

- HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.

b. Nội dung: Viết đoạn văn

c. Sản phẩm:

- Hoàn thành vào vở ghi

d. Tổ chức thực hiện

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

Từ việc tìm hiểu VD trong phần hoạt động 1, viết 1 đoạn văn nghị luận bàn về trang phục của hs có sd yếu tố miêu tả và biểu cảm

- Thời gian làm việc : 15P

- Kết quả làm việc cá nhân ghi ra vở bằng bút xanh(nếu cần bổ sung kiến thức thì ghi bằng bút đỏ)

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: Thực hiện hoạt động cá nhân

phục cho lành mạnh, đúng đắn.

4. Phát triển LD, đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào đoạn văn, bài văn NL.

=> Các yếu tố MT và TS làm cho các luận chứng trở nên sinh động, luận điểm được CM rất cụ thể, rõ ràng.

Yếu tố BC: Làm cho LD sâu sắc, lay động lòng người, có sức thuyết phục cao.

II. Viết đoạn văn

Không gì đẹp mắt hơn bằng khi mỗi sáng từng nhóm nữ sinh tung tăng với chiếc áo dài thướt tha đến trường. Vậy mà hiện nay nhiều bạn học sinh nam bắt chước các ca sĩ, nghệ sĩ chạy theo những trang phục kiểu cách. Các bạn hãy luôn nhớ rằng đừng chạy theo bắt chước người khác trong ăn mặc, hãy tiếp thu cái mới nhưng có chọn lọc. Còn về các học sinh nữ, đi ngoài đường, trời nắng nóng, các bạn có thể mặc áo khoác nhưng vào lớp không nên mặc vì nó tạo một cảm giác nóng nực cho không gian chung quanh, cho lớp,

<p>- GV: Quan sát HS hoạt động, giúp đỡ khi HS gặp khó khăn.</p> <p>- Dự kiến SP</p> <p>Ông cha ta đã nói: “Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân”. Ta sẽ đẹp hơn rất nhiều khi ta biết chọn cho mình một trang phục đẹp. Nhưng việc lựa chọn trang phục lại hết sức quan trọng. Trang phục đẹp là trang phục không cầu kì, tuy đơn giản nhưng màu sắc hài hoà, phù hợp với đối tượng, khung cảnh và tùy trường hợp giao tiếp. Trang phục còn thể hiện tính cách. Người có một bộ trang phục đơn giản là người giản dị, không cầu kì. Người có một bộ trang phục hợp thời trang, có sự chăm chút là người thích làm đẹp, quan tâm đến hình thức bên ngoài.</p> <p>* Báo cáo kết quả:</p> <p>- Hs trình bày</p> <p>* Đánh giá kết quả:</p> <p>- HS khác nhận xét/ bổ sung</p> <p>- GV nhận xét và đọc mẫu</p>	<p>cho thầy cô. Mọi người như phát sốt khi thấy các bạn nữ khoác mấy lớp áo, hơn nữa lại không đẹp tí nào bởi vì nó lộn xộn, đủ kiểu áo, đủ màu. Những chiếc áo đó đã che mất bộ đồng phục chiếc áo dài trắng xinh xắn, hồn nhiên, thanh khiết của tuổi học trò, chỉ trừ những ngày se lạnh hoặc sức khỏe có vấn đề thì các bạn mới nên mặc áo khoác trong lớp để bảo vệ sức khỏe. Chắc chắn rằng các bạn nữ sẽ đẹp hơn, thánh thiện hơn. Đặc biệt các bạn học sinh nữ ngày nay rất chuộng những chiếc áo trắng đồng phục được cách điệu quá mức. Còn quần thì ôi thôi đủ kiểu, hết ống loe lại đến ống bó, ống đứng, hết lưng cao lại đến lưng xệ, đầy ngắn. Các bạn hãy hòa nhập, biết chọn lọc cái nào đẹp và phù hợp với lứa tuổi, môi trường, hoàn cảnh của mình, không nên cách điệu đồng phục để trở nên “khác người”.</p>
--	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(5p)

a. Mục tiêu:

- Củng cố , khắc sâu Kt về nội dung bài học.
- Rèn kỹ năng phát hiện, phân tích
- HS có ý thức chủ động vận dụng KT vào hoàn thành bài tập

b. Nội dung: vận dụng kiến thức làm bài tập.

c. Sản phẩm:

- Hoàn thành vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

? Chỉ ra những yếu tố miêu tả, biểu cảm đc sử dụng trong các vd sau và nêu tác dụng của chúng:

a. *Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn,*

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.

(BNĐC- Nguyễn Trãi)

b. *Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lúc một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ. mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kì dị như Chế Lan Viên.... và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu” (Thi nhân Việt Nam)*

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS: Hoàn thành yêu cầu bt vào vở bài tập
- GV: quan sát HS làm bài và giúp đỡ nếu HS gặp khó khăn

*** Dự kiến sản phẩm:**

a. các từ nướng, vùi/ dân đen, con đỏ-> tái hiện tội ác của giặc Minh đối với nhân dân ta / bày tỏ thái độ đau đớn xót xa cũng là lên án, tố cáo của tác giả

b. Các từ chưa bao giờ, rộng mở, , mơ màng, trong sáng, quê mùa, ảo não, thiết tha.....

-> cho thấy sự đa dạng, phong phú trong phong cách sáng tác riêng của các nhà thơ trong phong trào thơ mới

*** Báo cáo kết quả:**

- HS trình bày

*** Đánh giá kết quả:**

- HS khác nhận xét
- GV nhận xét và chốt ghi bảng

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG()

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng KT đã học, viết 1 đoạn văn có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm về tết nguyên đán
- Rèn kỹ năng tạo lập đoạn văn bày tỏ cảm xúc, quan điểm cá nhân về 1 vấn đề.

b. Nội dung: Viết đoạn văn theo yêu cầu.

c. Sản phẩm:

- Hoàn thành vào vở bài tập

4. Phương án kiểm tra đánh giá:

- Kiểm tra vào buổi học sau

d. Tổ chức thực hiện

*** Chuyển giao nhiệm vụ:**

- viết 1 đoạn văn có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm về tết nguyên đán

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ về nhà hoàn thành.

*** * Dự kiến sản phẩm:**

- Đảm bảo đúng hình thức đoạn văn..

*** Đánh giá sản phẩm:**

- Kiểm tra vào tiết học sau.

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Sưu tầm những đoạn văn nghị luận có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm
- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài:

Bài 30.Tiết 122: Tiếng Việt
CHỮA LỖI DIỄN ĐẠT
(Lỗi logic)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Nhận ra lỗi và biết cách sửa lỗi trong những câu được SGK dẫn ra, qua đó trau dồi khả năng lựa chọn cách diễn đạt đúng trong những trường hợp tương tự khi nói, viết.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản
- HS có kĩ năng diễn đạt hợp logic. Năng lực diễn đạt đúng và hay.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- HS có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ để vận dụng vào đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Lập kế hoạch bài học
- Học liệu: phiếu học tập

2. Chuẩn bị của học sinh

- HS: Chuẩn bị SGK, soạn bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (3P)

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

b. Nội dung: Nhận thức của HS về cách diễn đạt của 1 đoạn văn cho trước

c. Sản phẩm: phiếu học tập .

d. Tổ chức thực hiện

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu HS quan sát bảng phụ: 1 đoạn trích từ bài tập làm văn của 1 HS.

- Gọi 1 HS đọc và đặt câu hỏi chung cho lớp:

? Các em có nhận xét gì về cách diễn đạt ở đoạn văn trên?

- Cả lớp cùng quan sát đoạn văn, suy nghĩ để chuẩn bị trả lời

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh suy nghĩ độc lập, trả trả lời câu hỏi GV

- Giáo viên gợi ý để HS trình bày

*** Dự kiến sản phẩm:**

+ Đoạn văn diễn đạt lủng củng.

***Báo cáo kết quả**

GV gọi 1,2 học sinh trình bày nhận xét của mình về đoạn văn tại chỗ. Trong khi bạn trình bày, cả lớp chú ý lắng nghe.

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài.

Trong quá trình tạo lập văn bản nói và viết, chúng ta thường hay mắc lỗi dùng từ do lặp từ, lẫn lộn giữa các từ gần âm hay không hiểu nghĩa của từ. Bên cạnh đó, chúng ta cũng hay mắc lỗi diễn đạt (lỗi lô-gíc).

Tiết học hôm nay cô cùng các em tìm hiểu một số lỗi lô-gíc thường mắc và hướng dẫn các em cách khắc phục các lỗi đó.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (32P)

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động 1 : Phát hiện và sửa lỗi</p> <p>a. Mục tiêu: Giúp học sinh nhận ra lỗi và biết cách sửa chữa lỗi tại những câu được dẫn ra</p> <p>b. Nội dung: tìm hiểu ví dụ</p> <p>c. Sản phẩm:</p> <p>- Phiếu học tập cá nhân và nhóm.</p> <p>d. Tổ chức thực hiện</p> <p>* Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên yêu cầu HS theo dõi các ví dụ trong SGK và thảo luận nhóm câu hỏi sau:</p> <p>? Phát hiện các lỗi sai và sửa lại các câu đó cho đúng?</p> <p>? Giải thích tại sao không thể dùng cách diễn đạt như vậy?</p> <p>- Học sinh tiếp nhận câu hỏi thảo luận</p> <p>* Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Nhóm trưởng điều hành, HS làm việc cá nhân vào phiếu của</p>	<p>I. Phát hiện và sửa lỗi</p> <p>1. Ví dụ (VD SGK)</p> <p>2. Nhận xét.</p>

mình, sau đó thảo luận trong nhóm và thống nhất ý kiến chung vào phiếu học tập.

- Trong quá trình HS thảo luận, giáo viên quan sát, giúp đỡ

*** Dự kiến sản phẩm:**

a. Chúng em đã giúp các bạn học sinh những vùng bị bão lụt quần áo, giày dép và nhiều đồ dùng học tập khác.

Sửa lại:

+ *Chúng em đã giúp các bạn học sinh những vùng bị bão lụt giấy bút, sách vở và nhiều đồ dùng học tập khác.*

+ *Chúng em đã giúp các bạn học sinh những vùng bị bão lụt quần áo, giày dép và nhiều đồ dùng sinh hoạt khác.*

+ *Chúng em đã giúp các bạn học sinh những vùng bị bão lụt quần áo, giày dép và nhiều đồ dùng học tập.*

* Khi viết một câu có kiểu kết hợp “A và B khác” thì A và B phải cùng loại, trong đó B là từ ngữ có nghĩa rộng, A là từ ngữ có nghĩa hẹp.

b. Trong thanh niên nói chung và trong bóng đá nói riêng, niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công.

- *Trong câu không thể diễn đạt là “thanh niên nói chung và bóng đá nói riêng” được, vì “thanh niên và bóng đá” thuộc hai loại khác nhau cho nên không thể kết hợp với nhau như thế được.*

- **Sửa lại:** + *Trong thanh niên nói chung và trong sinh viên nói riêng, niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công.*

+ *Trong thể thao nói chung và trong bóng đá nói riêng, niềm say mê là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công.*

* Khi viết một câu có kiểu kết hợp “A nói chung và b nói riêng” thì A phải là từ ngữ có nghĩa rộng hơn từ ngữ B.

c. “Lão Hạc”, “Bước đường cùng” và Ngô tất Tố đã giúp chúng ta hiểu sâu sắc thân phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945.

Sửa lại: + *“Lão Hạc”, “Bước đường cùng” và “Tắt đèn” đã giúp chúng ta hiểu sâu sắc thân phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945.*

+ *Nam Cao, Nguyễn Công Hoan và Ngô Tất Tố đã giúp chúng ta hiểu sâu sắc thân phận của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945.*

* Khi viết một kiểu câu kết hợp “A, B và C” (các yếu tố có mối quan hệ đẳng lập với nhau) thì A, B, C phải là những từ ngữ thuộc cùng một trường từ vựng, biểu thị những khái niệm thuộc cùng một phạm trù.

d. Em muốn trở thành một người trí thức hay một bác sĩ?

Sửa lại: + Em muốn trở thành một người tri thức hay một thợ thủ?

+ Em muốn trở thành một giáo viên hay một bác sĩ?

* Câu hỏi lựa chọn A hay thì A không bao hàm B và ngược lại.

e. Bài thơ không chỉ hay về nghệ thuật mà còn sắc sảo về ngôn từ.

- Trong câu, A (nghệ thuật) bao hàm B (ngôn từ), trong giá trị nghệ thuật của một tác phẩm văn học có giá trị ngôn từ, vì vậy câu này sai.

- **Sửa lại:** + Bài thơ không chỉ hay về nghệ thuật mà còn sắc sảo về nội dung.

+ Bài thơ không chỉ hay về bố cục mà còn sắc sảo về ngôn từ.

+ Bài thơ hay về nghệ thuật nói chung, sắc sảo về ngôn từ nói riêng.

* Khi viết câu có kiểu kết hợp “không chỉ A mà còn B” thì A và B không bao giờ là những từ ngữ có quan hệ rộng - hẹp với nhau, nghĩa là A không bao hàm B và b cũng không bao hàm A.
g. Trên sân ga chỉ còn lại hai người. Một người thì cao gầy, còn một người thì mặc áo ca rô.

- Cao gầy và mặc áo ca rô không cùng trường từ vựng

- **Sửa lại:** + Trên sân ga chỉ còn lại hai người. Một người thì cao gầy, còn một người thì lùn và mập.

+ Trên sân ga chỉ còn lại hai người. Một người thì mặc áo trắng, còn một người thì mặc áo ca rô.

h. Chị Dậu rất cần cù, chịu khó nên chị rất mực yêu thương chồng con.

Sửa lại: Chị Dậu rất cần cù, chịu khó và rất mực yêu thương chồng con.

* A và B không phải là quan hệ nhân quả thì không dùng quan hệ từ nên.

i. Nếu không phát huy được những đức tính tốt đẹp của người xưa thì người phụ nữ Việt Nam ngày nay không có được những nhiệm vụ vinh quang và nặng nề đó.

- **Sửa lại:** Nếu không phát huy được những đức tính tốt đẹp của người xưa thì người phụ nữ Việt Nam ngày nay không thể hoàn thành được những nhiệm vụ vinh quang và nặng nề đó.

* A và B không phải là quan hệ điều kiện- kết quả nên không dùng cặp quan hệ từ nếu...thì được.

k. Hút thuốc lá vừa có hại cho sức khỏe vừa giảm tuổi thọ của con người.

a. Khi viết một câu có kiểu kết hợp “A và B khác” thì A và B phải cùng loại, trong đó B là từ ngữ có nghĩa rộng, A là từ ngữ có nghĩa hẹp.

b. Khi viết một câu có kiểu kết hợp “A nói chung và b nói riêng” thì A phải là từ ngữ có nghĩa rộng hơn từ ngữ B.

c. Khi viết một kiểu câu kết hợp “A, B và C” (các yếu tố có mối quan hệ đẳng lập với nhau) thì A B, C phải là những từ ngữ thuộc cùng một trường từ vựng, biểu thị những khái niệm thuộc cùng một phạm trù.

d. Câu hỏi lựa chọn A hay thì A không bao hàm B và ngược lại.

e. Khi viết câu có kiểu kết hợp “không chỉ A mà còn B” thì A và B không bao giờ là những từ ngữ có quan hệ rộng - hẹp với nhau, nghĩa là A không bao hàm B và b cũng không bao hàm A.

g. A trái B (AB được biểu thị = những từ thuộc cùng 1 trường từ

<p>- Mục đích của người viết: Chỉ ra tác hại nhiều mặt của việc hút thuốc, sử dụng cặp từ “vừa... vừa” song chỉ nói tác hại của nó đối với sức khoẻ (giảm tuổi thọ).</p> <p>- Sửa lại: Hút thuốc lá vừa có hại cho sức khoẻ vừa tốn kém về tiền bạc.</p> <p>* Khi dùng cặp vừa..vừa thì A, B phải bình đẳng nhau, không cái nào bao hàm cái nào</p> <p>*Báo cáo kết quả</p> <p>- Đại diện 4 nhóm lên trình bày kết quả của nhóm mình</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <p>- GV gọi nhóm trưởng mỗi nhóm tự nhận xét, đánh giá về ý thức tham gia thảo luận của các thành viên trong nhóm.</p> <p>- Gọi HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung và có thể đưa ra những câu hỏi tranh luận về nội dung thảo luận.</p> <p>- GV nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của lớp (nhóm); phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến thảo luận của HS; chính xác hoá các kiến thức mà HS đã được thông qua hoạt động.</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p>	<p>vựng độc lập nhau trong 1 phần.</p> <p>h. A và B không phải là quan hệ nhân quả thì không dùng quan hệ từ nên.</p> <p>i. A và B không phải là quan hệ điều kiện- kết quả nên không dùng cặp quan hệ từ nếu...thì được.</p> <p>k. Khi dùng cặp vừa..vừa thì A, B phải bình đẳng nhau, không cái nào bao hàm cái nào</p>
---	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(8P)

a. Mục tiêu: Giúp HS hệ thống được kiến thức đã học trong tiết học

b. Nội dung: vận dụng kiến thức đã học hoàn thiện các bài tập

c. Sản phẩm: Vở ghi

d. Tổ chức thực hiện:

***Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ**

- Yêu cầu HS dựa vào bài học làm bài tập

***Học sinh thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm bài độc lập

*** Dự kiến sản phẩm:**

Bài tập 1: Viết đoạn văn ngắn từ 7 đến 9 câu suy nghĩ về vai trò của thể dục thể thao đối với sức khoẻ con người.

Bài tập 2: Trao đổi với các bạn đoạn văn vừa viết, tìm và phát hiện các lỗi sai trong cách diễn đạt.

***Báo cáo kết quả**

- gọi 3,4 HS trình bày.

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(02P)

a. Mục tiêu: Giúp Hs biết vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn.

b. Nội dung: cá nhân

c. Sản phẩm: vở ghi

d. Tổ chức thực hiện:

GV nêu yêu cầu: ? Tìm và chữa lỗi (tương tự) trong bài luyện tập viết dạng làm văn số 6 của mình.

? Phát hiện và sửa các lỗi sai trong lời nói hằng ngày của người thân, bạn bè?

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Phát hiện và sửa các lỗi sai trong lời nói hằng ngày của người thân, bạn bè hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng?
- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài:

Tập làm văn

LUYỆN TẬP VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh vận dụng kỹ năng đưa các yếu tố bối cảnh, tự sự và miêu tả vào việc viết bài văn nghị luận xã hội.
- Tự đánh giá chính xác hơn trình độ tập làm văn của bản thân, từ đó rút ra những kinh nghiệm cần thiết để các bài làm văn sau đạt kết quả tốt hơn.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Lập kế hoạch kiểm tra
- Chuẩn bị đề kiểm tra.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Học sinh xem các đề trước trong sgk

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- Giáo viên nêu yêu cầu giờ viết bài và chép đề lên bảng.

ĐỀ BÀI:

Viết bài văn nghị luận với đề tài: “Tuổi trẻ và tương lai đất nước”

(Gợi ý: Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Bác Hồ có viết: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn vào công học tập của các cháu” Lời dạy của Bác giúp em hiểu đề bài trên như thế nào?)

* Giáo viên gợi ý: Viết 1 bài nghị luận để nêu rõ sự hiểu biết của mình về lời dạy của Bác Hồ.

* Học sinh làm bài - giáo viên coi kiểm tra nghiêm túc.

ĐÁP ÁN & BIỂU ĐIỂM:

* **Yêu cầu cụ thể:**

1. Nội dung (8đ)

a. MB: (1đ)

- Giới thiệu vấn đề cần làm sáng tỏ
- Trích lời dạy của Bác Hồ: Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Bác Hồ có viết: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn vào công học tập của các cháu”.

b. TB :(6đ)

* **Giải thích và nêu ý nghĩa lời dạy của Bác (1,5đ)**

- Non sông tươi đẹp, dân tộc sánh vai với các cường quốc năm châu có nghĩa là một đất nước, một dân tộc giàu đẹp, lớn mạnh, tiến bộ và văn minh. Tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng an ninh... đều sánh ngang với các nước tiên tiến trên thế giới.
- Bằng những hình ảnh đẹp, Bác Hồ đã khẳng định " công học tập" của học sinh hôm nay sẽ ảnh hưởng đến tương lai đất nước...
- Lời căn dặn của Bác có ý nghĩa động viên khích lệ học sinh ra sức học tập và rèn luyện...

* **Vai trò, nhiệm vụ, tầm quan trọng trong việc học tập của học sinh đối với tương lai đất nước. (1,5đ)**

- Lời dạy của Bác khẳng định việc học tập của thế hệ trẻ vô cùng quan trọng đối với tương lai đất nước vì:
- Học sinh là chủ nhân tương lai của đất nước, là người kế tục sự nghiệp, xây dựng và bảo vệ đất nước của cha ông mình.
- Một thế hệ học sinh tích cực học tập và rèn luyện hôm nay sẽ hứa hẹn một thế hệ công dân tốt có đủ năng lực, phẩm chất làm chủ đất nước trong tương lai. Vì vậy, việc học tập và rèn luyện là rất cần thiết.
- Ngày nay khi cả thế giới hoà cùng một mái nhà chung thì sự năng động của tuổi trẻ càng quan trọng và cần thiết. Sự nỗ lực trong học tập và nhất là trong khám phá thế giới thông tin giúp đất nước rút ngắn khoảng cách văn minh với thế giới bên ngoài.

* **Dẫn chứng các tấm gương tiêu biểu (1,5đ)**

- Thực tế đã chứng minh việc học tập của thế hệ trẻ có ảnh hưởng để tương lai đất nước .

Tuổi trẻ ngày nay hăng say học tập và nghiên cứu. Mấy năm qua chúng ta không khỏi tự hào về thành tích của tuổi trẻ Việt Nam trong các kì thi quốc tế. Những tấm huy chương vàng, những chiếc cúp vô địch trong các kì thi quốc tế là một phần trong sức vươn lên mạnh mẽ của thế hệ chúng ta.

(Nêu một số gương xưa và nay)

*** Nhiệm vụ của chúng ta trong việc thực hiện lời dạy của Bác. (1,5đ)**

- Để thực hiện lời dạy của Bác, học sinh cần phải xác định đúng động cơ học tập, nỗ lực phấn đấu vươn lên chiếm lĩnh đỉnh cao tri thức
- Thực hiện lời dạy của Bác là chúng ta thể hiện tình cảm yêu kính người ca già dân tộc và thể hiện trách nhiệm của mình với đất nước.

c. Kết bài(1đ)

- Khẳng định lại ý nghĩa lời dạy của Bác
- Liên hệ bản thân học sinh.

2. Hình thức:(2 điểm)

*** Yêu cầu chung:**

- Bài viết rõ ràng bố cục gồm 3 phần, đúng kiểu bài (thể loại). (0,5đ)
- Phải có sự kết hợp các yếu tố: miêu tả, tự sự, biểu cảm vào trong bài văn chứng minh. Các yếu tố đó phải được kết hợp nhuần nhuyễn, hợp lí, đảm bảo tính mạch lạc của bài văn. (0,5đ)

- Bài viết không mắc lỗi dùng từ, lỗi diễn đạt, lỗi lôgic, lỗi chính tả. (0,5đ)

- Trình bày sạch rõ ràng(0,5đ)

*** Cũng cố:** Giáo viên thu bài, nhận xét giờ kiểm tra.

*** Dặn dò:**

- Ôn tập lại văn nghị luận kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự và biểu cảm.
- Soạn bài: Văn bản tường trình.

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

TỔNG KẾT PHẦN VĂN

Thời gian thực hiện: tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức :

- Bước đầu củng cố, hệ thống hóa kiến thức văn học qua các VB đã học trong SGK lớp 8 (Trừ các Vb tự sự và nhật dụng), khắc sâu những kiến thức cơ bản của những VB tiêu biểu.
- Tập trung ôn kĩ hơn những VB thơ ở bài 18, 19, 20, 21.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản

- Rèn cho HS có năng hệ thống, tổng hợp kiến thức. Năng lực tổng kết, khái quát kiến thức.

3. Phẩm chất: HS biết tự mình ôn tập, nắm kiến thức đã học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1/ Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bài tập ra kỳ trước

2/ Chuẩn bị của học sinh:

- Chuẩn bị bài ở nhà theo yêu cầu gv giao.....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

b. Nội dung: Thống kê được các văn bản đã học.

c. Sản phẩm: phiếu học tập .

d. Tổ chức thực hiện

*Chuyển giao nhiệm vụ

Hãy kể tên các văn bản văn học Việt Nam đã học từ bài 15 theo bảng thống kê trong SGK?

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh suy nghĩ độc lập, trả trả lời câu hỏi GV
- Giáo viên gợi ý để HS trình bày

* **Dự kiến sản phẩm:** Hệ thống các văn bản đã học.

*Báo cáo kết quả

GV gọi 1,2 học sinh trình bày nhận xét của mình về đoạn văn tại chỗ. Trong khi bạn trình bày, cả lớp chú ý lắng nghe.

* Đánh giá kết quả

- Giáo viên nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài.

Gv chuyển ý giới thiệu bài học:

Hệ thống văn bản ở lớp 8 khá phong phú, đa dạng , gồm nhiều cụm văn bản. Ngày hôm nay chúng ta cùng nhau tổng kết lại phần văn qua các văn bản đã học, chủ yếu là các văn bản thơ.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:

<i>Hoạt động của thầy và trò</i>	<i>Nội dung</i>
<p>Nhiệm vụ 1: Hoàn thành bảng thống kê các tác phẩm thơ trữ tình.</p> <p>a.Mục tiêu: Hệ thống hóa tác giả, văn bản, thể thơ, nội dung chủ yếu, đặc điểm nghệ thuật nổi bật</p> <p>b. Nội dung: HS thực hiện yêu cầu vào phiếu học tập</p> <p>c. Sản phẩm: câu trả lời của HS</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh:</p> <p>Các nhóm hoạt động trả lời và hoàn thành các câu hỏi 2 a,b,c,d</p> <p>GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu:</p> <p>* Học sinh thực hiện:</p> <p>Học sinh hoạt động nhóm.</p>	

Dự kiến câu trả lời của hs :

I. Lập bảng thống kê các VB thơ VN đã học từ bài 15.

TT	Tên VB	Tác giả	Thể loại	Nội dung	Nghệ thuật
1	Đập đá... (bài 15)	PCT (1872 – 1926)	TNBCĐL	Hình tượng đẹp, ngang tàng lắm liệt của người tù yêu nước CM trên đảo Côn Lôn.	Bút pháp LM, giọng điệu hào hùng đầy khí thế.
2	Muốn làm... ...(bài 16)	Tản Đà-NKH(1889 - 1939)	TNBCĐL	Tâm sự của con người bất hòa sâu sắc với thực tại tầm thường, muốn thoát li bằng mộng tưởng lên cung trăng để bầu bạn với chị Hằng.	Hồn thơ LM, siêu thoát pha chút ngông nghênh nhưng vẫn đáng yêu.
3	Nhớ rừng (bài 18)	Thế Lữ 1907-1989	Thơ mới 8 chữ/câu	Mượn lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú để diễn tả sâu sắc nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng & khao khát tự do mãnh liệt của nhà thơ, khơi dậy lòng yêu nước trong nhân dân.	Bút pháp LM truyền cảm, sự đổi mới câu thơ, vần điệu, phép tương phản đối lập. NT tạo hình đặc sắc.
4	Ông đồ (bài 18)	VĐL(1913 – 1996)	Thơ mới ngũ ngôn	Tình cảnh đáng thương của ông đồ, qua đó toát lên niềm cảm thương chân thành trước 1 lớp người đang tàn tạ & nỗi nhớ tiếc cảnh cũ người xưa.	Lời thơ bình dị cô đọng hàm súc. Đối lập, tương phản, câu hỏi tu từ, tả cảnh ngụ tình.
5	Quê hương (bài 19)	Tế Hanh (1921-2009)	Thơ mới 8 chữ/câu	T/y quê hương trong sáng, thân thiết được thể hiện qua bức tranh tươi sáng, sinh động về 1 làng quê miền biển.Nổi bật là h/a khỏe khoắn đầy sức sống của người dân chài.	Lời thơ mộc mạc bình dị mà tinh tế, giàu ý nghĩa biểu tượng.
6	Khi con... (bài 19)	Tố Hữu (1920-2002)	Lục bát	T/y c/sống và khát vọng tự do của người c/sĩ trẻ tuổi trong nhà tù.	Giọng thơ tha thiết, sôi nổi, tưởng tượng phong phú dồi dào

7	Tức cảnh... (bài 20)	HCM (1890-1969)	TNTTĐL	TT lạc quan, phong thái ung dung của Bác trong c/s CM đầy k/k gian khổ ở Pác Bó. Làm CM sống hòa hợp với TN->niềm vui	Nụ cười hóm hỉnh, sự kết hợp hài hòa giữa cổ điển & hiện đại.
8	Ngắm trăng (NKTT) Bài 21	Hồ Chí Minh	TNTTĐL Chữ Hán	T/y TN say mê & phong thái ung dung nghệ sĩ của Bác Hồ ngay trong cảnh ngục tù tối tăm.	Nhân hóa, điệp ngữ, câu hỏi tu từ, đối xứng và đối lập.
9	Đi đường (NKTT.)	Hồ Chí Minh	TNTT C/Hán	Ý nghĩa tượng trưng & triết lý sâu sắc: Từ việc đi đường núi gợi ra chân lý đường đời, vượt qua bao gian lao chồng chất sẽ tới thắng lợi vẻ vang.	Điệp từ, tính đa nghĩa của h/a, câu thơ, bài thơ.

* **Báo cáo kết quả:** đại diện HS trả lời

* **Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

<i>Hoạt động của thầy và trò</i>	<i>Nội dung</i>
<p>Nhiệm vụ 2 : Sự khác biệt nổi bật về hình thức NT giữa các VB thơ trong các bài 15,16 và 18,19.</p> <p>a. Mục tiêu: Sự khác biệt nổi bật về hình thức NT giữa các VB thơ.</p> <p>b. Nội dung: hoàn thiện phiếu học tập</p> <p>c. Sản phẩm: câu trả lời của HS</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:</p> <p>* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Hs hoạt động nhóm trả lời câu hỏi</p> <p>Dự kiến kết quả:</p> <p>+ Hình thức linh hoạt, phóng khoáng, tự do hơn nhiều.</p> <p>+ Tuy vẫn tuân thủ một số nguyên tắc: số chữ trong câu vẫn bằng nhau. Dù có vần nhịp, thơ Mới cũng có luật lệ quy tắc nhất định. Nhưng quy tắc đó không quá chặt chẽ, gò bó như thơ đường luật mà linh</p>	<p>II. Sự khác biệt nổi bật về hình thức NT giữa các VB thơ trong các bài 15,16 và 18,19.</p> <p>- Vào nhà..., Đập đá..., Muốn Làm Thằng Cuội ra đời trước 1932 (thơ cũ) → Thể thơ TNBCĐL.</p> <p>(có hạn định về số câu, số chữ, niêm luật chặt chẽ theo quy tắc nhất định, cái tôi cá nhân chưa được đề cao.</p> <p>- Nhớ rừng, Ông đồ, Quê hương → thơ mới (chịu a/hưởng của VH phương tây (P) . Khác hẳn : Hình thức linh hoạt, phóng khoáng tự do hơn nhiều, vẫn có quy tắc, luật lệ nhưng ko quá chặt chẽ, lời thơ tự nhiên, ko ước lệ công thức, c/x chân thật → đề cao cái tôi cá nhân.</p>

hoạt tự do số câu không hạn định, lời thơ tự nhiên. + Cảm xúc chân thật	(thơ LM
--	----------

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

a. Mục tiêu: Nêu được cảm nghĩ về một nhân vật.

b. Nội dung: So sánh được các bài thơ cùng chủ đề.

c. Sản phẩm: Nội dung trả lời

d. Tổ chức thực hiện:

*** GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**

Hãy chỉ ra những điểm chung cơ bản của các bài thơ “Đập đá ở Côn Lôn, Ngắm trăng, Đi đường”?

*** HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:** suy nghĩ câu trả lời

Dự kiến trả lời.

*** Điểm chung của các bài thơ:** “ Đập đá ở Côn Lôn, Ngắm trăng, Đi đường”

- Đều là những bài thơ của những người tù yêu nước viết trong nhà ngục của kẻ thù.

- Đều thể hiện khí phách hiên ngang, tinh thần bất khuất kiên cường của người tù cách mạng.

- Coi thường mọi gian khổ, bình tĩnh, ung dung trong mọi thử thách

- Khao khát tự do, luôn lạc quan cách mạng.

*** Báo cáo kết quả:** HS trả lời

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

b. Nội dung: Viết đoạn văn cảm nhận về tác phẩm

c. Sản phẩm: Vở ghi

d. Tổ chức thực hiện:

*** GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**

Hãy viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về một câu thơ hoặc một đoạn thơ mà em thích?

*** HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:** suy nghĩ viết đoạn văn

*** Báo cáo kết quả:** HS trả lời

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, cho điểm

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT HỌC KÌ II**Thời gian thực hiện: 1 tiết****I. MỤC TIÊU:**

1. Kiến thức: Nắm vững các nội dung cơ bản sau: Các kiểu câu trần thuật, nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, phủ định. Các kiểu hành động nói: hỏi, trình bày, hứa hẹn, điều khiển, bộc lộ cảm xúc. Cách lựa chọn trật tự từ trong câu.

2. Năng lực:**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, cảm thụ văn học

- HS có kĩ năng tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức. Năng lực tổng hợp, khái quát kiến thức.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi vốn ngôn ngữ để vận dụng vào đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học
- Học liệu: Đồ dùng dạy học, phiếu học tập, bài tập ra kỳ trước

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Nội dung kiến thức học sinh chuẩn bị trước ở nhà.
- Hệ thống hỏi và khái quát hoá kiến thức; luyện tập toàn bộ kiến thức

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế phấn khởi, tạo tình huống có vấn đề giúp học sinh hứng thú với bài học

b. Nội dung: chơi trò chơi sắp xếp các kiểu câu.

c. Sản phẩm: Vở ghi

d. Tổ chức thực hiện:

*** GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**

Cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”.

- GV có các câu chia theo mục đích nói, 2 đội chơi, đội nào xếp các kiểu câu đúng vị trí, nhanh trước sẽ chiến thắng.

*** HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:** HS tạo đội chơi, chơi trò chơi theo hướng dẫn.

*** Báo cáo kết quả:** HS chơi trò chơi

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- GV cho HS NX, chốt.

Gv chuyển ý giới thiệu bài học:

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Nhiệm vụ 1: Hoàn thành bảng thống kê các kiểu câu</p> <p>a. Mục tiêu: Hệ thống hóa kiến thức về các kiểu câu ở lớp 8</p> <p>b. Nội dung: HS thực hiện yêu cầu vào phiếu học tập</p> <p>c. Sản phẩm: câu trả lời của HS</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh:</p> <p>? CTTV lớp 8 , các em đã học những kiểu câu nào ? (xét về mục đích nói)</p> <p>? Nêu đặc điểm hình thức và chức năng của mỗi kiểu câu</p> <p>GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu:</p> <p>* Học sinh thực hiện: Học sinh hoạt động nhóm.</p> <p>Các nhóm hoạt động nhóm trả lời và hoàn thành các câu hỏi trong 5phut.</p> <p>GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu:</p> <p>.+ Học sinh thực hiện:</p> <p>Học sinh hoạt động nhóm.</p> <p>Dự kiến câu trả lời của hs :</p>	<p>I/ Các kiểu câu:</p> <p>1. Câu nghi vấn.</p> <p>2. Câu cầu khiến.</p> <p>3. Câu cảm thán.</p> <p>4. Câu trần thuật.</p> <p>5. Câu phủ định</p>

STT	Kiểu câu	Đặc điểm hình thức, chức năng	Ví dụ
1	Câu nghi vấn	<p>* Câu nghi vấn là câu:</p> <p>- Có những từ nghi vấn (ai, gì, nào, sao, tại sao...) hoặc có từ hay (nói các vế có quan hệ lựa chọn).</p> <p>- Có chức năng chính là dùng để hỏi.</p> <p>* Khi viết câu nghi vấn kết thúc bằng dấu chấm hỏi.</p> <p>* Trong nhiều trường hợp câu nghi vấn không dùng để hỏi mà để cầu khiến, khẳng định, phủ định, đe dọa, bộc lộ tình cảm, cảm xúc... và không</p>	

		yêu cầu người đối thoại trả lời	
2	Câu cầu khiến	<p>* Câu cầu khiến là câu có những từ cầu khiến như : hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào,... hay ngữ điệu cầu khiến; dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo...</p> <p>* Khi viết câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than, nhưng khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng dấu chấm.</p>	
3	Câu cảm thán	<p>* Là câu có những từ cảm thán như: ôi, than ôi, hỡi ơi...dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói hoặc người viết, xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hàng ngày hay ngôn ngữ văn chương.</p> <p>- Khi viết câu cảm thán thường kết thúc bằng dấu chấm than.</p>	
4	Câu trần thuật	<p>* Câu trần thuật không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán; thường dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả,...</p> <p>- Ngoài những chức năng trên đây câu trần thuật còn dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc...(vốn là chức năng chính của những kiểu câu khác).</p> <p>* Khi viết câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm, nhưng đôi khi nó có thể kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.</p> <p>* Đây là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến trong giao tiếp.</p>	
5	Câu phủ định	<p>* Câu phủ định là câu có những từ ngữ phủ định như: không, chưa, chẳng, đâu.....</p> <p>*Câu phủ định dùng để :</p> <p>- Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (Câu phủ định miêu tả)</p> <p>- Phản bác một ý kiến, một nhận định.(Câu phủ định bác bỏ).</p>	

- > *Giáo viên chốt kiến thức*

d. Tổ chức thực hiện:

- * **HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:** suy nghĩ câu trả lời

- Tớ vui quá !

? H/s đọc đoạn trích BT sgk (131)
? Xác định câu TT, Câu NV, Câu CK ?

? Trong số những câu NV, câu nào dùng để hỏi (điều bạn khoăn cần giải đáp) câu nào ko dùng để hỏi & nó dùng để làm gì ?

a) – Câu trần thuật :

1- Tôi bật cười bảo lão ,

2 - Cụ còn ...sợ !

3-Không, ông giáo ạ!

- Câu nghi vấn :

1- Sao...?

2- Tôi gì ...?

3- ăn mãi..?

- Câu cầu khiến :Cụ cứ để tiền ...hay !

b) Câu nghi vấn dùng để hỏi : Ăn mãi hết ...lo liệu?

c) Câu nghi vấn ko dùng để hỏi : (2 câu còn lại)

- Câu 1 : Bộc lộ cảm xúc của ông giáo

- Câu 2 : Câu giải thích khuyên lão Hạc từ bỏ việc quá lo xa ấy .

Nhiệm vụ 2: Hành động nói

- Thời gian: 10P

-Phương pháp hình thức tổ chức: Phát vấn, đàm thoại ...: Hoạt động cá nhân, Cặp đôi

- Phương tiện: Máy chiếu, phiếu học tập

- Mục tiêu: Hệ thống hóa kiến thức về các kiểu Hành động nói

d. Tổ chức thực hiện:

+ Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh:

- Quyền sách này hay quá !

- Đẹp ơi là đẹp !

Bài tập 4 : Nhận biết cách dựng các kiểu câu:

a. Câu trần thuật : (1), (3), (6) ;

+Câu cầu khiến : (4) ;

+câu nghi vấn : (2), (5), (7)

b. Câu nghi vấn dùng để hỏi là câu 7

c. Các câu nghi vấn (2), (5) là những câu không được dùng để hỏi .

+Câu (2) : Sự `ngạc nhiên về việc lão Hạc nói về những chuyện xảy ra trong tương lai xa, chưa xảy ra trước mắt.

Câu này tương đương với câu :“ Cụ lo xa quá đấy thôi !” hoặc : “Chẳng có gì khiến cụ phải lo xa như thế cả !”. Nó không dùng để hỏi một việc gì cả, mục đích của nó chỉ là nêu lên điều ngạc nhiên, bất ngờ của người nói. Nó được dùng để bộc lộ cảm xúc.

+ Câu (5) để giải thích cho đề nghị nêu ở câu (4), theo quan điểm của người nói(ông giáo) và cũng là cái lẽ thông thường, thì không có lí do gì mà lại nhịn đói để dành tiền .

II. Hành động nói:

<p>+GV gọi HS nêu yêu cầu phần a,b,c</p> <p>+ Hoạt động Cặp đôi 5'</p> <p>GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, hỗ trợ nếu cần. - Đại diện Cặp đôi trình bày kết quả trước lớp. <p>=> * Dự kiến sản phẩm:</p>	<p>a/ Thế nào là hành động nói ?</p> <p>* Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm những mục đích nhất định.</p> <p>b/ Những kiểu hành động nói thường gặp là :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hành động hỏi (<i>Bạn làm gì vậy ?</i>) - Hành động trình bày(báo tin, kể, tả, nêu ý kiến, dự đoán..) (<i>Ngày mai trời sẽ mưa. </i>) - Hành động điều khiển (cầu khiến, đe dọa, thách thức,...) (<i>Bạn giúp tôi trực nhật nhé. </i>) - Hành động hứa hẹn .(<i>Tôi xin hứa sẽ không đi học muộn nữa. </i>) - Hành động bộc lộ cảm xúc. (<i>Tôi sợ bị thi trượt học kì này. </i>) <p>c/ Các cách thực hiện hành động nói :</p> <ul style="list-style-type: none"> -Mỗi hành động nói có thể được thực hiện bằng kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động đó (cách dùng trực tiếp) hoặc bằng kiểu câu khác (cách dùng gián tiếp) <p>*/ Luyện tập:</p> <p>Bài tập 1 : Xác định theo bảng:</p> <table border="0"> <tr> <td>(1)-</td> <td>Hành động kể (trình bày)</td> </tr> <tr> <td>(2)-</td> <td>Bộc lộ cảm xúc</td> </tr> <tr> <td>(3)</td> <td>Nhận định (trình bày)</td> </tr> <tr> <td>(4)</td> <td>Đề nghị (điều khiển)</td> </tr> <tr> <td>(5)</td> <td>Trình bày</td> </tr> <tr> <td>(6)</td> <td>Phủ định bác bỏ (trình bày)</td> </tr> <tr> <td>(7)</td> <td>Hỏi</td> </tr> </table> <p>Bài tập 2 : Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện.</p> <p>Bài tập 3 : Hành động hứa hẹn với hai dạng : cam kết, hứa hẹn.</p> <p>Gọi hai học sinh lên bảng làm</p> <p>III. Hội thoại.</p>	(1)-	Hành động kể (trình bày)	(2)-	Bộc lộ cảm xúc	(3)	Nhận định (trình bày)	(4)	Đề nghị (điều khiển)	(5)	Trình bày	(6)	Phủ định bác bỏ (trình bày)	(7)	Hỏi
(1)-	Hành động kể (trình bày)														
(2)-	Bộc lộ cảm xúc														
(3)	Nhận định (trình bày)														
(4)	Đề nghị (điều khiển)														
(5)	Trình bày														
(6)	Phủ định bác bỏ (trình bày)														
(7)	Hỏi														

Nhiệm vụ 3: Hội thoại.

- Thời gian: 8P

-Phương pháp hình thức tổ chức: Phát vấn, đàm thoại ...: Hoạt động cá nhân, Cặp đôi

- Phương tiện: Máy chiếu, phiếu học tập

- Mục tiêu: Hệ thống hóa kiến thức về các kiểu **Hội thoại**.

d. Tổ chức thực hiện:

+ Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh:

+GV gọi HS nêu yêu cầu phần a,b

? Thế nào là vai xã hội trong hội thoại

? Lượt lời là gì

+ Hoạt động Cặp đôi 5'

GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu:

- GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.

- Đại diện Cặp đôi trình bày kết quả trước lớp.

=> * Dự kiến sản phẩm:

Nhiệm vụ 4: Tác dụng của Lựa chọn trật tự từ trong câu

- Thời gian: 7P

-Phương pháp hình thức tổ chức: Phát vấn, đàm thoại ...: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm.

- Phương tiện: Máy chiếu, phiếu học tập

- Mục tiêu: biết lựa chọn trật tự từ thích hợp

a/ Thế nào là vai xã hội trong hội thoại ?

-Vai hội thoại là vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc thoại . Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội:

- Quan hệ trên- dưới hay ngang hàng (theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình và xã hội) .

- Quan hệ thân-sơ (theo mức độ quen biết, thân tình)

b/Lượt lời : Trong hội thoại, ai cũng được nói. Mỗi lần có một người tham gia hội thoại nói được gọi là một lượt lời

* Để giữ lịch sự cần tôn trọng lượt lời của người khác, tránh nói tranh lượt lời, cắt lời hoặc tranh vào lời người khác.

* Nhiều khi, im lặng khi đến lượt lời của mình cũng là một cách biểu thị thái độ.

IV.Lựa chọn trật tự từ trong câu.

với yêu cầu giao tiếp.

d. Tổ chức thực hiện:

+ Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh:

Các nhóm hoạt động nhóm trả lời và hoàn thành các câu hỏi trong 5 phút.

GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu:

.+ Học sinh thực hiện:

Học sinh hoạt động nhóm.

GV gọi hai nhóm lên trình bày sản phẩm, nhóm khác nhận xét.

Dự kiến câu trả lời của hs :

* Trong một câu có thể có nhiều cách sắp xếp trật tự từ, mỗi cách đem lại hiệu quả diễn đạt riêng. Người nói, viết cần biết lựa chọn trật tự từ thích hợp với yêu cầu giao tiếp.

* Trật tự từ trong câu có tác dụng :

- Thể hiện thứ tự nhất định của sự vật, hiện tượng, hoạt động, đặc điểm.

- Nhấn mạnh hình ảnh, đặc điểm của sự vật, hiện tượng.

- Liên kết câu với những câu khác trong văn bản.

- Đảm bảo sự hài hòa về mặt ngữ âm của lời nói.

Bài tập 1: Các trạng thái và hành động của sứ giả được xếp theo đúng thứ tự xuất hiện và thực hiện : Thoạt tiên là tâm trạng kinh ngạc sau đó là mừng rỡ và cuối cùng là về tàu vua.

Bài tập 2: Lưu ý học sinh về những giá trị khác của trật tự từ trong câu :

a. Nối kết câu

b. Nhấn mạnh (làm nổi bật) đề tài của câu nói

Bài tập 3: Lưu ý cho học sinh về giá trị tạo tính nhạc cho câu thông qua cách sắp xếp trật tự từ trong nó.

Câu a có tính nhạc hơn, vì:

- | | |
|--|---|
| | - Đặt “man mác” trước “khúc nhạc đồng quê” gợi cảm xúc mạnh hơn
- Kết thúc thanh bằng (quê) có độ ngân hơn kết thúc thanh trắc (mác) |
|--|---|

Hoạt động 4: HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

Mục tiêu: - Bài ôn tập gồm mấy nội dung ?

Nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ

Phương thức hoạt động: HĐ cá nhân

Phương tiện: Kiến thức đã học

Sản phẩm: Nội dung trả lời

a. Mục tiêu: Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

b. Nội dung: Viết đoạn văn cảm nhận về tác phẩm

c. Sản phẩm: Vở ghi

d. Tổ chức thực hiện:

*** GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**

Hãy viết một đoạn văn theo một trong những yêu cầu dưới đây.

a. Cam kết không tham gia các hoạt động tiêu cực như: đua xe trái phép, cờ bạc, nghiện hút.

b. Hứa tích cực học tập, rèn luyện và đạt kết quả tốt cho năm học mới.

*** HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:** suy nghĩ viết đoạn văn

*** Báo cáo kết quả:** HS trả đọc

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, cho điểm

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

Bài 31. Tiết 127 VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Nắm những trường hợp cần viết VB tường trình. Nắm những đặc điểm cơ bản của VB tường trình. Biết làm một VB tường trình đúng qui cách.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản
- HS có kỹ năng tạo lập VB hành chính.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi kiến thức về tập làm văn. Năng lực tạo lập VB hành chính.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch dạy học
- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc bài và trả lời các câu hỏi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho HS.
- Nội dung:** HS nêu được tình huống viết bản tường trình.
- Sản phẩm:** trả lời miệng
- Tổ chức thực hiện**

*Chuyển giao nhiệm vụ

Trong cuộc sống, khi nào em cần phải viết bản tường trình? Viết để làm gì?

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh suy nghĩ độc lập, trả lời câu hỏi GV
- Giáo viên gợi ý để HS trình bày

* **Dự kiến sản phẩm:** các tình huống viết bản tường trình

***Báo cáo kết quả:** HS trả lời

* Đánh giá kết quả

- Giáo viên nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài.

Gv chuyển ý giới thiệu bài học:

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về văn bản tường trình</p> <p>a. Mục tiêu: Tìm hiểu về văn bản tường trình</p> <p>b. Nội dung: tìm hiểu ví dụ</p> <p>c. Sản phẩm: Vở ghi</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p>* GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:</p> <p>? Trong các văn bản trên, ai là người phải viết tường trình và viết cho ai ? bản tường trình được viết ra nhằm mục đích gì ?</p> <p>? Nội dung tường trình là gì ? Vì sao phải tường trình ?</p>	<p>I - Đặc điểm của văn bản tường trình</p> <p>1 – Ví dụ :</p>

? Người viết tường trình cần phải có thái độ như thế nào đối với sự việc người tường trình ?

? Thể thức trình bày văn bản tường trình có gì đặc biệt ?

? Như vậy qua phần tìm hiểu các nội dung trên , em hiểu gì về văn bản tường trình và ai là người phải viết tường trình và ai là người nhận tường trình ?

*** HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:** suy nghĩ câu trả lời

*** Báo cáo kết quả:**

Yêu cầu đại diện các nhóm lên báo cáo trong vòng 5P

Dự kiến câu trả lời của hs

GV cho HS NX, chốt, ghi bảng.

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cách viết văn bản tường trình

a. Mục tiêu: học sinh biết được các bước làm văn bản tường trình

b. Nội dung: tìm hiểu cách làm văn bản tường trình

+ Học sinh thực hiện:

a.

(1) Người viết tường trình: học sinh, viết cho cô giáo

(2) Lí do và mục đích viết: Về việc đi học muộn, mong muốn cô hiểu được nguyên nhân dẫn đến việc mình đến lớp muộn..

(3) Người viết trình bày về sự việc mình đi học muộn.

(4)Người viết có thái độ trung thực, khách quan

b.

(1) Các tình huống cần viết văn bản tường trình

- Tình huống 3

- Tình huống 5

2 - Nhận xét :

- Trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình trong các sự việc xảy ra hậu quả cần xem xét

- Người viết tường trình là người liên quan đến sự việc

- Người nhận tường trình là cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết

- Văn bản tường trình ngắn gọn ,rõ ràng

- Thái độ người viết tường trình trung thực ,khách quan

II – Cách làm văn bản tường trình

c.Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**

? Hãy nêu một số trường hợp cần phải viết văn bản tường trình trong học tập và sinh hoạt tại trường ?

? Nêu lại tình huống của hai văn bản tường trình trong sgk

? Cách viết văn bản tường trình như thế nào ?

? Phần mở đầu viết những gì ?

? Phần nội dung ?

? Thể thức kết thúc như thế nào ?

GV phát phiếu học tập cho học sinh hoàn thành theo mẫu

*** HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

*** Báo cáo kết quả:** Giáo viên gọi các nhóm báo cáo kết quả

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, cho điểm

Dự kiến câu trả lời của hs

II/ Cách làm văn bản tường trình

1 – Tình huống cần phải viết văn bản tường trình

- Tình huống a ,b nhất thiết phải viết
- Tình huống c ko cần phải viết vì đó là chuyện nhỏ chỉ cần nhắc nhở hoặc phê bình nhẹ nhàng hoặc viết kiểm điểm
- Tình huống d chỉ viết khi tài sản bị mất có giá trị

2 – Cách làm văn bản tường trình

=>Một văn bản tường trình phải có đầy đủ các mục sau:

a) Thể thức mở đầu :

- Quốc hiệu, tiêu ngữ
- Địa điểm thời gian làm tường trình
- Tên văn bản
- Người (cơ quan) nhận tường trình

b) Nội dung tường trình

+ Trình bày thời gian, địa điểm xảy ra sự việc, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả của sự việc, học tên người chứng kiến hoặc liên quan(nếu có), mức độ trách nhiệm của người tường trình.

+ Thái độ của người viết phải khách quan, trung thực. Thông tin phải chính xác, đề nghị phải ngắn gọn, rõ ràng.

c) Thể thức kết thúc :

- + Lời đề nghị, cam đoan
- +Chữ ký, họ tên người tường trình

* Ghi nhớ / sgk

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: luyện tập, khắc sâu nội dung bài học

b. Nội dung: hoàn thiện bài tập

c. Sản phẩm: Vở ghi

d. Tổ chức thực hiện:

*** GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**

Nêu yêu cầu BT1: Tình huống nào sau đây cần viết VB tường trình?

- Thầy giáo chủ nhiệm muốn biết vụ lộn xộn trong giờ ra chơi của lớp.
- Em bị ốm không thể đi tham quan cùng các bạn trong lớp.
- Một người bị tình nghi là kẻ gian muốn chứng minh mình ngoại phạm.
- Một cửa hàng bị mất tài sản, muốn làm rõ sự việc với nhà chức trách.

*** HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**

*** Dự kiến sản phẩm:**

X/định tình huống cần viết VB tường trình

-> Tình huống cần viết: a, c, d.

*** Báo cáo kết quả:** HS trả lời

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, cho điểm

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu: Học sinh liên hệ thực tiễn, tìm tòi mở rộng kiến thức

b. Nội dung: Viết được văn bản tường trình

c. Sản phẩm: Vở ghi

d. Tổ chức thực hiện:

*** GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**

Hãy viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về một câu thơ hoặc một đoạn thơ mà em thích?

*** HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:** suy nghĩ viết bài

- GV giao bài về nhà để HS hoàn thiện

Bài 31. Tiết 128

LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nắm lại những kiến thức về VB tường trình : Mục đích, yêu cầu, cấu tạo của VB tường trình. Nâng cao năng lực làm VB tường trình cho HS.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản

- HS có kĩ năng tạo lập VB hành chính. Năng lực tạo lập VB tường trình.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi kiến thức về tập làm văn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án, một số tình huống & VB mẫu.

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc sgk & trả lời các câu hỏi .

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế phấn khởi, tạo tình huống có vấn đề giúp học sinh hứng thú với bài học

b. Nội dung: Nêu được nội dung cơ bản của văn bản tường trình.

c. Sản phẩm: trả lời miệng

d. Tổ chức thực hiện

**Chuyển giao nhiệm vụ*

Hãy nhắc lại các bước và nội dung cơ bản của văn bản tường trình.

** Thực hiện nhiệm vụ*

- Học sinh suy nghĩ độc lập, trả trả lời câu hỏi GV

- Giáo viên gợi ý để HS trình bày

** Dự kiến sản phẩm:* câu trả lời của HS

** Báo cáo kết quả:* HS trả lời

** Đánh giá kết quả*

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Gv chuyển ý giới thiệu bài học:

Tiết trước các em đã học xong vb tường trình . để nắm kỹ hơn về mục đích,yêu cầu,bố cục của vb tường trình , phân biệt được điểm giống và khác nhau giữa văn bản tường trình với 1 số văn bản hành chính khác cô cùng các em sẽ tìm hiểu bài hôm nay .

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Nhiệm vụ 1: Mục đích làm văn bản tường trình</p> <p>a.Mục tiêu: Hệ thống hóa kiến thức về văn bản tường trình</p> <p>b. Nội dung: HS nhắc lại được kiến thức</p> <p>c. Sản phẩm: câu trả lời của HS</p> <p>d. Tổ chức thực hiện:</p> <p><i>* Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh</i></p> <p>? Nêu mục đích làm văn bản tường trình</p> <p><i>* Học sinh thực hiện:</i> Hs suy nghĩ trả lời</p> <p><i>* Báo cáo kết quả:</i> HS trả lời</p> <p><i>* Đánh giá kết quả</i></p>	<p>I. Ôn tập lý thuyết</p> <p>1.Mục đích làm văn bản tường trình</p>

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức

- Gv : Như vậy các em đã nắm được mục đích của văn bản tường trình ,bây giờ cô cùng các em sẽ đi so sánh văn bản tt với vb báo cáo xem có điểm gì giống và khác nhau

Nhiệm vụ 2: Điểm giống và khác nhau về tường trình và báo cáo.

a.Mục tiêu: Hệ thống hóa kiến thức về văn bản tường trình

b. Nội dung: HS so sánh được điểm giống và khác nhau về tường trình và báo cáo.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh**

? VB tường trình có gì giống và khác nhau với văn bản báo cáo ?

(thảo luận nhóm)

? Khác nhau ở điểm nào ?

*** Học sinh thực hiện:** Học sinh hoạt động nhóm.

Dự kiến câu trả lời của hs :

- Điểm khác thứ nhất là về mục đích .

-Điểm khác thứ hai là về Người viết .

-> Gv : Vậy là chúng ta đã biết được điểm giống nhau và khác nhau của 2 vb tường trình và báo cáo .

- Vậy Để nắm chắc và hiểu rõ hơn về bố cục và thể thức của một vb tường trình chuyển sang phần 3.

*** Báo cáo kết quả:** GV gọi hai nhóm lên trình bày sản phẩm, nhóm khác nhận xét.

*** Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức

- Mục đích: Trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người tường trình và các sự việc xảy ra, gây hậu quả cần phải xem xét.

2.Điểm giống và khác nhau về tường trình và báo cáo.

*** Giống nhau:** thể thức trình bày.(Bố cục theo mẫu).

+ Người nhận: Cá nhân và cơ quan có thẩm quyền giải quyết .

*** Khác nhau:**

+ Mục đích:

- Văn bản tường trình: trình bày thiệt hại hay mức độ trách nhiệm của người viết tường trình và các sự việc xảy ra gây hậu quả cần phải xem xét.

- Báo cáo: Công việc, công tác trong 1 thời gian nhất định, kết quả bài học để sơ kết tổng kết trước cấp trên, nhân dân.

+ Người viết:

- Tường trình: Tham gia hoặc chứng kiến vụ

Nhiệm vụ 3 : Bố cục thể thức văn bản tường trình.

a. Mục tiêu: : Hệ thống hóa kiến thức về bố cục văn bản tường trình

b. Nội dung: HS so sánh được điểm giống và khác nhau về tường trình và báo cáo.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh**

? Em hãy nhắc lại bố cục của văn bản tường trình gồm mấy phần? đó là những phần nào ?

? Trong phần đầu của một văn bản tường trình cần đảm bảo những nội dung gì ?

? Em hiểu Quốc ngữ là phần trình bày nội dung nào ? (là : cộng hòa)

? Em cho biết phần nội dung tường trình cần trình bày ntn ?

? phần kết thúc cần đảm bảo những nội dung nào ?

*** Học sinh thực hiện:** Học sinh hoạt động nhóm.

Dự kiến câu trả lời của hs :

Dự kiến câu trả lời của hs :

- **Gồm 3 phần** - Phần đầu.
- Phần ND.
- Phần kết thúc.

a. Phần đầu:

- *Quốc ngữ.*

Địa điểm thời gian làm văn tường trình.

Tên văn bản:

Tên cá nhân tổ chức nhận văn bản:

b. Phần ND.

- Người viết Trình bày thời gian, địa điểm diễn biến sự việc, nguyên nhân vì đâu, hậu quả thế nào .

- Y/c: Thái độ tường Trình khách quan, trung thực.

C. Phần kết thúc.

- lời đề nghị (cam đoan)

- Chữ kí và họ tên người viết tường trình

việc, cá nhân, tường trình.

- Báo cáo: Người phụ trách công việc, 1 tổ chức , tập thể.

3. Bố cục thể thức văn bản tường trình.

- **Gồm 3 phần** - Phần đầu.
- Phần ND.
- Phần kết thúc.

a. Phần đầu:

- *Quốc ngữ.*

Địa điểm thời gian làm văn tường trình.

Tên văn bản:

Tên cá nhân tổ chức nhận văn bản:

b. Phần ND.

- Người viết Trình bày thời gian, địa điểm diễn biến sự việc, nguyên nhân vì đâu, hậu quả thế nào .

<p>* Báo cáo kết quả: HS trả lời</p> <p>* Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá <p>-> Giáo viên chốt kiến thức</p> <p>GV chốt -> Vừa rồi chúng ta đã ôn lại toàn bộ lý thuyết của một văn bản tường trình, vậy để khắc sâu kiến thức chúng ta chuyển sang phần luyện tập .</p>	<p>-Y/c: Thái độ tường Trình khách quan, trung thực.</p> <p>C. Phần kết thúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - lời đề nghị (cam đoan) - Chữ kí và họ tên người viết tường trình
--	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP(25P)

[illegible]

<p>-Giáo viên:quan sát hs làm</p> <p>-* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>-> Cả 3 văn bản người viết chưa phân biệt được mục đích của văn bản tường trình với văn bản báo cáo, thông báo ,chưa nhận rõ trong tình huống như thế nào thì cần phải viết văn bản tường trình</p> <p>\</p> <p>? Đọc và xác định yêu cầu của bài 2</p> <p>? Nêu 2 tình huống .</p> <p>Gv hd : Mỗi học sinh lựa chọn 1 tình huống khi viết cần lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định người nhận tường trình - Xác định mục đích viết tường trình - Hình dung diễn biến sự việc cần làm tường trình - Viết văn bản theo đúng mẫu 	<p>->Trong cả 3 tình huống nêu trên bài tập đều không viết tường trình mà phải viết các kiểu văn bản khác cụ thể.</p> <p>a. Bản tự kiểm điểm.</p> <p>b. Viết báo cáo.</p> <p>c. Viết báo cáo</p> <p>2. Bài tập 2.</p> <p>VD: A. Một bạn nam đá bóng vô ý làm vỡ 2 chiếc bóng điện của lớp.</p> <p>B. Tường trình với cô giáo bộ môn về việc nộp bài kiểm tra không đúng hạn</p> <p>3. Bài tập 3.</p> <p>- H/s viết theo yêu cầu.</p> <p>- Trình bày .</p> <p>Bản tường trình về việc làm hỏng dụng cụ thí nghiệm</p> <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p> <p>Độc lập - Tự do- Hạnh phúc</p> <p><i>Kim Bảng, ngày 22/1/2016</i></p> <p>BẢN TƯỜNG TRÌNH</p> <p>Về việc làm hỏng dụng cụ thí nghiệm</p> <p>Kính gửi: Cô Nguyễn Thị An, giáo viên phụ trách môn Hóa học.</p> <p>Em là: Phạm Văn Bình, học sinh lớp 8C học sinh trường THCS Lê Quý Đôn, xin phép được tường trình với cô một việc như sau:</p> <p>Trong giờ học Hóa tiết 4 ngày hôm nay do em sơ ý đã làm đổ vỡ 2 ống nghiệm : mã số 0017 và 0018. Em xin lỗi cô vì đã không tuân thủ những quy định trong phòng thí nghiệm. Em xin chịu trách nhiệm về lỗi của mình.</p> <p>Người làm tường trình</p> <p><i>Phạm Văn Bình</i></p>
--	---

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Gắn bài học với đời sống thực tiễn của học sinh, học sinh biết liên hệ thêm các văn bản tường trình; Khuyến khích hs tìm tòi mở rộng bài học, giúp HS hiểu sâu sắc hơn bài học.

b. Nội dung: Viết một bản tường trình cụ thể trong các tình huống trên.

c. Sản phẩm: bài tập của hs

d. Tổ chức thực hiện:

* **GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:** GV giao đề bài cho HS.

* **HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:** HS hoàn thiện bài tập ở nhà

Tuần 33:

Ngày soạn: 16

Ngày dạy:

Bài 32. Tiết 131

TRẢ BÀI LUYỆN TẬP VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 7

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- + củng cố lại những kiến thức và kỹ năng đã học về văn nghị luận: cách sử dụng từ ngữ, đặt câu và đặc biệt là về luận điểm và cách trình bày luận điểm
- + Thông qua tiết trả bài kiểm tra các em nhận biết khả năng của mình từ kết quả đạt được, từ đó các em điều chỉnh phương pháp học cho phù hợp

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.
- Tự lập, tự tin, tự chủ.
- Giáo dục học sinh tính trung thực, tự giác khi làm bài
- Giáo dục HS ý thức vươn lên trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học
- Bài Tập làm văn đã chấm

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Nội dung kiến thức học sinh chuẩn bị trước ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức :KT sĩ số

2. Kiểm tra bài cũ :

? Đọc thuộc lòng khổ thơ 1 và 4 ? Hình ảnh con hổ khi bị nhốt trong vườn bách thú

3. Bài mới

Hoạt động	Nội dung
GV ghi đề bài lên bảng	Đề bài: “ Tuổi trẻ và tương lai đất nước”(Gợi ý: Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Bác Hồ có viết: “ Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn vào công học tập của các cháu” Lời dạy của Bác giúp em hiểu đề bài trên như thế nào?
Hoạt động 1: Xây dựng dàn ý cho đề bài a. Mục tiêu: - Tìm lí lẽ dẫn chứng làm sang tỏ đề bài	I. Dàn ý + Biểu điểm

<p>- Rèn kỹ năng trình bày</p> <p>b. Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động cặp đôi. - Hoạt động cá nhân. <p>c. Sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày miệng <p>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. <p>d. Tổ chức thực hiện</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ 1:</p> <p>Hoạt động cặp đôi.</p> <p>? Xây dựng dàn ý cho đề văn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tiếp nhận <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>Như đáp án tiết 113</p> <p>*Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV: gọi đại diện các cặp đôi trả lời -Hs: trả lời <p>*Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>Hoạt động 2: GV nhận xét ưu điểm và nhược điểm trong bài làm của học sinh</p> <p>1. Ưu điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhìn chung HS đã xác định yêu cầu của đề bài văn, ND và thể loại - Đã nắm được phương pháp làm bài văn nghị luận - Phần lớn HS có ý thức chuẩn bị bài ở nhà 	<p>a. MB: (1đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vấn đề cần làm sáng tỏ <p>b. TB : (6đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> * Giải thích và nêu ý nghĩa lời dạy của Bác (1,5đ) * Vai trò, nhiệm vụ, tầm quan trọng trong việc học tập của học sinh đối với tương lai đất nước. (1,5đ) * Dẫn chứng các tấm gương tiêu biểu (1,5đ) * Nhiệm vụ của chúng ta trong việc thực hiện lời dạy của Bác. (1,5đ) <p>c. Kết bài(1đ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại ý nghĩa lời dạy của Bác - Liên hệ bản thân học sinh. <p>2. Hình thức:(2 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết rõ ràng bố cục gồm 3 phần, đúng kiểu bài (thể loại). (0,5đ) - Phải có sự kết hợp các yếu tố: miêu tả, tự sự, biểu cảm vào trong bài văn chứng minh. (0,5đ) - Bài viết không mắc lỗi dùng từ, lỗi diễn đạt, lỗi logic, lỗi chính tả. (0,5đ) - Trình bày sạch rõ ràng(0,5đ) <p>II. Nhận xét</p>
--	---

- Một số HS viết tốt, nắm chắc PP, luận điểm
⇒ luận cứ rõ ràng, nội dung tương đối đầy đủ.

2. Nhược điểm:

- Nhiều em diễn đạt lủng củng, luận điểm luận cứ chưa rõ ràng, mạch lạc, lộn xộn giữa các luận điểm.

- Nđ còn sơ sài:

- Lỗi diễn đạt còn rất nhiều:

- Một số học sinh bài làm bài quá kém, ý thức chuẩn bị chưa chú đáo

Hoạt động 3: GV trả bài, học sinh chữa lỗi vào bài.

Gọi HS mắc các lỗi lên bảng chữa

1. Lỗi chính tả

2. Lỗi dung từ.

3. Lỗi câu :

Đọc một số bài viết tốt, bài viết yếu để HS cùng tham khảo

III. Trả bài, chữa lỗi

Bảng thống kê điểm kiểm tra Lớp 8a

Điểm 9, 10	Điểm 7, 8	Điểm 5, 6	Điểm 3, 4	Điểm 0, 1, 2

Bảng thống kê điểm kiểm tra Lớp 8b

Điểm 9, 10	Điểm 7, 8	Điểm 5, 6	Điểm 3, 4	Điểm 0, 1, 2

4. củng cố

- Gv nhận xét ý thức của HS trong giờ KT

5. Dặn dò:

- Ôn tập lại toàn bộ kiến thức phần Tiếng việt

- Về nhà ôn tập tổng kết phần văn đề giờ sau học.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

TỔNG KẾT PHẦN VĂN

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Bước đầu củng cố, hệ thống hóa kiến thức văn học qua các VB đã học trong SGK lớp 8 (Trừ các Vb tự sự và nhật dụng), khắc sâu những kiến thức cơ bản của những VB tiêu biểu.
- Tập trung ôn kĩ hơn những VB thơ ở bài 18, 19, 20, 21.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản
- Rèn cho HS có năng hệ thống, tổng hợp kiến thức. Năng lực tổng kết, khái quát kiến thức.

3. Phẩm chất: HS biết tự mình ôn tập, nắm kiến thức đã học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học, SGK, STK

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.
- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b. Nội dung: Kể tên được các văn bản nghị luận trong chương trình

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện

*Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu:

? Hãy kể tên các văn bản nghị luận đã học trong chương trình NV 8HKII

- Học sinh tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

* Dự kiến sản phẩm: Chiều dài đô, Hịch tướng sĩ, Nước Đại Việt ta...

***Báo cáo kết quả**

-GV: gọi hs trả lời

-Hs: trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Tiết học hôm nay chúng ta cùng hệ thống lại các kiến thức về văn bản nghị luận đã học trong chương trình Ngữ văn 8.

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động 1 : Tìm hiểu về văn nghị luận</p> <p>a. Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - củng cố các kiến thức về văn bản nghị luận - Rèn kĩ năng viết nhận xét chứng minh sự giống và khác nhau <p>b. Nội dung: kiến thức đã học về văn nghị luận</p> <p>c. Sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày miệng <p>4. <i>Phương án kiểm tra, đánh giá</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đánh giá. - Giáo viên đánh giá. <p>d. Tổ chức thực hiện</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ 1:</p> <p>Hoạt động cặp đôi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu: <p>? Thế nào là văn bản nghị luận? Em thấy văn bản nghị luận trung đại có nét gì khác biệt nổi bật so với văn nghị luận hiện đại</p> <p>? Hãy chứng minh các văn bản nghị luận đều được viết có lí có tình có chứng cứ nên đều có sức thuyết phục cao</p> <p>? Nêu những nét giống nhau và khác nhau cơ bản về nội dung tư tưởng và hình thức thể loại trong bài 22,23 và 24</p>	<p>I. Văn bản nghị luận:</p> <p>1. Đặc điểm của văn bản nghị luận</p> <p>a- Khái niệm:</p>

- Học sinh tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

* Dự kiến sản phẩm:

***Báo cáo kết quả**

Văn bản nghị luận là kiểu văn bản nêu ra những luận điểm rồi bằng những luận cứ luận chứng làm sang tỏ luận điểm ấy một cách thuyết phục

b- Điểm khác biệt giữa văn nghị luận trung đại và văn nghị luận hiện đại:

+ Nghị luận trung đại là lời văn cổ, lối viết với nhiều câu văn biền ngẫu, mang nhiều nét tượng trưng ước lệ.

+ Nghị luận hiện đại lời văn giản dị gần gũi với cuộc sống.

-GV: gọi đại diện các cặp đôi trả lời

-Hs: trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Văn bản nghị luận là kiểu văn bản nêu ra những luận điểm rồi bằng những luận cứ luận chứng làm sang tỏ luận điểm ấy một cách thuyết phục

b. Điểm khác biệt giữa văn nghị luận trung đại và văn nghị luận hiện đại:

+ Nghị luận trung đại là lời văn cổ, lối viết với nhiều câu văn biền ngẫu, mang nhiều nét tượng trưng ước lệ.

+ Nghị luận hiện đại lời văn giản dị gần gũi với cuộc sống.

c. Các văn bản nghị luận đều được viết có lí có tình có chứng cứ nên đều có sức thuyết phục cao

- Chiếu đời đô: Lí Thái Tổ nêu sử sách làm chỗ dựa cho lí lẽ. Từ đó soi sáng vào hai triều đại trước để đi đến kết luận “Đại La là nơi tốt nhất để chọn làm kinh đô”.

- Hịch tướng sĩ: sau khi nêu gương sử sách để khích lệ ý chí lập công danh hi sinh vì nước, tác giả quay trở về với thực tế, tả tội ác và sự ngang ngược của giặc để thuyết phục.

- Nước Đại Việt ta với cách lập luận chặt chẽ và chứng cứ hùng hồn đoạn văn này có ý nghĩa như

Hoạt động 2: Tìm hiểu về văn bản Nước Đại Việt ta trích Bình Ngô Đại cáo

a. Mục tiêu:

- Củng cố các kiến thức về văn bản Nước Đại Việt ta
- Rèn kĩ năng phân tích so sánh

b. Nội dung:

- Hoạt động chung cả lớp.

c. Sản phẩm:

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.
- Giáo viên đánh giá.

d. Tổ chức thực hiện

*Chuyển giao nhiệm vụ 2:

- Giáo viên yêu cầu:

? Vì sao Bình Ngô đại cáo được coi là bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc VN khi đó?

? So với bài *Sông núi nước Nam* được coi là bản tuyên ngôn độc lập thứ nhất của nước ta, ý thức về nền độc lập dân tộc thể hiện trong văn bản *Nước Đại Việt ta* có gì mới?

- Học sinh tiếp nhận

*Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ
- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết:

là một tuyên ngôn độc lập.

d. Những nét giống nhau và khác nhau cơ bản về nội dung tư tưởng và hình thức thể loại

- Hình thức: Từ ngữ cổ, cách diễn đạt cổ, nhiều hình ảnh, giàu tính ước lệ, câu văn biền ngẫu, sóng đôi nhịp nhàng.

- Nội dung tư tưởng: Cả 3 vb đều bao trùm 1 tinh thần dt sâu sắc, đều thấm nhuần tư tưởng yêu nước.

* Khác nhau:

- Về hình thức thể loại: Chiếu, Hịch, Cáo.

2. Văn bản Nước Đại Việt ta trích Bình Ngô Đại cáo

- Vì bài cáo đó khẳng định dứt khoát rằng VN là một nước độc lập, đó là chân lí hiển nhiên.

Từ bài văn đến tinh thần cả đoạn văn đều mang tính chất “tuyên ngôn” (lời tuyên bố) về nền độc lập của dân tộc.

- ý thức về nền độc lập dân tộc thể hiện trong bài thơ *Sông núi nước Nam* được xác định ở 2 phương diện: *lãnh thổ và chủ quyền*.

- Đến *Bình Ngô đại cáo*, ý thức dân tộc đó phát triển cao sâu sắc và toàn diện hơn. Ngoài yếu tố *lãnh thổ và chủ quyền*, ý thức về độc lập cũng được mở rộng, đầy ý nghĩa: đó là *nền văn hiến lâu đời, phong tục tập quán riêng, truyền thống lịch sử*

*** Dự kiến sản phẩm:**

- Vì bài cáo đó khẳng định dứt khoát rằng VN là một nước độc lập, đó là chân lí hiển nhiên.

Từ bài văn đến tinh thần cả đoạn văn đều mang tính chất “tuyên ngôn” (lời tuyên bố) về nền độc lập của dân tộc.

- ý thức về nền độc lập dân tộc thể hiện trong bài thơ *Sông núi nước Nam* được xác định ở 2 phương diện: *lãnh thổ và chủ quyền*.

- Đến *Bình Ngô đại cáo*, ý thức dân tộc đó phát triển cao sâu sắc và toàn diện hơn. Ngoài yếu tố *lãnh thổ và chủ quyền*, ý thức về độc lập cũng được mở rộng, đầy ý nghĩa: đó là *nền văn hiến lâu đời, phong tục tập quán riêng, truyền thống lịch sử*

***Báo cáo kết quả**

-GV: gọi hs báo cáo kết quả

-Hs: trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập

b. Nội dung: nêu được những cảm nhận về văn bản *Nước Đại Việt ta*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ:**

Nêu cảm nghĩ của em sau khi học xong văn bản *Nước Đại Việt ta*

- Học sinh tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết:

*** Dự kiến sản phẩm:**

- Tự hào về dân tộc, những người lãnh đạo anh minh

- Trách nhiệm của bản thân

***Báo cáo kết quả**

-GV: gọi hs báo cáo kết quả

-Hs: trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG(02P)

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: viết đoạn văn

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ:**

Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về những người lãnh đạo anh minh như Lý Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà

- Giáo viên: yêu cầu thời hạn làm bài của hs. Thời gian làm 2 ngày ra vở soạn và thu lại cho gv

*** Dự kiến sản phẩm:**

Mở đoạn: GI những người lãnh đạo anh minh

Thân đoạn: Nêu dẫn chứng

Kết đoạn: Cảm nghĩ của bản thân

***Báo cáo kết quả**

-Hs: nộp sản phẩm

***Đánh giá kết quả**

- Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá .

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

ÔN TẬP PHẦN TẬP LÀM VĂN

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS hệ thống hóa các kiến thức và kĩ năng tập làm văn đã học trong năm học. Nắm chắc khái niệm và biết cách làm bài văn nl. Biết cách kết hợp miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự và kết hợp miêu tả, biểu cảm và tự sự vào bài văn nghị luận.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản

- HS có kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức. Năng lực huy động kiến thức để tạo lập VB.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi kiến thức về tập làm văn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học, sgk, tltk

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.

- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b. Nội dung: kiến thức tập làm văn đã học

- Hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm: Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện

*Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu:

? Hãy kể tên các thể loại tương ứng với phương thức biểu đạt đã học trong chương trình ngữ văn 8?

- Học sinh tiếp nhận

*Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

* Dự kiến sản phẩm: Tự sự, thuyết minh, nghị luận, điều hành (tường trình, thông báo)

*Báo cáo kết quả

-GV: gọi hs trả lời

-Hs: trả lời

*Đánh giá kết quả

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Tiết học hôm nay chúng ta cùng hệ thống lại các kiến thức về Tập làm văn đã học trong chương trình Ngữ văn 8.

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học

2. HOẠT ĐỘNG ÔN, LUYỆN TẬP

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p>Hoạt động 1 : Tính thống nhất của văn bản</p> <p><i>a. Mục tiêu:</i></p> <p>- củng cố các kiến thức về tính thống nhất của chủ đề vb.</p> <p>- Rèn kỹ năng viết đoạn văn theo chủ đề.</p>	I. Tính thống nhất của văn bản

b. Nội dung: ôn tập tính thống nhất của văn bản

c. Sản phẩm:

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

d. Tổ chức thực hiện

***Chuyển giao nhiệm vụ 1:**

Hoạt động cặp đôi.

- Giáo viên yêu cầu:

? Thế nào là tính thống nhất của một văn bản

? Thể hiện rõ nhất ở đâu? Tính thống nhất của chủ đề được thể hiện như thế nào có tác dụng gì?

- Học sinh tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

* Dự kiến sản phẩm:

+ Tính thống nhất của văn bản thể hiện trong chủ đề, trong tính thống nhất của chủ đề văn bản

+ Chủ đề văn bản là chủ đề chủ chốt, là đối tượng chính mà văn bản biểu đạt

+ Tính thống nhất về chủ đề xác định, không xa rời, lạc sang chủ đề khác, thể hiện ở sự mạch lạc trong liên kết giữa các phần, các đoạn trong 1 văn bản. Tình cảm đều tập chung làm sáng tỏ, nổi bật chủ đề của văn bản.

***Báo cáo kết quả**

-GV: gọi đại diện các cặp đôi trả lời

-Hs: trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

***Chuyển giao nhiệm vụ 2:**

Hoạt động cá nhân.

- Tính thống nhất về chủ đề: không xa rời, lạc sang chủ đề khác, thể hiện ở sự mạch lạc trong liên kết giữa các phần, các đoạn trong 1 văn bản.

II. Văn bản tự sự

<p>- Giáo viên yêu cầu: ? Viết thành đoạn văn từ mỗi câu chủ đề sau: + <i>Em rất thích đọc sách...</i> + <i>Mùa hè thật hấp dẫn...</i></p> <p>- Học sinh tiếp nhận</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết:</p> <p>G/v yêu cầu h/s viết, đọc đoạn văn theo yêu cầu của bài tập 2</p> <p>Có thể viết theo cách quy nạp hoặc diễn dịch.</p> <p>+Đ1: những câu văn kế tiếp phải xoay quanh và phát triển ý chủ chốt sự ham thích đọc sách của em.</p> <p>+ Đ2: những câu văn phải xoay quanh chủ đề sự hấp dẫn của mùa hè: hấp dẫn như thế nào, với những ai, với em?</p> <p>* Dự kiến sản phẩm: đoạn văn</p> <p>*Báo cáo kết quả</p> <p>-GV: gọi hs đọc đoạn văn</p> <p>-Hs: trả lời</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>Hoạt động 2 : Văn bản tự sự</p> <p>a. Mục tiêu:</p> <p>- Củng cố các kiến thức về văn bản tự sự,</p> <p>- Rèn kĩ năng tóm tắt vb tự sự.</p> <p>b. Nội dung: kiến thức văn tự sự</p> <p>c. Sản phẩm:</p> <p>- Trình bày miệng</p> <p>d. Tổ chức thực hiện</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ 1:</p> <p>- Giáo viên yêu cầu: ? Tóm tắt văn bản tự sự để làm gì? ? H/s nhắc lại cách tóm tắt một văn bản tự sự? ? Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm có tác dụng như thế nào?</p>	<p>+ Mục đích của việc tóm tắt văn bản tự sự:</p> <p>- Ghi lại trng thành, chính xác, những nội dung chính của một văn bản nào đó để người chưa đọc nắm được văn bản ấy.</p> <p>+ Muốn tóm tắt văn bản tự sự cần:</p>
---	---

<p>? Viết (nói) đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm cần chú ý những gì?</p> <p>- Học sinh tiếp nhận</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>+ Tóm tắt văn bản tự sự giúp người đọc dễ dàng nắm bắt được nội dung chủ yếu, hoặc tạo cơ sở cho việc tìm hiểu, phân tích, bình giá</p> <p>+ Muốn tóm tắt văn bản tự sự có hiệu quả cần: đọc thật kĩ, nhiều lần tác phẩm, phát hiện các đoạn mạch, các chi tiết chính, kể (viết) lại bằng lời của mình</p> <p>+ Không bao giờ có kể chuyện đơn thuần.</p> <p>Các yếu tố này làm cho câu chuyện, sự việc và nhân vật thêm cụ thể, sinh động.</p> <p>+ Phải chú ý: tự sự là phương thức biểu đạt chính, miêu tả và biểu cảm chỉ là yếu tố phụ trợ.</p> <p>*Báo cáo kết quả</p> <p>-GV: gọi hs trả lời</p> <p>-Hs: trả lời</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bản</p> <p>Hoạt động 3 : Văn bản thuyết minh</p> <p>a. Mục tiêu:</p> <p>- củng cố các kiến thức về vb thuyết minh.</p> <p>- Rèn kĩ năng lập bố cục của 1 bài văn thuyết minh.</p> <p>b. Nội dung: kiến thức văn thuyết minh</p> <p>c. Sản phẩm:</p> <p>- Trình bày miệng</p> <p>d. Tổ chức thực hiện</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ 1:</p> <p>Hoạt động nhóm.</p>	<p>- Đọc kĩ để hiểu đúng chủ đề của TP</p> <p>- Xác định ND chính cần tóm tắt</p> <p>- Sắp xếp các nội dung chính theo một thứ tự hợp lí</p> <p>- Viết văn bản tóm tắt</p> <p>+ Tác dụng của tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm:</p> <p>- Làm cho việc kể chuyện trở nên sinh động sâu sắc hơn, nhân vật, sự việc thêm cụ thể, sinh động</p> <p>+ Chú ý khi sử dụng: ko nên lạm dụng yếu tố MT, BC</p> <p>III. Văn bản thuyết minh</p> <p>* Tính chất, lợi ích của văn bản thuyết minh:</p> <p>- Tính tri thức, khách quan, thực dụng, hữu</p>
--	---

<p>- Giáo viên yêu cầu:</p> <p>a. Văn bản thuyết minh có tính chất như thế nào và có những lợi ích gì? Hãy nêu các văn bản thuyết minh thường gặp trong cuộc sống hàng ngày?</p> <p>b. Muốn làm văn bản thuyết minh, trước tiên cần phải làm gì? Vì sao phải làm như vậy? Hãy cho biết những phương pháp cần dùng để làm văn bản thuyết minh?</p> <p>c. Hãy cho biết bố cục thường gặp khi làm một bài thuyết minh về ...?</p> <p>- Học sinh tiếp nhận</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>a. Thuyết minh là giới thiệu, trình bày một đối tượng nào đó cho người hiểu đúng, hiểu rõ một cách trung thực, khách quan, khoa học</p> <p>+ VD: thuyết minh về người, hiện tượng tự nhiên, xã hội danh lam thắng cảnh, đồ vật, phương pháp, cách làm...</p> <p>b. + Phải có kiến thức về đối tượng. Vì như vậy thuyết minh mới chính xác.</p> <p>+ Có các phương pháp thuyết minh : Miêu tả, giải thích, so sánh, thống kê, nêu ví dụ, phân tích, phân loại...</p> <p>c. Bố cục:</p> <p>- MB: giới thiệu khái quát đối tượng</p> <p>- TB: giới thiệu chi tiết:</p> <p>+ Hình dáng bên ngoài</p> <p>+ Cấu tạo bên trong.</p> <p>+ Cách dùng...</p> <p>- KB: khái quát lại công dụng...</p> <p>Với bài cách làm:</p> <p>- Nguyên vật liệu.</p> <p>- Cách làm</p> <p>*Báo cáo kết quả</p> <p>-GV: gọi đại diện các cặp đôi trả lời</p> <p>-Hs: trả lời</p>	<p>ích</p> <p>- Tác dụng: cung cấp tri thức về các hiện tượng & sự vật trong tự nhiên, XH</p> <p>* Các VB TM thường gặp:</p> <p>- TM về đồ dùng - TM về Di tích LS, DLTC</p> <p>- TM(giới thiệu) về 1 tác giả, về 1 nhân vật</p> <p>- TM 1 tác phẩm, 1 thể loại, - TM về động thực vật (cây, con)</p> <p>- TM về 1 hiện tượng tự nhiên, XH</p> <p>+ Muốn làm được văn bản thuyết minh cần: phải nghiên cứu, tìm hiểu sự vật hiện tượng cần thuyết minh, nắm được bản chất, đặc trưng của đối tượng cần thuyết minh. Vì văn bản thuyết minh đòi hỏi tính khách quan, tri thức.</p> <p>+ Các phương pháp thuyết minh:</p> <p>- Nêu định nghĩa, giải thích</p> <p>- Liệt kê</p> <p>- Nêu ví dụ - Dùng số liệu</p> <p>- So sánh đối chiếu</p> <p>- Phân loại, phân tích</p> <p>* Bố cục khi làm bài văn thuyết minh.</p> <p>- MB: giới thiệu khái quát đối tượng</p> <p>- TB: giới thiệu chi tiết:</p> <p>+ Nguồn gốc</p> <p>+ Cấu tạo</p> <p>+ Công dụng</p> <p>+ Cách dùng, bảo quản...</p> <p>- KB: khái quát ý nghĩa đối tượng..</p> <p>(* Với dạng bài cách làm:</p> <p>- Nguyên vật liệu.</p> <p>- Cách làm</p> <p>- Yêu cầu thành phẩm)</p>
---	---

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá: Yêu cầu thành phẩm Yêu cầu h/s nhắc lại các kiểu đề tài thuyết minh và trình bày khái quát từng kiểu bài (đã học)
- > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

3. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: viết được 1 bài văn thuyết minh

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ:**

?Viết 1 bài văn thuyết minh giới thiệu 1 danh lam thắng cảnh ở địa phương em?

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà
- Giáo viên: yêu cầu thời hạn làm bài của hs. Thời gian làm 2 ngày ra vở soạn và thu lại cho gv

* Dự kiến sản phẩm: Bài văn thuyết minh 1 danh lam thắng cảnh ở địa phương cần trình bày được các tri thức về đối tượng như:

+Vị trí

+Lịch sử hình thành (nguồn gốc)

+Cấu trúc

+Hoạt động

+Bảo vệ, tôn tạo.

***Báo cáo kết quả**

-Hs: nộp sản phẩm

***Đánh giá kết quả**

- Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá .
- Giáo viên nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.
- Chuẩn bị bài:

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

Thời gian thực hiện: 1 tiết

ÔN TẬP PHẦN TẬP LÀM VĂN (Tiếp)

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS hệ thống hóa các kiến thức và kỹ năng tập làm văn đã học trong năm học. Nắm chắc khái niệm và biết cách làm bài văn nl. Biết cách kết hợp miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự và kết hợp miêu tả, biểu cảm và tự sự vào bài văn nghị luận.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản
- HS có kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức. Năng lực huy động kiến thức để tạo lập VB.

3. Phẩm chất: HS có ý thức trau dồi kiến thức về tập làm văn.

- Có ý thức tích cực, chăm chỉ học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học, sgk, tltk

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.
- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

-Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b. Nội dung: kể tên các PTBD tương ứng với các văn bản đã học

c. Sản phẩm:

- Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu:

? Hãy kể tên các thể loại tương ứng với phương thức biểu đạt đã học trong chương trình ngữ văn 8?

- Học sinh tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

* Dự kiến sản phẩm: Tự sự, thuyết minh, nghị luận, điều hành (tường trình, thông báo)

***Báo cáo kết quả**

-GV: gọi hs trả lời

-Hs: trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Hôm nay chúng ta tiếp tục ôn tập phần TLV, khái quát những điểm giống và khác giữa các loại văn bản...
- >Giáo viên nêu mục tiêu bài học

2. HOẠT ĐỘNG ÔN, LUYỆN TẬP

[illegible]

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Hoạt động 2 : Văn bản điều hành:

a. Mục tiêu:

- củng cố các kiến thức kĩ năng về vb điều hành.

b. Nội dung: kiến thức văn bản điều hành

c. Sản phẩm:

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.
- Giáo viên đánh giá.

d. Tổ chức thực hiện

***Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hoạt động cặp đôi.

- Giáo viên yêu cầu:

? Thế nào là văn bản tường trình, VB thông báo

? Phân biệt mục đích cách viết 2 loại văn bản này

- Học sinh tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ
- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

* Dự kiến sản phẩm:

+ Phân biệt:

*Mục đích:

- TT: nhằm trình bày để mọi người hiểu đúng bản chất của SV

- TB: truyền đạt nội dung yêu cầu từ cấp trên xuống cấp dưới

trong bài văn nghị luận

+ Luận cứ: lí lẽ, dẫn chứng, căn cứ để giải thích, chứng minh làm rõ luận điểm.

+ Lập luận: cách nêu, sắp xếp luận cứ để dẫn tới luận điểm

+ Sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn nghị luận:

- cần kết hợp linh hoạt, sáng tạo các yếu tố Tự sự, miêu tả, biểu cảm.

- Giúp bài văn nghị luận trở nên cụ thể, sinh động, gợi cảm hơn, có sức thuyết phục mạnh mẽ hơn

V. Văn bản điều hành:

+ Văn bản tường trình

+ Văn bản thông báo

+ Phân biệt:

Mục đích:

- TT: nhằm trình bày để mọi người hiểu đúng bản chất của SV

- TB: truyền đạt nội dung yêu cầu từ cấp trên xuống cấp dưới

Cách viết:

- Giống: trình bày trang trọng rõ ràng, bố cục 3 phần bắt buộc: thể thức mở đầu, nội dung cụ thể, thể thức kết thúc.

- Khác: +Thể thức mở đầu thông báo: trình bày tên đơn vị & cơ quan trực thuộc

Tường trình: Không cần

+ Thể thức kết thúc: Thông báo có nơi gửi, Tường trình có lời cam đoan của người viết Tường trình

***Cách viết:**

- Giống: trình bày trang trọng rõ ràng, bố cục 3 phần bắt buộc: thể thức mở đầu, nội dung cụ thể, thể thức kết thúc.

- Khác: Thể thức mở đầu thông báo: trình bày tên đơn vị & cơ quan trực thuộc

Tường trình: Không cần

Thể thức kết thúc: Thông báo có nơi gửi,

Tường trình có lời cam đoan của người viết
Tường trình

***Báo cáo kết quả**

-GV: gọi đại diện các cặp đôi trả lời

-Hs: trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Nội dung: cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

4. Phương án kiểm tra, đánh giá:

-Hs: đánh giá lẫn nhau

-GV: đánh giá hs

d. Tổ chức thực hiện:

***Chuyển giao nhiệm vụ:**

?Viết 1 đoạn văn thuyết minh trình bày luận điểm: Học phải đi đôi với hành?

- Học sinh tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà

- Giáo viên: yêu cầu thời hạn làm bài của hs. Thời gian làm 2 ngày ra vở soạn và thu lại cho gv

* Dự kiến sản phẩm: Đoạn văn trình bày luận điểm theo cách quy nạp hoặc diễn dịch.

***Báo cáo kết quả**

-Hs: nộp sản phẩm

***Đánh giá kết quả**

- Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá .

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

HOẠT ĐỘNG 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG, SÁNG TẠO (01P)

a. *Mục tiêu*: tìm hiểu kỹ hơn về đặc điểm của thể loại văn bản tự sự, thuyết minh

b. *Nội dung*: hiểu biết các văn bản nghị luận và hành chính

c. *Sản phẩm*: hs trả lời ra vở soạn

d. *Tổ chức thực hiện*:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Suu tâm các bài văn nghị luận và hành chính mẫu mực và tham khảo.

***Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà

- Học sinh tiếp nhận

***Báo cáo kết quả**

-Hs: trả lời ra vở soạn văn

***Đánh giá kết quả**

- Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá .

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Ôn bài theo hệ thống

- Chuẩn bị giấy bút tiết sau Kt tổng hợp

Tuần 34:

Ngày soạn:

Ngày dạy

KIỂM TRA HỌC KÌ II**I/ MỤC TIÊU:**

1. Kiến thức: Có điều kiện để vận dụng những kiến thức đã học môn Ngữ văn ở HK II để làm bài kiểm tra HK có chất lượng. Giúp GV đánh giá được chất lượng học tập của HS để năm sau có sự điều chỉnh phương pháp dạy – học phù hợp.

2. Năng lực: Rèn cho HS có năng làm bài kiểm tra HK, rèn kỹ năng trình bày, diễn đạt, thể hiện sự hiểu biết của mình.

3. Phẩm chất: HS có ý thức nghiêm túc trong kiểm tra, thi cử. Năng lực huy động kiến thức và trình bày bài kiểm tra HK.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Chuẩn bị của giáo viên: Soạn giáo án, tham khảo tài liệu. Ra đề, biểu đ chấm

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn tập, kiểm tra

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**Phần I. MA TRẬN ĐỀ**

Mức độ NLĐG	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng số
I. Đọc –	Nêu được tên tác giả, tác	Chỉ ra và nêu được tác dụng	Lí giải về một vấn đề đặt ra trong đoạn ngữ		

hiểu Ngữ liệu: Văn bản văn học	phẩm, hoàn cảnh st của tp.	của biện pháp tu từ trong ngữ liệu đưa ra	liệu.		
			Viết được một đoạn văn: rút ra bài học từ nội dung của ngữ liệu.	.	
<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>	<i>1</i> <i>0,75</i>	<i>1</i> <i>1,0</i>	<i>2</i> <i>1,25</i>		<i>4</i> <i>3,0</i>
<i>Tỉ lệ</i>	<i>7,5%</i>	<i>10%</i>	<i>12.5%</i>		<i>30%</i>
II. Tạo lập văn bản			Viết đoạn văn về vấn đề gợi ra từ ngữ liệu Đọc - hiểu	Viết một bài văn nghị luận, liên hệ đến một vấn đề trong cuộc sống.	
<i>Số câu</i> <i>Số điểm</i>			<i>1</i> <i>2,0</i>	<i>1</i> <i>5,0</i>	<i>2</i> <i>7,0</i>
<i>Tỉ lệ</i>			<i>20%</i>	<i>50%</i>	<i>70%</i>
Tổng số câu Tổng số điểm	1 <i>0,75</i>	1 <i>0,75</i>	3 3,5	1 5,0	6 10,0
Tỉ lệ % điểm toàn bài	7,5%	7,5%	35%	50%	100%

Phần II. Đề bài**I: Đọc hiểu: (4 điểm) Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi**

"Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ cảm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng."

- Đoạn văn trên trích từ văn bản nào, tác giả là ai? Văn bản có đoạn văn trên được sáng tác trong hoàn cảnh nào? (0,75 điểm)
- Nêu nội dung chính của đoạn trích trên? (0,5 điểm)
- Hai câu văn trong đoạn văn trên thuộc kiểu câu gì? Thực hiện hành động nói nào? (1 điểm)

4. Từ nội dung đoạn văn trên em rút ra được bài học gì cho mình trong cuộc sống ?(Viết thành 1 đoạn văn khoảng 4 - 6 câu)(0,75đ)

II: Làm văn (6 điểm)

Câu 1. Từ vấn đề gợi ra trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết 1 đoạn văn ngắn từ 5- 7 câu nêu cảm nghĩ của em về lòng yêu nước ngày nay? Là học sinh em sẽ làm gì để thể hiện lòng yêu nước của mình? (2 điểm)

Câu 2: Hãy nói không với tệ nạn ma túy.

Phần III: Đáp án, biểu điểm.

Phần I: Đọc hiểu: (3 điểm)

1. Đoạn văn trên trích từ văn bản "Hịch tướng sĩ" (0,25 điểm), tác giả Trần Quốc Tuấn (0,25 điểm). Hoàn cảnh sáng tác: khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ 2 (1285) (0,25 điểm).

2. Nội dung của đoạn trích trên: thể hiện lòng yêu nước căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn: đau xót trước cảnh tình đất nước, quên ăn, mất ngủ chỉ căm tức, uất ức vì chưa trả được thù, sẵn sàng hi sinh để rửa mối nhục cho đất nước. (1 điểm).

3. - Hai câu trong đoạn văn trên thuộc kiểu câu trần thuật(0,5 điểm), thực hiện hành động bộc lộ cảm xúc (0,5 điểm).

4. * HS có thể rút ra một số bài học sau(0,5 điểm):

- Phải biết trân trọng cuộc sống đang có...
- Phải biết ơn những người đã hi sinh để cho mình có cuộc sống như ngày nay...
- Phải sống có ý nghĩa, biết mơ ước, biết phấn đấu, hi sinh vì mọi người, vì đất nước...

* Viết đúng yêu cầu một đoạn văn, diễn đạt đúng, lưu loát,... (0,25 điểm).

Phần II: Làm văn (7 điểm)

Câu 1(2,0 điểm).

1. Yêu cầu kỹ năng(0,5 điểm): Biết cách làm đoạn văn trình bày cảm nghĩ. Bố cục rõ ràng, biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.

2. Yêu cầu về kiến thức(1,5 điểm):

- Nêu được các suy nghĩ về lòng yêu nước ngày nay, trong thời bình được thể hiện như thế nào...(0,75 điểm)

- Những việc làm thể hiện lòng yêu nước của mình.....(0,75 điểm):

Câu 2:(5,0 điểm).

1. Yêu cầu về kỹ năng (0,5 điểm):

- Viết thành một bài văn hoàn chỉnh.
- Diễn đạt: rõ ràng, lưu loát.
- Dùng từ, dùng dấu câu phù hợp và chính xác.
- Viết đúng chính tả.
- Trình bày đúng quy định, chữ viết sạch đẹp.
- Đảm bảo bố cục 3 phần.
- Nắm vững các thao tác làm bài văn nghị luận

2. Yêu cầu về nội dung(4,5 điểm):

a. Mở bài : (0,5 điểm)

- GT vấn đề cần nghị luận.

b. Thân bài: (3,5 điểm)

*Giải thích: Ma túy là 1 loại thuốc kích thích gây hưng phấn, noc khiến con người phụ thuộc vào nó và trở thành con nghiện... (0,5 điểm)

*Nguyên nhân: do đua đòi, do bị lôi kéo,... (0,5 điểm)

*Thực trạng: số người nghiện ma túy ngày càng tăng, ở mọi lứa tuổi, thành phần xã hội.... (0,5 điểm)

*Tác hại:

- Với bản thân người nghiện.... (0,5 điểm)

- Với gia đình người nghiện..... (0,5 điểm)

- Với xã hội.... (0,5 điểm)

*Giải pháp: (0,5 điểm)

- Hiểu rõ tác hại và sự nguy hiểm của ma túy để phòng tránh.

- Không giao du với người nghiện ma túy. Cảnh giác đề phòng với sự rủ rê, lôi kéo ...

- Tuyên truyền mọi người tránh xa ma túy

- Có lối sống lành mạnh, học tập, rèn luyện sức khỏe...

c. Kết bài: (0,5 điểm)

- KĐ lại vấn đề.

- Nhận thức, hành động của bản thân, lời khuyên...

VĂN BẢN THÔNG BÁO

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Những tình huống cần viết văn bản thông báo , đặc điểm của văn bản thông báo và biết cách làm văn bản thông báo đúng quy cách .

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- Có ý thức tích cực, chăm chỉ học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học, sgk, tltk

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.
- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b. Nội dung: hiểu biết về văn bản hành chính của HS

c. Sản phẩm:

- Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện

*Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu:

? Hãy kể tên các thể loại văn bản hành chính công vụ đã được học ở các lớp dưới?

- Học sinh tiếp nhận

*Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

* Dự kiến sản phẩm: Đề nghị, Báo cáo, đơn từ ...

*Báo cáo kết quả

- GV: gọi hs trả lời

- Hs: trả lời

*Đánh giá kết quả

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Tiết học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu thêm một thể loại trong văn bản hành chính công vụ đó là văn bản thông báo . Vậy thể thức viết một văn bản thông báo ntn cô sẽ hướng dẫn cho các em trong tiết học này.>Giáo viên nêu mục tiêu bài học

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
Hoạt động 1 : Đặc điểm chung của văn bản thông báo. a. Mục tiêu: - Củng cố các kiến thức về tính thống nhất của chủ đề vb. - Rèn kĩ năng viết đoạn văn theo chủ đề. b. Nội dung: - Hoạt động cặp đôi. - Hoạt động cá nhân. c. Sản phẩm:	I. Đặc điểm của văn bản thông báo : 1 – Ví dụ :

- Trình bày miệng

d. Tổ chức thực hiện

***Chuyển giao nhiệm vụ 1:**

Hoạt động cặp đôi.

-Giáo viên yêu cầu:

Cho hs đọc 2 văn bản thông báo sgk /140

? Trong văn bản trên ai là người thông báo ,ai là người nhận thông báo ,mục đích thông báo là gì .

- Học sinh tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên:quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

* Dự kiến sản phẩm:

- Văn bản 1:

+ Người thông báo là hiệu trưởng (phó hiệu trưởng thay mặt) .Người nhận thông báo là gvcn và lớp trưởng các lớp

+ Mục đích : Giúp các lớp nắm được mục đích , ý nghĩa kế hoạch duyệt văn nghệ để thực hiện đúng lịch ,có hiệu quả

- Văn bản 2 :

+ Người thông báo là liên đội trưởng .Người nhận là các chi đội

+Mục đích : Giúp các chi đội nắm được chủ trương kế hoạch Đại hội liên đội

***Báo cáo kết quả**

-GV: gọi đại diện các cặp đôi trả lời

-Hs:trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

***Chuyển giao nhiệm vụ 2:**

Hoạt động cá nhân.

-Giáo viên yêu cầu:

? Tại sao đối tượng nhận thông báo 2 văn bản trên là giáo viên chủ nhiệm và hs mà ko phải là những người khác .

- Những người có liên quan ,quan tâm đến nội dung cần thông báo

? Nội dung thông báo ở 2 văn bản là gì .

2 - Nhận xét :

Văn bản thông báo : Truyền đạt những thông tin cụ thể từ phía cơ quan , đoàn thể ,tổ chức cho những người dưới quyền hoặc những người quan tâm đến nội dung thông báo được biết để thực hiện

GV : 2 văn bản trên gọi là văn bản thông báo

?Vậy văn bản thông báo là gì.

Vd :

Thông báo: - Kế hoạch lao động

- Lịch thi ,lịch nghỉ hè ,nghỉ tết

- Thời gian làm việc mùa hè ,mùa đông

? Nhận xét thể thức của 2 văn bản thông báo (nội dung ,quy định ,thời gian , địa điểm được nêu trong văn bản thông báo)

1. Cụ thể ,chính xá

Hoạt động 2 : Cách làm văn bản thông báo.

a. Mục tiêu:

- củng cố các kiến thức về văn bản thông báo,

- Rèn kĩ năng viết văn bản thông báo.

b. Nội dung:

- Hoạt động chung cả lớp.

c. Sản phẩm:

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

d. Tổ chức thực hiện

***Chuyển giao nhiệm vụ 1:**

- Giáo viên yêu cầu:

Gv : Đọc các tình huống trong sgk 142

? Trong các tình huống trên tình huống nào phải viết thông báo . Nếu viết thì ai là người thông báo và thông báo cho ai .

?Những mục nào bắt buộc phải có trong 2 văn bản thông báo .

? Các mục ấy được trình bày như thế nào .

- Học sinh tiếp nhận

***Báo cáo kết quả**

-GV: gọi hs trả lời

-Hs:trả lời

a)Viết tường trình (cơ quan công an)

b ,c) Viết thông báo

- Người viết : Hiệu trưởng ,phó hiệu trưởng (b) liên đội trưởng (c)

- Người nhận : + Gv và hs

+ Các chi đội TNTPHCM toàn trường

Quan sát 2 văn bản thông báo

-Văn bản thông báo cho biết ai thông báo ,thông báo cho ai ,nội dung công việc ,quy định ,thời gian , địa điểm ,cụ thể ,chính xác.

II . Cách làm văn bản thông báo .

1. Tình huống cần làm văn bản thông báo .

2. Cách làm văn bản thông báo

Phải tuân thủ thể thức hành chính ,có ghi tên cơ quan ,số công văn ,quốc hiệu tiêu ngữ ,tên văn bản ,ngày tháng ,người nhận , người thông báo, chức vụ người thông báo

* Ghi nhớ /sgk

<p>*Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi 	củng cố :
---	-----------

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. *Mục tiêu:* HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. *Nội dung:* viết văn bản hoàn chỉnh

c. *Sản phẩm:* Câu trả lời của HS

d. *Tổ chức thực hiện:*

***Chuyển giao nhiệm vụ:**

?Viết 1 văn bản thông báo về việc họp phụ huynh của lớp.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà

- Giáo viên: yêu cầu thời hạn làm bài của hs. Thời gian làm 2 ngày ra vở soạn và thu lại cho gv

* Dự kiến sản phẩm: Viết đúng thể thức của một văn bản thông báo đã học.

***Báo cáo kết quả**

-Hs: nộp sản phẩm

***Đánh giá kết quả**

- Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá .

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (01P)

a. *Mục tiêu:* tìm hiểu kỹ hơn về thể thức của văn bản thông báo.

b. *Nội dung:* sưu tầm các văn bản thông báo

c. *Sản phẩm:* hs trả lời

d. *Tổ chức thực hiện:*

***Chuyển giao nhiệm vụ**

- Sưu tầm các văn bản thông báo, chuẩn mẫu đọc và tham khảo.

***Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà

***Báo cáo kết quả**

-Hs: trả lời ra vở soạn văn

***Đánh giá kết quả**

- Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá .

- Giáo viên nhận xét, đá

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

Tiết:

Ngày soạn: / /2021

Ngày giảng: / /2021

LUYỆN TẬP LÀM VĂN BẢN THÔNG BÁO

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Kiến thức chung:

+ củng cố lại những hiểu biết và rèn kỹ năng về văn bản hành chính;

+ Biết viết được một loại văn bản hành chính phù hợp.

- Kiến thức trọng tâm:

+ Hệ thống kiến thức về văn bản hành chính.

+ Mục đích, yêu cầu cấu tạo của văn bản thông báo.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- GD HS có ý thức trung thực khi viết VBTTB 2. *Kỹ năng*

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học, sgk, tltk

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.

- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (3P)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài

b. Nội dung:

- Hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm:

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

*d. Tổ chức thực hiện****Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên yêu cầu:

? Hãy kể tên các thể loại văn bản hành chính công vụ đã được học ở các lớp dưới?

- Học sinh tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

* Dự kiến sản phẩm: Đề nghị, Báo cáo, đơn từ ...

***Báo cáo kết quả**

-GV: gọi hs trả lời

-Hs: trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Tiết học hôm nay chúng ta cùng hệ thống hóa lại các kiến thức về văn bản thông báo đã học ở tiết trước.

->Giáo viên nêu mục tiêu bài học

2. HOẠT ĐỘNG Củng cố KIẾN THỨC

Hoạt động của thầy và trò	Chuẩn KTKN cần đạt
<p><i>a. Mục tiêu:</i></p> <p>- Củng cố các kiến thức về văn bản thông báo.</p> <p>- Rèn kỹ năng viết văn bản thông báo.</p> <p><i>b. Nội dung:</i> kiến thức về văn bản báo cáo</p> <p><i>c. Sản phẩm:</i></p> <p>- Trình bày miệng</p> <p><i>d. Tổ chức thực hiện</i></p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ 1:</p> <p>Hoạt động cặp đôi.</p> <p>-Giáo viên yêu cầu:</p> <p>? Thế nào là văn bản thông báo?</p> <p>? Thể thức viết văn bản thông báo?</p> <p>- Học sinh tiếp nhận</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>I. Ôn tập lý thuyết</p> <p>Câu 1 (SGK-148)</p> <p>- Tình huống cần viết VBTB: Cấp trên hoặc tổ chức, cơ quan, đảng, nhà nước cần báo cho cấp dưới hoặc nhân dân biết về một vấn đề, chủ trương, chính sách, việc làm...</p> <p>2. Nội dung và thể thức của VBTB</p> <p>- Nội dung: Gồm 3 phần</p> <p>- VBTB tuân thủ theo thể thức hành chính: Có ghi tên cơ quan, số công văn, quốc hiệu, tiêu ngữ, tên VB, ngày tháng làm VB, người nhận, người thông báo, chức vụ người thông báo thì mới có hiệu lực.</p> <p>- ND VBTB thường là: các VB của nhà</p>

<p>- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>Văn bản thông báo : Truyền đạt những thông tin cụ thể từ phía cơ quan , đoàn thể ,tổ chức cho những người dưới quyền hoặc những người quan tâm đến nội dung thông báo được biết để thực hiện</p> <p>-Văn bản thông báo cho biết ai thông báo ,thông báo cho ai ,nội dung công việc ,quy định ,thời gian , địa điểm ,cụ thể ,chính xác.</p> <p>Phải tuân thủ thể thức hành chính ,có ghi tên cơ quan ,số công văn ,quốc hiệu tiêu ngữ ,tên văn bản ,ngày tháng ,người nhận , người thông báo, chức vụ người thông báo</p> <p>*Báo cáo kết quả</p> <p>-GV: gọi đại diện các cặp đôi trả lời</p> <p>-Hs: trả lời</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ 2:</p> <p>Hoạt động cá nhân.</p> <p>-Giáo viên yêu cầu:</p> <p>? Tình huống cần viết VBTB? Ai thông báo và thông báo cho ai?</p> <p>? Nhận xét thể thức của 2 văn bản thông báo (nội dung ,quy định ,thời gian , địa điểm được nêu trong văn bản thông báo)</p> <p>? Nội dung và thể thức của VBTB?</p> <p>? Nội dung của VBTB thường là gì?</p> <p>? VBTB có những mục đích gì?</p> <p>? VBTB và VBTT có những điểm giống và khác nhau ntn?</p>	<p>nước ở cấp cao thông báo với nhân dân về một vấn đề có tầm quan trọng nhất định</p> <p>- VBTB có những mục đích: Cơ quan lãnh đạo cấp trên truyền đạt công việc cho cấp dưới để phổ biến tình hình cho cấp dưới biết và thực hiện</p> <p>3. VBTB và VBTT có những điểm giống và khác nhau:</p> <p>* Giống: đều là VB điều hành chính, tuân theo những phân mục nhất định.</p> <p>* Khác nhau:</p> <p>- VBTB là cấp trên gửi xuống cấp dưới</p> <p>- VBTT là trình bày thiệt hại hay mức độ sự việc xảy ra cần xem xét</p>
--	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. *Mục tiêu:* HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. *Nội dung:* viết hoàn thiện q văn bản báo cáo

c. *Sản phẩm:* Câu trả lời của HS

4. *Phương án kiểm tra, đánh giá:*

-Hs: đánh giá lẫn nhau

-GV: đánh giá hs

d. *Tổ chức thực hiện:*

***Chuyển giao nhiệm vụ:**

?Viết 1 văn bản thông báo về việc họp phụ huynh của lớp.

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: làm việc cá nhân ở nhà

- Giáo viên: yêu cầu thời hạn làm bài của hs. Thời gian làm 2 ngày ra vở soạn và thu lại cho gv

* Dự kiến sản phẩm: Viết đúng thể thức của một văn bản thông báo đã học.

***Báo cáo kết quả**

-Hs: nộp sản phẩm

***Đánh giá kết quả**

- Hs trao đổi với bạn, nx, đánh giá .

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

*** Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG PHẦN TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức :

- Nắm được từ ngữ xưng hô ở địa phương nơi mình đang sinh sống hoặc địa phương khác trong tỉnh

- Thấy được vai trò của việc sử dụng từ xưng hô địa phương trong giao tiếp hằng ngày và trong tác phẩm văn học

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực nghe, nói, đọc, viết, tạo lập văn bản

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Kế hoạch bài học, sgk, tltk

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Ôn bài.

- Chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (3P)</p> <p><i>a. Mục tiêu:</i></p> <p>- Tạo tâm thế hứng thú cho hs tìm hiểu bài</p> <p><i>b. Nội dung:</i></p> <p>- Hoạt động cá nhân.</p> <p><i>c. Sản phẩm:</i></p> <p>- Trình bày miệng</p> <p><i>4. Phương án kiểm tra, đánh giá</i></p> <p>- Học sinh đánh giá.</p> <p>- Giáo viên đánh giá.</p> <p><i>d. Tổ chức thực hiện</i></p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên yêu cầu:</p> <p>? Hãy kể một số từ ngữ địa phương nơi em sinh sống</p> <p>- Học sinh tiếp nhận</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết</p> <p>* Dự kiến sản phẩm:</p> <p>*Báo cáo kết quả</p> <p>-GV: gọi hs trả lời</p> <p>-Hs: trả lời</p> <p>*Đánh giá kết quả</p> <p>- Học sinh khác nhận xét, bổ sung, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét, đánh giá</p> <p>-> Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học: Tiết học hôm nay chúng ta cùng hệ thống các từ ngữ địa phương ở một số địa phương của Hf Nam ta</p> <p>-> Giáo viên nêu mục tiêu bài học</p> <p>*Chuyển giao nhiệm vụ 2:</p> <p>Hoạt động nhóm.</p> <p>-Giáo viên yêu cầu:</p> <p>?Lập bảng từ ngữ địa phương</p>	<p>I.Lập bảng từ ngữ địa phương :</p>

a. Mục tiêu:

- Củng cố các kiến thức về từ ngữ địa phương.

b. Nội dung:

- Hoạt động chung cả lớp.

c. Sản phẩm:

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

*d. Tổ chức thực hiện****Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hoạt động cặp đôi.

- Giáo viên yêu cầu:

? Thế nào là văn bản tường trình, VB thông báo

? Phân biệt mục đích cách viết 2 loại văn bản này

- Học sinh tiếp nhận

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

* Dự kiến sản phẩm:

***Báo cáo kết quả**

-GV: gọi đại diện các cặp đôi trả lời

-Hs: trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bài

Yêu cầu HS kẻ bảng vào vở ghi

B. HOẠT ĐỘNG ÔN, LUYỆN TẬP*a. Mục tiêu:*

- Củng cố các kiến thức, kỹ năng về văn bản thông báo

b. Nội dung:

- Hoạt động cặp đôi.

c. Sản phẩm:

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

*d. Tổ chức thực hiện****Chuyển giao nhiệm vụ:**

VD :

Ngôi thứ hai :

Từ ngữ toàn dân
phương

Từ ngữ địa

Ông Ngoại

Ông cậu

Bà ngoại

Bà cậu

Ông nội

Ông chú

Bà nội

Bà chú

.....

II. Luyện tập :

Hoạt động cặp đôi.

- Giáo viên yêu cầu:

? Tìm các từ xưng hô và cách xưng hô ở địa phương em và ở những địa phương khác mà em biết

***Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ
- Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết

* Dự kiến sản phẩm:

* Luận điểm : Là ý kiến, quan điểm của người viết để làm rõ, song tỏ vấn đề cần bàn luận

- Luận điểm có vai trò quan trọng trong bài văn nghị luận: linh hồn của bài

* Luận cứ : Lí lẽ, dẫn chứng, căn cứ để giải thích, chứng minh luận điểm

+ Lập luận: cách nêu, sắp xếp luận cứ để dẫn tới luận điểm

***Báo cáo kết quả**

-GV: gọi đại diện các cặp đôi trả lời

-Hs: trả lời

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

-> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng

Chuyển giao nhiệm vụ 2:

a. Mục tiêu:

- Cùng cố các kiến thức, kĩ năng về văn bản thông báo

b. Nội dung:

- Hoạt động theo nhóm.

c. Sản phẩm:

- Trình bày miệng

4. Phương án kiểm tra, đánh giá

- Học sinh đánh giá.

- Giáo viên đánh giá.

d. Tổ chức thực hiện

***Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hoạt động cặp đôi.

Giáo viên yêu cầu: ? Đọc bài tập

? Đồng tình với cách xưng hô nào ? vì sao?

HS : đồng tình với cách xưng hô : bạn – mình.

1. Bài 1 :

- Các từ xưng hô trong các đoạn trích trên : u, tôi, con, moi

- Từ địa phương : u

- Từ toàn dân : tôi, con

- Từ “ mợ” là từ không thuộc lớp từ địa phương, cũng không phải từ toàn dân

<p>Vì nó lịch sự, tế nhị và gần gũi ? Cách xưng hô của em với các bạn hiện nay như thế nào ? em có nhận xét gì về cách xưng hô đó của mình và các bạn?</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh: tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên: quan sát, giúp đỡ và định hướng cho hs khi cần thiết <p>* Dự kiến sản phẩm: luận cứ để dẫn tới luận điểm</p> <p>*Báo cáo kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> -GV: gọi đại diện các cặp đôi trả lời -Hs: trả lời <p>*Đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá -> Giáo viên chốt kiến thức 	<p>2. Bài 2 :</p> <p>3. Bài 5 :</p>
--	-------------------------------------

TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ II

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức

- Kiến thức chung:
 - + Củng cố lại các kiến thức Ngữ văn đã học.
 - + Tự đánh giá kiến thức, trình độ của mình và so sánh với các bạn trong lớp.
- Kiến thức trọng tâm: Tự đánh giá ưu, nhược điểm trong bài thi.

2. Năng lực:

a. Các năng lực chung:

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

b. Các năng lực chuyên biệt:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

- Giáo dục HS ý thức nghiêm túc nhìn nhận và sửa những lỗi sai.b. Về kĩ năng

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

a. Chuẩn bị của giáo viên: Soạn bài, chấm bài.

b. Chuẩn bị của học sinh: xem lại đáp án bài mình đã làm.

IV. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp: (1P)

2. Kiểm tra bài cũ

- Kiểm tra bài cũ: không kiểm tra

3. Bài mới

Hôm nay cô sẽ trả bài kiểm tra cuối học kì II cho các em, để các em thấy được kết quả và cách đánh giá kiến thức kĩ năng vận dụng trình bày để giải quyết yêu cầu mà bài kiểm tra đưa ra. Đồng thời các em cũng sẽ nhận thấy những mặt mạnh để phát huy và mặt yếu để khắc phục.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
GV y/c HS nhắc lại ND câu hỏi ở trong bài KT cuối học kì II ? Xác định mục đích của từng câu hỏi và cách trả lời? Gọi HS trả lời lại các câu hỏi GV chữa bài theo đáp án tiết 137, 138. GV nhận xét mặt mạnh, yếu trong bài viết của HS	I. Đề bài II. Đáp án và biểu điểm Phần III: Đáp án, biểu điểm. Phần I: Đọc hiểu: (3 điểm) 1. Đoạn văn trên trích từ văn bản "Hịch tướng sĩ" (0,25 điểm), tác giả Trần Quốc Tuấn (0,25 điểm). Hoàn cảnh sáng tác: khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ 2 (1285) (0,25 điểm). 2. Nội dung của đoạn trích trên: thể hiện lòng yêu nước căm thù giặc của Trần Quốc Tuấn: đau xót trước cảnh tình đất nước, quên ăn, mất ngủ chỉ cảm tức, uất ức vì chưa trả được thù, sẵn sàng hi sinh để rửa mối nhục cho đất nước. (1 điểm). 3. - Hai câu trong đoạn văn trên thuộc kiểu câu trần thuật (0,5 điểm), thực hiện hành động bộc lộ cảm xúc (0,5 điểm). 4. * HS có thể rút ra một số bài học sau (0,5 điểm):

<p>HS đọc bài điểm giỏi: HS đọc 1 bài điểm khá: HS đọc 1 bài điểm yếu: GV thống kê một số lỗi trong bài văn của HS và gọi HS sửa HS khác lắng nghe và tự nhận ra sai sót trong bài mình để rút kinh nghiệm cho bài sau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phải biết trân trọng cuộc sống đang có... - Phải biết ơn những người đã hi sinh để cho mình có cuộc sống như ngày nay... - Phải sống có ý nghĩa, biết mơ ước, biết phấn đấu, hi sinh vì mọi người, vì đất nước... <p>* Viết đúng yêu cầu một đoạn văn, diễn đạt đúng, lưu loát,... (0,25 điểm).</p> <p>Phần II: Làm văn (7 điểm)</p> <p>Câu 1(2,0 điểm).</p> <p>1. Yêu cầu kỹ năng(0,5 điểm): Biết cách làm đoạn văn trình bày cảm nghĩ. Bố cục rõ ràng, biết vận dụng, phối hợp nhiều thao tác nghị luận. Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.</p> <p>2. Yêu cầu về kiến thức(1,5 điểm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các suy nghĩ về lòng yêu nước ngày nay, trong thời bình được thể hiện như thế nào...(0,75 điểm) - Những việc làm thể hiện lòng yêu nước của mình.....(0,75 điểm): <p>Câu 2:(5,0 điểm).</p> <p>1. Yêu cầu về kỹ năng (0,5 điểm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết thành một bài văn hoàn chỉnh. - Diễn đạt: rõ ràng, lưu loát. - Dùng từ, dùng dấu câu phù hợp và chính xác. - Viết đúng chính tả. - Trình bày đúng quy định, chữ viết sạch đẹp. - Đảm bảo bố cục 3 phần. - Nắm vững các thao tác làm bài văn nghị luận <p>2. Yêu cầu về nội dung(4,5 điểm):</p> <p>a. Mở bài : (0,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GT vấn đề cần nghị luận.
---	---

b. Thân bài: (3,5 điểm)

*Giải thích: Ma túy là 1 loại thuốc kích thích gây hưng phấn, noc khiến con người phụ thuộc vào nó và trở thành con nghiện... (0,5 điểm)

*Nguyên nhân: do đua đòi, do bị lôi kéo,... (0,5 điểm)

*Thực trạng: số người nghiện ma túy ngày càng tăng, ở mọi lứa tuổi, thành phần xã hội.... (0,5 điểm)

*Tác hại:

- Với bản thân người nghiện.... (0,5 điểm)

- Với gia đình người nghiện..... (0,5 điểm)

- Với xã hội.... (0,5 điểm)

*Giải pháp: (0,5 điểm)

- Hiểu rõ tác hại và sự nguy hiểm của ma túy để phòng tránh.

- Không giao du với người nghiện ma túy. Cảnh giác đề phòng với sự rủ rê, lôi kéo ...

- Tuyên truyền mọi người tránh xa ma túy

- Có lối sống lành mạnh, học tập, rèn luyện sức khỏe...

c. Kết bài: (0,5 điểm)

- KĐ lại vấn đề.

- Nhận thức, hành động của bản thân, lời khuyên...

III. Nhận xét**a. Ưu điểm**

- Đa số HS trả lời đúng y/c của câu hỏi.

- Nhiều bài viết trình bày khá tốt, sạch sẽ.

- Có nhiều bài nghị luận rất thuyết phục, biết kết hợp các yếu tố phụ trợ trong nghị luận.

b. Nhược điểm

- Một số HS chưa đọc kĩ đề bài nên trả lời còn thiếu chính xác.

- Một số ít bài lạc sang thể loại tự sự.

	- Sai chính tả nhiều.				
	III.Trả bài- Chữa lỗi				
	IV. Thống kê kết quả				
	Lớp 8				
	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
	Lớp 8B				
	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém

4. Dặn dò

- Tiếp tục hoàn thiện các câu hỏi và bài văn.
- Ôn tập thường xuyên trong hè.